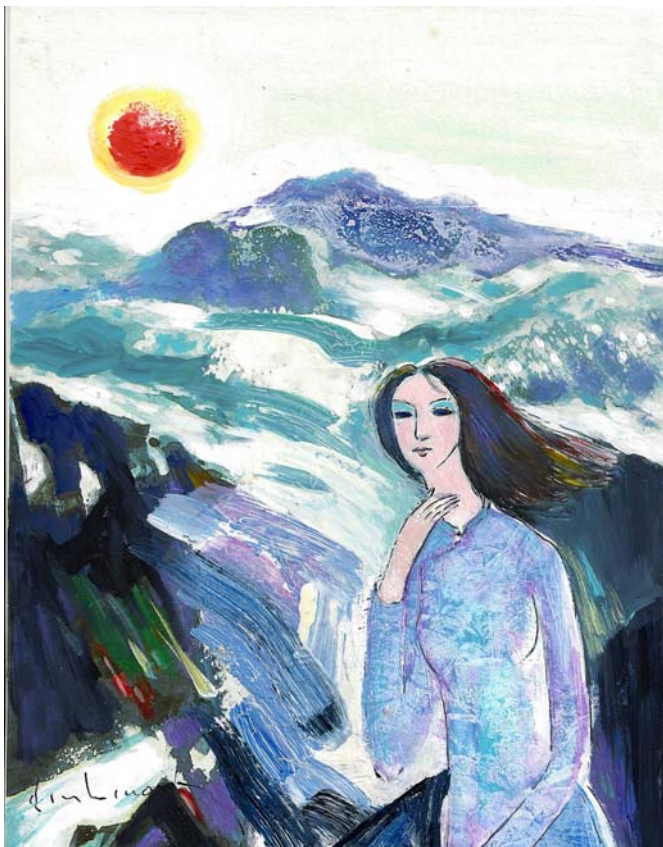
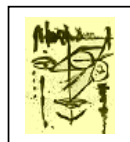


THƯ QUÁN BẢN THẢO

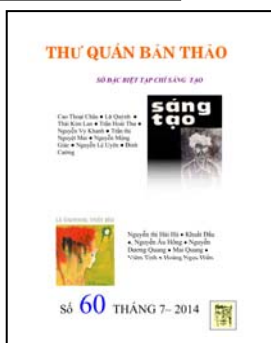
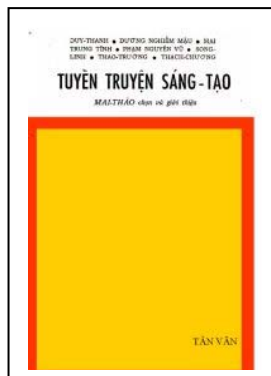
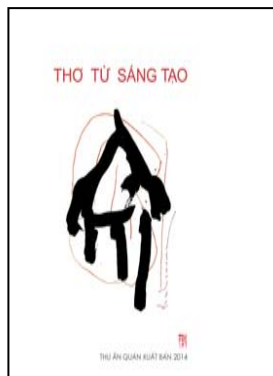
HIỆN TƯỢNG VĂN CHƯƠNG NỮ GIỚI MIỀN NAM



Số 61 THÁNG 10—2014



Các tác phẩm cùng chủ đề tạp chí Sáng Tạo do Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam ấn hành:



- **Thơ từ Sáng Tạo**, gồm thơ của hầu hết tác giả từ số đầu đến số cuối cùng
- **Thảo Luận Sáng tạo**, ghi lại bốn cuộc thảo luận của nhóm ST. (chụp từ bản gốc)
- **Tuyên truyền Sáng Tạo**, do Mai Thảo chọn, và giới thiệu. Chụp lại từ bản gốc.
- **Sáng Tạo – Bộ mới** gồm 7 tập chụp lại từ bản gốc, đóng thành bộ dày 2 inch.
- **Thư Quán bản thảo** số 60 chủ đề tạp chí Sáng Tạo

xin liên lạc :

Trần Hoài Thu
719 Coolidge Street
Plainfield, NJ 07062
Email: tranhoaithu16@gmail.com
Cell: (908)9308743

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật
Năm 14 TẬP 61, THÁNG 10, NĂM 2014

Chủ đề: Hiện tượng văn chương nữ giới miền Nam

Mục lục

Thư tòa soạn /3

Sống và Viết:

Đình Cường (6), Trần Hoài Thư (8) Phạm văn Nhàn (20, 31) Huyền Chiêu(27)Thơ bạn cũ (45)

Phần chủ đề

Trần Hoài Thư: Tóm tắt hiện tượng văn chương nữ giới /55

Đào Huy Đán: Nhìn qua văn đàn nữ giới miền Nam/59

Trần Hoài Thư & Nguyễn Lệ Uyên : phỏng vấn.../71

Nhật Tiến: Nhà văn nữ và hiện tượng sinh hoạt tiểu thuyết năm 1967 /80

Lê Phương Chi phỏng vấn 6 nhà văn nữ /83

Tạp chí Thời Tập phỏng vấn nhà văn Lê Hằng / 95

Tạp chí Văn: Nói chuyện về các nhà văn nữ /98

Nguyễn thị Hải Hà: Nguyễn thị Hoàng – Bơi ngược dòng văn hóa Phụ hệ.../116

Võ Phiến: Trần thị NGH /129

Nguyễn Âu Hồng: Đọc truyện ngắn Lòng Trần của Nguyễn thị Thụy Vũ / 135

Nguyễn thị Hải Hà: Đọc Cõi Đá Vàng /140

Hoài Nam: Phỏng vấn nhà văn Túy Hồng / 147

Nguyễn Mai: Nhã Ca phút nói thật / 164

Giai phẩm Văn: Đi xa với Nguyễn thị Hoàng /170

Du Tử Lê: Nói chuyện với Nguyễn thị Thụy Vũ /190

Nguyễn thị Thụy Vũ: Những giòng mực cuối năm / 198

*Nguyễn thị Hoàng: Khả năng và phương hướng sáng tạo
văn nghệ của người đàn bà / 207*

*Nguyễn thị Thụy Vũ: Khi người phụ nữ làm nghệ thuật
/211*

Phần thường xuyên:

Trần thị NGH: Giếng cạn dây dài – truyện ngắn / 216

Lưu Thủy Hương: Cõi lang thang – truyện /232

Tuyết Linh: Thơ / 249

*Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh: Dấu chân cha đạo – truyện
/ 252*

Nguyễn Lệ Uyên: Mộ địa – truyện / 260

Mai Quang: thơ / 269

Lê văn Trung : thơ / 271

Nguyễn Âu Hồng: Mùa cá bẹ - truyện / 273

Phạm Cao Hoàng: thơ / 292

Trần Phù Thế: thơ / 293

Đình Thắng: thơ /294

Đào Anh Dũng : Mất Gốc – truyện/ 296

Giới thiệu sách / 299

Phụ lục:

Thái Kim Lan: Phùng Khánh và Phùng Thăng:

Lộ trình suy tư triết học... /303

Giữa TQBT và thân hữu /319

tranh bìa: Đình Cường

Phụ bản đóng góp: Thân Trọng Minh, Trần quý Thoại

Địa chỉ Tòa soạn:

719 Coolidge Street Plainfield, NJ 07062

Email: tranhoaitu16@gmail.com

THƯ TÒA SOẠN

Đình bản hay không đình bản?

■ Số báo này đánh dấu năm thứ 14 của tạp chí Thư Quán Bản Thảo. Từ những số đầu tiên khoảng 100 – 110 trang, nay đã vượt qua con số 300 trang.

Lý do cắt nghĩa cho sự lớn mạnh này, chính nhờ ở tấm lòng của bạn đọc đã không ngừng tiếp trợ, chia sẻ và khuyến khích, cộng thêm “chiến thuật đánh giặc nhà nghèo” của chúng tôi. Chúng tôi đã áp dụng những sáng kiến cá nhân để chế biến những máy móc dụng cụ in ấn. Chúng tôi phải bỏ công lặn lội chạy tìm những công ty hay văn phòng đóng cửa để mua lại giấy mực với giá thật rẻ.

Nay người bạn đời của chúng tôi không may bị khổ nạn, nên chúng tôi không thể rời nhà để tìm những giấy mực hay máy móc để áp dụng “chiến thuật đánh giặc nhà nghèo” như trước nữa. Bây giờ, dù trên Craigslist.org có nơi rao bán một thùng giấy chỉ có \$10 thay vì \$40 ở Staples hay Office Max thì cũng phải đành bó tay.

Có bạn đề nghị tạp chí nên đăng quảng cáo hoặc biến tạp chí này thành tạp chí bán. Có bạn thương tình hoàn cảnh khắc nghiệt của chúng tôi đề nghị đình bản.. Xin thành thật cảm ơn quý bạn, nhưng chúng tôi nghĩ, khi đã biến tạp chí này thành tạp chí thương mại thì chúng tôi phải gánh thêm những hệ lụy mới, càng mệt óc thêm. Còn đình bản thì không thể được. Còn biết bao tác phẩm bị chôn vùi, biết bao tác giả bị lãng quên. Biết bao điều không thể nói ra nay cần phải nói về một hàng ngũ vừa cầm súng và vừa cầm viết. Trong chiến tranh họ không được may mắn như những người viết ở Saigon. Và trong thời bình họ càng khổ nạn hơn trong kiếp ngựa trâu tù tội. Mặt khác, chúng tôi cần có đất để trả lại danh dự cho một nền văn học nhân bản, tự do từng bị đắm

phê bình của phe thắng trận đầu độc là nọc độc văn hóa, là văn học đồi trụy, văn học đô thị ... gây tác hại không ít trong đầu óc của thế hệ trẻ sau này.

Những điều trên chúng tôi đã thực hiện suốt mười bốn năm nay, gây rất nhiều tiếng vang trong nước và ngoài nước. Lần đầu tiên, một văn đàn độc lập trong nước do những nhà văn nhà thơ tên tuổi như Nguyên Ngọc, Hoàng Hưng v.v... sáng lập, đã công khai cho biết là họ đã sai lầm khi sử dụng những cụm từ như “văn học đô thị” “văn học thành thị” để chỉ về nền văn học miền Nam trong thời chiến, và dùng bài viết của chúng tôi trên Thư Quán Bản Thảo để thay mặt họ nói lên về sự ngộ nhận tai hại này. Còn nữa, những sách báo do chúng tôi xuất bản, đã được âm thầm chuyển về trong nước khi thi bằng E book, khi thi dưới dạng giấy, được đón nhận rất trân quý. Nhà văn Phạm văn Nhân trong chuyến về thăm nhà vào tháng tư vừa qua đã kể rõ về hiện tượng này trong bài bút ký được đi trong phần Sống và Viết.

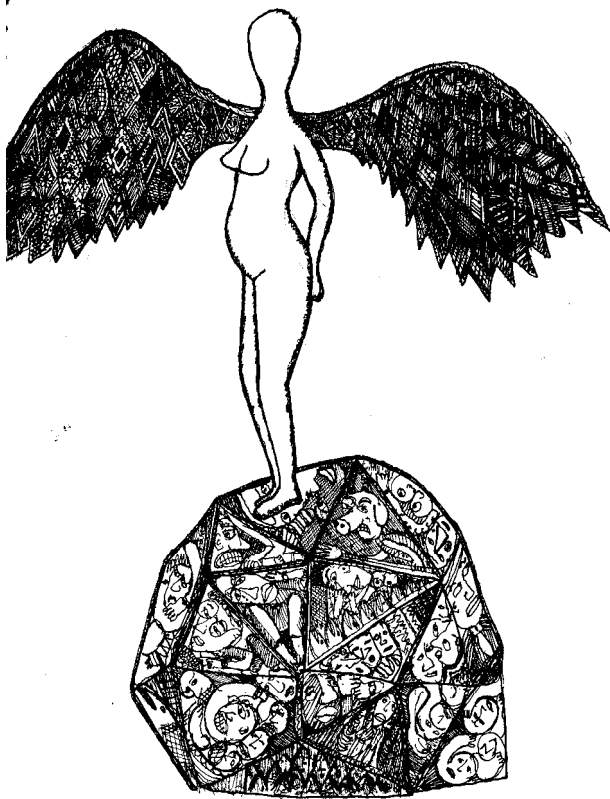
Như vậy, chúng tôi lại đành đoạn khai tử TQBT sao?

Nhưng mà nếu muốn tờ báo tiếp tục được duy trì, chúng tôi cần phải có phương tiện để nuôi dưỡng nó. Muốn vậy, chúng tôi rất cần sự tiếp trợ tùy tâm tùy hỷ của quý bạn. Hầu giúp chúng tôi trang trải chi phí in ấn và cước phí bưu điện rất cao hiện nay (mỗi tập 200 trang giá cước phí media khoảng \$2.69).

Mọi sự ủng hộ xin gởi về địa chỉ tòa soạn đăng ở trang mục lục.

Xin được cảm ơn quý bạn và xin được gởi đến quý bạn những lời chúc tốt đẹp nhất của chúng tôi.

Trân trọng
Trần Hoài Thư
Chủ trương tạp chí TQBT



tranh Trần Quý Thoại

SỐNG VÀ VIẾT

ĐINH CƯỜNG

Tháng chín, đoạn ghi
trên giấy napkin ở Starbucks Coffee

Sáng trời mây mù
người băng qua cánh rừng
lá vàng đầy dưới chân
mùa thu sao
ngọn gió mai cũng khác
se lạnh.
những chiếc áo ấm năm rồi
chưa giặt
mấy chiếc mũ, đôi găng tay
foulard cho mùa rét mướt
nhớ xưa Đà Lạt
quanh năm với chiếc jacket
màu xanh rêu nhà binh
rộng thùng thình
cùng chiếc pipe đẹp
anh Trần Lê Nguyễn cho
là đốm lửa ấm
trong đêm sương mù dày
đi bộ lên con dốc
qua nhà thờ Con Gà
rẽ mặt về phía đường Rose
có căn phòng thuê
có ngọn đèn vàng để cháy cả đêm
xác bao nhiêu là vỏ

STARBUCKS

since 1971
serving and roasting
our coffee for you

**bao thuốc Bastos xanh
Đỗ Long Vân chất đồng
Trịnh Công Sơn từ B'lao lên
ở lại. uống rượu cùng
Nguyễn Xuân Thiệp
có Trịnh Xuân Tịnh em Sơn
lên buôn rau sớm gỏi về Sài Gòn**

**Sơn hát ca khúc mới
tôi sống cùng mùi sơn dầu
thơm như những bó nhựa ngo
mua của mấy người Thượng
cuối tuần từ trong rừng
đem ra ngồi bán hay đổi
thứ gì đó. lon muối chẳng hạn
bên lề đường khu chợ Hòa Bình
những cây lan rừng còn đọng sương**

những cây lan rừng còn đọng sương

**Đà Lạt. nơi Trần Hoài Thư sinh ra
Đà Lạt nơi tiếng hát tiếng đàn thùng
đắm say Lê Uyên Phương
Đà Lạt với Phạm Công Thiệp
căn phòng hẹp dưới hầm đường Yagut
Đà Lạt thời Khánh Ly mới ra hát ở Night Club**

**và Đà Lạt một thời của Nguyễn Xuân Hoàng
của Hoàng Ngọc Biên. của Nguyễn Nhật Duật
của Nguyễn Thị Hoàng. của Nguyễn Thị Thanh
Sâm**

**sau bấy lâu còn có Phạm Cao Hoàng
đi dạy trường ở gần thác Gougah
Bùi Giáng được mời một lần lên đó đóng phim.
mới lạ**

**bao nhiêu bạn bè ghé qua miền đồi núi
với mùa hoa quỳ vàng. mùa hoa mimosa vàng
và không quên ghé qua cà phê Tùng**

còn cho đến nay. ông bà đều đã mất.

**sáng nay đi bộ sớm ra Starbucks ngồi
trời mù. mây xám giăng đầy bầu trời
không có cánh chim nào bay
nhìn qua khung cửa kiếng. nhớ vẫn vợ .
lại ghi vẫn vợ. tuổi già hay nhớ về kỷ niệm...**

Virginia, September 9, 2014
Đình Cường

██████████

Trần hoài Thư

**Vài suy nghĩ về hiện tượng văn chương nữ giới thời
chiến**

I)

Âm thịnh dương suy

1.

Suốt cả chiều dài của văn học miền Nam trong thời chiến tranh, lửa khói, chết chóc, tan tác phân ly thì cũng nhiều, vậy mà chúng ta chỉ đếm trên đầu ngón tay những tác phẩm viết trong lòng trận mạc như những tác phẩm của Nguyên Vũ hay Phan Nhật Nam..trong khi đó thì tại Saigon, trên kệ sách, hay trên những trang nhật báo nào là truyện dịch của Quỳnh Dao, nào là những trang viết hồi hả theo đơn đặt hàng của Nguyễn thị Thụy Vũ, Nguyễn thị

Hoàng, Nhã Ca... hay Lê Hằng...

Nếu mở thư mục của thư viện đại học Cornell để tìm tác phẩm của những nhà văn nữ này thì ta phải chóa mắt trước một số lượng khiếp đảm về tác phẩm xuất bản của họ. Trung bình mỗi năm Nhã Ca, Nguyễn thị Hoàng, Lê Hằng cho ra đời từ 4 đến 5 tiểu thuyết !!! Đó là chưa kể sách dịch nguyên tác của Quỳnh Dao hay dịch Quỳnh Giao giả tràn ngập.

Trong bài “phỏng vấn 6 nhà văn nữ” của Lê Phương Chi đăng trên tạp chí Bách Khoa vào năm 1968, nhà văn Nhã Ca nói về những số tiền tác quyền nhuận bút của bà như sau:

“---Cơ sở xuất bản Thứ Tư đặt ba trăm ngàn để lấy sáu cuốn, trong số ấy có một cuốn tái bản, đó là năm 1967. Nhà sách Khai Trí đặt hai trăm ngàn mua năm cuốn, có ba cuốn tái bản, năm 1968. Còn năm 1969 chúng tôi không bán nữa. Nếu dự định của chúng tôi được thực hiện, thì chúng tôi sẽ có một nhà xuất bản lấy tên là Thương Yêu, để in sách chúng tôi và các bạn thân.”

“Trần Dạ Từ cho biết thêm từ trước đến giờ tác phẩm của Nhã Ca chưa bán đứt cho nhà xuất bản nào cả. Và lợi tức Nhã Ca mỗi năm về sáng tác phẩm vào khoảng sáu trăm ngàn đồng.”
(xin đọc bài phỏng vấn của Lê Phương Chi trong số này)

Trong khi đó lương trung đội trưởng của tôi vào năm 1967 khoảng 3 ngàn đồng một tháng (chỉ số 250) cộng tiền phụ cấp thám kích nguy hiểm \$600), tổng cộng 3600 đồng một tháng, tức gần 44 ngàn đồng một năm (nếu may mắn còn sống) trong khi lợi tức nhà văn Nhã Ca là sáu trăm ngàn ! Làm nhà văn kẻ cũng sướng thật. Vừa nổi danh vừa tiền nhiều. Ai lại không ham!

Nhà văn Nhật Tiến đã nhận định về hiện tượng này:

Trong vòng 6 tháng đầu năm 67, một hiện tượng nhận thấy rõ rệt

nhất trong giới sáng tác tiểu thuyết là hiện tượng các cây bút phụ nữ hoạt động gần như đơn thương độc mã, làm mưa làm gió trong ngành tiểu thuyết.

(xin đọc bài nhận định này của Nhật Tiến được chúng tôi sưu tầm và đăng lại trong số báo này)

Rõ ràng là thời âm thịnh dương suy.

Về văn chương cũng như về dân số .

Dân số thì đúng. Thời chiến tranh mà. Thời trai thì thiếu gái thừa mà !

Còn văn chương thì cần phải xét lại.

Thật vậy, vào những năm 66, 67, lệnh tổng động viên đã hầu như mang tất cả những chàng thanh niên đủ mọi thành phần vào trường lính. Sau đó, hầu hết đều bị đẩy ra mặt trận thử lửa. Chỉ có một số ít được may mắn ở thủ đô hoặc được biệt phái ở lại thủ đô như Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu, Tạ Ty, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên, Viên Linh, Trần Dạ Từ, Trần Tuấn Kiệt, Lê Tất Điều, Nguyễn Xuân Hoàng, Huỳnh Phan Anh....vân...vân...

Riêng những người không bị ảnh hưởng như Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Lê Xuyên, Hoàng Hải Thủy v.v..... hành trình văn chương của họ chẳng có gì gây nên sôi nổi để tạo nên hiện tượng.

Saigon, đất của cơ hội...

Saigon là “thủ đô cơ hội”. Và đó là lý do tại sao các nhà văn nữ ấy lại bỏ quê nhà của họ để vào SG mà lập sự nghiệp. Nguyễn thị Thụy Vũ từ miệt vườn Lục Tỉnh, còn Nhã Ca, Nguyễn thị Hoàng, Túy Hồng thì ở tận xứ Huế hoặc Đà Lạt mịt mù.

Vàng.. Chỉ ở Saigon họ mới chấp đôi cánh lớn. Bởi vì SG có nhật báo, có feuilleton viết mệt nghỉ, viết hồi hã, có những nhà xuất bản đánh hơi thị hiếu của người đọc, ứng trước những số tiền hậu hình. .

Tôi tự hỏi nếu họ không có mặt ở SG, thì liệu chúng ta có hiện tượng nữ lưu xuất hiện một cách rầm rộ vào những năm 1966, 1967 đến mãi 1971, khi mà truyện dịch Quỳnh Giao xâm chiếm lần áp không?

Ngay cả nhà văn phe nam là Phan Nhật Nam, nổi tiếng về những bài bút ký chiến trường, cũng phải xem Saigon là nơi dụng võ. Nếu hậu cứ của binh chủng nhảy dù của nhà văn Phan Nhật Nam không phải đặt ở trại Hoàng Hoa Thám SG mà ở tận Kontum thì không biết chúng ta có đọc Mùa Hè Đỏ Lửa được không ? Bởi lẽ làm sao nhà văn PNN có cơ hội để gặp một ông bầu tên là Nguyễn văn Thành như ông kể lại trong cuộc phỏng vấn với Blogger Hoàng Lan Chi :

“.. Ông Nguyễn Văn Thành trước kia bán sách dạo cho con nít trước chợ Tân Định. Khi khá, ông mở NXB *Hiện Đại*. “*Đấy là một người rất giỏi*” PNN nói. “*Ông ta đã lobby như thế nào đó để các tác phẩm của Hiện Đại đồng loạt đoạt giải. Trong một năm, Tuý Hồng, Nhã Ca, Thụy Vũ đoạt giải thưởng 1,2,3 bộ môn văn; Du Tử Lê đoạt giải thơ với cuốn Đời Ở Mãi Phương Đông*”, PNN tiếp: “Cũng qua bàn tay ông này,*Mùa Hè Đỏ Lửa* mới thành hình vì nguyên thủy chỉ là những bài đăng rải rác ở Sóng Thần, Đời, Diều Hâu...” . Ông này còn tạo nên hiện tượng *Lệ Hằng* và *Việt Hóa Nhạc Trẻ* với những bài hát như “ Thuở nhỏ em với anh chơi bắn súng ben..ben..” (1)

Trong khi các nhà văn nữ tìm đến Saigon để thi thố tài năng thì lại có những nhà văn nam không chịu ở Saigon. Họ bỏ SG mà tìm đến các vùng đất dữ để sống và viết. Để rồi cuối cùng họ được “tổ quốc ghi ơn” hay trở thành “bại

tướng cụt chân”. Tôi muốn kể ra hai trường hợp điển hình. Đó là Y Uyên (2), Doãn Dân (3).

Ngày 11-1-1969 nhà văn Y Uyên trở về Sài Gòn trong quan tài bịt kẽm. Còn Doãn Dân thì không tìm ra xác, bởi cả thân thể bị pháo dập banh tơi tả vào ngày 29-4-1972 trên đại lộ kinh hoàng Huế - Quảng Trị

« ...Anh chết, không để lại cho trần gian một cái gì hết trừ hai tác phẩm. Không có da ngựa bọc thây, vì da thịt bị bắn tung như xác pháo thì còn đâu để mà bọc thây, không có quan tài phủ lá cò, không có hồi kèn tiễn biệt.. Cũng chẳng làm phiền đến ai. Thân xác anh đã lẫn trong khói lửa nộ cuồng, biến mất trong trời đất không gian hùng hực của thù hận giống nòi... ». (4)

Dĩ nhiên là không ai có thể phủ nhận về văn tài của những nhà văn nữ này. Họ thật xứng đáng để ngưỡng mộ. Cũng không thể không quên những gian truân vất vả trong những ngày tháng đầu tiên của họ ở tại một nơi rất lạ lẫm là Saigon. Họ đã vượt qua biết bao những thử thách. Nhưng những trở ngại đó chỉ để dọn cho một lộ trình thênh thang khác. Văn tài cần phải có đất để vun trồng và lớn mạnh. Đất ấy là Sài Gòn. Nếu giả dụ họ ở tận Huế hay Vĩnh Long mà viết văn, gửi bài về SG thì còn khuya mới được người đời nhắc nhở như hôm qua và hôm nay. và cũng còn khuya mới cho ra đời 5 tác phẩm mỗi năm hay kiếm 600 ngàn mỗi năm !!! (lương binh nhất khoảng 800 đồng một tháng x 12= 9600 đồng một năm).

2.

Tuy nhiên, xét cho cùng, hiện tượng âm thịnh dương suy trong lãnh vực văn chương mà nhà văn Nhật Tiến đề cập chỉ căn cứ vào số lượng tác phẩm được xuất bản.

Thật là sai lầm nếu đánh giá tình trạng “sức khỏe” của một nền văn học thời chiến khi nhìn vào kệ ngăn ở các nhà

sách. Mà phải nhìn vào những tạp chí văn học nghệ thuật.. Bởi ở các tạp chí này, bài vở mới được tuyển chọn. Thành phần độc giả cũng vậy: trí thức, có học, ưa suy nghĩ, hiểu biết thế nào là giá trị của văn chương... Sự lớn mạnh hay trì trệ được biểu thị qua số lượng độc giả, thành phần độc giả, số lượng phát hành của tờ báo, chủ đề của tờ báo v.v...

Trong thời kỳ chiến cuộc tàn khốc, miền Nam có ba tờ báo chuyên văn học nghệ thuật có thể nói là sống lâu nhất. Đó là Văn, Văn Học và Khởi Hành. **Sở dĩ 3 tạp chí này sống được không phải là độc giả thích văn thơ của những nhà văn nữ hay những người may mắn được ở SG, mà là từ những bài văn đầy chất liệu mà người đọc cảm thấy rất gần gũi với họ.** Bằng chứng rõ ràng là tuần báo Khởi Hành – tuần báo văn học nghệ thuật, có khi số lượng phát hành đến cả 10 ngàn số. Đó là một chuyện thật hy hữu- mà theo người phụ trách là nhà thơ Viên Linh cho biết đa số độc giả, kể cả người viết là thành phần quân nhân.

Khởi Hành trong nước là cơ quan ngôn luận chính thức của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội, với trên 700 hội viên trong mọi binh chủng, in trên 5000 ấn bản, phát hành rộng rãi trên khắp bốn vùng chiến thuật, **nên người viết đa số là quân nhân, người đọc cũng đa số là quân nhân.** (Viên Linh: Nhật Ký, nguồn Internet)

••• Và nó đã trở thành báo bán, như một tờ báo dân sự, của tư nhân, bán cho độc giả từ Đông Hà tới Cà Mau, in từ năm tới bảy ngàn số, có lúc lên đến **mười ngàn** (có ghi rõ số lượng phát hành trên Khởi Hành số 13) mỗi kỳ. Khởi Hành sống tới số 156.

(Phan Nhiên Hạo: phỏng vấn Viên Linh, nguồn Internet)

Như vậy âm thịnh dương suy ở chỗ nào chứ?

II) Tôi thất vọng về tôi lắm...

Nhà văn Lê Hằng – một trong số hiếm hoi những tác giả nữ đã làm mưa làm gió trong lãnh vực tiểu thuyết kể từ năm 1971 sau hiện tượng truyện dịch Quỳnh Dao đã phải cất lên tiếng náo nùng khi tạp chí Thời Tập hỏi bà về vai trò nhà văn trước tình thế mới, khi mà Đà Nẵng của bà bị mất:

“Tôi thất vọng về tôi lắm, tôi làm được gì cho những bạn bè của tôi ? Tôi cũng không viết được một chữ từ mấy ngày nay rồi. Tôi đang đánh đu với cái định mệnh khốc liệt nhất trong lịch sử nhân loại. Người ta không thể viết, cũng không thể suy nghĩ tra hỏi mình, khi người ta đang đánh đu. Tôi không nhìn thấy tương lai của tôi nữa; dù là một đốm lửa nhỏ...”

(xin đọc trọn bài phỏng vấn đăng trong số này)

Tôi không hiểu những nhà văn nữ khác có nghĩ như nhà văn Lê Hằng đã nghĩ không. Hay là họ vẫn tự hào hãnh diện ở thành quả mà họ đã tạo nên.

Thành quả của họ là hàng chục tác phẩm họ viết, những món tiền hậu hĩnh lợi nhuận họ nhận, những cuốn sách đầy ở ngăn kệ, những phỏng vấn, bàn tròn, những chủ đề, những tiếng tăm....

Nhà văn Lê Hằng cũng đã hội đủ những điều này. Nhưng tại sao bà lại “tôi thất vọng về tôi lắm”.

Thất vọng vì những tác phẩm của bà không giúp gì cho tha nhân. Không có mặt khi người ta cần đến. Không là một miếng nước khi người ta khát. Hay một ánh lửa khi người ta tuyệt vọng.

**

■ Tôi bỗng liên tưởng đến hai người viết nữ khác. Đó là hai chị em Phùng Khánh và Phùng Thăng. Cả hai là dịch giả chung của *Bất Trẻ Đồng Xanh* của J.D Salinger và

Câu Chuyện Một Dòng Sông của Hermann Hesse. Cả hai cuốn này từng là những cuốn sách gối đầu giường của thời tuổi trẻ chúng tôi trong chiến tranh.

Họ đã chứng minh không phải “dịch là phản” mà “dịch là sinh, là sáng tạo thêm một lần vẻ đẹp của tư tưởng và văn chương.” (Thái Kim Lan) (6).

“Một cặp đôi toàn tài của văn chương Việt Nam là Phùng Khánh và Phùng Thăng. Một cặp đôi còn chói sáng hơn cả Hoài Thanh và Hoài Chân. (Khuất Đầu) (7).

“Phần đóng góp của hai dịch giả dù không nhiều về số lượng như các dịch giả khác, nhưng thật sự đáng kể trong cuộc vận động văn-nghệ và văn-hóa sau năm 1964.(...). Vì thực chất có thể khác với hiện-tượng, nhưng hiện-tượng từng xảy ra và đã kéo dài nhiều năm, đó là các dịch phẩm của hai bà từng được độc giả yêu thích, xem như sách gối đầu giường, cùng với sách của Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, v.v..” (Nguyễn Vy Khanh) (8)

Họ đã chứng tỏ không phải văn chương nữ giới của những năm 66,67,68 chỉ là “táo bạo”, “những kẻ đói đang ăn ngón ngấu. ” (Nguyễn Nhật Duật) hay chỉ là những tác phẩm “thiếu lớn tư tưởng” (Mặc Đỗ) như nhận định của một số nhà văn nam trong cuộc thảo luận bàn tròn của tạp chí Văn năm 1972. Mà trái lại những dịch phẩm của họ giúp cho người đọc tìm được lời giải, một đốm lửa tỏa sáng tâm linh, một bè phao giữa bể máu và lệ của chiến tranh khi mà chiến tranh đã làm con người mất niềm tin, không tương lai, sống buông thả, cuồng loạn, khi mà xã hội đầy gái điếm, bar Mỹ , và đồng đô la đỏ.

Ảnh hưởng của hai dịch phẩm không phải chỉ hôm qua, mà mãi đến bây giờ.

Một nhà văn nổi tiếng khi chết đi, để lại ít nhiều những thương tiếc vào lòng độc giả hâm mộ là điều dĩ nhiên. Nhưng hình như với hai tên tuổi Phùng Khánh và Phùng Thăng thì có rất ít người nhắc đến, nói gì làm một số báo chủ đề hay tưởng niệm họ. Nếu có chỉ là với ni sư Trí Hải, chứ không phải nữ dịch giả Phùng Khánh khi bà chưa xuất gia, dùng tên thật của mình đến với cõi văn chương.

Cho dù cuộc đời của họ mang đoạn kết quá chùng thảm khốc để chúng ta phải xót thương nhỏ nước mắt gấp trăm ngàn lần ! Phùng Khánh tức sư bà Trí Hải sau này, thì bị chết trong một tai nạn xe cộ tại Phan Thiết, khi một chiếc xe chở gạo cán đè bẹp lên chiếc xe hành hương vào năm 2003. Và Phùng Thăng và con gái Tiểu Phụng 9 tuổi thì bị quân Pol Pot cấp duồn, trói cột hai mẹ con lại, và đập búa vỡ sọ, rồi chôn dưới gốc dừa vào tháng 5-1975 (Xin đọc TQBT số 59 chủ đề Phùng Thăng).

Một con vật bị xe cán vỡ sọ vỡ óc ta còn tội nghiệp thay, huống hồ đây là hai người phụ nữ. Mà là hai người đã có công mang cái đẹp vào văn chương, mang tư tưởng của Phật giáo vào chữ nghĩa sách vở miền Nam. Một người biến “chúng con khổ nguyện xin cứu khổ” thành hành động dưới tấm áo tu hành (Phùng Khánh). Một người mà vào năm 22 tuổi đã dịch Buồn Nôn, của J. Paul Sartre, 24 tuổi đã dịch “những ruồi” của J. Paul Sartre và vào năm 1973, đã dịch tác phẩm “Kẻ lạ ở thiên đường” của Simone Weil – một nữ triết gia người Pháp, đã “khước từ thiên đường hữu hạn để chọn hỏa ngục vô biên vì quá xót thương và muốn chia sẻ những lầm than của trần thế ...”

(8 bis)

Sự đóng góp ấy về đạo, về đời, về văn chương về dịch thuật và về cả nỗi đau đớn vô biên, về cái hình phạt kinh hoàng đã man nhất mà họ phải gánh chịu, lẽ nào chúng ta lại quên ?

Không, chúng tôi không quên được. Bằng chứng là chúng

tôi viết ra đây, như là tấm lòng của chúng tôi đối với những tài hoa tôn nữ bên giòng sông Vỹ Dạ ngày nào. Có điều, sức người có hạn, chúng tôi không thể viết nhiều về họ trong khi tài liệu về họ thì quá ít ỏi, khan hiếm.

■ Tôi cũng liên tưởng đến tác phẩm Cối Đá Vàng của Nguyễn thị Thanh Sâm. Tác phẩm này hầu như không ai nhắc đến trước 1975, nhưng lại được biết đến sau 1975, do từ một bài viết của một cô chủ Blog về một cuốn sách mà cô đã may mắn đọc nó trước 1975 khi cô còn rất bé. Sau khi bài viết của cô được post trên Mạng, cô đã nhận được một sự đáp lại rất tích cực. Để cuối cùng một nhóm được thành lập là nhóm dự án CDV. (9).

Tại sao lại có chuyện lạ vậy. Xin đọc hai lá thư sau đây sau khi người gởi hay tin là nhà xuất bản Thư Án Quán tái bản tác phẩm này:

1)

...Nhưng cuốn truyện khiến tôi đắm chiêu nhất trong năm tôi học 12 là cuốn Cối Đá Vàng của bà Nguyễn Thị Thanh Sâm. Ông cậu ruột hay bà Ngoại của tôi mượn được đầu đó, cả nhà tôi cùng đọc. Một câu trích trong cuốn đó đến giờ tôi vẫn nhớ “Có gì lạ đâu em ơi, trong cơn mê này của nhân loại, mà ta được chọn làm thí điểm”. Mỗi lần về Little Saigon ở Nam California, tôi lại vào tiệm sách kiếm, nhưng có lẽ, không ai còn giữ để tái bản. Tiếc vô cùng! Cuốn sách kể về thời kháng chiến chống Pháp của Việt Minh, tầng lớp trí thức tiểu tư sản bị tẩy não trên những cánh rừng đê rền ngòi bút phục vụ con đường cách mạng. Dưới những cơn mưa rừng, trong những túp lều thổ tả, họ phải viết tự kiểm! Khốn nạn khôn cùng! Chính nhờ đọc cuốn này, tôi hiểu hai chữ “đấu tố” trong truyện ngắn “Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu” của Trần Vũ. *Chính nhờ đọc cuốn này, tôi hiểu tại sao bà Ngoại tôi lại bỏ kháng chiến, quay về lại Huế.*

(Ý kiến của Diên Hoàng)

2)

... Dâng Tôn tác-phẩm đầu tiên của Sâm. Cuộc đời này không dung những kẻ thương yêu nhau. Em đã tìm thấy Anh trong Cõi Đá Vàng.

Thưa ông, đây là câu đầu tiên để dẫn vào quyển “Cõi Đá Vàng” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Sâm.

Quyển sách này đã được anh em chúng tôi lén lút chuyển tay nhau để đọc trong khi chúng tôi đang ở trong chốn lao tù của cộng sản vào năm 1977 trong vùng núi rừng Phước Long... Từ đó đến nay tôi không quên được quyển sách này và cũng đã cố công tìm kiếm ở nhiều nơi nhưng không gặp lại được. ...

(E-mail của anh LToàn)

Vậy mà tên tuổi của bà, tác phẩm của bà có bao giờ được nhắc nhở. Hay là bà không chịu đi theo “lề phải” - Nói theo từ ngữ hay dùng hiện nay- : chọn một bóng lớn để đỡ đầu (10) , hay nhờ một ông bầu Nguyễn văn Thành giới thiệu ? Hay bởi vì tác giả không chịu nhận SG làm đất dụng võ mà nhận “nhà có hoa mimosa vàng” (11) ở tận đả lật để mà làm văn chương “lề trái” ?

Có phải “*lịch sử đã vô tình thế đó*” (12) không ?

Không.

Bởi vì lịch sử không phải ở trong tay một số người.

Lịch sử là của chung.

Họ không nhắc thì chúng tôi nhắc. Họ không viết thì chúng tôi viết. Họ không làm thì chúng tôi làm.

Như chúng tôi đã làm số chủ đề Phùng Thăng, Nguyễn thị Thanh Sâm và nhiều tác giả khác trước đây..

(1) Blog Hoàng Lan Chi: Trò chuyện với nhà văn Phan Nhật Nam.

(2) Tác phẩm của Y Uyên: TƯỢNG ĐÁ SƯỜN NON, tập truyện (Thời Mới, 1966) BẢO KHÔ, tập truyện (Giao Điểm, 1966) QUÊ NHÀ, tập truyện (Trình Bày, 1967) NGỰA TĨA, truyện dài (Giao Điểm, 1967) CHIẾC XƯƠNG LÁ MỤC, tập truyện (Tân Văn, 1968) ĐUỐC SẦY, tập truyện (Văn Uyên, 1969) CỎ LOÀI CHIM LẠ, tập truyện (Tân Văn, 1971)

(3) Tác phẩm của Doãn Dân: Chỗ của Huệ (1968), Tiếng Gọi thầm (1972)

(4) Trần Hoài Thư : **Doãn Dân, và những đoạn văn tiên tri** Thư Quán bản Thảo số 46 chủ đề Doãn Dân)

(6) Thái Kim Lan: **câu chuyện một dòng sông và dịch giả Phùng Khánh** (nguồn: Internet)

(7) (8) Phùng văn về chủ đề Phùng Thăng, THT& Nguyễn Lệ Uyên thực hiện, tạp chí TQBT số 59

(8 bis) Phùng Thăng – giới thiệu Kê Lạ ở thiên đường – An Tiêm xb 1973.

(9) Chi tiết về dự án CDV xin đọc: **“Hành trình của Cõi Đá Vàng” của Trần thị Nguyệt Mai**. Bài đăng trên tạp chí TQBT số 51 và sau đó được phổ biến trên một số trang mạng.

(10) Nhà văn Hồ Trường An, trong cuốn hồi ký Giai Thoại Hồng, kể vài chi tiết khá lý thú về việc chị ông - Nguyễn thị Thụy Vũ - đến với Bách Khoa như sau:

"Gặp ông Võ Phiến, tôi (Hồ Trường An - tòa soạn chủ thích) nói ngay ý định của chị tôi, nhờ ông đỡ đầu cho chị trong bước đầu viết lách... Chị tôi chia sẻ thảo luận mà chị đã chép lại một đoạn trong quyển nhật ký của mình... Một Buổi Chiều là cái chìa khóa để một cô giáo làng mở một cánh cửa bước vào văn đàn.

...

Vào hôm đi yết kiến ông Võ Phiến, chị đem nước xả xị thoa lên môi, đợi môi khô chị mới thoa một lượt son màu hường tươi. Chúng tôi đến cổng Bộ Thông Tin, và tôi căn dặn:

- Võ Phiến là bút hiệu của một ông công chức viết văn. Có hỏi ông gác cổng thì chị nên bảo là: “Xin cho tôi gặp ông Đoàn Thế Nhơn, nghe chưa?”

Tự dừng, khi nghĩ đến lúc phải hội kiến một nhà văn lớn, chị tôi đâm ra khấp. Cái trâng tráo, nghịch ngợm cố hữu của chị

bay biến đi đâu mất. Mặt chị xanh như đàn bà sảo thai, lời nói chị khó khăn, đứt quãng như sản phụ đẻ ngược:

- Dạ, dạ, xin cho tui gặp ông... (chị quên cái tên cúng cơm của ông Võ Phiến mà tôi đã căn dặn)... Dạ tui muốn gặp ông... ông gì vậy cà? Dạ, ông Võ... Tài Nhơn.

Riêng nhà văn Trùng Dương thì khác. Bà viết thư cho nhà văn Võ Phiến để làm quen sau khi bà đọc tác phẩm Giã Từ của nhà văn họ Võ:

“Tôi đưa cho anh V.P. đọc một vài truyện ngắn của tôi viết và anh đã chọn “Sao Rụng” để làm quà ra mắt của tôi với Bách Khoa nói riêng, và giới văn nghệ nói chung....”

(Trùng Dương: *Bách Khoa*, nơi từ đó...tạp chí Bách Khoa số 361&362 15-1 và 1-2-1972)

(11) Tựa đề một tác phẩm của Hoàng Ngọc Tuấn viết về ngôi nhà của nhà văn Nguyễn thị Thanh Sâm tại Đà Lạt.

(12)

Lịch sử đã vô tình thế đó

Người qua sông không nhớ con đò

Những người chết không còn nhắm mắt

Người sống giờ như những hồn ma

(trích từ bài Trung Đội của Trần Hoài Thư trong Ô Cửa)



PHẠM VĂN NHÀN

Tản mạn về những nhà văn nữ miền Nam trước 1975

Trước 1975, nhiều nhà văn, nhà báo, nhiều học giả, kể cả các nhà tôn giáo, hình như vào những năm 1966-67 chỉ đó,

kể cả những sinh viên có tư tưởng phía bên kia cũng lên án những tác giả nữ đã một thời cho ra những tác phẩm mà họ gọi là những tác phẩm có tính cách đồi trụy, mất đạo đức, mất thuần phong mỹ tục theo phong tục tập quán đạo giáo của xã hội Việt; mà họ lên án những tác phẩm đó là dâm ô, là đồi trụy...v...v...

Nhưng với tôi, người ta thường nói, không biết có đúng không, người già thường hay nghĩ về quá khứ. Tôi cũng thường hay rơi vào cái suy nghĩ về quá khứ này, về bạn bè, về bản thân trong những năm mà bạn bè tôi, những người lính một thời vừa cầm súng vừa cầm bút đã có người ngã xuống trong cuộc chiến, cũng có người còn mang những chứng bệnh ngặt nghèo ở quê nhà. Nay ngồi nhìn lại cái quá khứ về cuộc chiến, về một nền văn học miền Nam sau 1954 phải nói đó là một nền văn học tỏa sáng, đã phá những lối viết cũ mà tiêu biểu là nhóm "Sáng Tạo" gồm những người trẻ trí thức Bắc di cư vào Nam mà chúng tôi quen gọi là "Sáng Tạo chống Cộng".

Nói về những nhà văn, nhà thơ nữ trong miền Nam thì không phải là ít. Nhiều lắm. Văn cũng như thơ. Nhưng, sao chỉ có năm (5) nhà văn nữ này là ồn ào gây sóng gió dư luận khá nhiều không những vào thời kỳ đó (khoảng năm 1966) mà cho đến hôm nay trên mạng cũng vậy. Lại cũng có người chê trách. Lại cũng có người khen: Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng, Trùng Dương, Nguyễn Thị Thụy Vũ. Nhân *chuột* trên bàn phím một cái, nhẹ thôi là tên của mấy nhà văn này xuất hiện ngay.

Với tôi. Tôi vẫn nhớ ...

Vào cuối năm 1965 ra trường lính, xách cái túi xách-nhà-binh ra trình diện đơn vị. Tôi nhớ mãi lời nói của ông Đại đội Trưởng / Sinh viên Sĩ quan Thủ Đức an ủi chúng tôi là: có quân đội Mỹ (đồng minh) đã đến chiến đấu cùng chúng ta, các anh yên tâm ra mặt trận. Ra mặt trận thì làm gì có sách báo mà đọc. Tôi nhớ đọc ở đâu đó, nhà văn Trần Hoài Thư viết mong sao có một tờ báo để đọc, cho dù tờ báo đó

đến tay thì đã trải qua một thời gian dài, có nghĩa là đã lỗi thời, mất thời gian tính. Tuy nhiên người lính ngoài mặt trận vẫn thèm khát và vô cùng trân quý.

Theo tôi, thời đó (chiến tranh) "văn chương đô thị" thời Sáng Tạo "chống cộng" khai hóa cho một nền văn chương "salon" không còn nữa mà phải nhường chỗ cho "văn chương chiến tranh". Vì sao? Với tôi Sáng tạo là "siêu thực" là "viễn mơ" của các nhà trí thức đô thị từ miền Bắc di cư vào Nam. Muốn tạo cho miền Nam một bộ mặt mới. Từ những bài viết, tôi nói không biết có ngoa không, ngồi "la pagode" mà có những tác phẩm "Đô Thị" này. Còn sau năm 1963, chiến tranh lan tỏa khắp mọi ngã đường, từ rừng núi miền Trung tới làng xã miền Nam. Hàng hàng lớp lớp thanh niên lên đường ra mặt trận trong đó có những người cầm bút. Họ viết thực, sống thực cho nên có những tác phẩm thực, lối cuốn độc giả. Nhưng họ lại rất "nghèo".

Cho nên khi xách cái xách-nhà-binh xuống phi trường Qui Nhơn, thấy toàn là lính Mỹ. Trong vài ba ngày chờ chuyến bay ra Bắc Bình Định, tôi càng thấy lạc lõm khi thả bộ dạo trên những con phố ở phố Qui Nhơn. Chiến đấu hai năm, may nhờ "ơn trên" được Tổng cục quân huấn kéo về làm ông thầy dạy lính tại các trung tâm huấn luyện. Lúc này mới có sách báo để đọc. Và, lúc này mới thấy rõ bộ mặt của thành phố. Không hẳn ở Bồng Sơn, Qui Nhơn mà cả thị trấn An Khê. Nơi nào có lính "Đồng Minh" có "đô la đỏ" để trao đổi, thì nơi đó có những quán Bar và gái bán dâm. Có ma cô xuất hiện. Có me Mỹ nhan nhản má phấn môi son. Ngay cả thị trấn Bồng Sơn nhỏ bé kia cũng lắm Bar và nhiều gái điếm. An Khê cũng thế. Có cả một khu "giải trí" cho lính Đồng Minh, mà ối ăm thay lại có một tiểu đội lính Nghĩa Quân canh gác cho cái khu giải trí bán dâm này. Thử hỏi cái xã hội miền Nam như thế. Các cô làm sở Mỹ, rồi gái bán bar nhan nhản, xã hội miền Nam không bị "xé toạc" là gì? Đâu còn "đạo lý" mà lên giọng đạo đức ??...hồi mấy ông nhà văn, nhà giáo, hồi mấy ông có tư tưởng phía bên kia mà lên giọng đạo đức để làm gì? Trong khi xã hội lúc đó là vậy! Nếu có đạo đức thì chính

quyền làm sao cho xuất bản "Câu Chó" của ông Trần Đức Lai mà bán nhan nhản trong tiệm sách???

Đề rồi, cũng vào những năm 1966 trở về sau, những người lính viết văn trẻ bắt đầu xuất hiện trên văn đàn. Trên những tờ tạp chí văn học có tầm cỡ ở Sài Gòn bắt đầu tiếp nhận họ, vinh danh họ là những cây viết trẻ; mà ông Lê Ngô Châu, không phải là nhà văn, nhưng ông đã nhìn thấy được những người lính viết văn trẻ này và giới thiệu họ. Chính những cây bút lính này, với những truyền ngôn tả thực đã cuốn hút độc giả trẻ.

Cho nên sau khi về "hậu phương" mới có dịp mua sách báo để đọc. Chứ không phải như ông bạn nhà văn Trần Hoài Thư, dân thám kích thì làm sao có báo mà đọc. Tắm nắng dầm mưa, muỗi mòng đĩa vắt thì làm gì có những món ăn tinh thần ấy phải không? Cho nên với tôi, những nhà đạo đức làm rùm beng một thời đối với 5 nhà văn nữ này chẳng có gì cả. Chẳng qua là họ làm "rùm beng" rồi "lên án" chừng nào thì mấy tác giả nữ này càng mừng, càng hót bạc chừng này.

Nhưng dù gì, với tôi, nhà văn nữ Nhã Ca, với văn phong của bà, tôi vẫn thích hơn. Cho nên khi về phố tôi đọc ngay "Đêm Nghe Tiếng Đại Bác" bởi lý do dễ hiểu bà viết bối cảnh là lính. Cái tâm trạng của những gia đình ai cũng có con đi lính. Chết trận. Gia đình mong ngày trở về. Hơn nữa bối cảnh bà viết hợp với những gia đình trung lưu, không nghèo không giàu, không có "đô la đồ". Chỉ có 500 đồng bạc trúng số thôi, mà bao nhiêu ao ước có một bữa ăn chờ đứa con ngoài mặt trận trở về. Nhưng ai có ngờ, đứa con ấy đã tử trận. "Đêm Nghe Tiếng Đại Bác" hợp với tôi là vậy. Còn về tác phẩm : Giải Khăn Sô Cho Huế. Tôi lại không thích mấy. Đây chỉ là một cuốn ký sự bà ghi lại, không biết có thêm thắt gì không, vì bà viết ngay trên quê hương của vợ tôi, mà tác phẩm này lại được giải thưởng văn học của Tổng Thống. Cho nên đánh động tôi mua để đọc. Theo tôi (chỉ riêng tôi) giải thưởng viết về Huế (

Mậu Thân) thì trao cho nhạc phẩm "Chuyện Chiếc Cầu Đã Gãy" của Trầm Tử Thiêng; Vì đó là hơi thở, là nguồn sống của người dân xứ Huế. Với tác phẩm GKSCH được xuất bản sau khi trận chiến Mậu Thân đã yên. Cho nên, tôi mới nhớ lại trận Mậu Thân này ở Quy Nhơn. Lúc đó vào ngày 29 tết thì phải, tôi rút quân (một khu phố cửa ngõ vào Qui Nhơn) để nhường lại cho một đơn vị khác tới. Nào ngờ lại là đơn vị của bạn tôi. Lại cũng là ông bạn già Trần Hoài Thư. Khi đó còn rất trẻ. Đơn vị thám kích của sư đoàn 22. Đêm ba mươi súng nổ, chiếm lại từng dãy phố, ngay chính ngõ vào thành phố, nơi đó có cây xăng Ông Tê. Một viên đạn AK bắn ngay vào ngực anh. May, là không trúng tim. Chứ không thì chết rồi. Làm sao có TQBT cho tới hôm nay. Thăm anh tại Quân Y Viện, tôi biết nơi anh bị bắn. Dãy nhà dưới chân núi có đường rày xe lửa. Chạy mút vào chân núi Bà Hỏa.

Rồi sau đó, tôi đọc sách của nhà văn nữ Nguyễn Thị Thụy Vũ. Chụp ngay Mèo Đêm, Thú Hoang, Lao Vào Lửa của Nguyễn Thị Thụy Vũ để đọc. Bởi vì cái cảnh nhan nhản "tệ nạn xã hội" đập vào mắt tôi. Ngoài Nguyễn Thị Thụy Vũ không còn ai khác viết nên cái tệ nạn này và cũng nói lên cái niềm tâm sự của "chị em ta" dù những nỗi niềm của mấy ả đó hoàn toàn giả dối.

Hôm nay, quý vị nào lính tráng, cứ nhớ lại xem: lúc rảnh rỗi việc quân, có ai là không vào quán Bar để uống bia, còn các "em" thì uống Whisky "dỏm" mà chẳng thích gì lính, có đúng không? Không ai là không vào động dĩa để "giải quyết". Nói như nhà thơ Huỳnh Hữu Võ khi đóng quân ở tiền đồn "Xích Thổ", nhớ gái mà thủ dâm kia mà. Nhưng, với đám gái này thử hỏi họ có thích "lính" không. hay họ chỉ thích những đồng "đô la đỏ" của lính Mỹ và lính Nam Triều Tiên. Và, nghe những lời tâm sự " dĩ thỏa" gần giống nhau của mấy " nàng" buôn phấn bán hương" này. Tôi nghĩ chỉ có Nguyễn Thị Thụy Vũ dám nói, dám viết mà chắc chắn mấy nhà văn nam giới chỉ biết ngồi uống trong "la Pagode" cho ra những tác phẩm tưởng

tượng mà thôi. Sau nay tôi mới biết là NTTV có "dạy " Anh văn cho những "em bán Bar " bỏ quê lên tỉnh này. Cho nên bà mới biết nhiều về cuộc sống của mấy em đó.

Còn nữa, nhà văn nữ Hoàng Đông Phương (Nguyễn Thị Hoàng) tác phẩm Vòng tay Học Trò, tôi mua ngay để đọc vào năm 1967. Đọc để biết về một nhà văn nữ dám viết lên mối tình giữa cô giáo Đệ nhị cấp (Cấp ba bây giờ) yêu cậu học trò nơi trường mà cô giáo Nguyễn Thị Hoàng dạy học. Bối cảnh là Đà Lạt, trường Hưng Đạo. Nên thơ lắm chứ! Những buổi chiều sương phủ. Những đôi thông gió vi vu. Lãng mạn! Mà dù đã là tiểu thuyết thì thế nào cũng có vào khoảng 30-40% hư cấu. Chuyện thật là như vậy. Thế mà mấy nhà đạo đức lên tiếng " rầm trời" cho là cô giáo mà dám lấy học trò. Thuần phong mỹ tục ở đâu? Tôi đặt câu hỏi. Tại sao? Tại sao thầy giáo lấy nữ sinh thì không ai phê bình gì ráo? Ô hay! cũng là thuần phong, cũng là đạo lý của người Việt ta vậy. Mấy cụ ngày xưa đã bảo: một chữ cũng là thầy. Hai chữ cũng là thầy. Thế mà thầy lấy nữ sinh thì OK? Còn cô giáo lấy nam sinh thì bị phê bình ồm tỏi cho rằng mất đạo đức. Phụ huynh học sinh cùng với các nhà "đạo đức" nhào vô bề hội đồng nhà văn NTH. Còn thầy có lấy nữ sinh thì vui và hãnh diện con gái tôi lấy thầy giáo ??? Chẳng ai lên tiếng? Nhưng với tôi, nhà văn Nguyễn Thị Hoàng bị các nhà "đạo đức" lên tiếng, đánh phá càng nhiều thì....chẳng sao. Chửi nhiều. Đánh nhiều tạo nên cho bà một hướng đi trên sự nghiệp văn chương để bà...ngồi " hốt bạc" qua những tác phẩm. Và, danh tiếng bà nổi như cồn. Dù đi cho đến bây giờ, công tâm mà nói, tôi vẫn khoái bài thơ " Chi Lạ Rứa" của bà khi bà còn là một nữ sinh. (xin trích hai đoạn)

*" Chi lạ rứa chiều ni tui muốn khóc
Ngó chi tui đồ cỏ mọn, hoa hèn
Nhìn chi tui hình đom đóm đêm đen
cho tui tui bên ni bờ cô tịch*

*Tui ao ước có bao giờ tuyết đích
Tui van xin rằng mà cứ làm ngo
Rồi ngó tui, chi lạ rứa hững hờ
Ghét, yêu, mến, vô duyên và trơ trẽn*

....

Tôi nghĩ, bà không tui bên bờ cô tịch, mà qua tác phẩm Vòng tay Học Trò và nhiều tác phẩm khác của bà đã làm nên một Nguyễn Thị Hoàng trong dòng văn học miền Nam.

Với tôi, ba nhà văn nữ là "người Huế" trong đó có Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng và một người nữa là nhà văn Túy Hồng đều bỏ Huế vào Nam và viết văn nổi tiếng. Mỗi người nổi tiếng theo mỗi cách khác. Với nhà văn Túy Hồng, các nhà phê bình, đánh giá văn của bà viết rất ư là.... Nào là "ức chế" tình dục. "Bạo về sex"..v...v...Phê bình bà tại vì bà viết văn bạo quá. Còn tôi nghĩ ngược lại, nếu nhà văn Túy Hồng là một nhà văn nam thì sao nhỉ? Như ông Trần Đức Lai viết "Cậu Chó" có phải viết về sex không? Hay sau này, ôi cha, mấy "nhà văn nữ" còn "hiện đại" hơn Túy Hồng ngày xưa nữa là khác. Họ viết chẳng khác nào tạo và bày cách gợi dục cho nam giới. Như Nguyễn Thị Thâm Vân. Ôi! bạo lắm, như con bão tình dục cấp 15, 16. Mà có nhà phê bình đạo đức nào lên tiếng về văn chương không?

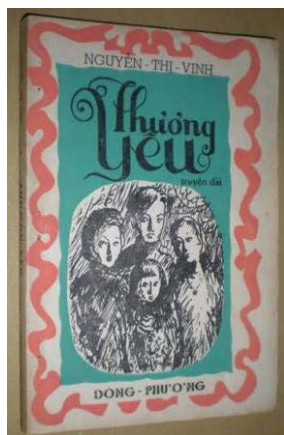
Tuy nhiên với những nhà văn nữ này, mỗi người đều có chọn cho mình một lối viết riêng. Dù sao với Nhã Ca chất Huế trong văn chương của bà vẫn còn bàng bạc từ trong văn phong tới ngoại cảnh. Hợp với người Huế hơn. Dù gì với những nhà văn nữ "ồn ào" một thời, tôi vẫn thích vì họ dám nói, dám viết. Một xã hội bị băng hoại. Những bài học vỡ lòng như Quốc Văn Giáo Khoa Thư mà ai lớn lên cũng có học đều bị phá vỡ. Khi mà, ra đường thấy nhan nhản những cô gái bán dâm (dưới hình thức gái bán Bar) thân nhiên đứng đón khách ngoại quốc trên đường phố. Rồi những cô gái làm sớ Mỹ. Rồi những me Mỹ, những ma cô. Cái xã hội kim tiền đã đảo lộn thì cần có những nhà văn dám nói lên, viết lên. Có thể họ lấy bối cảnh bên ngoài

, có thể họ lấy bản thân họ, tạo nên một tác phẩm.

Dù gì, nói cho cùng, theo tôi các nhà văn nữ có bị "chửi bới, phê bình" chừng nào thì nổi tiếng chừng ấy, tùy theo cấp độ phê bình, mà "hốt bạc" nhiều thêm. Chứ mấy nhà văn trẻ trong quân ngũ (ở nơi chiến tuyến không ngồi la pagode) có bao nhiêu tác phẩm dù là truyện ngắn hay dài, dù thật hay...cũng đều "đội" cả.



HUYỀN CHIÊU ĐỌC NGUYỄN THỊ VINH



Nguyễn Thị Vinh

Sinh ngày 15.7.1924 tại làng Vân Hoàng, tỉnh Hà Đông; chủ bút tạp chí Tân Phong (Sàigòn). Chủ nhiệm báo Đông Phương (Sàigòn). Định cư tại Na Uy từ năm 1984.

Tác phẩm đã xuất bản:

Hai Chị Em (1953)

Thương Yêu (1954)

Xóm Nghèo (1958)
Men Chiều (1960)
Thơ Nguyễn Thị Vinh (1972)
Cô Mai (1972)
Vết Chàm (1973)
Na Uy Và Tôi (1994)
(nguồn Internet)

Năm lên tám tôi bắt đầu thích đọc sách. Những bài tập đọc, học thuộc lòng trong quyển Tập Đọc lớp Ba tôi đã thuộc lâu. Tôi khao khát tìm được những gì lạ lùng hơn. Trong ngôi nhà cũ kỹ của bà tôi, chỉ có tấm lịch Tam Tông Miếu treo trên tường, ngoài ra chẳng còn thứ gì có chữ. Mà thuở ấy thứ gì cũng do người Tàu Chợ Lớn sản xuất nên Tam Tông Miếu chỉ có ba chữ Quốc Ngữ, còn lại là hình một cái chùa Tàu và những dòng chữ Tàu ngoằn ngoèo. Tấm tranh sơn thủy treo trên bàn thờ ông bà cũng toàn chữ Tàu.

Cho đến một ngày tôi có cảm giác ngây ngất như người tìm thấy một kho báu khi tôi khám phá trong tủ của bà tôi có một chồng sách cũ. Đó là những quyển truyện Tàu. Kệ! Truyện gì tôi cũng thích. Suốt một năm tôi đọc hết những “Ngũ Hồ Bình Tây”, “Đông Du Bát Tiên”, “Tiết Nhơn Quý Chinh Đông”....

Nhưng tất cả cũng là chuyện đầu đầu ở bên Tàu. Tôi bắt đầu muốn đọc một thứ gì đó giản dị, gần gũi hơn. Hỏi đó trong xóm có anh thợ may có nhiều sách. Thấy tôi thích đọc, anh cho tôi mượn quyển Thương Yêu của Nguyễn Thị Vinh do Phương Giang xuất bản năm 1955.

Vậy mà đã hơn nửa thế kỷ.

Anh thợ may vẫn còn sống nhưng khi tôi hỏi mượn lại cuốn “Thương Yêu” mà tôi yêu thích ngày nào, anh thợ may buồn bã cho tôi biết sau 75, vì quá hoảng loạn, anh đã đốt hết những thứ gì có chữ trong nhà của anh.

“Không có Tần Thủy Hoàng ra lệnh sao anh phải làm

thế?”

Tiểu sách quá, tôi đã nặng lời với anh.

Anh thợ may ngồi ngẩn ngơ không nói lời nào. Từ ngày đốt hết sách anh như người mất hồn. Tội nghiệp!

Vào Google không tìm thấy bản thảo Thương Yêu hay bất cứ tác phẩm nào của Nguyễn Thị Vinh ngoại trừ những tấm hình bìa.

Nhưng tôi yêu quyển truyện này xiết bao. Tôi muốn nhớ lại nó dù có thể trí nhớ của tôi không còn sáng suốt.

Còn đọng lại rõ ràng nhất trong tâm trí của tôi là hình bìa do nhà văn Nhất Linh vẽ. Tấm hình ấy có bốn anh em, là bốn nhân vật chính trong truyện. Từ những nét vẽ vô cùng sống động, những nhân vật ấy đã biến thành người thật, đi đứng nói năng, và sống mãi trong ký ức của tôi.

Thuở ấy, số phận của những đứa trẻ mồ côi luôn làm trái tim tôi thổn thức. Rémi trong Vô Gia Đình, Oliver Twist, Pinocchio, cô Tấm và hoàng tử Lang Liêu... là những nhân vật tôi thương nhất đời.

Tôi không quên được “Thương Yêu” có lẽ cũng bởi trong truyện có đến bốn đứa trẻ mồ côi.

Họ là bốn anh em ruột đã từng sống rất đầy đủ vì là con một gia đình có tiệm may trên một phố lớn ở Hà Nội. Sau khi cha mẹ qua đời, bốn anh em sống đói nghèo, cô cút. Người anh cả tên Thân chỉ mới mười lăm tuổi đã phải đóng vai vừa là cha, vừa là mẹ của ba người em gái Dậu, Mai, Khánh. Trong nhà chỉ có một chiếc áo sơ mi bị may hỏng khách bỏ lại là tạm lành lặn. Khi đi xin việc làm, Thân phải mặc chiếc áo quá rộng so với thân hình gầy ốm của anh là đoạn văn đã làm tôi bồi hồi thương cảm. Khi bé Khánh bị bệnh nặng, được bà thím ôm vào lòng đưa đến thầy thuốc, mùi mồ hôi từ bà thím làm Khánh nhớ mẹ vô cùng. Nhưng bà thím ấy không phải người tốt. Vợ chồng bà tìm cách đoạt hết tài sản của bốn anh em, và bốn đứa trẻ

ấy phải tiếp tục thương nhau mà sống.

Rồi Dâu, Mai bắt đầu biết yêu đương, mơ mộng. Dâu chất phác thật thà, Mai thâm kín, tinh tế hơn. Cô thâm yêu Khang, chàng học trò con nhà giàu, học giỏi thường đến học cours với ông giáo sống trên gác và trực gác của trái tim mạch cho nàng biết chàng cũng có để ý đến nàng. Nàng đau đớn mỗi khi nhìn thấy Hạnh, nghiêm trang, học giỏi, rất xứng với Khang, mắt nhìn thẳng, ôm cặp đi ngang qua gian hàng xén bé nhỏ của nàng. Hiểu lầm rằng Khang sẽ lấy Hạnh, Mai tuyệt vọng chấp nhận làm vợ một thầy ký già, họ hàng ở quê của bà giáo...

Trong “Cô Mai” đăng nhiều kỳ trong Văn Hóa Ngày Nay, tôi rất thích đoạn văn mô tả một buổi tối nhìn thấy Khang, Mai nhờ Khánh đi theo xem chàng đi đâu. Biết có người theo sau, Khang cố ý lăm lũi lang thang hết ngõ này đến ngõ khác. Từ một người theo dõi người khác, Khánh biến thành người sợ hãi vì không dám quay về một mình trong đêm tối. Và khi nghe một tiếng bò rống, Khánh thét lớn. Khang quay lại hỏi: “Khánh đi đâu vậy?” Khánh lí nhí: “Chị Mai xui em đi theo anh”. Khang hỏi lại Khánh một lần nữa vì chàng thích được nghe câu: “Chị Mai xui em đi theo anh.”

Victor Hugo, bậc thầy về tiểu thuyết, người đi guốc vào bụng nhân gian, đã từng nói: “Không có hạnh phúc nào hơn hạnh phúc khi biết mình được yêu”.

Nguyễn Thị Vinh làm tôi nhớ đến Margaret Mitchell. Trong Cuốn Theo Chiều Gió, bà thật tài tình mô tả nỗi sống sờ của Scarlett O'Hara, khi cô gái bất khả chiến bại nhìn thấy Ashley Wilkes, chàng trai mà cô tin rằng không thể không đáp lại tình yêu của cô, đi dạo một cách triu mến với Melanie. Và khi có người chào, Scarlett mỉm cười đáp trả nhưng cô có cảm giác “đau” ở mặt.

Làm sao không đau khi đáng lẽ phải mỉm, nàng phải gắng gượng mỉm cười.

Chỉ chừng đó thôi, các tác giả bậc thầy đã nói lên tận cùng niềm vui sướng của người được yêu, nỗi đau không nổi

được thành lời của kẻ thất tình.

Sau Nguyễn Thị Vinh, tôi mong sẽ có thêm những cây bút nữ đi theo cách viết sắc sảo đượm nét châm biếm một cách vô cùng tinh tế của Margaret Mitchell, cách nhìn cuộc sống với lòng nhân từ của Pearl Buck, mô tả cuộc sống một cách lạ lùng với những nhân vật cô đơn nhưng kiêu hãnh một cách tuyệt vời của Carson McCullers. Nhưng dường như các nhà văn nữ miền Nam thời đó đều hồi hã “quá độ” sang cách viết hiện đại mang màu sắc lạnh lẽo và bất cần, theo nhận định của tôi.

Đọc tiểu sử và hoàn cảnh sáng tác của Nguyễn Thị Vinh, tôi mới biết “Thương Yêu” gần như tự truyện của bà và Khánh, cô em út chính là hình ảnh của tác giả. Bà viết tự truyện mà như viết tiểu thuyết trong khi sau bà có nhiều người viết tiểu thuyết mà người đọc nhận ra ngay họ đang tô vẽ chính mình.

Câu chuyện trong Thương Yêu thật giản dị, với những chi tiết nhỏ bé tầm thường, không hiểu sao lại làm tôi xúc động đến thế.

Có lẽ nhỏ bé và tầm thường là bản chất của người nữ.

Niềm khao khát của chúng tôi muôn đời cũng chỉ là thương yêu và được thương yêu.

Từ đó chúng tôi sẽ là cỏ mục để sự sống nảy mầm.

Huyền Chiêu

22 tháng 8 năm 2014



Chuyến Đi Về Quê Qua Những Chặng đường với bạn bè PHẠM VĂN NHÀN

Lời tòa soạn: Bài ký sự này có kèm rất nhiều hình ảnh. Vì máy in quá “hiện đại” của cơ sở Thư Ấn Quán không đủ sức chịu nổi với số lượng rất lớn lên đến hàng chục MB nên buộc lòng chúng tôi phải lấy ra một số hình. Để thay vào chúng tôi sẽ đăng lại thơ trước 75 của từng người mà anh PVN đã gặp trong chuyến trở về này. Để giúp bạn đọc có cái nhìn rõ hơn về thi ca thời chiến mà họ đã góp phần bồi đắp.

Trên chuyến bay Boeing 777-200 của hãng United Airline bay từ Houston về Nhật, quá cảnh tại phi trường Narita của Nhật Bản, rồi sau đó mới về Việt Nam. Đường bay dài từ Houston về Nhật, tôi vẫn thấy bình thường. Ăn, ngủ, đọc sách. Nhưng, đường bay từ Nhật về Việt Nam lòng vẫn thấy bồn chồn như những năm về thăm nhà trước đó. Quê nhà sao gần gũi trong sáu giờ bay. 9:45 phi cơ của hãng hàng không Nhật Bản hạ cánh xuống TSN. Nhưng tôi vẫn dỗi mắt nhìn qua khung cửa sổ của phi cơ. 9 giờ tối, ánh đèn trên những con đường phố Sài Gòn hiện lên rõ dưới thân con tàu. Càng thâu ngắn thời giờ khi phi cơ hạ cao độ. Những con đường gần phi trường càng hiện rõ hơn. Gò Vấp như những lần tôi đến, Nhà của Nguyên Minh nằm trên con đường của những chuyến bay lên xuống. Sài Gòn vẫn hấp dẫn tôi như những năm trước chiến tranh với bạn bè và nhiều tiếng động.

Mấy đứa cháu đứng bên ngoài chờ. Sài Gòn nóng kinh khủng dù lúc đó đã hơn 11 giờ đêm. Về tới nhà gần 11 giờ 30, tôi gọi ngay cho Lữ Quỳnh. Anh chàng nhà văn bạn này trả lời qua máy còn ngái ngủ. Ông về khi nào? Mới tới

nhà, tôi trả lời. Qua giọng nói ngái ngủ của Lữ Quỳnh. Tôi nói thôi ngủ đi, mai gặp.

1/

Lữ Quỳnh: (*)

Sau hơn 50 năm tôi mới gặp lại . Dù hai đứa tôi ở Mỹ. Thời còn ở Quy Nhơn. Thời còn trẻ lắm. Những anh em thỉnh thoảng gặp nhau. Trần Hoài Thư ơi. Lữ Quỳnh ơi. Phạm cao Hoàng ơi. Lê văn Trung ơi. Rồi sau đó, từ năm 1969 tôi không gặp lại bạn bè. Ra khỏi Quy Nhơn về đơn vị khác, rồi cũng lang thang ở Tháp Chàm để rồi gặp Nguyễn Minh, Võ Tấn Khanh, Tô Đình Sự Lê Ký Thương và Ngự Hữu. Trần Hoài Thư thì có gặp sau này những tháng ngày lang thang ở Tháp Chàm, nhưng Lữ Quỳnh thì không, cho dù nghe anh chị đã đến Mỹ định cư (Cali). Ở Mỹ thì gần lắm, nghe nói thì dễ nhưng đi đứng không phải dễ vì...tiền. Một chuyến máy bay khứ hồi thì dễ, còn ăn ở, khách sạn thì sao?...ngoài ra còn công ăn việc làm . Không phải nói là đi, nếu không kết hợp cho một chuyến đi về Cali vì một chuyện gì chỉ nói chuyện với nhau qua điện thoại.

Bỗng dung mấy câu thơ của Lữ Quỳnh như một giấc mơ :
*Thường có những giấc mơ/ gặp gỡ bạn bè/ Những người
bạn ra đi đã nhiều năm/nay kéo về/ nói cười ám áp...suốt
hành trình tôi về thăm nhà lần này.*

Đó là giấc mơ của Lữ Quỳnh và cũng là giấc mơ của tôi. Nhưng với tôi một việc không ngờ là hai chúng tôi gặp ở Sài Gòn. Dù thời gian rất ngắn, hơn một tiếng đồng hồ vào buổi sáng để anh chị chuẩn bị ra phi trường về lại Mỹ. Anh đi, tôi đến . Hơn một tiếng đồng hồ để hàn huyên bên tách cà phê mà LQ pha. Chất đắng của đời. Chất ngọt của bạn bè còn đọng trên môi trong ly cà phê buổi sáng trong ngôi nhà của con anh chị, tôi vui biết mấy. Phải không Lữ Quỳnh?

2/

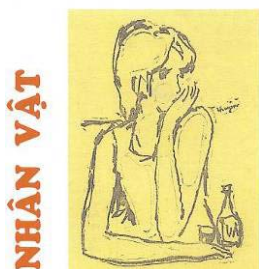
Qua ngày hôm sau, Nguyễn Minh gọi tôi, nói Lữ Quỳnh nói là tôi xuống, chờ hoài không thấy. Bạn quá Nguyễn

Minh ơi; vì còn gặp người bạn khác. Gặp ông sau. Tôi hẹn. Vào năm 1954, học lớp nhất trường Nam tiểu học tại Phan Thiết. Qua năm 1955 vào đệ thất. Mấy năm sau lang thang tại thành phố biển nhỏ như trong lòng bàn tay của thời xa xưa ấy. Rồi bốn năm trung học, anh đi biệt tăm. Vào Sài Gòn trở thành nhà văn tên tuổi một thời. Đó là nhà văn Nguyễn Nghiệp Nhượng. (Mai Khúc Hải) (*)

Gọi điện thoại để tới nhà thăm và đem theo mấy tập truyện "Nhân Vật" của anh, do Thư Ấn Quán in vào năm 2005. Anh bảo tôi đang ngồi ở quán cà phê bụi. Anh chỉ đường, người em chở tôi đến. Đang lớ ngớ tìm quán cà phê nơi ngã ba đường, thì anh gọi. Đã mấy mươi năm gặp lại, hai "thằng" đều già hết. Tóc bạc gió sương. Kể chuyện đời xưa nghe rom rã. Bạn bè, Trường xưa. Thằng còn. thằng mất. Xem như không có ai bên cạnh. Mai Khúc Hải (tên anh) đang tìm số phone của bạn bè của hai đứa cho tôi để về Phan Thiết ới nhau tìm gặp cho vui. Có chị Hải ngồi bên cạnh, không dám nói nhiều về một thời còn đi học khi mấy cô nữ sinh theo chàng. Tôi chỉ nói với chị ngày xưa Hải đẹp trai và học giỏi. Chị cười: đẹp trai đâu không thấy mà bây giờ chỉ thấy ...chán phèo. Những tiếng cười vui bên người bạn xưa. Tôi hỏi sau cậu không viết nữa. Hải nói: cậu biết rồi, im lặng thì tốt hơn. Tôi hiểu và Hải nói thêm: tôi phải lăn lộn với đời sớm là để kiếm tiền nuôi gia đình.

Ở Bắc di cư vào làm gì có tiền phải không? Tôi hiểu bạn tôi. Dù gì, mấy mươi năm qua, chúng tôi còn gặp lại sau cuộc chiến là một điều may mắn. Còn giữ tình bạn để chơi và hỏi thăm nhau cũng là điều trân quý.

Nguyễn Nghiệp Nhượng



Nhân vật, tập truyện của Nguyễn Nghiệp Nhượng, Thư Ấn Quán xb 2005
(Hiện chúng tôi lưu trữ tập truyện này trong computer, quý bạn nào cần xin vui lòng cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ in và tặng)



(Phạm Văn Nhân và Nguyễn Nghiệp Nhượng sau gần 60 năm gặp lại tại một quán cà phê bụi bên vệ đường, ngày 8/4/2014)

3/

Cú điện thoại của Đỗ Hồng Ngọc (*) gọi đến, hẹn nhau tại một quán cà phê cùng với Lê Ký Thương, Kim Quy, Lữ Kiều và Nguyên Minh. Tôi đến. Bạn bè gặp nhau nói cười rôm rã như ngày nào, rất tự nhiên như những năm còn chiến tranh. Anh em không quên hỏi tôi về tình hình của gia đình anh Trần Hoài Thư và chị Yến. Tôi biết anh em có quan tâm. Nhưng cho dù một câu hỏi thăm về gia đình người bạn, tôi cũng thấy vui và an ủi rồi. Ít ra bạn bè

không quên anh chị. Những tình cảm dành cho nhau, ngày tôi trở về thật âm ập. Cái tình bạn muôn đời không nhạt phai, một thuở nào còn y nguyên.

4/

Về Phan Thiết hai ngày, tôi thuê xe ra Phan Rí ngay. Cùng đi với vợ chồng tôi còn có đứa cháu gọi tôi bằng cậu, con gái của anh Từ Thế Mộng (*) , cháu Giao My, để dẫn đường, vì sợ tôi lạc, dù có tài xế. Thuê xe mới đi lòng vòng thăm bạn bè được. Ở Phan Rí còn có hai người bạn là nhà thơ Huỳnh Hữu Võ (*) và Tô Duy Thạch (*). Về mà không ra thăm là điều thiếu sót.

Phan Rí ngày hôm nay không còn là những con đường cát với sỏi. Mà là những con đường tráng nhựa, có điện và có tên đường. Khu bệnh xá của vợ tôi làm năm xưa đã dẹp và đưa lên Hòa Đa. Ngôi quán cà phê Lê Gỗ của Sơn (em rể của Trịnh Cung) ngày nào tôi với bạn bè văn nghệ Phan Rí ngồi uống nay vẫn còn. Những ngôi nhà bên cạnh ngôi giáo đường không còn là những ngôi nhà lụp xụp nữa . Tất cả đều thay đổi. Bộ mặt Phan Rí thay đổi.

Xe dừng trước nhà của Võ, tôi hỏi thì mới biết Võ đã bán nhà ra mở ngôi quán bán cơm trên đường Quốc Lộ 1, quán Cây Dừa, gần ngã ba Duồng. Nhắc tới Duồng, tôi nhớ đến Phạm Cao Hoàng (*) ngày nào còn dạy dạy học ở đó. Tôi nhớ đến cô giáo Phạm Thị Bảy, người Huế học sư phạm Qui Nhơn, cùng khóa với Phạm Cao Hoàng, Lê Văn Trung (*) và Mai Khê. Cuộc đời tôi cũng lang bạt nhiều nơi. Gặp lại bạn bè còn nhớ đề mà nói.

Gặp lại Huỳnh Hữu Võ và Tô Duy Thạch nhìn tôi không ra, nhưng nhìn vợ tôi thì biết và gọi tên tôi. Với Tô Duy Thạch, hai đứa ôm nhau muốn khóc. Ngày nào, ngôi nhà của Thạch vẫn là ngôi nhà tôn, nay đã xây nhà gạch, vợ chồng vẫn làm cái nghề như xưa để sinh sống. Nghề làm

bánh hỏi. Thạch nói, tôi không bỏ được cái nghề này, nó nuôi sống tôi và gia đình. Con cái làm nên ăn ra. Tôi mừng. Có điều Tô Duy Thạch ốm quá. Còn Võ thì già đi thấy rõ. Hôm sau, Thạch vô Phan Thiết ở với tôi một đêm. Có nhiều chuyện để nói.

5/

14 ngày ở Phan Thiết, không đêm nào là không đi. Đi đâu? bạn bè văn nghệ hú nhau đi uống cà phê. Không ngờ gặp lại vợ chồng Đắc và Liên Tâm. Liên Tâm là cô giáo dạy cấp ba cho con gái tôi, nay là tiến sĩ văn chương, cộng tác với tạp chí Quán Vãn của Nguyên Minh, lại là nhà thơ nữ ở Phan Thiết. Liên Tâm cũng không biết tôi quen với NM và Nguyễn Như Mây (*). Hỏi sao ngày đó anh không cho em biết anh có viết văn. Tôi cười: và anh cũng đâu biết em làm thơ.

Một đêm, trước khi tôi rời Phan Thiết để đi Nha Trang. Phan Anh Dũng và vợ chồng Liên Tâm mới tôi đi nghe nhạc chủ đề: Trần Thiện Thanh tại một phòng trà, trên lầu, thật yên tĩnh. Trong thính phòng khoảng vài chục người. Dũng nói với tôi: đêm nay em cho anh nghe lại giọng hát của một cô ca sĩ mà ngày xưa tụi em đưa ĐĐ/ CTCT/TK Bình Thuận ra Lam Sơn anh thụ huấn. Anh nói với em anh thích cô ấy hát bài Tình Hoài Hương, nay em mời anh đi nghe lại giọng ca của cô ấy, dù hôm nay cũng đã 60. Nhưng rất tiếc, cô bệnh. Lỡ dịp cho tôi. Những bản nhạc của Trần Thiện Thanh, cùng trên một con đường nhà tôi năm nào, nay được sống lại trên chính thành phố của chúng tôi một thời rất trẻ.

Còn đối với Nguyễn Như Mây thì lúc nào cũng vui. Tất cả những đêm sống với chính mình và bạn bè, không có Nguyễn Như Mây là không được. Mất vui. Và hôm nay, hẳn vẫn còn một đời "dại gái". Và, với Phan Anh Dũng không ngờ gặp lại, ôm tôi: không ngờ hôm nay anh trở về.

6/

Ngày giỗ anh Từ Thế Mộng.

Vợ chồng nhà thơ Nguyễn Dương Quang (*) trên Đà Lạt, nghe tôi về. Gọi điện, mời vợ chồng tôi lên Đà Lạt ở chơi vài ngày, chứ Phan Thiết nóng lắm. Tôi không đi được vì lâu mới về thăm nhà. Thế là vợ chồng từ Đà Lạt cho con lái xe xuống nhà thăm tôi trong dịp giỗ anh Từ Thế Mộng. Năm nay có tôi về, cháu Giao Tiên nói có cậu về bạn bè văn nghệ của ba cháu về đông đủ. Tôi vẫn thấy thương vợ chồng Lê văn Trung+ Hiệp nghe tôi về và nhớ ngày giỗ anh Từ Thế Mộng, lái xe gần máy từ Đồng Nai ra buổi sáng hẹn tại quán cà phê anh em đang ngồi chờ. 9 giờ sáng, vợ chồng LVT tới, mặt mũi bơ phờ vì lái đường xa.

Hai năm trước về gặp vợ chồng Trung ở Sài Gòn tại nhà Nguyễn Minh, hôm nay thấy Trung hốc hác quá. Sau đám giỗ, tôi mời vợ chồng Trung ở lại nhưng Trung phải về vì nhà cửa không ai coi. Hai đứa ngồi tâm sự trước mái hiên nhà mà lòng càng thêm quay quắt, nhớ lại những ngày tháng cũ khi còn ở Qui Nhơn trong ngôi nhà thuê ở khu 6. Có tôi. Có Trần Hoài Thư, có Phạm cao Hoàng, có Lê Văn Trung, có Lê văn Ngăn, có Hoàng Ngọc Châu. Cái ngày "đói cơm đói gạo" nhưng tình bạn sao mà thấm thiết chi lạ. Bên cạnh đó còn có nhà thơ Lê Uyên Tự ở Vancouver (Canada) về mở resort ở Mũi Né. Một thời có thơ đi trên TQBT. Lê Uyên Tự lái xe con vào nhà mời tôi ra ở tại resort của Tự cùng với Lê Hữu Nghĩa ra resort của Tự chơi vài ngày. Tôi từ chối. Tự nói với tôi vì làm ăn: Canada về VN cứ đi đi về về. 11 tháng ở Mũi né. 1 tháng ở Canada. Tuy nhiên gặp thì vui lắm, ai cũng nhắc đến Thư Quán Bản Thảo (TQBT). Có một điều rất vui là Vũ Huy Triệu hỏi tôi thơ gởi qua cho hai anh (PVN+THT) mà sao không thấy anh đi trên TQBT. Tôi hỏi làm sao gởi về được cho mấy anh đọc đây. Ngoài ba tập TQBT (57,58, 59) giao cho Nguyễn Lê Uyên thì Nguyễn Dương Quang phỏng tay trên lấy hết. Trong ngày giỗ anh Từ Thế Mộng, TQBT chuyển tay cho anh em đọc, có cả nguyên giám đốc Sở Văn Hóa Phan Thiết một thời quen với Từ Thế Mộng và anh nhà

báo trè Hữu Cẩn /Phan Thiết xem. Nguyễn Dương Quang sợ mất, lấy lại đưa cho vợ giữ. Trong ngày giỗ anh Mộng ấy, cũng là ngày ra mắt tập thơ: **Tiếng Thơ Miền Trung** của anh mà Thư Ân Quán in phát hành bên Mỹ. Anh em chuyễn tay nhau xem lại tập thơ đầu tiên của những nhà thơ một thời thành danh ấy, thế mà đã qua hơn 50 năm.

Kỹ thuật in ấn của Thư Ân Quán đã gây được ấn tượng tốt đối với anh em trong nước. Tôi vui. Và. Có lẽ THT cũng vui.



Những anh chị em cầm bút đứng trước bàn thờ anh Từ Thế Mộng trong ngày giỗ. Từ trái qua: Lê văn Trung, nhà thơ Lê Uyên Tự, nhà thơ Vũ Hy Triệu, nhà thơ nữ Liên Tâm, chú Đắc, PVN, Nguyễn Dương Quang, Phan Anh Dũng (nhạc sỹ), Tô Duy Thạch, nhà thơ Lê Trọng Nghĩa, nhà thơ Đoàn Chính Nam (áo sơ mi trắng), những người đã có thơ đóng góp trên TQBT

7/

Rời Phan Thiết đi Nha Trang trên chuyến xe khách giường nằm, hầu hết là những Tây Balô đi du lịch. Nha Trang thành phố vợ chồng tôi ở ngày nào đến ban đêm, vợ chồng đưa em ra đón tại văn phòng xe (không phải bến xe). Giờ này thành phố lên đèn, ồn ào, không như ngày xưa yên tĩnh.

Qua ngày sau, tôi gọi điện cho vợ chồng anh chị Khuất Đầu cho biết tôi sẽ ra thăm anh chị. Anh chị bảo tôi đi xe

Bus cho rẽ. Nhưng không, tôi thuê chiếc xe con giá cũng rẽ vừa đi về Nha Trang+Ninh Hòa+Dục Mỹ+ Nha Trang chỉ có 450.000\$VN. Đi cả ngày. Vui. Anh chị Khuất Đầu áo quần chỉnh tề đứng đón tôi trước nhà. Thấy tội quá. Tình bạn rất trân quý. Tôi nhớ mãi về anh chị. Cái tình cảm ấy làm sao tôi quên được. Sau khi chào hỏi mừng mừng tủi tủi, anh KĐ hỏi tôi về tình hình gia đình anh chị THT. Hầu hết anh em trong nước đều quan tâm về gia đình người bạn. Ngay ở SG, rồi Ninh Hòa ra Tuy Hòa cũng vậy. Cái tình của THT chơi với bạn bè ngày xưa vẫn còn y nguyên.

Ninh Hòa, một thị trấn nhỏ, không lạ gì với tôi trong những năm chiến tranh. Tuần nào tôi cũng qua đây để về Nha Trang. Nay Ninh Hòa đã thay đổi nhiều quá. Đường xá mở mang rộng rãi. Ngôi nhà của anh chị khang trang. Trước là tiệm (hình như uốn tóc?) của con gái anh. Ngôi nói chuyện băng quơ một đôi, tôi hỏi anh chị có đi với tôi thăm lại chiến trường xưa không? hai anh chị đồng ý. Thế là lên xe đi về Dục Mỹ. 16 cây số cách Ninh Hòa Dục Mỹ. Tôi miên man ngó hai bên đường. Nhà cửa hai bên, không còn là những đám ruộng ngày nào. Tới Núi Đeo, ngày xưa có trạm Quân Cảnh, tôi bảo tài xế ngừng lại cho tôi xuống. Nơi đây có bãi chiến thuật của TTHL/BĐQ có đi dây từ thần, có con suối nhỏ. Có một bức tường xây bằng gạch trên ngọn đồi cao dùng cho khóa sinh tuột dây xuống núi. Ngày xưa tôi có thụ huấn khóa Rừng Núi Sinh Lầy ở TTHL/BĐQ này. Chính tôi đã run khi trèo lên tận đỉnh ngọn tháp, khi tuột xuống phải có HLV tuột theo vì tôi...run quá. Nay vẫn còn nguyên bức tường trên ngọn đồi. Trên đó đặt đài truyền tin. Ba chữ Biệt Động Sát vẫn còn mờ mờ. Mất chữ "Sát".

Xe chạy qua cây số 16, còn một cây số nữa là đến đơn vị cũ của tôi mà nơi đó hơn 6 năm tôi phục vụ. Chẳng thấy gì cả. Chỉ thấy rừng. Tôi bảo xe dừng lại và quay đầu xe. Tôi với anh chị Khuất Đầu bước xuống. Nhìn lên ngọn núi hướng Phú yên, tôi thấy con suối nước chảy trắng xóa. Tôi nói với anh KĐ, con suối này là hình ảnh biểu tượng phù

hiệu của đơn vị tôi ngày xưa. Như vậy công TT/Lam Sơn nằm ở đây. Đoán như vậy thôi. Tôi hỏi cô gái đang bán quán nước. TTHL/Lam Sơn ngày xưa ở đâu cháu? cô gái nói: bác đang đứng trước cổng đây. TTHL/ Lam Sơn ngày nào to lớn như thế, mà nay chỉ là một cánh rừng, dân khai hoang trồng mía. Cảnh cũ cũng không còn, người xưa cũng không thấy. Chỉ có mình tôi lạc lõng già nua. Chị Huyền Chiêu, vợ anh KĐ nói: anh Nhân ơi, chụp một tấm hình làm kỷ niệm nhé.

Buổi trưa lái xe về, anh chị đãi một bữa ăn nem nướng Ninh Hòa thật là ngon. Lại còn uống vài lon bia nữa. Cám ơn bạn bè. Một thời nhớ mãi.

8/

Hai ngày sau, thuê xe đi Tuy Hòa. Đoạn đường 120 km thì phải. Qua Đại Lãnh. Vượt Đèo Cả. Qua Vũng Rô. Một chuyến đi lý thú. Giá bao xe chỉ tốn 1.300.000 \$VN (vào khoảng 65 Đô) đi đứng thoải mái. Đến Tuy Hòa vào lúc 4 giờ chiều. Tuy Hòa ngày nào có Trần Hoài Thư, có Phạm Cao Hoàng, có Mang Viên Long, có Phạm Ngọc Lư (*), có Trần Huyền Ân (*), có Nguyễn Lệ Uyên, có Hoàng Đình Huy Quang lang thang một thuở. Uống và phê Tùng. Nay trở lại chỉ còn có tôi, Nguyễn Lệ Uyên và anh Trần Huyền Ân.

Thành phố Tuy Hòa thay đổi nhiều quá. Con đường về nhà Phạm Cao Hoàng cũng khác nhiều. Nhìn không ra lối vào nhà khi xưa, nếu không có Nguyễn Lệ Uyên chỉ cho tôi biết. Rồi con đường xuống biển. Rồi bãi cát đồi dương mà ngày xưa nơi đây là chỗ đóng quân của một trung đoàn thuộc sư đoàn 22. Nhà cửa san sát mới cất, toàn nhà lầu.

Tháng 4 tháng 5, nơi nào cũng nóng ghê gớm. Thôi xuống nhà Nguyễn Lệ Uyên ở quê tìm bóng mát nơi vườn cây. Ăn một bữa cơm quê thật ngon do chị Hoa nấu. Canh với lá khô qua rừng. Thấy chị cầm cái liềm gặt lúa ra vườn quơ quơ vài cái là có một nồi canh lá khô qua. Một ít cá kho

keo mà sao tôi ăn ngon hơn là ăn cao lâu ở nhà hàng sang trọng. Nguyễn Lệ Uyên chỉ cho tôi nơi làm việc của anh, một căn phòng nhỏ đầy sách và một cái laptop, vòn vèn chỉ có 3 mét vuông. Thế mà anh ngồi anh gõ từng con chữ trên bàn phím để cho ra những truyện ngắn gửi đến bạn bè. Tôi nhìn thấy cảnh nhà như vậy, mới hỏi thật lòng: ông bà sống như thế nào, sao thanh đạm quá. NLU nói : mỗi ngày hai vợ chồng chỉ tiêu 30.000\$VN trong tiền hưu của bà. Rau cỏ thì có trong vườn, chỉ mua ít cá và thịt. Có điều gạo Tuy Hòa rất ngon. Gạo đồng. Theo như lời chị Hoa nói là gạo ở đây không bao giờ xuất khẩu, cho nên giá rẻ. Một niềm vui nhất là tôi với Nguyễn Lệ Uyên thăm anh chị Huệ (Trần Huệ Ân). Anh chị nghe tôi về, mừng quá cứ bảo: em ở lại chị nấu cơm ăn. NLU mời ra quán uống cà phê. Ba anh em ngồi tâm sự. Chuyện thì nhiều cần phải nói mà thời gian thì ít. Nơi đâu ai cũng hỏi thăm anh chị THT.

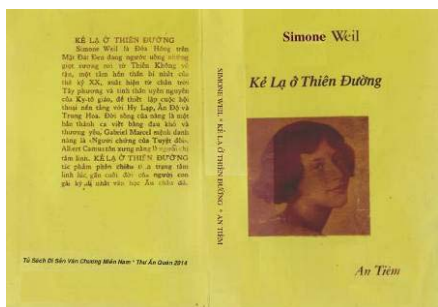
9/

Rời Tuy Hòa vào lúc 1 giờ sáng tại văn phòng của xe khách, có giường nằm. Xe chạy ban đêm nên không thấy gì cả hai bên đường. Chỉ mong xe chạy qua Qui Nhơn để nhớ một thời đóng quân ở đây. Thức dậy, đã thấy xe chạy dọc theo bờ biển Sa Huỳnh, Quảng Ngãi. Sa Huỳnh thuộc huyện Đức Phổ. Mà Đức Phổ ngày xưa là một bãi chiến trường. Chiến tranh khốc liệt nơi đây. Nhưng, hôm nay, nhìn bãi biển Sa Huỳnh cát vàng, dừa xanh đẹp vô cùng. Đến Quảng Nam, xe ngừng cho hành khách xuống rửa mặt, đi vệ sinh ở một nhà hàng bên đường. Nơi đây là xứ Quảng, tôi gọi một tô mì quảng, đặc sản của xứ Quảng Ngãi, chắc là ngon, ăn sao thấy thấy đỡ quá, ăn nửa tô còn lại bỏ. Xe vô Đà Nẵng. Qua hầm . Đây là lần thứ hai tôi đi qua hầm đèo Hải Vân. Lần thứ nhất 2011 thuê xe đi từ Huế vô Đà Nẵng. Nay lần thứ hai xe qua hầm, khoảng gần 6 cây số (?). Chạy nhanh, qua Lăng Cô, qua Phú Bài đến Huế.

Sáng sớm hôm sau, Viêm Tịnh (*) lái xe gắn máy đến. Tôi hỏi: sao bạn biết tôi về mà tới. Nguyễn Lệ Uyên gọi cho hay, bảo tôi đến ngay. Nhờ Viêm Tịnh làm "tài xế" xe thô chở tôi trong suốt 25 ngày ở Huế. Đi khắp mọi nơi. Hang cùng ngõ hẻm ở nơi kinh đô Huế này. Vui nhất lại có Phạm Ngọc Lư (*) cũng nghe tin tôi về, từ Đà Nẵng ra. Lên lầu, thấp cho Ôn tôi một nén nhang. Ba "thằng" họp lại, vui như ngày tết.

Một đêm, ngồi nhậu lai rai ở một ngôi quán nhỏ trên đường Trịnh Công Sơn, dọc theo bờ sông Hương. Viêm Tịnh lấy tờ giấy copy bìa Kẻ Lạ Ở Thiên Đường (KLOTĐ) của Simone Weil, và nói họ chỉ cho copy như thế này thôi làm sao gởi cho THT. Tôi bảo mai tôi với bạn tới thư viện. Đưa Phạm Ngọc Lư ra bến xe về lại Đà Nẵng. Tôi với Viêm Tịnh tới lại Thư viện Tổng hợp Thành phố Huế. Mượn lại cuốn KLOTĐ. Tôi canh cô quản thủ Thư Viện, trong khi VT chụp từng trang. Nghe tiếng giấy của cô Quản Thủ đi, VT giả vờ ngồi đọc. Tôi dễ tức cười xem như hai thằng đi ăn trộm. Chụp xong, gởi trả lại. VT năn nỉ, xiêu lòng sao cô Quản Thủ đồng ý cho copy với giá 200.000 \$VN (chưa tới 10 Đô). Hai ngày sau tới lấy. Mừng quá. Không ngờ ở Thư Viện, họ đóng thành sách đàng hoàng.

Báo cho Nguyễn Lệ Uyên, hấn bảo ra phổ in cho hấn một quyển gởi gấp vô Tuy Hòa. Ra phổ in một quyển giá 20.000\$ hai ngày sau lấy. Tệ quá. Nhưng còn có hơn là không (Nguyễn Lệ Uyên bảo như thế, qua phone). Như vậy chuyến đi rất vui và thành công in được tập sách do bà Phùng Thăng dịch, mà THT mong muốn.



(KLOTĐ, bản dịch của Phùng Thăng trong tủ sách di sản văn chương miền nam, sau một thời gian dài tìm kiếm)

25 ngày ở Huế, 25 ngày Viêm Tịnh chờ tôi đi khắp hang cùng ngõ hẻm của thành phố Huế. Không một nơi nào không tới. Không một quán cà phê nào không ghé vô. Tình bạn hữu khi tôi về thật vui và đầm ấm. Từ Sài Gòn, Phan Thiết, Tuy Hòa, Ninh Hòa và Huế. Cái tình đó như muốn níu kéo chân tôi trở về; vì nơi đó ngoài gia đình ra còn có bạn bè một thời. Phải chi có Phạm Cao Hoàng, có Trần Hoài Thư về một lúc, thì có lẽ, những ngày vui còn bất tận hơn nữa. Những địa danh một thời đã đi qua, sao nghe thân thương quá. Những dấu chân của bạn bè ngày xưa còn in dấu, một thời nhớ mãi không quên.

THƠ BẠN CŨ

*LTS : Sau đây là thơ của những người bạn mà anh Phạm văn Nhân đã nhắc trong chuyến trở về cố hương trong Sống và Viết (được đánh dấu bằng *). Những bài thơ này được chọn từ Thơ miền Nam trong thời chiến tập I và II do Thư Án Quán sưu tầm và xuất bản.*

HUỲNH HỮU VÕ

Khi anh hành quân

Bảy ngày gạo gói thương vào đó
Xua tay trần hung hãn một ngày vui
Bạn và anh đã nặng lòng yêu nước
Như đã nặng lòng yêu khói thuốc capstan
Nếu bên cánh rừng này ví dụ:
Dù có em anh sẽ bắn tan tành
Cũng như lúc dùng quân
Anh đã bắn vào radio có tiếng em hát
Đặc lệnh hành quân bảy ngày “ cơm no áo ấm ”
Bảy ngày đi năm lít rượu trong người
Mở nắp biđong cho hơi nồng trận mạc
Cho đất trời một vũng dưới chân anh
Nếu rừng Thái An
Đạn bom không dẫm nát
Thì rượu nếp than sẽ đốt cháy tôi bởi
Anh hiền ngang như con bọ hung lửa
Xói tan tành mây bãi cứt trâu khô.

LÊ VĂN TRUNG

Ngày xa

Em nào hiểu giữa cơn say
Ta chiêm bao thấy một ngày rất xa
Tình không không cửa không nhà
Lòng như mây trắng bay qua biển chiều
Sẽ tan vào cõi tịch liêu
Một đời cát bụi cuốn triều bão lên
Ta là bóng của hư không
Tình em là nẻo vô cùng khói sương
Em nào hiểu giữa tai ương
Ta như mây gió trên đường chim bay
Bù em một cốc sầu đầy
Uống cho ta thấy một ngày đã xa.

LỮ QUỲNH

Khởi hành

Khi ly rượu này chưa làm đắng môi
Thì anh sẽ ... em ơi ... còn uống nữa
- Lần thứ nhất trong đời không lần nữa
Uống cho say còn tiếp tục lên đời

Bỏ đằng sau thành phố với cuộc đời
Và không biết bao nhiêu điều nuốn nói
Anh ngửa mặt xin trời cho nhận tội
Về rừng tên sắp sửa bắn ra này

Đường hôm qua vết máu vẫn còn đầy
Những người bạn hiện giờ tím phổi rách
Linh hồn họ đang vẫy vùng đói khát
Trước khi im chịu số phận lưu đầy

Anh ngỡ ngàng nghe gió hú trong cây
Em loài chim nên ở cùng trái đất
Mai lúc mặt trời lên em nhớ hát
Mỗi đám mây mang một kỷ niệm buồn...

NGUYỄN DƯƠNG QUANG

Đêm kích dưới chân đồi

dù đợi người qua trên lối chết
lạ sao tôi thấy rất băng khuâng
có rất nhiều điều thật khó nói
đêm sơ giao sẽ chỉ một lần

cỏ ơi, có thấy ai trên đồi
vẫn thường vác hận thù đi xuống ?
mà sao ta thấy cỏ không vui
cỏ lạnh lòng hơn là sương mỏng

cỏ biết không, ta không lòng thù hận
lũ chúng ta một thuở thế thôi
ngày mai cỏ sẽ thành đồng lúa
cỏ sẽ thấy người nắm tay người

đồng lúa ơi, sao đồng lúa gầy
lúa buồn không trong mùa gặt muôn
chim đã ngủ một trời nào khác
và gió rồi cũng chẳng thấy bay

lúa có nghĩ rằng ngày mai sẽ khác ?
súng sẽ dùng để đúc lưỡi cày
mỗi ba trắng lúa vàng tròn hạt
chim sẽ ca và gió thổi lúa say
ta vừa nghĩ một điều rất tầm thường

ngọn đồi này mai sẽ thành rẫy
hỏi lòng người lúc nào cũng đẹp
dầu tâm thường cũng rất mến thương.

NGUYỄN NHƯ MÂY

Trên sông

đến rồi ! đêm đỏ giờ chia
sông trôi thăm nước gọi về canh thâu
tôi nghiêng lòng đếm nổi sâu
giữ trong tay nụ hôn đầu em trao

PHẠM CAO HOÀNG

Nhớ Cúc Hoa

đất anh ở và rừng anh thở
sáng anh đi chiều lại trở về
rừng vì vút những đêm gió thổi
bóng anh chìm với bóng hư vô
đôi khi đứng bên triền đá dựng
anh hoang mang sợ núi đè mình
có khi thấy con chồn con cáo
anh giật lùi lòng thoáng hãi kinh
anh đi qua rừng cao quá đồi
anh đi về rừng quá đồi cao
anh thu mình như con sâu nhỏ
nằm rung rinh giữa đám lá rì rào
và buồn thăm ôi những chiều lặng lẽ
núi và anh thành hai kẻ đăm chiêu
núi ngó anh và anh ngó núi
núi đựng trời anh đựng nổi điều hiu
đất anh ở và rừng anh thở

quá lâu ngày nên thấy hoang mang
anh sống dở và anh chết dở
giữa núi rừng cao ngất ngàn năm
1974

PHẠM NGỌC LƯ

Biên cương hành

Biên cương biên cương chào biên cương
Chào núi cao rừng thẳm nhiều nhưng
Máu đã nuôi rừng xanh xanh ngất
Núi chập chùng như dãy mồ chôn
Gốm, gió Lào tanh mùi đất chết
Thối lập rừng già bạt núi non
Mùa khô tới theo chân thù địch
Ta về theo cho rậm chiến trường
Chiến trường ném binh như vãi đậu
Đoàn quân ma bay khắp bốn phương
Lớp lớp chồm lên đê bẹp núi
Núi mang cao điểm ngút oan hồn
Đá mang dáng dấp hình chinh phụ
Trơ vợ chóp núi đứng bông con
Khu chiến ngày tràn lan lửa dấy
Đá Vọng Phu mọc khắp biên cương
Biên cương biên cương đi biển biệt
Chưa hết thanh xuân đã cùng đường
Trông núi có khi lằm bóng vợ
Ôm đá mà mơ chuyện yêu đương
Thôi em, sá chi ta mà đợi
Sá chi hạt cát giữa sa trường
Sa trường anh hùng còn vùi dập
Há rằng ta biết hẹn gì hơn ?

Đây biên cương, ghê thay biên cương !

Núi tiếp rừng, rừng tiếp khe trũng
Hải hùng chưa trời hoang mây rậm
Mùa mưa về báo hiệu tai ương
Quân len lỏi dưới tàn lá dũ
Lá xôn xao xanh mặt hoảng hồn
Sát khí đằng đằng rừng dựng tóc
Ma thiêng còn ngán bọn cô hồn
Cô hồn một lũ nơi quan tái
Có khi đã hóa thành thú muông
Cô hồn một lũ nơi đất trịch
Vỗ đá mà ca ngông hát cuồng
Chém cây cho đỡ thèm giết chóc
Đỡ thèm môi mắt gái buồn hương

Đây biên cương, ghê thay biên cương !
Tử khí bốc lên dày như sương
Đá cháy mồ hôi rừng ứa máu
Rừng núi ời ta đến chia buồn
Buồn quá giả làm con vượn hú
Nào ngờ ta con thú bị thương
Chiều hôm bắt tay làm loa gọi
Gọi ai nơi viễn xứ tha phương ?
Gọi ai giữa sơn cùng thủy tận ?
Ai người thiên cổ tiếc máu xương ?
Em đâu, quê nhà chong mắt đợi
Hồn theo mây trắng ra biên cương
Thôi em, yêu chi ta thêm tội
Vô duyên xui rơi lược vỡ gương
Ngày về không hẹn ngày hôn lễ
Hoặc ngày ta mất nhắm tay buông
Thôi em, chớ liều thân cô phụ
Chiến trường nay lắm nỗi đoạn trường
Nơi nơi lạnh trăm dòng sông Dịch
Kính Kha đời nay cả vạn muôn
Há một mình ta xuôi biên tái
“Nhất khứ bất phục phản” là thường !

Thôi em, còn chi ta mà đợi
Ngày về : thân cạn máu khô xương
Ngày về : hôn lễ hay tang lễ
Hề chi ! buổi chinh chiến tang thương
Hề chi ! kiếp cây rừng đá núi
Nghìn năm hôn quanh quẩn biên cương

Tháng 5, 1972

Tô Duy Thạch

Bữa Rượu Bên Sông

ta qua đò chiều nay
hoàng hôn vừa xuống thấp
nhật nhòa mưa bay bay
bên đời đâu chỗ tập

ghé tạt qua nhà bạn
bữa rượu vừa bày ra
ba ly bạn mời ta
lửa tan lòng ướt lạnh

nhà bạn ở cửa sông
bập bênh con nước lớn
căn nhà sàn rung rinh
như cơn say vừa đến

bạn ta ngoài bốn mươi
tóc pha màu mây trắng
hát khúc "Hậu Đình Hoa"
gỗ thuyền làm hảo hán

ta là người lữ khách
sầu đời "âm hận đa"

buồn vương vạt khói nhòa
chiều cửa sông gió ngút

uống bữa rượu chiều nay
lòng ta vui vô hạn
ôi đời người hữu hạn
nỗi buồn lại không cùng

ta bắt chước người xưa
mượn đôi lời "Ký Hữu" *
rượu uống trong chiều mưa
lời nói sao cho đủ

nhà bạn ở cửa sông
nước khi đầy khi cạn
tình bạn mãi mệnh mong
mãi như là biển lớn

** Tên một bài thơ của Cao Bá Quát*

Trần Huyền Ân

Con đường tuổi nhỏ

Con đường ấy xin một lần trở lại
Dù ngựa hồng lưng chẳng thẳng yên nhưng
Mùa thấp ẩm cây dâng rừng ngọt trái
Cảnh rơi gương tuổi nhỏ mộng anh hùng
Rời Trăng-Sạn êm đêm ru nước kiệu
Cỏ tai bèo chiến chiến lót chân xinh
Hai màu lá sim vòn hoe nắng dịu
Cho suốt ngày đời lưng mãi bình minh
Vừa nhật bước tới Hòn-Son lối đỏ
Bờm rung rung tóc ngựa đồ bay bay

Dòng suối mịn ven bờ tươi đất cỏ
Mát cả lòng người ngựa hầy cùng say
Cương giật khê ngựa cao đầu hí mạnh
Vó tung giòn phi đại xõa đuôi cò
Bên vệ đường chim bồ chao rộ cánh
Cánh roi đùa lướt gió vụt băng quơ
Lên đỉnh xóm quay nhìn mây dưới gót
Dành ngôi vua cho kẻ lập công đầu
Ve trong vườn ca sao mà thánh thót
Trời Lương-Sơn xanh thăm tận nơi đâu
Hỡi Thân ! Hỡi Vinh ! Hỡi Thành ! Hỡi Lãng !
Những ngày thơ ruỗi ngựa, những con đường
Đã theo hôn các anh về dĩ vãng
Chỉ còn tôi...tay cũng lỡ buông cương...

VIÊM TỊNH

Gọi một lời

Thủy triều trên dốc đá
Cõi lòng dưới vực sâu
Tiếng kèn đồng đục già
Gọi nhau gọi giống hàng

Áo chưa cài kín cúc
Bước chưa đi nhịp đều
Vo đất làm gối ngủ
Nghe giun đế vỗ về

Buổi mai làm chim tổ
Hoàng hôn bước chim đi
Trái sáng như mặt trời
Bước đi mau bước đi

Tay sẵn sàng vũ khí

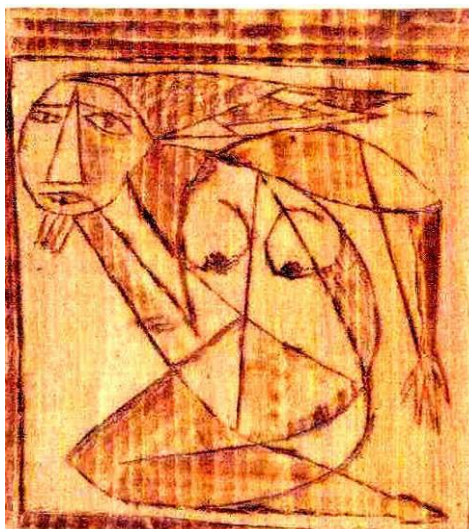
Bốn phương mặt trận buồn
Còn vui chi yến tiệc
Lời chia ly muôn phần

Rượu thôi châm giọt đắng
Thuốc thôi đốt đắng cay
Gian dối đời tranh chấp
Vỗ tay nghe trắng tay

Tình còn hơi thở cuối
Ấn súng tặng một đời
Lửa trong tim nóng hồi
Soi sáng bóng đêm người

Bao giờ thấy bình minh
Hong chân mây bờ vực
Giấc ngủ thật bình yên
Mặt trời soi biển lặng.

PHẦN CHỦ ĐỀ



tranh Trần Quý Thoại (khắc trên ván thông)

TRẦN HOÀI THƯ

Hiện tượng văn chương nữ giới trong thời chiến

Tóm tắt:

Trong thời chiến tranh, bắt đầu từ năm 1963 đến năm 1975, tuy có nhiều người nữ viết văn có mặt, có người thành danh trước đó như Linh Bảo, Minh Quân, Minh Đức Hoài Trinh hay Nguyễn thị Vinh, có người viết rất nhiều như Tùng Long, nhưng xét cho cùng, hành trình ngồi viết của họ bình lặng, chẳng gây một biến động về văn học

hoặc tư tưởng nào mới mẽ để chuyển thành hiện tượng.

Thử đọc tạp chí Văn số 13 ngày 1/7/1964 chủ đề về những tác giả nữ, ta chỉ tìm thấy một cõi bình lặng trong những truyện văn của Vân Trang, Trúc Liên, Minh Đức, Tuyết Hương, Hoàng Đông Phương (Thư không gửi), Nhã Ca (Đêm dậy thì), Linh Lan... Không có không khí chiến tranh dù năm 1964 chiến tranh đã bắt đầu gia tăng mức độ, không thấy một giòng chữ về tình dục nam nữ. Truyện của Nguyễn thị Hoàng và Nhã Ca nhẹ nhàng, không có gì chứa đựng một trận bão nổi...

Tuy nhiên, đồng lúc thì tạp chí Bách Khoa, truyện dài đăng từng kỳ *Vòng tay Học trò* của Hoàng Đông Phương, mới thật sự gây sôi nổi người đọc vì cốt chuyện kể lại mối tình giữa một cô giáo và một người học trò của mình. Cũng trong năm này, Bách Khoa cũng đăng truyện dài nhiều kỳ của Túy Hồng: *Vết thương dậy thì*, như là dự báo của một cây bút phụ nữ số một viết về tình dục. Sau đó một năm, Bách Khoa đăng truyện ngắn *Mèo Đêm* của Nguyễn thị Thụy Vũ (BK số 214, 1965), càng gây chấn động khi tác giả dùng lối hành văn thẳng thừng, không úp mở, không dấu diếm về chuyện tình dục trong thế giới của những gái bán bar “làm ăn” với đám lính Mỹ.. Năm 1967, Bách Khoa lại đăng một truyện về tình dục của người viết nữ khác: Đó là *Mưa không ướt đất* của Trùng Dương .

Sự xuất hiện đồng loạt của 5 nhà văn nữ đã góp thành một trận bão lớn. Đó là 6 tháng đầu của năm 1967, với tiểu thuyết của phe nữ chiếm ưu thế cả thị trường chữ nghĩa: Nhã Ca với *Đêm Nghe tiếng Đại bác*, Nguyễn thị Hoàng với *Vòng Tay Học Trò*, Nguyễn thị Thụy Vũ với *Lao vào Lửa*, Trùng Dương với *Mưa không ướt đất*. Chưa bao giờ phe viết nam lại bị lép vế trước phe viết nữ như vào giai đoạn này. (Xin xem bài nhận định văn học của Nhật Tiến về tình hình văn học trong năm 1967, được đăng trong số báo này)

Đó là khởi đầu cho hiện tượng âm thịnh dương suy trong lãnh vực tiểu thuyết. .

Sau đó, để góp phần trong hiện tượng này, ta cũng phải kể đến hiện tượng truyện dịch của Quỳnh Dao từ năm 1970, dù tác giả là người Trung Hoa, sau đó là hiện tượng tiểu thuyết Lệ Hằng từ năm 1972.

Chúng tôi phải kể hiện tượng Quỳnh Dao để chứng minh là trong thời chiến, khuynh hướng đọc tác phẩm của nhà văn nữ giới rất mạnh. Các nhà văn nữ tha hồ hốt bạc. Tha hồ viết cuồng viết vội. Tha hồ viết feuilleton rồi in thành sách.

Thử làm một thống kê sơ lược về những tác phẩm của họ xuất bản từ năm 1967 đến cuối năm 1974. Nhã Ca chiếm quán quân, ít nhất là bà đã xuất bản trên 30 tác phẩm. Rồi đến Nguyễn thị Hoàng (với 25), Nguyễn thị Thụy Vũ với 10, Túy Hồng (11) và Trùng Dương với 3 tác phẩm, chưa kể truyện dịch. Những con số này có tính cách tương đối, có thể nhiều hơn. Chúng tôi chỉ căn cứ vào thư mục của thư viện đại học Cornell, để chứng minh về một hiện tượng ắt có và đủ trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của thời chiến.

Đó là những hiện tượng nổi bật nhất của văn chương nữ nói riêng và văn chương miền Nam nói chung. Đến nổi năm 1972, tạp chí Văn phải làm một cuộc thảo luận bàn tròn về hiện tượng này qui tụ toàn là những cây bút nam giới rất quen thuộc bấy giờ. Đây là cuộc thảo luận bàn tròn do nhà văn Mai Thảo chủ trì, sau 4 lần thảo luận bàn tròn trong thời Sáng Tạo ông làm chủ nhiệm (1961).

Một hiện tượng khác không rầm rộ ồn ào, là hiện tượng mang tư tưởng Phật giáo vào văn chương của hai chị em Phùng Khánh và Phùng Thăng qua những tác phẩm ngoại quốc mang tư tưởng Phật Giáo. Một ví dụ là truyện dịch

Câu chuyện một dòng sông của Hermann Hesse, Bắt Trẻ Đồng Xanh của J.D. Salinger... Đó là hai cuốn sách gối đầu giường của đa số giới trẻ chúng tôi bây giờ.

Cuối cùng, chúng tôi phải kể đến một hiện tượng mà chúng tôi gọi là hiện tượng “lề trái”. Đó là hiện tượng Cối Đá Vàng của nhà văn nữ Nguyễn thị Thanh Sâm.

Đây là một hiện tượng độc nhất vô nhị, nếu không nói là hy hữu trong dòng văn học VN. Bởi nó nói lên thực trạng của hậu trường văn nghệ SG, khi một tác phẩm dù giá trị cách mấy nhưng không nằm trong qui đạo “lề phải” (chữ thời nay) thì tác phẩm ấy cũng phải nằm trong xó bụi của thời gian.

Nó chỉ được vực dậy cách đây khoảng 5 năm, do một bài viết của một cô chủ Blog Phay Van. Cô đọc tác phẩm này trước 1975 khi còn rất bé. Bài post được đáp ứng, và một nhóm được thành lập có tên là nhóm “dự án CĐV”. Cuốn sách đã làm xôn xao không ít trong văn giới và độc giả trong và ngoài nước.

Xin mời đọc bài nhận định về tác phẩm CĐV của tác giả Nguyễn thị Hải Hà *trong số báo này hoặc bài Hành Trình của Cối Đá Vàng của Trần thị Nguyệt Mai* được phổ biến trên một số trang Mạng để hiểu tại sao tác phẩm lại được tái bản, .



ĐÀO HUY ĐÁN

NHÌN QUA VĂN ĐÀN NỮ GIỚI MIỀN NAM



tranh Hồ Thành Đức

Từ lúc Thụy An xuất hiện trên văn đàn tới năm 1960, văn nghệ của giới phụ nữ vẫn còn luân chuyển trong một khuôn khổ chật hẹp, dù đã lột xác nhiều phen để khởi sự những cuộc hành trình vào những chân trời dự phóng nhiều màu sắc tân kỳ hơn. Khuôn khổ chật hẹp đó gồm cái thể giới đóng khung mà các nhà văn nữ tiếp xúc và sinh hoạt, những giáo điều càn cối đã chi phối óc phiêu lưu vào lãnh vực văn chương của họ, kiểu cách đom đống xui khiến họ đánh phần thoa son cho tâm tình lẫn cuộc đời mình. Ngoài ra vào khoảng 1960 – 1969 sự phá phách cùng những cách làm ảo thuật để ngôn ngữ văn chương pha trộn vào ngôn ngữ triết học vẫn chỉ là sự đổi thay về hình thức văn chương mà thôi và sự thay đổi vốn dĩ chưa phải là một cuộc cách mạng. Người phụ nữ cầm bút ngày hôm nay chỉ ý thức rằng tính cách ước lệ trong văn chương đã đến thời cáo chung, chứ không nghĩ đến việc tạo một ý thức chặt chẽ trong lãnh vực tư tưởng.

Thụy An với quyển “Một Linh Hồn” và “Bốn Mớ Tóc”,

Mộng Sơn với quyền “Vượt Cạn” và quyền “Làm Nũng” đã chứng tỏ ý thức căn bản và vững chải trong việc cầm bút của mình. Xã hội lẫn thế giới trong tác phẩm của họ không biểu hiện những nét đặc thù và nhân vật của họ chưa được soi sáng, chiếu rọi vào những uẩn khúc thâm sâu của đời sống nội giới.

Rồi đó, sau Hiệp Định Genève, đất nước bị chia đôi, Thụy An và Mộng Sơn ở lại miền Bắc. Nguyễn thị Vinh và Linh Bảo đã góp mặt trên văn đàn miền Nam một vài tác phẩm mô tả đời sống qua cái nhìn trải trên bình diện tron nhãn. Đó là những tác phẩm nhẹ nhàng mà tác giả khước từ óc thám hiểm, không phiêu lưu vào những lãnh vực sâu rộng theo sự đòi hỏi nhu cầu lột xác của văn chương từng giai đoạn tiếp diễn. Thật ra, trước đó, ở miền Bắc, Nguyễn thị Vinh đã cho xuất bản quyền truyện dài “Thương Yêu” và Linh Bảo cũng đã dâng một bông hoa tinh thần cho văn đàn qua quyền “Gió Bắc”. Chính ở miền Nam, hai nhà văn nữ này được nhà văn Nhất Linh với tờ giai phẩm “Văn Hóa Ngày Nay” và với hai cơ sở xuất bản “Đời Nay”, “Phượng Giang”, đã khai thác, thấp sáng thêm tên tuổi họ. Tờ “Văn Hóa Ngày Nay” còn mời thêm những cây bút phụ nữ khác như Quỳ Hương, Thu Vân về cộng tác, đồng thời khám phá thêm hai cây bút phụ nữ mới là Tuyết Hương và Đỗ Phương Khanh. Quỳ Hương đã gây chú ý cho độc giả ở quyền “Hai Mối Tình”, còn Thu Vân đã tỏ ra thông minh linh hoạt ở một vài đoản văn, tùy bút và nhất là bức thư gửi cho Nhất Linh được đăng tải lên giai phẩm “Văn Hóa Ngày Nay” trước khi cho xuất bản hai quyền “Đất Mẹ” và “Mùa Mưa Đêm”.

Trào lưu văn nghệ phụ nữ tuy có đông đảo nhưng chưa gây sôi nổi. Nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiêu Muội, từ thuở tiền chiến là một nhà thơ nữ đã chiếm giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn qua tác phẩm “Phấn Hương Rừng”, trong năm 1961, cho xuất bản một truyện dã sử nhan đề “Nàng Ái Cơ Trong Chậu Úp”. Tác phẩm đó gây nhiều chú ý cho độc giả ở chỗ sưu tầm tài liệu đã chôn vùi trong quá khứ hơn là ở phần tâm lý đa dụng của nhân vật. Tờ bán nguyệt san Bách

Khoa đã lăng xê một cây bút phụ nữ viết về phong tục đồng quê và có khuynh hướng giáo dục. Đó là bà Vân Trang, sau đó ít năm, cho xuất bản tập truyện “Những Bức Thư Tình”. Táp san Bách Khoa còn giới thiệu thêm Minh Đức Hoài Trinh, Mộng Trung vốn là hai cây bút phụ nữ ở hải ngoại, chuyên viết những điều mắt thấy tai nghe thật đặc sắc ở những quốc gia mà họ có dịp đặt chân đến dưới hình thức những bức thư dài, đọc lên thật thú vị nhờ ở tài quan sát tinh vi của họ. Tuyết Hương càng tỏ ra thông minh sâu sắc hơn khi cho đăng truyện dài “Phấn Đấu” của mình theo thể thức feuilleton trên tạp san Bách Khoa.

Đồng đức, nhưng hoạt động thiếu tiết điệu như một hoạt cảnh trong một đoạn phim thiếu nhạc đệm. Đó là đặc tính khái quát của trào lưu văn nghệ phụ nữ trong thời kỳ đó. Cái thông minh sắc sảo của quý bà cầm bút cũng chỉ tạo ra những nhân vật có cá tính mạnh, nhưng những nhân vật đó thường được thu nhận vào một cuốn phim câm để chiếu trên một bức màn ảnh xã hội mờ nhạt màu sắc. Hơn nữa, cái xã hội trong tác phẩm của họ vẫn là một xã hội thỏa thuận tạm bợ với nền đạo đức cổ truyền, với bao tập quán bất biến. Khung cảnh gia đình được họ thể hiện và khai thác rất nhiều trong tác phẩm của họ. Nội giới và ngoại giới dưới cái nhìn của họ thường bị đóng khung và do đó, văn chương đối với họ là một món trang sức nếu không là một thú tiêu khiển trang nhã. Nhân vật của họ, cái thế giới lẫn xã hội của họ phơi bày dưới mắt chúng ta bằng những chân dung, những hình sắc biểu kiến mà thôi. Cách mạng, lột xác, đó là những danh từ thật xa lạ đối với các bà, trong giai đoạn hoàng hôn của một thứ văn chương “xa lông” đó. Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội qua cuốn “Nàng Ái Cơ Trong Chậu Úp” làm cho ta nghĩ đến công trình sưu khảo tài liệu và óc tưởng tượng phong phú dựa trên những biến cố có thật ở dĩ vãng của nữ sĩ Kathleen Winsor trong cuốn “Ambre”. Vân Trang vẽ được một cảnh thôn quê linh động làm cho chúng ta liên tưởng đến những cuốn “As The Earth Turns” của Gladys Hasty Carroll. Nguyễn thị Vinh đã vẽ được những nhân vật không tiên thánh, không ác quỷ,

rất linh động, rất “người”. Linh Bảo dí dỏm, cay đắng, hoạt bát đem đến văn đàn một sắc thái đặc biệt. Minh Đức Hoài Trinh duyên dáng, linh động, Tuyết Hương diễn tả nhiều uẩn khúc của tâm trạng khá sắc sảo trong truyện dài “Phấn Đấu”, Đỗ Phương Khanh tạo nên những đặc điểm đậm đà qua sự diễn tả đơn sơ.

@

Nữ sĩ Minh Quân với hai bút hiệu khác nhau đã đoạt giải nhất do Hội Văn Bút Việt Nam tổ chức qua truyện ngắn “Những Ngày Cạn Sữa” (bút hiệu Minh Quân) và giải khuyến khích qua truyện ngắn “Gán Bó” (bút hiệu là Minh Tâm). Sự xuất hiện của bà vẫn không phải là sự xuất hiện gây một niềm tin của con suối nhiệm màu, cũng như không phải là sự xuất hiện gây chấn động hoang mang cho mọi người của một ngôi sao chổi. Bà đến với độc giả bằng một cử chỉ thân ái, chứ không phải bằng những bước chân khua động giấc hồn trầm trong văn đàn nữ giới.

Trước đó, Túy Hồng, một phụ nữ người Huế đã cho đăng trên Bách Khoa một vài truyện ngắn, giống lên một tiếng náo bật lẻ loi, nhưng khá vang dội, báo hiệu buổi bình minh của một giai đoạn văn nghệ mới. Song tiếng báo hiệu đó chưa có thanh la, trống mõ phụ họa nên bị tan loãng rất mau trong sự thờ ơ của độc giả và có lẽ tại vì Túy Hồng ngưng bút trong một thời gian khá dài nên rốt cuộc văn đàn nữ giới lại chìm đắm trong cơn đồng thiếp nặng nề cũ.

Nhưng đến năm 1966 và 1967 văn nghệ nữ giới chuyển qua một khúc quanh khá sôi nổi hào hứng. Nhã Ca (trước đó là một nhà thơ nổi tiếng) cho xuất bản truyện dài “Đêm Nghe Tiếng Đại Bác”, Nguyễn thị Thụy Vũ với tập truyện “Mèo Đêm”, Nguyễn thị Hoàng với truyện dài “Vòng Tay Học Trò”, Trùng Dương với tập truyện “Vừa Đi Vừa Ngược Nhìn” đã gây một đợt sóng huyền ảo, đánh át tiếng nói thô thể trong sáng của Minh Đức Hoài Trinh trong hai tác phẩm “Bơ Vơ” và “Hấn”. Bốn nhà văn nữ: Nguyễn thị Hoàng, Nhã Ca, Trùng Dương, và Nguyễn thị

Thụy vũ hợp cùng Túy Hồng đánh dấu một chặng đường văn nghệ phụ nữ đặc sắc, gây rất nhiều xôn xao trong dư luận độc giả. Nguyễn thị Hoàng bị những nhà phê bình mang mặt nạ đạo đức, mô phạm kết án là một cây bút phi luân, cũng như Nhã Ca bị gán cho những tiếng thời trang, và cũng như Túy Hồng, Thụy Vũ, Trùng Dương bị buộc tội là khiêu dâm, táo tợn.

Thẩm định giá trị và mức độ tài năng của năm nhà văn nữ: Túy Hồng, Nhã Ca, Trùng Dương, Nguyễn thị Hoàng và Nguyễn thị Thụy Vũ là cả một vấn đề uyển chuyển, phức tạp. Chúng ta cũng khó xác định sự xuất hiện trên văn đàn của họ là một hiện tượng được vì ít ra trong lối đi của họ, chúng ta đã tìm thấy sự thành khẩn trong cuộc phiêu lưu của họ, chứ chưa hẳn có sự phá phách để gây tiếng vang. Sự thành khẩn trong cuộc phiêu lưu đó thoát thai từ ý thức tìm một thứ ngôn ngữ, một lối diễn tả cảm nghĩ thích hợp với sự khắc khoải nóng sốt của họ. Thế giới trong tác phẩm của họ là những cảnh đời lánh xa lý trí khô khan xa những hợp lý bất biến của xã hội, để trở thành một thế giới đầy sắc thái phong phú. Chúng ta phải hiểu rằng đời sống trong văn chương không là sản phẩm của một số người khoác chiêu bài kiến tạo hoặc tái tạo đời sống, mà nó chỉ là phản ảnh một phần nào đời sống đích thực. Nhân vật trong một tác phẩm văn chương nào đó là một con người thoát thai từ nhịp sống phức tạp, mà đời sống tâm lý và đời sống tinh thần của họ là sự phối trí, trà trộn giữa Thiện và Ác, giữa lý trí và bản năng. Từ quan niệm đó, văn chương của Túy Hồng, Trùng Dương, Nhã Ca, Nguyễn thị Hoàng và Nguyễn thị Thụy Vũ không nhằm ổn định một tình trạng nào trong xã hội không đúc khuôn những nhân vật sống theo một hệ tư tưởng đạo đức nào. Họ muốn thổi mạnh một làn gió lạ vào cái thế giới đàn bà cầm bút, còn chuyện thành công trong việc lột xác hay không là một vấn đề khác. Người ta có thể rên rỉ là Nguyễn thị Hoàng quá mê sảng, quá lạm dụng trong việc xử dụng vô hào nhoáng ngôn ngữ triết học trong tác phẩm của mình. Người ta có thể phàn nàn Túy Hồng quá lợi dụng từ làm xảo thuật ngôn

ngữ của mình để đến độ ngôn ngữ trở nên quái đản, sự diễn tả trở nên phóng túng và hỗn xược. Người ta có thể cần nhắc Trùng Dương gán cho những nhân vật của mình những suy tư trên những vấn đề mà các cây bút Tây Phương đã nhai đi nhai lại đến độ thành những cái bã nhặt thềch. Người ta có thể eo sèo Nguyễn thị Thụy Vũ chưa nắm vững thể nào là cuốn dâm thư, thể nào là nghệ thuật khơi dậy niềm yêu cuộc sống thành khấn của D. H. Lawrence trong cuốn “L’Amant De Lady Chatterley” khi khai thác một cuộc ngoại tình qua những “xen” làm ái tình sôi bùng.

Thật ra, những ý kiến đó không hẳn hoàn toàn là vô lý và độc ác, nhưng chắc chắn là phiến diện vì thẩm định một nhà văn là phải cảm nhận được thiện chí canh tân, lẫn óc sáng tạo của họ và phải chiếu rọi cái nhìn vào những vấn đề quan trọng khác của tác phẩm những thái độ và quan niệm của các nhân vật, những sự kiện mâu thuẫn đã làm cho đời sống nội tâm của nhân vật thêm phần linh động và đa dạng.

@

Dầu sao đi nữa, chúng ta phải công nhận rằng ít ra năm nhà văn nữ đó đã gây được tiếng vang đáng kể trong lĩnh vực văn nghệ đến độc giả bằng khuôn mặt trái của nền đạo đức giả nua, cũ kỹ để trình bày bộ mặt nham nhở nhưng rất chân thành để gây một cơn lốc dữ dội. Từ năm 1967 đến năm 1970, họ đã phóng vào tình trạng mờ mịt của văn đàn nữ giới một ánh sáng bập bùng của một bó đuốc. Họ trình bày một lối diễn tả trâng tráo, hay hoa gấm một cách hào phóng để đạt một sự phiêu lưu trong lãnh vực cảm nghĩ, để phù hợp với những nhân vật trong một xã hội rạn nứt, những nhân vật khao khát tự do cho tinh thần mà không bao giờ được mãn nguyện.

Túy Hồng, Trùng Dương, Nhã Ca, Nguyễn thị Hoàng hay Nguyễn thị Thụy Vũ đã hình thành một hàng ngũ độc đáo vào khoảng thời gian 1966-1973 bằng bước đi táo bạo của mình, bằng sự liều lĩnh ném ý thức tự do vào những khuôn

mặt đạo đức giả. Trong khoảng thời gian đó, nhuệ khí và danh vọng của năm nhà văn nữ đó đã đè bẹp những mầm sáng tạo của các cây bút nữ giới khác. Sách của họ đã tung ra thị trường rồi rít như muôn vàn cánh bướm trong một vườn hoa phồn thịnh hương sắc.

Nguyễn thị Vinh vốn có tinh thần cấp tiến, biết xoay trở kịp trào lưu của một nền văn nghệ “*đi sâu vào uẩn khúc éo le của con người*” nên sửa chữa, thêm thắt đoạn cuối của một truyện dài dang dở dang trên tạp san Văn Hóa Ngày Nay nhan đề là “Cô Mai”. Tác phẩm này chào đời vào năm 1971 đánh dấu một giai đoạn mới của một cây bút đoạn trang, đôn hậu. Linh Bảo, sau một thời gian vắng mặt trên văn đàn, cho xuất bản tập truyện “*Những Cánh Điều*” chứng tỏ sự bùng hương trở sắc của một ngòi bút vốn đã già dặn từ khởi điểm. Nguyễn thị Vinh và Linh Bảo, dù với bút pháp cổ điển, với truyện dài “*Đất và Người*”, Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội với quyển tùy bút “*Dưới Mái Trắng Non*” vẫn giữ mức độ nề nếp cũ, dù không được độc giả hoan nghinh, nhưng vẫn biểu dương một phong độ già dặn, điều luyện. Nữ ký giả Đặng thị Thanh Phương, trong khoảng thời gian chiến tranh Việt Pháp đã có một vài lần xuất hiện trên văn đàn và được độc giả biết tiếng qua tác phẩm “*Một Người Anh*”, bằng đi hăng mười mấy năm dài vắng bóng, nay lại tung ra hai tác phẩm “*Lệ Thủy*” và “*Những Tâm Hồn Cô Đơn*”, không thấp sáng gì thêm cho cây bút của mình.

Một số cây bút phụ nữ khác như Lê thị Bích Vân với tác phẩm “*Bụi Phấn Hồng*”, Quỳnh Như với tác phẩm “*Ở Cuối Chân Trời*”, Nguyễn thị Xinh với “*Mưa Lá Me*”, Kiều Mỹ Duyên với “*Thiên Thần Mũ Nâu*”, Châu Mỹ Quế với “*Tuổi Ngọc Mây Mù*”, Thục Viên với “*Dấu Chân Chim Lạc Loài*” là những cây bút dò tìm hướng đi, và vẫn bỡ ngỡ hoang mang từ khởi điểm. Như Hiên với truyện dài “*Nàng Phiên*” là một cây bút về phong tục quyền rũ nhất. Nhưng, những nhà văn nữ này đến với chúng ta bằng một thái độ e dè và khiêm nhượng quá, nên không gây được một tiếng vang sâu rộng nào.

Có phải vì tiếng ồn ào của năm nhà văn nữ: Túy Hồng, Thụy Vũ, Nhã Ca, Trùng Dương, Nguyễn thị Hoàng đã che lấp tiếng nói lẻ loi của từng nhà văn nữ khác? Có phải vì năm nhà văn nữ này đã thổi những sinh khí cho văn đàn nữ giới để văn đàn nữ giới hồi sinh trong cuộc sống phồn thịnh? Không thể lấy luận điệu gì để đúc kết một nền tảng vững chãi có thể xác định và chứng minh rằng Túy Hồng, đã biến đổi thế giới buồn thiu của văn đàn nữ giới bằng sinh khí (tức là một hệ thống tư tưởng chặt chẽ). Thật ra năm nhà văn nữ này chỉ tạo một không khí mới, một màu sắc mới cho văn đàn mà thôi. Họ đã thổi sinh khí cho những cái xác chết, nhưng vẫn để cho cái chết sống trong giấc hôn trầm. Tác phẩm của họ đánh dấu khởi điểm của sự vượt thoát khỏi tính cách ước lệ, đông cứng và già nua của văn chương của các cây bút phụ nữ tiền phong. Tuy họ không đứng trong từ trường ước lệ đó, nhưng vẫn chưa thoát ra khỏi vòng tròn quỹ đạo ước lệ mà chỉ đứng trên các vòng tròn đó. Nhân vật của Nhã Ca, của Túy Hồng, của Nguyễn thị Thụy Vũ chung qui là những nhân vật sống trong một xã hội hạn hẹp, sống bằng tâm tình tiền chế (nói theo André Gide trong quyển “Les Faux Monayers”. Đó là những nhân vật bản khoán về sự mất tự do tinh thần, chứ không phải là những nhân vật làm những cuộc giải phóng tinh thần bị tù hãm, vì đời sống nề nếp giả tạo của xã hội đã vây hãm họ. Nguyễn thị Hoàng thường tạo cho nhân vật của mình những bản khoán, thắc mắc đời sống với thái độ làm dáng và trang điểm hơn là sự thành khẩn của mình. Trùng Dương vẫn chưa thoát khỏi những tâm tình đúc khuôn, những rung cảm đúc khuôn, những tư tưởng đúc khuôn của những nhà văn Tây Phương đã từng tạo ra kỹ thuật viết văn “đợt sống mới”.

Nhưng dù thế nào đi nữa, sự khao khát phiêu lưu của năm nhà văn nữ Nhã Ca, Trùng Dương, Túy Hồng, Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn thị Thụy Vũ đã lập một mối tương quan chặt chẽ với thời hành những nhà văn nữ khác cùng đời với họ.

Trần thị NGH tên thật là Trần thị Nguyệt Hồng xuất hiện vào năm 1970 trên tạp chí Văn Đền. Ở tác giả nữ trẻ tuổi này, nhà văn Võ Phiến đã nhận định là một cây bút viết truyện tình thật độc.

Trần thị NGH có một bút pháp điềm tĩnh mà không khô khan, diễn tả sự việc bằng cái nhìn dựa vào tinh thần quan sát (*esprit d'observation*). Niềm đam mê của nhân vật trong tác phẩm truyện ngắn của cô được bút pháp điềm tĩnh đó diễn tả trở nên một niềm đam mê đặc thù. Do đó, cái thế giới tình yêu của Trần thị NGH là một thế giới đặc thù do sự quan sát của tác giả mà có, chứ chưa diễn tả bất cứ một tình tiết nào và đã truyền vào tình tiết đó một sinh khí, để nó trở thành linh động hơn. Một khía cạnh rất tầm thường trong cuộc sống với những nhân vật có những nét tầm thường vô vị nhưng dưới ngòi bút của cô bỗng trở nên một mảnh đời cùng những nhân vật đập vào quan niệm về cuộc sống của chúng ta bằng những đường roi để chúng ta nhìn ngắm lại cuộc sống.

Trần thị NGH đi sau Nhã Ca, Trùng Dương, Túy Hồng, Nguyễn thị Hoàng và Nguyễn thị Thụy Vũ, nhưng vẫn có một chỗ ngồi sáng chói riêng. Tập truyện “Một Ngày Rất Thong Thả” của cô xuất bản vào năm 1973, đánh dấu một bước đi táo bạo của lớp sóng các nhà văn nữ nối tiếp với lớp sóng gồm có Nhã Ca, Trùng Dương, Túy Hồng, Nguyễn thị Hoàng và Nguyễn thị Thụy Vũ. Bên cạnh Trần thị NGH còn có Nguyễn thị Ngọc Minh, nhưng tác giả sau chỉ làm quen với độc giả bằng vài ba truyện ngắn, tuy thế vẫn chớm lộ bản sắc của ngòi bút mình. Thế giới trong tác phẩm của Trần thị NGH không hẳn là thế giới nổi loạn, mà là một thế giới chứa đựng một chuỗi ẩn ức để phác họa một viễn mộng mơ hồ nhưng vẫn chưa thiết lập được một dự phóng lớn nào.

Tình yêu trong tác phẩm của Trần thị NGH hay của Nguyễn thị Thụy Vũ ở chỗ không thiết lập một môi trường quan dựa hoàn toàn vào niềm rung động của bản chất văn

chương lãng mạn cuối mùa, mà là mỗi town quan giữa hai cá thể khao khát sống, hai cá thể khao khát nhục cảm những có ảo tưởng mình bắt gặp được tình yêu. Nguyễn thị Thụy Vũ diễn tả một cuộc tình bộc trực hơn, ranh mãnh hơn trong khi đó Trần thị NgH diễn tả công phu hơn, phức tạp hơn và cũng rất là trang nghiêm hơn. Bởi thế, chúng ta có cảm tưởng là tình yêu trong tác phẩm của Trần thị NgH thành khẩn hơn tình yêu trong tác phẩm của Nguyễn thị Thụy Vũ dù là hai thứ tình yêu đó cũng đồng một bản chất như nhau.

Trần thị NgH xuất hiện cùng một khoảng thời gian với Lê Hằng (một nhà văn nữ nổi tiếng về viết tiểu thuyết). Cái nhìn về tình yêu của Lê Hằng đơn giản hơn cái nhìn của Trần thị NgH nhiều, bởi vậy tác phẩm của Lê Hằng hợp với cảm quan đa số độc giả thuộc thành phần có kiến thức trung bình.

Lê Hằng chỉ xuất hiện trong vòng ba năm mà trở thành một tác giả ăn khách nhất trong năm 1973. Thế giới trong tác phẩm truyện dài của nhà văn nữ này vẫn là tình yêu, những băn khoăn, thắc mắc của lớp tuổi trẻ khao khát đời sống tự do. Lê Hằng chỉ nhấn mạnh ở những tình tiết éo le, và những ngang trái trong tình yêu mà thôi. Những băn khoăn, thắc mắc của tuổi trẻ chỉ hiện mờ mờ trong tác phẩm của bà, và bà không thích đề cập nhiều phương diện này vì với óc quan sát quá đơn giản, bà chỉ môn vờn thật nhẹ một vài ẩn ức sâu kín của những nhân vật trẻ tuổi trong tác phẩm để khai thác một biến cố một tai họa gì đó của họ và nhất là để trói buộc độc giả vào một đoạn đời lặn lội của họ. Bởi đó, Lê Hằng vẫn là một tác giả tuy viết nhiều tác phẩm nhưng vẫn chưa có cơ hội làm văn chương ở trong các truyện dài. Nhưng bước sang lĩnh vực truyện ngắn, bà đã chứng tỏ một bút pháp sắc sảo và một không khí độc đáo. Cũng vẫn vấn đề tuổi trẻ và tình yêu, nhưng ngòi bút của bà thọc sâu vào những cảm xúc chia ly hơn, vào những quan niệm phức tạp hơn. Đó, Lê Hằng thành công về phương diện sáng tác truyện ngắn, nhưng tiếc thay, bà chưa cho xuất bản một tập truyện ngắn nào và mãi cho đến

nay, thành phần chủ lực trong sự nghiệp văn chương của bà vẫn như một que diêm chưa bật lửa.

@

Nói chung, văn đàn nữ giới miền Nam như một dòng sông bình lặng chảy từ năm 1952 cho đến năm 1966. Bắt đầu từ giữa năm 1966, dòng sông đó qua một khúc quanh với năm cuồng lưu ồn ào huyền ảo là Túy Hồng, Trùng Dương, Nhã Ca, Thụy Vũ và Nguyễn thị Hoàng góp lại. Từ đó, những bộ mặt trơn nhẵn, bóng mịn của thế giới phụ nữ đã biến dạng, nhưng ngôn từ của lối viết văn cổ điển trong sáng cũng phai dần nề nếp cũ để trở thành những ngôn từ ma sát vào những rung cảm sôi nổi và chân thực hơn. Người cầm bút phái nữ đã chứng tỏ rằng mình không tìm được một thế đứng bình ổn trong một xã hội đóng khung và khép kín nữa. Hoặc nếu không đánh mất vùng an toàn trong xã hội của mình, họ cũng đã mở những cánh cửa của cái tháng ngày vây quanh mình để nghe những tiếng ồn ào, cuồng nộ hoặc khiếp đảm của cái thế giới bên ngoài dội lại.

Cũng bắt đầu từ năm 1966, tiếng ồn ào của những cây bút thời danh phái nữ đã va chạm đến nguồn cảm hứng, sự rung động của cây bút phụ nữ đã đi trước. Những rung cảm tiền chế, những nguồn cảm hứng quen thuộc lần lần khép kín hoặc âm thầm lặn sâu dưới lớp sương mù quá khứ. Đã đến lúc những giáo điều luân lý, những giá trị biểu kiến về đạo đức đã được xét lại bằng một thái độ cấp tiến. thế nhưng, niềm hăm hở lao vào những chân trời mới của văn nghệ đôi lúc làm cho một vài cây bút phụ nữ thời danh, thỉnh thoảng vẫn đóng góp một vài tác phẩm vào văn đàn. Lề lối sáng tác của họ cũng đã thay đổi ít nhiều để phù hợp với hoàn cảnh xã hội chung quanh họ, nhưng bản chất đôn hậu của họ vẫn còn tồn tại ở lối diễn tả chừng mực, không khoa trương ồn ào.

Đề độc giả quên sự mệt mỏi vì chên tranh kéo dài, loại

sách diễm tình thơ mộng vào năm 1971 bỗng bừng sống lại. Tiểu thuyết của Quỳnh Dao tràn ngập thị trường sách ố Việt Nam. Quá mê say cái mãi lực của tác phẩm Quỳnh Dao, những cây bút phụ nữ viết loại sách yêu đương thơ mộng gồm có Dung Saigon, Liên Hạ, Nguyễn Thảo Uyên Ly... và dẫn đầu là Nhã Ca. Ở đây, những tác phẩm nói về tình yêu tuy có thấp thoáng chuyện thời cuộc, một quan niệm hợp thời về tình yêu, nhưng vẫn là những tác phẩm được đúc kết từ ý thức sáng tác cũ, không làm chúng ta bàng hoàng, xây xẩm ở khía cạnh cải tiến nào.

ĐÀO HUY ĐÁN(tạp chí Văn Học Saigon, số 193)

Ảnh Hưởng Những Dịch Phẩm Của Phùng Khánh & Phùng Thăng Đối Với Nền Văn Học Miền Nam Trước Năm 1975

TRẦN HOÀI THƯ & NGUYỄN LỆ UYÊN thực hiện phỏng vấn



Phùng Khánh (Sư bà Trí Hải) (1938-2003)

1- Những dịch phẩm do Phùng Thăng dịch hay dịch chung với Phùng Khánh, hay Chơn Hạnh có những tác động nào đối với nền văn học miền nam trước 1975, thông qua các ấn phẩm (sách, báo) lưu hành trong các thập niên từ 1950-1970?

- **Nguyễn Vy Khanh:** Với văn-học miền Nam thời 1954-1975 cũng như đối với văn-học nói chung, dịch thuật đã và luôn đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc phổ biến, tiếp nhận các khuynh hướng văn-chương của nước ngoài cũng như sáng-tạo văn-học nghệ-thuật; bộ phận dịch thuật và văn-học nước ngoài phát triển thì các ngành văn học cũng phát triển, cập nhật theo. Nền văn-học chữ quốc-ngữ ở nước ta từ thời khai mở cho đến sau này đã trải qua nhiều giai đoạn sáng-tác, sử-dụng kỹ thuật Tây phương, phóng tác, v.v... mà ảnh-hưởng văn-học nước ngoài đã giữ

một vai trò đáng kể. Có thể nói nếu không có tác-phẩm văn học dịch thuật (*cùng nguyên tác*), và sách phê-bình, lý luận văn-học Âu Mỹ thì đã không có những Võ Phiến, Duy Lam, Thanh Tâm Tuyền, Chu Tử, Trùng Dương, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đình Toàn, Huỳnh Phan Anh, Hoàng Ngọc Biên, Thế Nguyên, Diễm Châu, v.v... Ảnh-hưởng của các trường phái, khuynh hướng thuộc giai đoạn này có thể nói đến hiện sinh, phân tâm, hoài nghi (*Kierkegaard*), chủ nghĩa siêu nhân và vô thần (*Nietzsche*), tiểu thuyết mới (*Nouveau Roman*), xã-hội Thiên Chúa Giáo (*nhân vị trước 1964, cách-mạng dân thân sau 1964*), Phật Giáo (*nhóm quanh Nhất Hạnh và đại học Vạn Hạnh*), v.v... đã được các giáo-sư, học giả và văn-ngệ sĩ như Nguyễn Nam Châu, Trần Thái Đình, Nguyễn Văn Trung, Nguyên Sa, Phạm Công Thiện, Tam Ích, Vũwww.hoc Đình Lưu, Bùi Giáng, v.v... giới thiệu với độc giả Việt- Nam cũng như giảng dạy ở các phân khoa đại học. Dĩ nhiên vai trò của các dịch giả cũng quan-trọng không kém, vì họ đã đưa các tác-phẩm nước ngoài vào sinh hoạt chữ nghĩa, văn-ngệ miền Nam thời này.



Phùng Thăng (1943-1975)
qua nét vẽ Đình Cường

Hai chị em dịch giả **Phùng Khánh** (*Thích Nữ Trí Hải, giáo-sư Anh văn và thư viện trưởng Đại Học Vạn*

Hạnh) và **Phùng Thăng** (giáo-sư Anh văn) đã góp phần với các dịch phẩm văn-học chung *Câu Chuyện Của Dòng Sông*(Siddhartha của Hermann Hesse, Lá Bối, 1965), *Bắt Trẻ Đồng Xanh* (The Catcher in The Rye của Jerome David Salinger, 1964); hoặc riêng Phùng Thăng với *Buồn Nôn*(La Nausée của Jean-Paul Sartre, An Tiêm, 1967), *Những Ruồi* (Les Mouches của Jean-Paul Sartre, NXB Thanh Hiên, 1967) và *Sói Đồng Hoang* (chung với Chơn Hạnh, của Hermann Hesse, NXB Ca Dao, 1969). Phùng Khánh còn là dịch giả và tác-giả nhiều tác-phẩm triết lý và Phật học khác.

Phần đóng góp của hai dịch giả dù không nhiều về số lượng như các dịch giả khác, nhưng thật sự đáng kể trong cuộc vận động văn-nghệ và văn-hóa sau năm 1964. Cả hai đều là giáo-sư Anh văn, riêng Phùng Khánh từng du học ở Hoa-Kỳ và có thể cảm nhận được lối sống của tuổi trẻ và người Mỹ, do đó bản dịch *Bắt Trẻ Đồng Xanh* đến với giới thưởng ngoạn văn-học nghệ-thuật miền Nam như một làn gió mới, có thể giúp hình thành một nhân sinh quan khác trước. *Câu Chuyện Của Dòng Sông* của nhà văn Đức Hermann Hesse lại là một chấn động lớn cho học sinh, sinh viên và trí thức cũng như độc giả nói chung, xuất-bản vào thời mà Phật học được giảng dạy ở các đại học văn khoa, thời văn-hóa Phật giáo bùng lên trong giới học sinh sinh viên và trí thức, thời các tạp-chí *Giữ Thom Quê Mẹ* (1965), *Vạn Hạnh* (1965), *Tư Tưởng* (1967), v. v... thu hút được nhiều độc giả và tác-giả sáng-tác. Phật giáo như một luồng tư tưởng và cảm hứng mới, khác, dưới ánh sáng giáo dục và tư tưởng thời triết lý Hiện tượng học của Husserl và nhất là Martin Heidegger.

Sói Đồng Hoang cũng của Hermann Hesse thì như muốn trả lời những thao thức của con người hiện-đại đi tìm lại mình và phải trải qua các khủng hoảng tâm lý, tinh thần cũng như vật chất.

Còn các dịch phẩm truyện và kịch của Jean-Paul Sartre là những đóng góp thêm vào những bản dịch khác đã có cùng thời, tiếc là chúng tôi không có văn bản để có thể tìm hiểu nét đặc thù và đánh giá. Cũng như ảnh hưởng của các dịch phẩm đó thật sự và thế nào, với nhà văn, cây bút nào, muốn có nhận định đúng đắn và cụ thể, cần phải tham khảo các ấn phẩm và báo-chí thời đó cũng như sau này.

Vì thực chất có thể khác với hiện-tượng, nhưng hiện-tượng từng xảy ra và đã kéo dài nhiều năm, đó là các dịch phẩm của hai bà từng được độc giả yêu thích, xem như sách gối đầu giường, cùng với sách của Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, v.v... Hoàng Ngọc Tuấn trong truyện ngắn *Buổi Chiều Hạ Lan* đăng trên tuần báo *Tuổi Ngọc* vào khoảng cuối năm 1969 - cách sống, hành xử và tâm tư của nhân vật trong truyện mang phong cách thời đại bấy giờ. Đặc biệt cuối câu truyện tình, nhân-vật Tôi cho biết: "... *Chẳng mấy chốc mà tôi sẽ được ôm hôn nàng trong vòng tay, và làm những chuyện mà cái thằng Caulfield đáng yêu nó gọi là 'các thứ'*" - "Cái thằng Caulfield đáng yêu", đúng vậy, thời Hoàng Ngọc Tuấn lên đại học và viết văn, cũng là thời tuổi trẻ Việt-Nam yêu thích bản dịch *Bắt Trẻ Đồng Xanh*.

2- Những gì mà hai dịch giả Phùng Khánh và Phùng Thăng để lại là những tác phẩm văn học nước ngoài rất giá trị đối với độc giả trước năm 1975. Nói giá trị bởi không phải độc giả nào cũng có trình độ tiếng Anh, tiếng Đức đủ để đọc nguyên bản, và nhờ đó, họ có thể hiểu được nội dung tác phẩm qua phần chuyển ngữ tài hoa của người dịch. Anh chị nghĩ gì về hai nữ dịch giả này?

- **Khuất Đầu:** Một cặp đôi toàn tài của văn chương Việt Nam là Phùng Khánh và Phùng Thăng. Một cặp đôi còn

chói sáng hơn cả Hoài Thanh và Hoài Chân.

Có ai đó đã nói rằng dịch là phản, có nghĩa rằng chuyển thể một tác phẩm văn học từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác là cực kỳ khó, nếu không muốn nói là gần như không thể, tức là chẳng những chuyển phần xác mà còn phải chuyển cả phần hồn... Điều không thể là cái phần hồn ấy. Tuy nhiên, không thể không có nghĩa là không có ai làm nổi.

Như Đoàn Thị Điềm dịch *Chinh Phụ ngâm* của Nguyễn Gia Thiều. Phan Huy Vịnh dịch *Tỳ Bà Hành* của Bạch Cư Dị. Như Nhượng Tống dịch *Tây Sương ký* của Vương Thực Phủ. Như Bùi Giáng dịch *Hoàng Tử bé* của Saint Exupéry.

Và như Phùng Khánh - Phùng Thăng dịch *Câu Chuyện Dòng Sông* của H. Hesse. Nhất là *Bắt Trẻ Đồng Xanh* của J. D. Salinger.

Đó là những bản dịch toàn bích.

Tôi muốn nói ít nhiều về bản dịch lạ lùng *Bắt Trẻ Đồng Xanh* ấy. Lạ lùng vì cái ngôn ngữ xác láo, bất cần đời rất mất dạy của Holden, một cậu trai 17 tuổi vừa bị đuổi học. Cái ngôn ngữ du côn du kê, văng tục chửi thề bạt mạng lại được hai nữ quận chúa lá ngọc cành vàng chuyển sang ngôn ngữ Việt một cách rất đổi tài tình. Tài tình vì đọc bản dịch ta quên mất Holden là một thằng nói tiếng Mẽo, mà cứ tưởng là một thằng ông mãnh nào đó ở Sài Gòn lục tỉnh.

Tôi cứ băn khoăn mãi, hai nữ dịch giả lúc ấy vừa bước qua tuổi 20, sao lại có thể thâm nhập được ngôn ngữ chợ búa rất xa lạ với dòng tộc quý phái và dửng dưng đưa vào bản dịch của mình mà không sợ bị phê phán, nói theo kiểu bây giờ là bị ném đá. Lại dành tặng Mẹ nữa. Như thế là biết ơn Mẹ đấy. Bởi vì Mẹ chẳng những không mắng mà còn khen. Mẹ khen vì hai cô con gái ngoan biết rằng Mẹ cũng sẽ rất yêu cái thằng Holden "*mất dạy*" đó như chính mình.

Đúng là yêu cái ngông nghênh của tuổi mới lớn đó. Cũng như ta yêu cái ngông nghênh sôi nổi của Nguyên Tất Nhiên.

Tôi cho rằng bản dịch *Bắt Trẻ Đồng Xanh* là một bản dịch ngỗ nghĩnh và thú vị nhất mà nền văn học của miền Nam có được.

Giữa lúc mà tình tình trạng "loạn dịch" ở Việt Nam tràn ngập những thứ ôn dịch như "cha tôi chết vì ung thư buồng trứng" ta lại càng biết ơn hai nữ dịch giả mà số phận đau đớn thay lại không được vẹn toàn như những tác phẩm dịch của họ.

Hỏi rằng, với những tác phẩm ấy có để lại cho đời chút ảnh hưởng nào chẳng, tôi tin là có.

Một tác phẩm như *Bắt Trẻ Đồng Xanh* với sự sáng tạo của người Việt và ngôn ngữ Việt sẽ ra đời để kể lại cái thời dịch hạch mà chúng ta đang sống này chẳng hạn. Một ngôn ngữ đường phố, bạo dạn, mãnh liệt như ngôn ngữ mà hai nữ tác giả đã vận dụng một cách sáng tạo. Có thể là 10 năm, có thể hơn thế nữa. Nhưng tôi tin là có. Bà Đoàn Thị Diễm châu có ngờ hăng nhờ bản dịch *Chinh Phụ ngâm* của mình mà nhạc sĩ Lê Thương đã sáng tác *Hòn Vọng Phu* bất tử.

Thực tình thì tôi không xứng đáng ca ngợi hai bà. Phải là một người cùng thời, một người mà tài dịch "*giải nhất chi nhường cho ai*", một người mà "*Sài Gòn Chợ Lớn đôi nơi / đi lên đi xuống đã đời du côn*" như Bùi Giáng mà phải gọi hai bà là "*mẫu thân*" thì mới đích thực là ngợi ca. Gọi "*mẫu thân*" vì phục tài đầy thôi, chứ không phải ốm ờ.

3- Anh chị có những ấn tượng gì về ngôn ngữ, nhân vật hay nội dung tác phẩm sau khi đọc các bản dịch của Phùng Khánh & Phùng Thăng?

- **Diệu Hoa:** Sách dịch tôi có đọc, nhưng tương đối kể cả trước và sau năm 1975. Tôi không hiểu gì về dịch thuật và cũng do hạn chế về ngoại ngữ nên chỉ đọc bản tiếng Việt và cảm nhận như chính các dịch giả là người sáng tạo ra vậy. Chẳng hạn hồi trung học, tôi đọc bản dịch *Les grands coeurs* của E.D. Amicis do thầy Hà Mai Anh dịch, có tựa tiếng Việt là *Tâm Hồn Cao Thượng*, rồi cách đây hơn 10 năm tôi vào hiệu sách Sài Gòn mua lại quyển này nhưng dịch là *Những Tấm Lòng Cao Cả* (Hoàng Thiên Sơn dịch, nxb VHTT 2010). Về đọc, tôi hoàn toàn thất vọng, bởi cách dịch có vẻ như kiểu chuyển từ, từ tiếng nước này sang tiếng nước khác; văn phong khô khan, sậm sứt... không có hồn cốt, không như bản dịch của Hà Mai Anh mà tôi đã đọc hồi nhỏ:

"Enricô con ơi! Việc học đối với con hình như khó nhọc, mẹ con nói phải đấy. Cha chưa bao giờ trông thấy con đi học với cái dáng quả quyết và nét mặt hớn hở như cha mong muốn! Con thử tưởng tượng nếu con ngồi không ở nhà thì ngày giờ của con sẽ trống trải biết là dường nào! Cha chắc chỉ trong vòng một tuần lễ là con lại muốn trở lại nhà trường. Còn ơi! Hiện thời, không một đứa trẻ nào là không đi học. Con hãy nghĩ đến những người thợ làm lưng cặm cùi cả ngày, tối đến còn phải cấp sách đi học, những cô thiếu nữ suốt tuần lễ bị giam giữ trong xưởng, chủ nhật đến cũng rủ nhau đi học, những binh lính hết giờ luyện tập cũng đem ra học, viết. Cho đến những trẻ mù, trẻ câm, chúng cũng đều học cả..."

Nói như vậy để, thứ nhất, vấn đề dịch không chỉ đòi hỏi phải có trình độ ngoại ngữ mà còn có khả năng hiểu được bản chất, tức chiều sâu ý nghĩa của ngôn ngữ giữa nước này và nước khác. Chuyển ngữ là công việc rất khó. Chuyển ngữ thế nào để vừa không đánh mất cái gốc của bản chính vừa để độc giả cảm nhận được cái hay cái đẹp của bản dịch mà không xa cách với bản chính lại là điều càng khó khăn hơn nhiều. Tôi nói trình độ là ở khía cạnh này.

Riêng với Phùng Khánh & Phùng Thăng là hai chị em "*con nhà trâu anh thế phiệt*" và khi dịch thì họ lại là một cặp hoàn hảo, thường là cùng dịch chung một tác phẩm. Tôi có đọc hai bản dịch của họ là *Câu Chuyện Dòng Sông* và *Bắt Trẻ Đồng Xanh*. Bản dịch trước là hành trình tiếp cận chân lý của Tất-Đạt-Đa từ một quý tộc giàu sang chìm đắm trong sắc dục cho tới khi giác ngộ. Tôi đọc quyển này như đọc một quyển thơ xuôi. Ở chương Người Lái Đò, có đoạn tôi thuộc lòng:

"Chàng thương mến nhìn dòng nước chảy, nhìn màu xanh trong suốt, những đường pha lê vẽ nên bức tranh thần tình trong lòng nước. Chàng trông thấy những viên ngọc ngời sáng nổi lên từ đáy sâu, những bọt nước bọt lợi trên tấm gương... Chàng yêu dòng sông này biết bao, nó thật quyến rũ và chàng đầy cảm ơn đối với nó. Chàng nghe trong tim tiếng nói của thức tỉnh nói với chàng: "Hãy yêu dòng sông này, ở bên nó và học với nó. Phải, chàng muốn học nơi nó, chàng muốn lắng nghe nó. Chàng thấy dường như bất cứ ai hiểu được dòng sông và những huyền bí của nó sẽ hiểu được nhiều điều hơn nữa, nhiều điều huyền bí, tất cả mọi huyền bí".

Đoạn dịch này như một đoạn thơ.

Và, ở *Bắt Trẻ Đồng Xanh* có một đoạn ông thấy Antolini vừa ngồi uống rượu vừa thuyết giảng bằng ngôn ngữ "chợ đời" với thằng Holden trốn học, lêu lổng rồi bị đuổi học mà tôi cho là họ đã dịch rất hay qua ngôn ngữ Việt, hẳn nhiên tư tưởng là của J.D. Salinger:

"Tôi không cốt nói với chú rằng chỉ có những người có giáo dục và học thức rộng mới có thể đóng góp một cái gì có giá trị cho thế giới. Không phải thế. Nhưng tôi phải nói rằng những người có giáo dục và học thức rộng, nếu họ thông minh và có óc sáng tạo - điều này, rồi thay lại rất hiếm - thì họ dễ để lại nhiều vô số những thành tích cho đời hơn là những người **chỉ** thông minh và có óc sáng tạo..."

Một nền giáo dục học đường còn có lợi cho chú về một phương diện khác. Nếu chú chịu khó theo đuổi một thời gian kha khá, chú sẽ có thể có một ý niệm về tầm vóc của trí não chú ra sao. Nó sẽ thích hợp với cái gì. Sau một thời gian, chú sẽ có một ý niệm về tầm vóc trí não đó nên mang lấy những tư tưởng gì. Một điều có lợi cho chú là chú khỏi tốn nhiều thời giờ cho những ý niệm không thích hợp với chú. Chú sẽ biết tầm vóc thật sự của chú một cách rõ ràng hơn và tùy theo đó để trang bị cho trí thức chú."

Và ở cuốn *Sói Đồng Hoang*, dịch chung với Chơn Hạnh (*Trần Xuân Kiêm*), khi đọc có cảm giác ngán ngẫm hơn, bởi phải theo dõi từng cử chỉ, ngôn ngữ, hành động của tên điên rồ mộng tưởng Harry Haller qua từng trang sách. Có lẽ câu chữ từ bản gốc đến bản dịch, cả tác giả và dịch giả phải chọn lựa ngôn ngữ phù hợp để giải mã thật chính xác những ảo giác, mộng mị mê cuồng của nhân vật, nên khi mới đọc lần đầu thấy có gì đó vương vương (*có lẽ do tôi không mấy hiểu về triết học*), nhưng chịu khó đọc lại lần hai, lần ba chúng ta sẽ nhận ra tại sao Harry Haller đã buông trôi theo đời sống thác loạn, khốn đốn trong phần đời tiếp sau, khi hắn được tự do hoàn toàn...

Trần Hoài Thư & Nguyễn Lệ Uyên thực hiện

(Thư Quán Bản Thảo số 59, Tháng 3-2014)

NHẬT TIẾN

NHÀ VĂN NỮ VÀ HIỆN TƯỢNG SINH HOẠT TIỂU THUYẾT TRONG NĂM 1967 (*)

[...]Phóng một tia nhìn tổng quát vào sinh hoạt tiểu thuyết Việt Nam trong năm 67 vừa qua, người ta đã thấy ngay hiện tượng ồn ào, náo nhiệt báo hiệu một năm hoạt động phồn thịnh nhất của tiểu thuyết Việt Nam từ trước đến nay. Đề bài nhận định trở nên có thứ tự và dễ đọc giả tiện bề theo dõi, chúng tôi xin đề cập những nhận xét của chúng tôi thành ba phần:

- Nhận xét về tình hình các tác giả sáng tác trong năm 67.
- Nhận xét về nội dung các tác phẩm đã xuất bản.
- Nhận xét về tình hình xuất bản sách, phát hành sách và độc giả tiêu thụ sách.

1) Nhận xét về phía tác giả

Trong vòng 6 tháng đầu năm 67, một hiện tượng nhận thấy rõ rệt nhất trong giới sáng tác tiểu thuyết là hiện tượng các cây bút phụ nữ hoạt động gần như đơn thương độc mã, làm mưa làm gió trong ngành tiểu thuyết.

Mở đầu là Nhã Ca với tác phẩm *Đêm Nghe Tiếng Đại Bác* gây được tiếng vang rộng rãi và sự tiếp đón nồng nhiệt của độc giả. Lần đầu tiên ở Việt Nam, một tác phẩm văn nghệ được tái bản trong vòng không đầy hai tháng. Nguyên nhân cũng dễ hiểu, vì đó là lần đầu tiên một tác giả đem không khí chiến tranh vào một tác phẩm viết về dân đô thị mà thành phần là giới trí thức trung lưu tiểu tư sản. Người

ta lấy làm lạ về sự xuất hiện muộn màng này, khi cuộc chiến tranh trên đất nước ta đã kéo dài từ nhiều năm và ảnh hưởng của nó đối với thành phần tiểu tư sản ở đô thị không phải là chỉ mới bắt đầu. Nhưng viết về cái ảnh hưởng ấy, lại viết một cách trung thực, truyền cảm thì chỉ mới có Nhã-Ca làm được công việc đó. Cho nên chính tác phẩm đã đưa Nhã-Ca từ cương-vị một nhà thơ (chiếm giải thi ca toàn quốc 1967) qua cương-vị một nhà văn một cách vững chắc. Duy có điều là Nhã-Ca viết hơi vội, hơi nhiều trong khoảng thời gian quá ngắn, cho nên ở những tác phẩm sau này như *Bóng Tối Thời Con Gái*, *Xuân Thì*, *Người Tình Ngoài Mặt Trận*, *Sống Một Ngày...* tất cả vẫn không làm độc-giả quên được cái dư-âm của tác phẩm đầu, tác phẩm mà nhà văn Nguyễn Mạnh Côn đã hết lời ngợi khen, như trong năm 67 không một tiểu-thuyết nào được người ta ngợi khen như thế.

Một tác giả phụ nữ thứ hai gây sóng gió trong làng tiểu thuyết 67 là Nguyễn thị Hoàng với tác phẩm *Vòng Tay Học Trò*, một truyện dài đã in từng kỳ trên Bách Khoa. Nếu *Đêm Nghe Tiếng Đại Bác* của Nhã Ca chỉ gây được sự sôi nổi một chiều (nghĩa là khen ngợi mà không thấy chê bai) thì tác phẩm của Nguyễn thị Hoàng gây được phản ứng của cả hai phía. Cũng có người khen hết lời nhưng cũng có người mạt sát thậm tệ. Và đặc biệt, sự khen chê này không nhắm vào yếu tố kỹ thuật mà chỉ hướng vào vấn đề đạo đức trong nội dung tác phẩm. Trong *Vòng Tay Học Trò* Nguyễn thị Hoàng viết về mối tình say đắm, thiết tha, cuồng nhiệt, khi si mê, khi hờn dỗi của một cô giáo với một cậu học trò. Với đề tài ấy, cơn bão tố nổi lên trong phản ứng độc giả là chuyện dĩ nhiên. Nhưng dù khen hay chê, dù chấp nhận hay từ chối nội dung táo bạo đó, người ta cũng phải công nhận ngòi bút của Nguyễn thị Hoàng là một ngòi bút lý tưởng viết về tình yêu. Sự nhân xét này càng được chứng tỏ hơn nữa qua truyện dài *Vào Nơi Gió Cát* ấn hành vào gần cuối năm 67. Nguyễn thị Hoàng đã diễn tả được, qua ngòi bút tài tình của cô, tất cả những cảm giác của kẻ vì yêu mà sung sướng, mà phiền lụy, mà đón

đau, mà dẫn vật, mà trống rỗng, mà hờn tủi, mà v.v... nghĩa là, có thể nói, tiếng nói của Nguyễn thị Hoàng là tiếng nói của tình yêu tuổi trẻ bây giờ, với đầy đủ ngọn lửa nhiệt tình bốc cháy cao độ nhất, si mê nhất, diễn tả bằng một thứ kỹ-thuật bay bướm, hào hoa, xen vào một chút hương vị triết lý hợp thời trang, do đó tác giả đã được giới trẻ tiếp đón nồng nhiệt.

Một ngòi bút phụ nữ thứ ba đã gây được sự sôi nổi trong dư luận độc giả bằng một cửa ngõ khác. Đó là Nguyễn thị Thụy Vũ với kỹ thuật phơi bày gần như trắng trợn vấn đề sinh lý nam nữ trong tác phẩm. Từ *Mèo Đêm* đến *Lao Vào Lửa*; người ta thấy nhà văn này đã lựa chọn hướng đi đó cho sự nghiệp sáng tác của mình, sẵn sàng khai thác triệt để cái khía cạnh mà ít cây bút phụ nữ nào dám đề cập tới. cho nên, có thể nói *Nguyễn thị Thụy Vũ* (vượt cả Trùng Dương với *Mưa Không Ướt Đất* và những truyện ngắn đăng rải rác trên tạp chí) là một cây bút táo bạo nhất trong năm, nhưng đúng như sự nhận xét của Cao Thế Dung, cây bút phê bình thường trực trên *Sống Chủ Nhật*, khi nghệ sĩ trình bày bất cứ một sự bần thiêu, thấp kém nào, người đọc cũng thấy cái ánh sáng tốt đẹp từ đó tỏa ra, đó là ánh sáng của lương tâm và trách nhiệm mà người viết muốn soi sáng vào những sự thực thấp kém và bần thiêu đó. Nhưng qua những đoạn văn của Nguyễn thị Thụy Vũ, người ta không tìm thấy cái ánh sáng cao quý đó. Vì vậy, cái thiện chí, nếu có, của tác giả đã bị những sự thật đúng hết và tầm thường kia làm che lấp đi và do đó những tác phẩm đã ấn hành của Thụy Vũ chưa đủ đảm bảo cho tác giả một giá trị đích thực và bền vững.[...]

(Nhật Tiến: *Sinh Hoạt tiểu thuyết một năm qua*, Bách Khoa số 265&266 ngày 15/1/1968)

(*) Tựa đề do tòa soạn đặt

Nhà văn nữ :

Thời cuộc & đời sống



LTS: Để quý bạn có cái nhìn rõ hơn về khuynh hướng sáng tác của một số nhà văn nữ quen thuộc trong thời chiến, đặc biệt là ảnh hưởng của thời cuộc (biến cố Mậu Thân, những ngày miền Nam hấp hối...), chúng tôi đăng lại hai bài phỏng vấn. Một là của Lê Phương Chi. Hai là của tạp chí Thời Tập.

Lê Phương Chi

phỏng vấn

6 nhà văn Phụ Nữ Quen Thuộc Với Bạn Đọc về
: Thời Cuộc và Đời sống đối với công việc sáng
tác

Những nhà văn : TRÙNG DƯƠNG, NGUYỄN THỊ
THỤY VŨ, NGUYỄN THỊ HOÀNG, MINH QUÂN,
TUÝ HỒNG, NHÃ CA đã trả lời câu hỏi về thời cuộc (

biên cổ Mậu Thân, chiến cuộc, hòa đàm...) và đời sống hiện tại (giá sinh hoạt leo thang...) có ảnh hưởng gì đến công việc sáng tác ? và mỗi bận tâm nhất trong lúc này ?

TRÙNG DƯƠNG

Có nhẽ ở điểm này tôi phải nói là tôi cần một thời gian trước khi có thể sáng tác dựa trên những ảnh hưởng thu nhận được. Có nhẽ tôi nói hơi tối nghĩa chăng. Tôi muốn nói biên cổ tết Mậu-Thân tương đối còn gần với tôi quá. Và lại, liền sau đó, tôi lại có cuộc xuất ngoại đầu tiên ra khỏi Việt-Nam. Với tôi cả hai sự kiện đều khá lớn mà tôi cần có một thời gian trước khi viết về nó. Tôi có thể đưa ra một tỷ dụ như chuyện dài “ Bầy Kên Kên ” tôi hiện đang viết cho báo Văn. Trong đó, tôi dựng lại khung cảnh của những năm 63, 64...trở lại gần đây. Nhiều người cho rằng phải viết khi mọi sự còn nóng bỏng. Tôi không có khả năng đó. Có lẽ vì vậy tôi khó trở thành một phóng viên tin tức ? và lại, tôi vẫn nghĩ rằng đặt vấn đề sáng tác, là phải vượt ra ngoài tính cách thời gian...Đó có thể là một tham vọng. Và có tham vọng là một chuyện, làm được hay không lại là một chuyện khác.

Còn vấn đề giá sinh hoạt đắt đỏ có ảnh hưởng đến sáng tác của tôi hay không, tôi có thể nói hầu như là không. Khi sáng tác, là tung mình vào một thế giới khác, với những nhân vật khác, với những âu lo bận khoản sung sướng khác. Tôi sung sướng vì sống gần Bố Mẹ và anh em. Một cách gián tiếp, chúng tôi nương tựa lẫn nhau. Mẹ tôi, nhất là mẹ tôi, dù chẳng bao giờ đọc bất cứ cái gì tôi viết, nhưng bà tôn trọng những lúc tôi cần làm việc. Có những sự săn sóc thật nhỏ mọn như việc bà pha một ly nước chanh hay nước cam đem đến cho tôi uống, quả là một khích lệ. Sự thiếu thốn vật chất tuy đáng kể, song những nâng đỡ về tinh thần còn đáng kể hơn. Tóm lại cuộc sống tôi không đến nỗi nào vật chất lắm, nhất là từ ngày con tôi

đã khá lớn.

Còn mối bận tâm của tôi à ?

Khó nói quá. Đôi khi tôi thấy nó là vấn đề quyết định sống độc thân để theo đuổi những mộng ước riêng tư, hay lấy chồng để có một chỗ nương tựa và hy sinh đi một số mộng ước. Đôi khi tôi thấy nó lại là vấn đề khác...

Nhưng tạm thời trong hiện tại, tôi bận tâm đến việc kiếm tiền nhiều hơn cả. Xin anh đừng cười. Điều đó có vẻ tầm thường, nhưng ai dám bảo là không cần thiết, phải không anh ? Tuy nhiên anh có thể tin ở lời tôi nói : Tuy bị thúc đẩy bởi ý nghĩa kiếm tiền, với tôi đó chưa phải là mục đích. Cái mục đích là những gì tôi sẽ làm sau này.

NGUYỄN-THỊ THỤY-VŨ

Tôi tìm vào nhà Thụy-Vũ hơn ba lượt, lần nào nhà cũng đóng kín cửa, chủ nhân đi vắng. Tôi trở lại nhà Thụy-Vũ vào tối thứ bảy, gặp lúc Hồ-Trường-An về phép và gặp anh Tô-Thùy-Yên ghé chơi. Thụy-Vũ lại đang bận tiếp một cô học trò cũ nổi tiếng Mỹ đến thăm. Có lẽ do ngoại cảnh bận rộn đó, Thụy-Vũ chỉ trả lời vội vàng được mấy câu :

--- Hiện nay tôi ngưng viết, tôi đang lo chuyện nhà xuất bản “ Hồng Đức ” do tôi và anh Tô-Thùy-Yên chủ trương. Chưa biết khi viết lại, thời cuộc hoặc những cảnh tượng biến cố Mậu-Thân chẳng hạn có ảnh hưởng vào tác phẩm của tôi hay không. Khi tôi viết tôi mới biết...

---Tôi đang phải chạy ba chân bốn cẳng để lo việc kiếm nhà in, lo việc kiểm duyệt cho công việc xuất bản...Đó có lẽ là mối bận tâm nhất của tôi lúc này.

NGUYỄN THỊ HOÀNG

Với đời sống bình thường thì những biến cố bên ngoài và

những đổi thay về giá sinh hoạt, những xáo trộn xã hội là một hiểm họa đe dọa thường ngày và làm quan tâm đến kẻ phảo lo chu toàn đời sống gia đình họ...Không phải là khinh thường đời sống thực tế, nhưng sự thực thì tôi ít bận khoăn đến những khó khăn về sinh hoạt. Bởi không muốn sống đều. Dễ dàng, có nhiều thì rộng rãi, tùy thích. Khó khăn có ít thì thu xếp cách khác, không phải là vì chiết giảm, tần tiện, nhưng bỏ trống, nghĩa là nhịn hăn. Và tìm đến những cách khác miễn làm đầy đời sống. Làm thế nào để luôn luôn cảm thấy, bằng cách thu xếp nào cũng cảm thấy đời sống đã chọn lựa được đầy đủ, nghĩa đen và bóng, được đẹp và có ý nghĩa. Thành thực, thì tôi cũng không thích một đời sống dễ dàng, về mọi phương diện. Những khó khăn vẫn kêu gọi mình tới những nỗ lực không ngừng, và vì vậy, đời sống sẽ luôn đầy và lạ.

Những biến cố đã xảy ra trong và sau tết, hoặc bất cứ một biến cố nào khác đều không dự phần nào trong đời sống, cũng như tác phẩm tôi bây giờ và sau này. Bởi lẽ tôi không là nhân chứng hay người săn đuổi những hiện tượng bề mặt đời sống, và nếu có, tôi cũng sẽ là người vẽ tranh chứ không thể là thợ chụp hình.

Mối bận tâm nhất của tôi về gia đình là thằng nhóc trong bụng có lẽ ra đời vào hôm nay, về sinh hoạt văn nghệ là chờ đợi những người hứa viết cho nhà xuất bản tôi sẽ giao tác phẩm như đã hứa.

Tôi hỏi tại sao chị biết đứa bé còn nằm trong bụng là thằng nhóc / chị Nguyễn Thị Hoàng nhìn ảnh Bửu Sum rồi cười : vì linh tính của đàn bà làm sao tôi có thể cắt nghĩa cho anh nghe được. Nếu có cắt nghĩa được thì đó là phần nhà tôi. Nhà tôi nghiên cứu Tử-vi của chúng tôi, năm nay nhất định sinh con trai, chúng tôi đã chọn sẵn tên cho cháu là Vinh-Khang.

Nhưng...ở đời có đôi chữ nhưng rất thú vị, nhất là đối với các nhà văn rất ít ai chịu tìm hiểu và biết đến. Trước khi bài này lên khuôn, tôi và anh chị Lê Châu đến nhà bảo

sanh Đức Chính thăm chị Nguyễn Thị Hoàng. Tôi nhìn cô bé còn đỏ hỏn nằm trong nôi hỏi đùa chị Hoàng : ---Sao lại cô bé mà không là thằng nhóc ? Chị Hoàng mỉm cười nhìn chồng, Anh Bửu Sum cười lớn : Ôi, mấy ông thầy Tử vi bê bối quá !

MINH QUÂN

Chị Minh Quân và các con chị đang lui húi sơn cửa, chị vui vẻ chỉ vào công việc đang làm dở dang và hai tay dính đầy sơn của chị, rồi nói : Cháy ở khu Nguyễn Thiện Thuật - Phan Thanh Giản tức là ngay sau nhà tôi, đạn cày vào tường nhà, đạn làm vỡ kính, hư cửa tôi. Bây giờ tôi mới sửa lần lần. Tôi sửa lên nhà tôi đó anh. Anh Vĩnh mà trông thấy mẹ con tôi làm hi hục như vậy, ảnh la lắm... À, anh hỏi về biển cổ Tết Mậu Thân hả ? Biển cổ tết Mậu Thân...! Có, có ảnh hưởng nhiều chứ, làm sao mà yên tâm ngồi sáng tác trong lúc bụng cứ phập phồng : không biết ngày mai ra sao ? cái gì chờ đợi mình ? đạn, lửa có tha thứ mình không ? Đêm năm lắm lúc còn không ngủ được nữa là tính chuyện viết lách...

Nhưng đến khi tình hình coi tạm tạm yên thì tôi cũng bắt đầu cảm thấy những điều mình viết ra nhạt nhẽo, vô ích, phù phiếm. Tôi tự hỏi : mình viết cho ai đọc đây ? Có ai đọc không đây ? việc này có ích lợi gì không ? Và tôi thấy lạc lõng thế nào ấy. Vì thế, trước kia tôi chỉ hoạt động những công tác xã hội có chừng, in ít, thì bây giờ tôi lại để cho những công tác này thâm qua, lẩn át thì giờ để viết của tôi mà tôi, không hối tiếc gì ?

Bởi vì, những gì tôi chịu đựng qua biển cổ Mậu Thân, những gì tôi chứng kiến trong các trại tạm cư, tôi nhìn mãi trong các bệnh viện hơn một năm nay trên sức tưởng tượng của tôi ; tôi có cảm tưởng rằng những thống khổ, thảm nhục điều đứng của đồng bào chưa giảm bớt, chưa dứt được thì tôi không thể nào yên tâm mà ngồi tưởng tượng

đến những điều gì tốt đẹp giả dối, chỉ có trên giấy mực !

Một đôi khi, tôi định ghi lại những thăm cảnh đó, song rồi tôi bỏ qua, một phần vì quá bận, nhưng có lẽ phần chính là bởi tôi bất tài, tôi sợ ngòi bút của tôi không đạt được cái mức làm người đọc cảm xúc như tôi đã xúc cảm...Hay là còn cần đến yếu tố thời gian ? song có một điều chắc chắn : tôi không thể là người ngoại quốc trên đất mình.

Giá sinh hoạt cũng có ảnh hưởng đến sáng tác của tôi không ít. Sáng tác làm sao được, lúc nào tâm trí tôi cũng bị chèo kéo về con số chi thu ? Thu không lên mà chi thì không giảm, lại cứ muốn vượt hơn số thu. Mấy năm nay tôi tính toán rất kỹ, gần đây lại chi li cẩn thận hơn. Mỗi bận nhìn vào sổ chi tiêu tôi lại giật mình, bảo con “ có mà giảm mức chi chút nữa “ Tôi đã tính giảm mọi thứ. Cái tủ bị bắn lủng, tôi đợi hơn nửa năm, chờ tái bản cuốn truyện mới dám mua. Ghế bàn hư nát, cứ phải chờ đợi...Sáng tác sao yên khi mà nhà cửa hư nát, bồn thỉu vẫn chưa sửa sang được cho gọn mắt ? Khi mà cái Tết này đến tận bên lưng vẫn chưa xóa hết vết tích của đạn lửa còn ghi lại trong nhà kỳ Tết năm qua ? Đáng lẽ ngồi lại viết theo lời mời của một tờ báo, tôi lại hện : “ Thôi ! hãy gượng, hôm nay phải đóng xong cái cửa lưới đã ”, hay : “ Chưa được, phải tô xong cái tường ”

Nghĩa là từ dạo tết đến giờ, tôi không sáng tác gì đáng kể, những truyện đang in và đã in đều là sáng tác cũ. Thì giờ tôi, ngoài việc làm nội trợ hằng ngày, việc công tác xã hội, còn phải dành cho cửa hư, tường lủng, ghế gãy...ngày nay một chút, ngày mai một chút, tháng này một phần, tháng tới một phần : cứ thế tôi từ từ, một mình (có khi động viên các con) sửa sang lại nhà cửa, chứ tiền đâu mà đồ ra thuê thợ ? (nhà tôi thì bận, và tôi muốn để anh ấy được nghỉ ngoài giờ làm việc ở sở, tôi thu xếp thế nào mà có thể bày biện trong lúc anh vắng nhà, hoặc những lúc anh ấy đi công tác xa thì càng hay, tôi có thể bừa bãi, đình, búa, kéo kìm, xi măng, vôi gạch, sơn, gỗ...khỏi vương mắt anh ấy)

Trước kia, tôi ngỡ chỉ có việc chăm con và viết văn là thú vị, nhưng bây giờ tôi cũng thấy vui vì tôi làm thợ hồ, thợ mộc, thợ sơn và cả thợ quét vôi nữa cũng tạm tạm, không nổi nào. Một người thợ tài tử, đỡ tốn đến ngân quỹ gia đình !

Tết đến, mẹ con chúng tôi vẫn không may sắm gì mới. Có chị bạn biếu cái áo mà chưa thu xếp được thì giờ đi may. Giày dép thì đã thành lệ : mỗi năm cứ đợi sau ngày tiền Táo quân (23 tháng chạp) dắt các con ra vỉa hè Lê-Thánh-Tôn chọn mua solde cho rẻ. Lũ bé không mè nheo gì, nhưng các con lớn đã có vẻ không bằng lòng (học đòi dân thành phố mà) chê là mẹ không biết thời trang, mẹ quê, mẹ cổ v, v...Được cái chúng nói gì nói, quyết định của mẹ vẫn phải theo.

- Tôi vẫn ao ước được có một nhà xuất bản sách dành cho thiếu nhi. Có một số bạn gái cùng tôi (nhà báo nhà văn) dự tính lập một nhà xuất bản của nữ giới, nhưng cho đến nay, chúng tôi vẫn chưa làm nổi là vì tình hình một phần, nhưng phần chính chúng tôi không thành thạo việc quản trị phát-hành. Mà các bà lại không chịu mời các nam đồng nghiệp. Chị nào cũng nói: “Để chúng ta thử làm xem ra sao. Một nhà *xuất bản nữ giới, in toàn sách cho thiếu nhi !* hay lắm ! rồi chúng ta sẽ làm được, nhưng thông thả ”.

Đó, mối bận tâm của chúng tôi : không cứ là sáng tác mà là in, xuất bản những tác phẩm dành cho tuổi thơ, nếu không được như tham vọng hằng ôm ấp: mang đến cho trẻ những món ăn tinh thần trong lành, hữu ích thì cũng được, những tác phẩm có tác dụng giải trí và không gây ảnh hưởng xấu cho các em.

TÚY HỒNG

Tôi đến nhà Túy Hồng vào một buổi sáng. Thanh Nam còn một tiếng đồng hồ nữa đến tòa soạn Tia sáng, Túy Hồng 12 giờ hơn mới đi dạy học. Nơi Túy Hồng Thanh Nam ở là một căn buồng trong dãy nhà sau của một biệt thự nằm sau

lưng rạp chiếu bóng Khải Hoàn.

Sau khi tôi nêu lên câu hỏi, Túy Hồng vui vẻ đặt cô bé Hồng-Ân vào chiếc xe tập đi, nhờ Thanh Nam trông hộ và trả lời.

--Tôi viết chập chạp, khó khăn và lười. Trong cái Tết Mậu Thân vừa rồi, tôi bị đặt vào tình trạng sợ, lo, nghĩ không thể sáng tác được nữa, nghĩa là không thể tiếp tục viết truyện dài đầu tay “ Những Sợi Sắc Không ” đăng trên tạp chí Văn Đề của anh Vũ-Khắc-Khoan nữa. Vì khi tôi sắp đặt viết truyện thì không bao giờ tôi có thể nghĩ rằng giữa đường lại bị chiến tranh quá gay gắt như vậy... Chuyện của tôi lấy bối cảnh, tình cảnh ở Huế, mà Huế lại bị đúng ngay trong cái lịch sử Mậu Thân, làm tôi tất nghẹn tư tưởng. Tôi không viết nổi nữa, tôi nói với anh Vũ-Khắc-Khoan như vậy. Nhưng anh Khoan là nhà báo, báo của anh đang đăng truyện của tôi mà. Anh Khoan không chịu, cứ giục giã lấy bài, ảnh hồi thúc quá... rồi tôi phải tiếp tục lại. Chủ đề câu chuyện của tôi không thay đổi, nhưng nội dung phải thay đổi...

Đang và sau biến cố Mậu Thân, vật giá lên quá, phát sợ... tôi còn nhớ mấy ngày Tết, mình cứ i i nhà ít người không mua đồ trữ vì tin chắc mùng ba là có chợ. Ai ngờ lại có một nạn đói như vậy. Trong nhà không còn gì ngoài mấy cái bánh mứt. Phải đi nài nỉ mua từng cái bấp cái...đắt ơi là đắt !!!

Mọi người đều đặt cái mục tiêu lo lắng vào nạn vật giá leo thang. Ai cũng chú mục vào đó mà kêu khổ... Nhưng những cảnh thương tâm nghe được từ Huế còn khủng khiếp hơn : heo ăn đầu người ; một gia đình chạy tản cư mang theo đàn con, cuối cùng kiếm lại rớt đầu dọc đường đưa con bốn tháng ; một gia đình giết cha già chạy dặc, nửa đường đành phải để cha ở lại, lạy cha mà bé con chạy đi... Có cái chiến tranh nào như vậy không ? Nên tôi tin rằng mọi người nói đang có sự thay đổi trong đường

hướng sáng tác, riêng tôi tôi viết thành tác phẩm ít quá, thê thảm quá nên tôi nghĩ rằng dù tôi có thay đổi đường hướng, độc giả cũng khó thấy... Trường hợp tôi, tôi viết được một tác phẩm đã quá mệt nhọc, nên tôi viết được cái nào thì lấy làm quý cái đó...

Mối bận tâm duy nhất của Túy Hồng hiện nay là gì ?

Ai ở Sài Gòn cũng đều nghĩ rằng phải có tiền. Ở Sài Gòn mà không có tiền tôi nghĩ đó là một công dân bất mãn. Sống ở Sài Gòn mọi sự đều do “ tiền...định cả ”. Tôi vừa ở Sài Gòn vừa thù oán Sài Gòn. Vì chúng tôi lương tháng có là bao, tôi đi dạy học, Thanh Nam đi làm lai rai cho nhật báo Tia-Sáng, mà tháng tháng phải trả tiền nhà 7000 đ, mà chỉ có hai phòng nhỏ. Ngoài ra còn tiền chi phí cho sự săn sóc và tôn sùng Hồng Ân, tốn ời là tốn... Cuộc sống của chúng tôi cực khổ và lem luốc lắm anh ạ. Tôi và Thanh Nam thay nhau vừa bế con vừa viết bài gửi mấy nơi, gửi cho mấy nơi để mua sữa cho Hồng Ân. Con Hồng Ân trước kia chịu nằm một mình trong nôi, nằm đến bẹp cả đầu...bây giờ cháu đã lớn, chín tháng rưỡi rồi còn gì nữa, đòi bế luôn, không thì khóc thét như bị điện giật . Chúng tôi làm việc đến cuống cuống cả lên, làm không kịp thở... Tôi tin rằng nếu tôi dừng vào Sài Gòn, tôi sẽ sống khoan thai từ tốn mặc dù cực khổ đến thế nào trên xứ Huế. Huế không đuổi ai chạy rông như Sài Gòn. Tóm lại, mối bận tâm của tôi bây giờ là dồn mọi nỗ lực để cho có một cái nhà quanh quẩn ở Sài Gòn để tiện việc làm ăn của tôi và Thanh Nam...

Đến đây, Thanh Nam tới giờ phải đi tòa soạn, Túy Hồng lại phải bế Hồng Ân, tôi ghi thêm :

-----Tại sao Túy Hồng lại đặt tên con là Hồng Ân ?

Túy Hồng bế Hồng Ân lên nhìn sâu vào đôi mắt tròn đen như hai hạt nhãn lồng xứ Huế, trả lời :

- Hồng Ân là ân huệ của Thượng-Đế ban cho, Thanh Nam bảo thế, và hai chữ Hồng –Ân là rút trong một câu Kinh-Thánh (*Túy Hồng có đọc cho tôi nghe hai câu ầu nhưng tôi không nhớ*) để đặt tên con. Vì chúng tôi đã lớn tuổi rồi...có được đứa con nào mừng đứa này chứ. Bây giờ Hồng Ân cũng sắp có em rồi. Có lẽ vào vụ nghỉ hè 1969.
-Lợi tức viết lách và lương bổng của Túy Hồng Thanh Nam mỗi tháng được bao nhiêu mà Túy Hồng than thở quá vậy ?

- Kiểm thì cũng khá, nhưng chúng tôi tiêu hoang quá. Thanh Nam xài rộng quen rồi khó mà thu hẹp. Lại thêm săn sóc và tôn sùng Hồng Ân đây nữa. Tôi viết và lương cũng gần ba chục, Thanh Nam cũng vậy. Nhưng tính con số mà thôi, vì tiền nhuận bút thu vào lẻ tẻ, bay ra hồi nào không hay. Tiền tiêu vặt là một lỗ trống khổng lồ mà ít ai chịu nghĩ đến trong mục dự trù chi của gia đình. Chừng tính lại mới thấy khủng khiếp. Khiếp, khiếp quá.
Tôi cáo từ Túy Hồng gửi lời thăm anh em tòa soạn BK và hẹn hôm nào sẽ “bê” Hồng Ân đến thăm.

NHÃ CA

Tôi về Huế vì ông thân sinh tôi mất, tôi bị kẹt luôn vụ biến cố tết Mậu Thân cả tháng ở ngoài đó. Tôi bị chứng kiến nhiều cảnh bi thảm có thể nói là ngoài sức tưởng tượng của con người.

Biến cố Mậu-Thân đến với người Huế có mặt tại tỉnh nhà vừa kinh hoàng, vừa đau đớn, riêng đối với những người viết văn như tôi thì đó là một điều khó xóa nhòa trong ký ức.

Tôi có viết “ Giải Khăn Sô Cho Huế ” xong đã gần năm nay, nhưng chưa hài lòng. Vì mỗi lần có người ở Huế vào kể cho nghe thêm những chi tiết càng tang thương, càng khủng khiếp, tôi lại thấy những điều mình ghi vẫn chưa đi đến đâu, tôi lại thấy cần phải thêm thắt và sửa chữa...

Anh muốn biết tôi viết gì trong tác phẩm “ Giải

Khăn xô Cho Huế ”? . Tôi nói chung về những tang thương đã trùm lên Huế. Tôi ghi lại một phần nào những cảnh tôi đã chứng kiến : chẳng hạn như khi mọi người chạy trốn vào một nhà thờ, có một bà mẹ ôm một cái bọc vải và cứ ngồi ru bọc vải ấy, ai hỏi bà cứ bảo là để yên cho con bà ngủ ; đến vài ngày sau mùi thối từ bọc vải ấy bốc ra, mọi người mới vỡ lẽ là con bà ta chết đã lâu. Đồng thời cũng có vài cảnh tương phản thật chua xót : lâu lâu họ lôi ra cảnh cáo một cặp làm bậy sau tượng Đức Mẹ ... Mía mai nhất là cảnh một quân nhân Mỹ bắn một con chó đang lội ở sông gần cầu An Cựu, trên bờ sông đang có một đoàn người hơ hải chạy giặc. Cứ mỗi loạt đạn bắn xuống sông, nước toé lên bờ văng vào đám người đang chạy, làm họ ngỡ là đạn, vội nhào vô lẽ đường nằm xuống, có người hoảng hốt vớt cả đồ đạc. Rất tai hại là chẳng hiểu tên Mỹ ấy bắn tôi hay là chỉ cốt đùa với con chó, cho nên đạn nổ đến năm bảy lượt mà chó vẫn cứ lội, làm đoàn người phải bao nhiêu lượt vớt đồ đạc, ném con, nhào xuống đất. Thân phận con người lúc bấy giờ còn thua một con chó !

Khi về đến Sài Gòn, công việc làm ăn và viết lách của tôi chẳng có trở ngại đáng kể.

---Xin chị cho biết mối bận tâm nhất của chị hiện nay là gì ?

Nhã ca nhìn hai đứa con đang ngồi xem truyền hình ở phòng khách : dạo này thời tiết xấu, mấy đứa nhỏ đau, và ông xã tôi cũng bị sốt rét. Mối bận tâm nhất của tôi là gia đình, còn viết văn đối với tôi thì dễ lắm anh, viết lúc nào cũng được.

---- Ngày thì chị đi làm ở đài TD sau 17g30 chị mới về đến nhà, lại bận chuyện gia đình như vậy thì giờ nào mà chị sáng tác ?

Bây giờ anh Trần Dạ Từ (khi tôi mới đến anh còn bận khách trên lầu, sau khi tiễn khách xong, anh ngồi vào góc chuyện với Nhã-Ca) thay vợ trả lời : bà xã tôi viết đều lắm. Mỗi ngày bà ấy viết khoảng 5, 6 trang đánh máy. Viết vào giờ nghỉ trưa ở sở. Nhã Ca âu yếm nhìn chồng

nói tiếp : tôi cũng viết ở nhà vào khoảng từ 20 đến gần 22 trang nếu không bận khách như hôm nay. *Sau một nụ cười duyên dáng, Nhã Ca nói tiếp* : tôi chuyên viết bằng máy đánh chữ, từ trước đến giờ tôi chưa có một tác phẩm nào viết tay cả.

---*Nghe nói trong năm 1968 mấy nhà xuất bản đặt trước một số tiền khá lớn nhờ chị viết cho mấy tác phẩm ? chị có thể cho biết không ?*

---*Cơ sở xuất bản Thứ Tư đặt ba trăm ngàn để lấy sáu cuốn, trong số ấy có một cuốn tái bản, đó là năm 1967. Nhà sách Khai Trí đặt hai trăm ngàn mua năm cuốn, có ba cuốn tái bản, năm 1968. Còn năm 1969 chúng tôi không bán nữa. Nếu dự định của chúng tôi được thực hiện, thì chúng tôi sẽ có một nhà xuất bản lấy tên là Thương Yêu, để in sách chúng tôi và các bạn thân.*

Trần Dạ Từ cho biết thêm từ trước đến giờ tác phẩm của Nhã Ca chưa bán đứt cho nhà xuất bản nào cả. Và lợi tức Nhã Ca mỗi năm về sáng tác phẩm vào khoảng sáu trăm ngàn đồng.

---*Xin anh chị cho biết vì lý do gì trong năm 1967 đã có lần anh chị định xa nhau ? Nhã Ca và Trần Dạ Từ nhìn nhau cười rất đậm ảm, rồi cả hai thay phiên bổ túc cho nhau trả lời* : Chuyện qua rồi, nhắc lại dài dòng lắm. Chúng tôi sẽ dành cho anh trong một cuộc phỏng vấn khác. Chúng tôi xin trả lời tóm tắt : Minh phải có đứng trước miệng vực thẳm, mới nhìn thấy miệng vực nguy hiểm như thế nào. Sau đó chúng tôi mới càng thấy quý trọng nhau hơn.

Trần Dạ Từ nói thêm : Nhà chúng tôi mở cả cửa trước lẫn ngõ sau cho chúng tôi và cho tất cả bạn bè. Ai muốn đến ở lúc nào cũng được, muốn đi lúc nào thì đi. Không có điều kiện gì để ràng buộc nhau cả. Vợ chồng chúng tôi cũng vậy...

---*Nghe nói trong những ngày báo Sống đóng cửa, Trần Dạ Từ vẫn lãnh lương của anh Chu Tử cho đến khi có tờ Hòa Bình ?*

---*Nói có cũng không đúng, mà nói không cũng*

không phải. Sự thật như thế này : khi chúng tôi mua nhà này, có mượn của anh Chu-Tử sáu mươi ngàn đồng, chúng tôi trả được ba mươi ngàn. Đến khi báo Sổ đóng cửa, bấy giờ là tháng chín (1968), nếu tôi được lãnh lương tháng mười ba như hàng năm, thì lương tôi trả vào số tiền thiếu vẫn còn thừa năm ngàn. Còn chuyện anh Chu-Tử phát lương tháng cho tôi trong những ngày báo bị đóng cửa thì như thế này : thỉnh thoảng trong những dịp đánh xì chơi với nhau, anh ấy có đưa cho tôi hai lần, một lần ba ngàn, một lần năm ngàn. Chỉ có thế thôi. Nghĩ rằng khoảng tiền đó là tiền lương, hoặc tiền cho xài chơi là quyền của thiên hạ đồn. Có phải không anh ? Phần chúng tôi, bao giờ chúng tôi cũng quý anh Chu-Tử.

Lê-Phuong-Chi
(Sài Gòn đầu năm 1969)

(nguồn: tạp chí Bách Khoa số 292 ngày 1/3/1969)

Tạp chí Thời Tập phỏng vấn nhà văn Lê Hằng về văn chương trước tình thế mới

LÊ HẰNG

Tôi thất vọng về tôi lắm

1. Chiều hôm qua tôi mới đi xưng tội, tôi phải chờ lâu hơn những lần xưng tội trước. Người ta chạy đến với Chúa đông hơn mọi năm.

Suốt tuần lễ này, tôi không viết được một chữ. Viết gì nữa bây giờ? Tôi đánh đu trên định mệnh của mình, như người dân tỵ nạn đánh đu trên bánh lái máy bay ở phi trường Đà

nặng, rồi bị bánh lái ép lại cho tới chết. Tôi cũng lết theo định mệnh của dân tộc tôi như người mẹ đất nặn đứa con trên quốc lộ 19, với máu và nước mắt nhục nhằn.

Tôi còn rất nhiều bạn bè ở Quảng Trị, ở Huế, và nhất là Đà Nẵng. Tất cả những thành phố oan khiên miền Trung, đều có những bằng hữu thân thiết nhất của tôi. Tôi ngồi hàng giờ để nghĩ tới họ, sống hay chết? nhục nhằn đau xót ? Tôi còn bạn ở Ban Mê Thuột, giờ coi như mất tích. Anh hỏi tôi, về cái gọi là vai trò của tôi trong lúc này sao ? Tôi thất vọng về tôi lắm, tôi làm được gì cho những bạn bè của tôi ? Tôi cũng không viết được một chữ từ mấy ngày nay rồi. Tôi đang đánh đu với cái định mệnh khốc liệt nhất trong lịch sử nhân loại. Người ta không thể viết, cũng không thể suy nghĩ tra hỏi mình, khi người ta đang đánh đu. Tôi không nhìn thấy tương lai của tôi nữa; dù là một đốm lửa nhỏ. Tình thế đang biến chuyển từng giờ, trên hai triệu người mất nhà cửa và lạc mất nhau trong mùa phục sinh này.

Điều mà tôi cảm nhận một cách rõ ràng và sâu xa nhất là chúng ta, mỗi một người trong chúng ta, bây giờ cô đơn, và bị bỏ rơi. Chưa bao giờ cảm giác bị bỏ rơi, ruồng rẫy xâu xé chúng ta nhiều bằng. Tôi không biết, tới phút này, những kẻ “ có vẻ thỏa thuê ” trong thành phố, đã hiểu thấu chưa sự sống nhờ vào kẻ khác? Chúng ta như một người, thờ bằng kẻ khác, chúng ta đành nằm ngay trên giường cứng, khi hơi thở đó bị ngắt đi.

2 - Bây giờ, đã quá muộn, để tự hỏi, chúng ta phải làm gì ?

Anh hỏi tôi vào khoảng cách ? về biến cố ư? Những biến cố đang đòi hỏi chúng ta, dù muốn dù không vẫn nghệ sĩ như mọi người chúng ta chìm trong những biến cố này.

Tôi không phải là người viết phóng sự, nên tôi không làm công việc mô tả biến cố, tôi cũng không phải là người viết tin, hay viết potin. Tôi chìm trong biến cố, tôi dấu mặt `tôi

trong biển cỏ. Tôi muốn tìm những cái ẩn mặt trong biển cỏ hơn.

Ai đem tôi tới chốn này ? ngày mai tôi đi đâu ?

Dầu muốn hay không, chữ nghĩa cũng sẽ bị biển cỏ kéo theo nó, chữ nghĩa cũng lết lê như người đàn bà, tôi phải nói là lạ lùng, lúc mang được con trên ba trăm cây số đường đầy bất trắc, máu lửa, trước mắt và đói khát. Tại sao họ lại về được ? những đứa bé còn rất nhỏ, chân quần vải thay cho giày dép đã rơi rớt dọc đường, sưng vù lên, những đứa bé đầu quần đầy rẻ rách, như những khăn tang cũ kỹ quăng lên phần đất khổ đau này ? Làm sao, mẹ con nàng có thể dắt dìu nhau đi bộ quãng đường dài như thế? Mai này, con cháu chúng ta có tin được không ? có thể tin được người ta xô một người đàn bà xuống khỏi máy bay ở phi trường Đà Nẵng và bà lại nhào lên, để bị xô xuống năm lần. Lần chót hết bả gục ngã, bị dẫm nát, chết. như một con vật. Có kẻ thoát vào và rên rỉ mãi mãi : tất cả lúc đó không còn là người, mà là thú, giống thú dễ tiện nhất.

Tôi không biết, tới giờ phút này, những người, tôi ngày chỉ biết vực mặt kiếm tiền, mê mải vì địa vị và tiền bạc đã hiểu giá trị tiền bạc, và quyền uy không là gì hết chưa ? Tôi nghĩ, có lẽ, trừ một số rất ít người trong thành phố này còn lại tất cả, tất cả, sẽ chìm hết trong biển cỏ này. Một nỗi đau khổ chung. không còn riêng rẽ cho ai nữa, giàu và nghèo trước biển cỏ này, đều lo lắng như nhau. Tương lai trước mắt tôi, như người đàn bà thân tàn ma dại ôm con nhìn sang bên kia sông Ba. Như người đàn bà trẻ ôm con, nhìn ra biển, ngoài đảo Tiên sa. Bây giờ đã muộn rồi, để chúng ta tự hỏi phải làm gì ? Tôi không thể viết được nữa.
Farewell Đà Nẵng, thành phố đã nuôi tôi lớn lên.

(nguồn: Thời Tập số 23, chủ đề Văn chương trước tình thế mới, phát hành ngày 15-4-1975 – Từ sách Di sản văn chương miền Nam sưu tầm và lưu trữ)

TẠP CHÍ VĂN NÓI CHUYỆN VỀ CÁC NHÀ VĂN NỮ



BÀN TRÒN

Huỳnh Phan Anh – Nguyễn Nhật Duật – Mặc Đỗ – Nguyễn Xuân Hoàng – Viên Linh – Dương Nghiễm Mậu – Mai Thảo – Nguyễn Đình Toàn

Mai Thảo: Đầu tiên, bản nguyệt san Văn chỉ định làm một cuộc phỏng vấn về các nhà văn nữ. Nhưng hình thức phỏng vấn mặc dù những ưu điểm riêng biệt của nó, vẫn bị đóng khung vào một vài câu hỏi cứng nhắc thiếu sự phóng khoáng, không thể trình bày được toàn vẹn vấn đề. Đó là lý do có Bàn Tròn này. Đề tài chúng tôi đề nghị nói chuyện

hôm nay là: *Chỗ Đứng Của Các Nhà Văn Nữ Việt Nam Hiện Đại Và Đặc Tính Trong Thế Giới Tiểu Thuyết Của Họ*. Từ mười năm trở lại đây, sự có mặt của các nhà văn nữ trong đời sống văn chương của chúng ta là một điều có thực, không thể chối cãi được. Tôi chỉ đề nghị. Các anh có thể thay đổi, chọn một chủ đề khác.

Viên Linh: Đồng ý với chủ đề trên. Nhưng có nên xác định năm nào làm cái mốc để từ đó ta có thể đề cập đến những nhà văn nữ, từ một thời gian nào đó.

Mai Thảo: Có thể ấn định từ khoảng 54 trở lại đây. Chúng ta vẫn có thể nhắc lại những nhà văn nữ trước 54. Để so sánh. Trọng tâm vấn đề thì vẫn là các nhà văn nữ hiện nay. Phải nói rằng ngày nay các nhà văn nữ của chúng ta không chỉ xem công việc viết văn của họ như một tiêu khiển chốc lát. Như các nhà văn nữ tiền chiến. Nhà văn nữ ngày nay xem công việc viết văn như một nghề. Họ sống hẳn với nghề này, theo đuổi và thực hiện nó đến cùng.

Viên Linh: Theo tôi, hiện tượng các nhà văn nữ không có một áp lực nào trên sinh hoạt văn chương chung hiện nay. Ảnh hưởng văn chương mà các nhà văn nữ gây ra là một cái gì quá độ. Người ta nhận thấy có sự khác biệt khá lớn giữa sự nhẹ nhàng dịu dàng của Linh Bảo, Nguyễn thị Vinh và sự táo bạo cuồng nhiệt của những nhà văn nữ bây giờ.

Nguyễn Xuân Hoàng: Ta thử tìm hiểu do đâu có sự khác biệt đó?

Viên Linh: Sự quá độ trong đề tài mà các nhà văn nữ hiện nay đã lựa chọn phải được coi như hậu quả của hiện tượng đời sống xã hội hơn là của chính cá tính họ.

Nguyễn Xuân Hoàng: Phải chăng anh Viên Linh muốn nói chính sự khác biệt quá lớn giữa đời sống xã hội ngày nay

và đời sống xã hội thời trước đã là căn do đưa đẩy đến việc chọn lựa đề tài táo bạo và sự thành hình một nền văn chương rực rỡ do những người nữ đóng góp?

Mai Thảo: Vấn đề đặt ra là tại sao, bởi đâu mà có được sự có mặt rực rỡ của các nhà văn nữ Việt Nam? Theo tôi, để trả lời cho câu hỏi này, ta có thể nói rằng quả thật những nhà văn nữ hiện nay đã làm trái lại những gì mà hoàn cảnh lịch sử xã hội, thân phận đàn bà trước kia đã cấm đoán họ. Sự phá vỡ và làm nổ tung những ràng buộc cũ của họ để đạt đến cái biên giới mới này, chính là văn chương. Làm văn chương ở người đàn bà bây giờ đồng nghĩa với lên tiếng đòi quyền được sống, bình đẳng và tự do như đời sống đàn ông. Viết bởi vậy là một phản ứng, một thái độ. Điều này giải thích được cho cái không khí phá phách, cái sắc thái quá khích ta thấy bằng bạc cùng khắp trong các tác phẩm phái nữ bây giờ. Có thể rồi sau này sự quá khích đó sẽ lắng dịu xuống, và viết văn với đàn bà khi đó không chỉ còn thu hẹp trong ý nghĩa một lên tiếng, một phản ứng.

Nguyễn Nhật Duật: Ảnh hưởng rơi rớt mơ hồ của nền văn chương hiện sinh cũ, trước và sau 62 đã đóng góp vào sự thành hình tác phẩm của các nhà văn nữ này. Theo tôi, có lẽ là Nguyễn thị Hoàng với cuốn “Vòng Tay Học Trò” đã diễn tả được thứ tình cảm đó. Tác phẩm của họ khi ra đời đã được chiều chuộng, và hình như sự chiều chuộng này đã lôi kéo theo sự có mặt của những nhà văn nữ khác. Nhưng người đọc đã thấy được gì trong sách của những nhà văn này? Những nội dung táo bạo không phải là *tự do* mà là *sự buông thả*. Kẻ nào dám sống với kinh nghiệm đời sống, họ sẽ là nhà văn. Nhưng họ vẫn còn tìm kiếm không bao giờ gặp được một cái gì mơ hồ. Đề tài mà họ đụng chạm đến không khác những đề tài mà các nhà văn nam sử dụng. Đó chỉ là sản phẩm tất yếu của xã hội. Bởi vì không có Nguyễn thị Hoàng này sẽ có một Nguyễn thị Hoàng khác.

Mặc Đỗ: Tại sao chúng ta không nghĩ rằng còn có một yếu

tổ khác nữa làm thành tác phẩm của các nhà văn nữ: *lòng yêu văn chương của họ?*

Nguyễn Nhật Duật: Có lẽ nên nói cho rõ rằng hoàn cảnh là cơ hội tốt đẹp làm nảy sinh ra nền văn chương buông thả. Và công thức sẽ là hoàn cảnh cộng với sự ham mê văn chương đưa đến kết quả là văn chương.

Nguyễn Xuân Hoàng: Tôi không hoàn toàn đồng ý với anh Nguyễn Nhật Duật. Việc sáng tạo một tác phẩm nghệ thuật nói chung và một tác phẩm văn chương nói riêng, trước hết đòi hỏi tài năng của tác giả nhiều hơn bất cứ một yếu tố nào khác. Hoàn cảnh xã hội, môi trường địa lý, sự cấu tạo cơ thể, lòng yêu thích văn chương... chỉ nên coi như là những cây “vít” vắn chặt tám ván tài năng vào tác phẩm của họ.

Viên Linh: Tôi chia sẻ ý kiến của Nguyễn Xuân Hoàng. Nhưng tôi có một nhận xét muốn đặt ra ở đây là có một khác biệt trong huynh hướng sinh hoạt giữa người nữ tiền chiến và các người nữ hiện nay. Các anh có nhận thấy là xưa kia các người nữ làm thơ còn ngày nay họ viết truyện? Sẽ giải nghĩa ra sao về sự khác biệt này.

Mai Thảo: Hãy trở lại vấn đề yếu tố tài năng. Đồng ý với Nguyễn Xuân Hoàng, nhưng theo tôi cần phải nói thêm là yếu tố tài năng này rất hữu hạn nơi các nhà văn nữ tiền chiến. Tôi thành thực kinh ngạc về cách thức viết truyện của một số nhà văn nữ hiện đại. Trong vài trường hợp các nhà văn nữ ngày nay đã vượt xa các nhà văn nữ thời trước.

Dương Nghiễm Mậu: Tôi không đồng ý. Tiền chiến có Thụy An. Tôi có được đọc quyển Bốn Mớ Tóc. Thụy An theo tôi vẫn là một nhà văn nữ lớn. Bây giờ nói đến bút pháp, tôi nghĩ đến Túy Hồng.

Mai Thảo: Nhưng bà Thụy An chỉ viết được một số ít truyện ngắn thôi, còn các nhà văn nữ ngày nay tác phẩm họ

xuất hiện đều đặn, phong phú, rực rỡ chưa từng thấy.

Dương Nghiễm Mậu: Một vấn đề khác, theo tôi, cũng nên phải lưu ý tới là hiện tượng sách dịch Quỳnh Dao, như cuốn Cánh Hoa Chùm Gửi, hiện tượng Quỳnh Dao khiến tôi nghĩ tới trường hợp Nguyễn thị Hoàng.

Viên Linh: Không đồng ý với Dương Nghiễm Mậu. Tôi có đọc một số sách của Quỳnh Dao, và tôi không hề thấy trong sách của nhà văn này có một sự quá đà nào. Truyện của nhà văn nữ Trung Hoa này có một bố cục chặt chẽ, chi tiết phong phú, và nhiều nhân vật. Quỳnh Dao viết về cái trong sáng, không viết về sự nhầy nhụa.

Nguyễn Xuân Hoàng: Nhận xét của Viên Linh phải chăng muốn nói một điều ngược lại?

Viên Linh: Ở nghĩa nào?

Nguyễn Xuân Hoàng: Ở cái nghĩa, trong các tác phẩm của nhà văn nữ ở đây thiếu những đặc tính cần thiết trong cách xây dựng tác phẩm mà Quỳnh Dao đã có.

Viên Linh: Không. Tôi không có ý định đó.

Nguyễn Nhật Duật: Tôi muốn hỏi Dương Nghiễm Mậu một điều: anh có ý định nào trong việc so sánh Quỳnh Dao và nhà văn nữ Việt Nam.

Dương Nghiễm Mậu: Tôi muốn nói rằng sự kiện này, có tính cách chung chứ không riêng gì ở Việt Nam.

Nguyễn Nhật Duật: Tôi muốn trở lại một ý tưởng đã nói: Tài năng riêng không đủ. Bầu không khí khích lệ là yếu tố quan trọng hơn cả.

Nguyễn Xuân Hoàng: Đúng, ý kiến anh Duật phải được

chia làm hai phần. Phần thứ nhất *Tài Năng Riêng Không Đủ*. Chẳng ai chống đối điều này. Nhưng còn phần thứ hai. *Bầu không khí là yếu tố quan trọng hơn cả*. Điều này, tôi chống đối. Bầu không khí, hoàn cảnh xã hội, môi trường sinh hoạt... là một yếu tố và chỉ là một yếu tố gần như sau cùng làm vỡ tung một ung nhọt đã mưng mủ. Bao nhiêu người sống cùng thời với Nguyễn Du, thở cái không khí của Nguyễn Du, chi phối bởi cái môi trường đại lý của Nguyễn Du... vậy mà có phải ai cũng là Nguyễn Du đâu. Tôi nhắc lại Tài Năng vẫn là Một Yếu Tố Quan Trọng hơn cả.

Mặc Đỗ: Đúc kết ý kiến của Nguyễn Xuân Hoàng và Nguyễn Nhật Duật, theo tôi, thì sự thành hình tác phẩm cùng với những đặc thù của thể giới tiểu thuyết các nhà văn nữ ngày nay, chính là một tổng hợp những yếu tố hoàn cảnh xã hội, môi trường địa lý, những biến cố lịch sử và nhất là tài năng của tác giả. Riêng về ý kiến của Dương Nghiễm Mậu, thì theo tôi chính là nhằm mở rộng vấn đề mà hiện chúng ta đang nói chuyện đó thôi. Trường hợp các nhà văn nữ Việt Nam cũng chẳng khác nào trường hợp các nhà văn nữ thế giới.

Mai Thảo: Ở Việt Nam, nền văn chương nữ vẫn có những đặc thù của nó, và sự xuất hiện của nó là một có mặt chậm trễ so với nền văn chương nữ của thế giới đã phong phú từ bao nhiêu năm trước đây.

Nguyễn Nhật Duật: Sự bột phát với tính cách ồ ạt của nền văn chương này là hậu quả của sự gò bó quá lâu. Đó là một phản ứng mãnh liệt chống lại sự gò bó trước đó.

Nguyễn Xuân Hoàng: Vậy thì phải chăng sự táo bạo trong các tác phẩm và đề tài của các nhà văn nữ hiện nay biểu lộ tính cách đặc thù của nền văn chương nữ này?

Huyền Phan Anh: Phải. Ít ra là họ táo bạo hơn các nhà văn

nam, mặc dù chưa chắc gì họ táo bạo hơn những nhà văn nữ của thế giới. Đồng ý Túy Hồng là một tài năng đáng kể về phía nữ, nhưng tài năng đó cần được nhìn ngắm như thế nào, đó mới là điều quan trọng. Nhân vật, câu chuyện, bút pháp của họ, chẳng hạn.

Mặc Đỗ: Nên xét lại vấn đề trước khi khai triển ý kiến của Huỳnh Phan Anh. Có nên nói tổng quát hay là đi vào chi tiết, đề cập đến từng cá nhân? Mặt khác, cần quan niệm chữ *táo bạo* thế nào cho đúng. Riêng tôi, táo bạo trong văn chương nữ bây giờ là do họ dám đề cập đến những gì mà trước kia họ không dám đề cập. Họ đã viết đến nó, đụng chạm đến nó một cách *đường hoàng* không giấu giếm và không che đậy.

Nguyễn Xuân Hoàng: Tôi chấp nhận ý kiến này của anh Mặc Đỗ, và theo tôi, chính với ý nghĩa đó, ý nghĩa chặt hẹp đó đã làm giảm sút giá trị trong tác phẩm của họ. Chữ *táo bạo* phải được hiểu theo một nghĩa rộng hơn, *táo bạo* là đề cập đến những đề tài ngoài đề tài dục tính, đề tài thân thể.

Viên Linh: *Táo bạo* theo tôi chính là sự sai biệt giữa mô thức giáo dục dành cho phụ nữ Á Đông và những gì họ đã viết ra.

Nguyễn Nhật Duật: *Táo bạo* ở thái độ, cách nhìn và đề tài về sự tương quan ngang hàng với nam giới.

Viên Linh: Tôi nghĩ là họ đã làm hơn chứ không phải ngang hàng.
(Mọi người đều cười)

Nguyễn Nhật Duật: Người viết văn nữ ngày nay đã dành lại cái ưu quyền về *Nghĩ*, *Cảm*, và *Sống* như nhà văn nam.

Mặc Đỗ: Tôi không được đọc hết các tác phẩm của những

nhà văn nữ. Tôi muốn hỏi với thái độ đó sẽ đưa dẫn họ về đâu, đòi hỏi rõ rệt nơi tác phẩm họ là gì. Tôi chưa có một nhận định rõ rệt về điều này.

Huỳnh Phan Anh: Tôi muốn hỏi anh Duật rằng văn chương nữ giới bây giờ phải chăng chỉ là một *phản ứng*, một sự nổi loạn trước những giới hạn, những kềm kẹp xưa kia? Ngoài là một phản ứng nó còn là một cái gì khác?

Nguyễn Nhật Duật: Sự bột phát này phát xuất từ một thái độ phản kháng.

- Về câu hỏi thứ hai, phải được hiểu rằng sự khao khát của họ là gì? Mặc dù tôi không phải là đàn bà (*những người cười*) theo tôi thì đó là mối *lo toan hạnh phúc*. Ấy là mối lo toan muôn thuở của người đàn bà, và nó cũng sẽ chỉ đi đến đó mà thôi.

Mặc Đỗ: Một ý kiến bất chợt: tôi đề nghị ta nên mở một bàn tròn khác với sự có mặt của chính các nhà văn nữ.

Mai Thảo: Đồng ý. Vấn đề hạnh phúc anh Nguyễn Nhật Duật vừa nêu ra là một vấn đề cần được xét lại. Sự khao khát hạnh phúc trước kia đã có chứ không phải bây giờ mới có. Ngày nay phải nói làm văn chương ở các nhà văn nữ mang cái khí thế một cuộc xuống đường rầm rộ. Họ xác nhận sự có mặt của họ, trước đã. Xuống đường thì họ xuống rồi. Đi tới đâu, chưa biết. Văn chương nữ mới nằm trong đoạn khởi đầu. Nó chưa có quá khứ hay một quá trình rõ rệt.

Nguyễn Nhật Duật: Đồng ý. *Sự phản kháng như một tự xác nhận*, để cho người khác nghe được tiếng nói của mình, ưu tư của mình hạnh phúc. Dĩ nhiên hiện nay chưa rõ ràng cụ thể cho lắm.

Huỳnh Phan Anh: Theo tôi, đó không phải là đặc điểm của

văn chương nữ ở đây. Tôi nghĩ đó là một thái độ chung cho bất cứ người đàn bà ở đâu và bất cứ thời nào. Thời nào mà họ chẳng gửi gắm các quan điểm đó trong văn chương của họ. Từ đó suy ra người đàn bà viết văn có cái thất lợi là họ không làm cách nào cho người đọc quên được họ là đàn bà.

Nguyễn Xuân Hoàng: Vậy thì ta có thể hiểu đó là cái nét đặc thù của văn chương nữ Việt Nam, bên cạnh tính cách *táo bạo* mà ta vừa đề cập. Phải vậy không?

Nguyễn Nhật Duật: Theo tôi thì bây giờ họ mới làm được công việc tự xác nhận đó. Họ như những kẻ đói đang ăn ngón ngấu. Có thể họ sẽ tới chỗ bội thực; có thể, nếu cứ đà này.

Mai Thảo: Có lẽ là hậu quả của sự sống tập trung trong một thành phố. Nếu sống riêng rẽ rải rác, có lẽ họ sẽ không có được cái tính cách *táo bạo* chung đó. Tính chất phản kháng và tính chất *táo bạo* này theo tôi, trên thực tế còn rất chật hẹp. Xã hội chúng ta đúng ra là một xã hội ngưng đọng. Cho nên sự phá vỡ đó không thực hiện được hoàn toàn. Người đàn bà vẫn quần quanh trong một khung cảnh chật hẹp (kể cả người đàn ông). Người đàn bà thiếu sự đối diện của chính họ với những vấn đề lớn. Trong khi phía nam giới ngày nay đang có ý muốn tránh sự nói về cá nhân thì người đàn bà vẫn chưa nói xong về chính họ.

Huỳnh Phan Anh: Màu sắc *táo bạo* trong văn chương nữ giới ở Việt Nam đã giúp họ thành công ít ra ở phía độc giả. Sự thành công ấy có thể giải thích được: lý do là vì họ nói những gì trước kia họ không được phép nói. Và điều này đã tạo nên những ngạc nhiên, những bất ngờ cho người đọc. Nhưng đồng thời đó cũng là lý do thất bại của họ, bởi vì họ chưa cởi bỏ hết những mặc cảm của một người phụ nữ với tư cách của một người viết văn.

Nguyễn Nhật Duật: Sự thất bại đó không phải do họ mà do một áp lực nặng nề có tính cách truyền thống. Tôi nghĩ rằng có lẽ Huỳnh Phan Anh và Mai Thảo có ý kiến gần giống nhau.

Huỳnh Phan Anh: Sự khủng hoảng này là một giai đoạn để đưa đến một giai đoạn khác. Nghĩa là sau những ồn ào họ sẽ bình tĩnh hơn và lúc bấy giờ họ sẽ không viết văn như một người đàn bà viết văn, mà họ sẽ viết văn *như một nhà văn*. Tôi vẫn có cái ý nghĩ là dường như khi một người đàn bà viết văn họ vẫn còn mang theo tất cả cái tình cảm đàn bà của họ.

Nguyễn Đình Toàn: Vậy thì Huỳnh Phan Anh cũng đồng quan điểm với Nguyễn Nhật Duật ở chỗ sự viết văn của các bà chính là sự tự xác nhận về sự có mặt đàn bà của họ.

Nguyễn Nhật Duật: Theo ý anh Nguyễn Đình Toàn thì đó có phải là một hiện tượng bệnh lý không? Riêng hỏi anh Huỳnh Phan Anh nếu một tác phẩm văn chương không có nữ tính của một người đàn bà thì phải chăng đó là một tác phẩm trung tính?

Huỳnh Phan Anh: Muốn hiểu như thế cũng được. Riêng tôi tác phẩm văn chương trước hết phải là một *tác phẩm văn chương*. Thế thôi.

Viên Linh: Tôi đồng ý với anh Huỳnh Phan Anh. Và theo tôi, các nhà văn nữ Việt Nam ngày nay còn mắc phải cái khuyết điểm đó.

Nguyễn Nhật Duật: Phải chăng anh Viên Linh muốn nói rằng các nhà văn nữ hiện nay chưa có tác phẩm văn chương đúng nghĩa. *(Mọi người cùng cười)* Văn chương nữ phải bây giờ theo quan điểm mà chúng ta vừa thảo luận gần được hiểu như là một chuyển đoạn, một trở thành, chứ không là một thành tựu.

Mai Thảo: Khả năng văn chương nữ bây giờ cho phép họ đề cập đến tất cả mọi vấn đề. Có điều bất cứ cuộc giải thoát nào trước hết là một giải thoát thân xác, nhất là cho đàn bà. Rồi họ sẽ đề cập đến những chủ đề khác. Nhưng bây giờ họ đang nói đến thân xác, dù không phải nói như một người vô luân. Thân xác là chủ đề lớn nhất hiện nay. Và họ đã đề cập tới nó.

Viên Linh: Hy vọng thế.

Huỳnh Phan Anh: Nên tránh sử dụng danh từ bệnh lý trong văn chương đàn bà. Theo tôi người đàn bà thất lợi trong việc viết văn. Vì họ phải trải qua, vượt qua chính thân phận của họ để được ngang hàng với đàn ông. Sự quá quắt trong văn chương đàn bà ở Việt Nam biểu lộ sự bất lợi của họ và kỳ lạ thay đó cũng là sự thành công của họ trên một phía nào đó.

Nguyễn Nhật Duật: Vậy phải chăng viết văn là ưu quyền tự nhiên của người đàn ông?

Huỳnh Phan Anh: Có thể, cũng như trong nhiều sinh hoạt khác, vì truyền thống, vì thói quen xưa nay đã dành cho đàn ông khá nhiều ưu quyền độc đoán.

Nguyễn Nhật Duật: Tôi nghĩ là anh đã diễn tả ý kiến của Simone de Beauvoir theo đó ưu quyền tự nhiên có cả nơi hai phía đàn ông lẫn đàn bà, chính xã hội đã tạo cho đàn bà cái mặc cảm rằng họ không có ưu quyền mà người đàn ông nắm giữ.

Mặc Đỗ: Tại sao chúng ta không nhận thức sự chú trọng về sinh lý ở các nhà văn nữ một cách đơn giản hơn. Họ sẽ nói như thế này, chẳng hạn: “Chúng tôi viết về sexe vì chúng tôi thấu hiểu vấn đề này hơn đàn ông.” Chẳng cần đào sâu hơn.

Nguyễn Nhật Duật: Đó là một hiện tượng đặc biệt, có thật, rất đáng nghiên cứu và tìm hiểu. Hiện tượng này đã tạo thành một giao động thật sự trong xã hội, phản ánh cho một tâm trạng đặc biệt và khác thường của người đàn bà bây giờ, qua các tác phẩm văn chương phụ nữ, chứ nó không chỉ đơn giản như anh Mặc Đỗ nói.

Viên Linh: Tôi công nhận những tác phẩm văn chương nữ đã gây được một ngạc nhiên lớn. Nhưng ngạc nhiên về con người họ mà thôi. Không phải về tác phẩm của họ.

Mặc Đỗ: Ban nãy, anh Viên Linh có nói đến sự khác biệt giữa các nhà văn nữ tiền chiến và bây giờ. Là trước kia, phần lớn các bà chỉ làm thơ, bây giờ viết văn, là tiểu thuyết gia. Tại sao như vậy?

Nguyễn Xuân Hoàng: Vì viết truyện bộc lộ dễ hơn. Vấn đề muốn trình bày, cũng trình bày được tường tận, chu đáo hơn.

Nguyễn Nhật Duật: Thơ có những giới hạn và những quy luật của nó. Không phải ai cũng làm thơ được. Văn xuôi diễn tả được đời sống trực tiếp và sống động hơn thơ.

Mai Thảo: Tôi coi sự có mặt của những nhà văn nữ và những tác phẩm của họ tới lúc này như đánh dấu cho giai đoạn khởi đầu. Mặc dầu nhiều người đã có nhiều tác phẩm và đã là những tác giả danh tiếng, có quá khứ, nhưng nói chung, chỉ hồi gần đây phụ nữ mới thực sự viết văn, coi văn chương là công việc chính của đời họ, nên tâm trạng của nhà văn nữ có nhiều điểm tương tự với tâm trạng của những nhà văn trẻ, những người viết mới. Nghĩa là mới bắt đầu, mới lên đường. Lên đường này sẽ đưa tới những chân trời nào, có được những triển vọng nào, hay ngược lại thì chưa rõ.

Mặc Đỗ: Điều đang nhìn thấy là hiện có hàng chục nhà văn nữ đang viết, đang hoạt động văn nghệ. Đó là một con số đáng kể, một phong trào. Ngày trước, chỉ có một Thụy An viết văn. Bây giờ là hàng chục Thụy An. Điểm chờ đợi của mọi người là sau khi viết về dự tình, không biết những nhà văn nữ có đề cập được tới các vấn đề khác không, hay chỉ có vậy. Cái thiếu lớn trong văn chương là tư tưởng.

Nguyễn Xuân Hoàng: Tư tưởng trong tác phẩm đã có, ở một vài người. Mới manh nha, thấp thoáng thôi, nhưng đã có. Đến đây phải đặt ra vấn đề kiến thức. Tôi nói kiến thức sống không nói học vấn. Các nhà văn nữ đang có những cố gắng đáng kể về mặt tư tưởng. Để khắc phục sự thiếu sót anh Mặc Đỗ vừa nói.

Huỳnh Phan Anh: Tác phẩm các bà bộc lộ một số ưu tư sôi nổi, liên quan mật thiết đến đời sống nói chung. Những ưu tư ấy nổi bật, người đọc thấy rõ. Chỉ thiếu vắng cái ưu tư tôi gọi nôm na là ưu tư văn chương nằm trong cách viết, cách làm mới tác phẩm. Chúng ta đã thấy các bà chỉ viết truyện dài, ít làm thơ, không viết ra những suy tưởng về những điều mình viết, là bởi thế, bởi một thiếu vắng ưu tư văn chương. Ưu tư về đời sống ở họ đã có rồi. Sau này, những ưu tư về đời sống ở họ có thể vẫn còn, đồng thời ưu tư về văn chương cũng sẽ được họ biết tới.

Mai Thảo: Như vậy, tác phẩm họ chưa có giá trị văn chương?

Huỳnh Phan Anh: Tác phẩm nào cũng có một giá trị nào đó về văn chương. Nhưng tôi muốn phát biểu khe khát một chút. Là tác phẩm nào cũng phải nói lên một ước muốn. Ước muốn thay đổi bộ mặt đời sống, mà sự thay đổi đầu tiên là văn chương.

Viên Linh: Về vấn đề kỹ thuật, các nhà văn nữ cầm bút viết

văn dễ dàng, mau lẹ. Họ viết nhiều, dài nữa. chỉ nhìn vào số lượng tác phẩm, đúng là họ viết dễ dàng, thoải mái hơn chúng ta nhiều. Khi tôi viết cuốn một, cuốn hai rồi cuốn ba, tham vọng ở tôi là cuốn sau dùng được một bút pháp khác hẳn bút pháp cuốn trước. Đó là ưu tư chính. Về kỹ thuật viết. Thành công hay không là chuyện khác.

Huỳnh Phan Anh: Nhà văn nữ khi cầm bút viết bị đè nặng về những vấn đề họ muốn viết ra. Nghĩa là nội dung vấn đề. Họ ít lưu tâm đến những cách thể biểu hiện vấn đề, tức là cách thể biểu hiện tác phẩm.

Mai Thảo: Tôi muốn đặt ra vấn đề ảnh hưởng và tác động của tác phẩm. Đến bây giờ, văn chương nữ đã gây được một tác động nào với người đọc? Câu trả lời, theo tôi, là có. Thế giới văn chương trước kia chỉ được tạo dựng bởi những tác phẩm đàn ông. Đời sống chỉ được chiếu sáng và biểu hiện bằng cái nhìn, bằng ý thức đàn ông. nếu văn chương nữ không làm tan vỡ được cái thế giới này, thì nó cũng đã là một thế giới thứ hai, đặt bên cạnh thế giới thứ nhất trước kia duy nhất, và mặc nhiên đã tạo được ở người thường ngoạn một tâm trạng đối chiếu, so sánh, xét lại. Những điều đàn ông viết ra không còn được chấp nhận vô điều kiện nữa. Một vấn đề bây giờ được chiếu rọi bằng hai thứ ánh sáng. Và người đọc đã có một thái độ, một tâm trạng mới. Họ nhìn sự vật dưới hai thứ ánh sáng. Đối chiếu. So sánh. Rồi mới chấp nhận đâu là sự thật, cho họ.

Nguyễn Nhật Duật: Người đọc chắc chắn sẽ có được một cái nhìn tổng hợp, toàn diện hơn trước kia. Về người đàn bà nói riêng. Về hạnh phúc, nói chung. Với cái nhìn của người đàn ông đã hết là một uy quyền tuyệt đối, sự lĩnh hội tác phẩm của người đọc sẽ phong phú hơn. Chắc chắn như vậy rồi. Tôi trở lại một ý kiến của Huỳnh Phan Anh. Đàn bà ưu tư về đời sống họ. Đồng ý. Ưu tư này đã được biểu hiện sôi nổi trong tác phẩm họ. Đồng ý. Nhưng đó mới chỉ là hình thái ưu tư chật hẹp về đời sống nhân tiên, riêng tây.

Ưu tư của đàn ông về đời sống rộng lớn hơn, muôn mặt hơn, như đời sống thăm thẳm, muôn mặt. Đàn bà còn nhìn gần. Tại sao? Vì giới hạn đời sống của đàn bà dẫu sao vẫn còn chật hẹp. Kiến thức vì thế, không có điều kiện phát huy, mở rộng. Cách nhìn, cách cảm nhận đời sống vì thế chưa có cơ hội thay đổi, làm mới. Phải có một cái nhìn mới có được những khái niệm, những nhận thức mới.

Mai Thảo: Anh Duật nói đến cuộc tìm kiếm hạnh phúc trong thế giới tiểu thuyết nữ bây giờ. Tôi thấy không chỉ là cuộc tìm kiếm đó, mà còn là cái ý lực phấn đấu giành quyền chủ động đời sống của người đàn bà bị thu hẹp trong cái thế bị động mờ nhạt. Chúng ta thấy trong một số tác phẩm nữ giới, nhân vật đàn ông luôn luôn được đặt ra như một đối diện thù nghịch, người đàn bà phải xô ngã cái đối diện ngột ngạt đó để tự thực hiện, trên một bình diện, một tương quan mới. Đàn bà viết bây giờ rõ ràng là có thái độ với đàn ông trên từng dòng từng chữ. Văn chương họ phản ánh cho cái không khí, cái cảnh tượng phân hóa của xã hội hiện thời, ở đó một trong những nền tảng vững vàng nhất đang bị lung lay đến tận cùng gốc rễ là nền tảng gia đình. Cho nên, không phải là trong tác phẩm đàn ông, mà trong truyện đàn bà, những lễ thói luân lý đạo đức cố định đang bị đem ra riều cọt nhiều nhất. Chúng ta đang có một loại tiểu thuyết phong tục mới. viết bởi những người không chịu sống với phong tục, tập quán một chút nào hết.

Viên Linh: Tôi chỉ thấy người đàn bà trong văn chương bây giờ thực tế quá. Họ không còn mơ mộng như ngày trước. Một thế giới mơ mộng nào đó đã chết.

Nguyễn Đình Toàn: Một cá tính thật mạnh mẽ, đó là ưu điểm tôi nhìn thấy ở văn chương phái nữ. Điều nào họ nói đến cũng như lớp men đàn bà trắng lên. Như thế có thể làm cho một số người đọc yêu thích. Riêng tôi, tôi rùng mình. Nếu phụ nữ thay đổi được cái nhìn, tác phẩm họ, những điều họ viết ra sẽ có một ảnh hưởng lớn lao.

Huỳnh Phan Anh: Nếu anh Mai Thảo nói vì có văn chương nữ giới mà thể giới văn chương đàn ông bị duyệt xét lại, tôi không đồng ý. Không đến nỗi thế. Thành ra có hai thứ văn chương, một của đàn ông, một của đàn bà hay sao? Tôi chỉ thấy là văn chương phụ nữ làm phong phú cho văn chương nói chung. Riêng tôi, khi cầm bút viết, tôi không hề bị ám ảnh bởi sự có mặt của các nhà văn nữ.

Viên Linh: Tôi cũng vậy.

Dương Nghiễm Mậu: Văn chương nữ tuy vậy có thật sự đặt ra một số vấn đề mới. Tác phẩm họ nói họ còn đứng lại ở một số giới hạn nào đó. Có những vấn đề đã được đề cập tới. Nhiều vấn đề khác, chưa.

Viên Linh: Ngày trước đàn bà chỉ đông đảo ở một địa hạt là địa hạt trình diễn. Bây giờ họ cũng đông đảo ở cả lãnh vực sáng tạo.

Huỳnh Phan Anh: Hỏi tác phẩm đàn bà có gây được một tác động nào không, tôi thấy có. Nhưng đó chỉ là một xúc động tâm lý. Còn vì sự có mặt của văn chương nữ mà có sự duyệt xét, thẩm định lại hết thảy thì không phải. Đóng góp vào kiến thức người đọc, cho kiến thức đó không thiếu sót, một chiều, thì có. anh Mai Thảo đã đặt ra vấn đề ảnh hưởng và tác động của văn chương nữ. Tôi nhắc lại, nó chỉ là một xúc động tâm lý, không hơn không kém.

Nguyễn Xuân Hoàng: Những nhà văn nữ nói đến đàn bà thường là xưng tôi, ở ngôi thứ nhất. Bây giờ, nói đến đàn ông, họ cũng xưng tôi, cũng ngôi thứ nhất. Như thế có mâu thuẫn với nhiều điểm chúng ta đã nhận xét ở phần trên không? Những nhà văn nữ không có một ưu tư văn chương nào sao?

Mặc Đỗ: Không có mâu thuẫn. Chúng ta không nói rằng

tất cả những nhà văn nữ thiếu vắng ưu tư văn chương. Có chứ. Nhưng chỉ ở một số ít.

Nguyễn Nhật Duật: Nói chung, phong trào bộc phát của văn chương nữ hiện thời đã gây được một giao động, tôi thấy lớn hơn là một xúc động tâm lý đơn thuần ở phía người đọc, như ý kiến anh Huỳnh Phan Anh. Văn chương nữ giới quả có giúp cho người ta nhìn thấy rõ hơn về đời sống, về hạnh phúc. Giao động này rồi đây sẽ lắng chìm hay tồn tại? Đó lại là một chuyện khác.

Mặc Đỗ: Các nhà văn nữ đã đóng góp, bằng sự có mặt của họ, cho văn chương nhiều hơn là cho xã hội. Ảnh hưởng nếu có, cũng rất hữu hạn. Các nhà văn nữ đến nay mới chỉ phản ánh được đời sống. Tác phẩm họ chưa thay đổi được đời sống. Trở lại cách viết, lối viết táo bạo. Trước kia, đàn bà sống e dè, che dấu, về một phương diện nào đó. Bây giờ, người đàn bà viết văn giúp cho người đàn bà ngoài đời sống táo bạo, đường hoàng hơn trước. Và mới chỉ là thế.

Mai Thảo: Nếu văn chương có những người mở đường, thì ở phía phụ nữ, những nhà văn nữ hiện nay của chúng ta đích thực là những người mở đường. Đó là một sự thật không thể phủ nhận. Trước kia không có văn chương nữ giới. Bây giờ có, và những nhà văn nữ hiện nay là những nhà văn nữ thứ nhất của chúng ta, hiểu nhà văn theo cái nghĩa đầy đủ của danh từ nhà văn. Về vị trí, về chỗ đứng thì là như thế. Nhà văn nữ không còn chịu đựng trên một đường lề chênh vênh nào nữa. Mà đã ở hẳn trong sinh hoạt, có mặt ở hết thảy mọi địa hạt trước kia chỉ là sự có mặt duy nhất của nam giới. Đại hạt mà các nhà văn nữ đến giờ đã đóng góp được nhiều nhất hiển nhiên là địa hạt tiểu thuyết. Thế giới tiểu thuyết nữ tuy chỉ mới được tạo dựng khoảng năm, bảy năm trở lại đây đã rất phong phú. Trước hết, vì những cây viết nữ hàng đầu hiện nay của chúng ta, mỗi người đều chói sáng một bản sắc riêng tây. Túy Hồng linh động, giàu có, vô tận, trong nghệ thuật diễn tả những

tình tiết quay động, lắt léo. Trùng Dương phóng khoáng trong cả sống và viết là hình ảnh người đàn bà tự do, độc lập bây giờ. Nguyễn thị Hoàng như một dòng sông tình cảm ào ạt càng ngày càng đi tới chế ngự, làm chủ được một bút pháp tinh vi, thuần thực hơn trước. Nhã Ca làm thơ hay, khi viết truyện, truyện nào cũng có một vấn đề thời thế, xã hội nóng bỏng lồng đưng trong nó. Nguyễn thị Thụy vũ hồi trước nổi tiếng là táo bạo nhất, bây giờ đã tự chế, đã trầm tính, là cái thái độ tốt của một người viết muốn thực hiện tác phẩm lớn. Nguyễn thị vinh tuy vẫn ở lại với cội văn chương Tự Lực Văn Đoàn, nhưng đã đạt được những tiến bộ đáng kể so với Nguyễn thị vinh ngày trước. Thêm một Trần thị NgH. làm kinh ngạc với mấy truyện ngắn đầu tay, và rõ ràng là các nhà văn nữ tôi vừa kể tên, nếu chưa làm mới được văn chương nói chung, đã tạo được cho văn chương nữ giới một kích thước, một khuôn mặt mới. Vậy mà họ mới bắt đầu đó thôi. Triển vọng của họ là ở đó. Không phải ở những cái họ đã thực hiện được. Mà ở nơi họ chỉ mới bắt đầu. Tôi gọi chung đó là một thế lực văn chương đang chuyển động. Trong khi ở phía nam, nhiều thế lực đã kết thúc, đã đứng lại.

Viên Linh: Họ là những người nữ đầu tiên vén màn cho ta nhìn vào thế giới đàn bà.

Mặc Đỗ: Tôi nhắc lại đề nghị đã đưa ra: một bàn tròn khác phải được tổ chức và mời các nhà văn nữ tới. Cho họ phát biểu về chính họ, về những đặc tính của văn chương phái nữ. Như thế, vấn đề và hiện tượng văn chương đàn bà mới được chiếu sáng một cách đầy đủ và xác thực hơn.

Nguyễn thị Hoàng - Bơi Ngược Dòng Văn Hóa Phụ Hệ Bằng Vòng Tay Học Trò

Tác giả: Nguyễn thị Hải Hà

“Her wounds came from the same source as her power” – Adrienne Rich

Tôi chú ý đến quyển Vòng Tay Học Trò vì những lời phê phán đả kích dành cho nó. Tạp chí “Quần Chúng” bộ mới số 2, đăng một mẫu quảng cáo với giọng điệu đao to búa lớn: *“Tiểu Thuyết của Nguyễn thị Hoàng: Sự buồn lậu tư tưởng trong một con bệnh dân thành phố?”*

QUẦN CHÚNG

BỘ MỚI — SỐ 2

- *Tiểu thuyết của Nguyễn thị Hoàng : Sự buồn lậu tư tưởng trong một con bệnh dân thành phố ?*
- *Thư ngỏ gửi Nghi-trưởng : Chúc các ngài sẽ không làm hổ thẹn chúng tôi.*
- *Hãy tự hào làm người Việt-Nam.*

(tư liệu của TQBT)

“Nhà văn Nhật Tiến trong một bài đăng trên báo Bách Khoa năm 1968 đã nhận định truyện Vòng Tay Học Trò là tào bạo. Buổi thảo luận Bàn Tròn (đăng trên Văn số 206

năm 1972) bao gồm bảy nhà văn danh tiếng của miền Nam trước năm 1975 như Mai Thảo, Viên Linh, Huỳnh Phan Anh, Mặc Đỗ, Nguyễn Xuân Hoàng, Dương Nghiễm Mậu và Nguyễn Đình Toàn đã đưa ra nhiều chi tiết quý giá cho độc giả chút khái niệm và hình ảnh về văn chương và xã hội, đặc biệt là những suy nghĩ của các ông về năm nhà văn nữ đang “*làm mưa làm gió*” trên văn trường lúc bấy giờ. Dương Nghiễm Mậu so sánh Vòng Tay Học Trò với hiện tượng Quỳnh Dao nhưng nhà văn Viên Linh không đồng ý, bảo rằng: “*Quỳnh Dao viết về cái trong sáng, không viết về cái nhầy nhụa*.” Câu phát biểu ấy khiến người đọc hơn bốn mươi năm sau không khỏi nghĩ rằng có cái gì đó nhầy nhụa trong quyển tiểu thuyết ngắn (novella) Vòng Tay Học Trò. Các nhà văn khác trong Bàn Tròn tuy dùng chữ nhẹ nhàng hơn, nhưng có đến khoảng mười bảy lần chữ “táo bạo” được dùng để miêu tả văn chương nữ lúc bấy giờ. Tập San Sinh Viên cho rằng tác phẩm Vòng Tay Học Trò là “trường hợp ngoại lệ, mất thăng bằng, bệnh hoạn...” Vòng Tay Học Trò còn bị chê là lai căng, đọc vào chỉ thấy chất Tây chứ không thấy bản chất phụ nữ Việt Nam (1).

Táo bạo cỡ nào, bệnh hoạn ra làm sao, hẳn đây là một tác phẩm viết về tình dục, tôi tự hỏi. Táo bạo cỡ Fear of Flying của Erica Jong, hay Nhật Ký của Anais Nin, hay Tropic of Cancer của Henry Miller, hay Phu Nhân Chatterley của D. H. Lawrence? Fear of Flying miêu tả những mơ ước tưởng tượng về lạc thú tình dục (sexual fantasies) của một người phụ nữ thuộc giai cấp trung lưu. Anais Nin, là người tình của Henry Miller hay viết những đoạn nhật ký rất gợi tình, khiêu dâm (erotica) về những người phụ nữ trong đó có June, vợ của Miller. Tropic of Cancer của Miller thì tục vô cùng. Lawrence viết về sự ngoại tình của một người đàn bà thuộc giai cấp quý tộc với một người thợ săn cung cấp thịt cho gia đình. Lawrence viết về tình dục nhưng không tục thô bạo như Miller. Còn nếu nói Vòng Tay Học Trò thuộc loại bệnh dâm thì đây thuộc loại bệnh gì? Bệnh ấu dâm như Lolita của Nabokov,

hay ác dân như Fifty Shades of Grey của E. L. James chiếm danh sách bán chạy nhất của New York Times cả năm trời? Hay vừa ác dân vừa khổ dân như The Secretary của Mary Gaitskill?

Cô giáo Trâm, nhân vật chính, ở biệt thự Tây, nghe nhạc Tây, xem phim Mỹ (phụ đề Pháp Ngữ), ăn xúp nấu kiểu Tây, nhắc đến tên của những nhà văn Tây như George Sand và Sagan. Cô huyết sáo như đàn ông và hút thuốc như đàn bà Tây. Về mặt hút thuốc, các bà cụ ở làng Cẩm Lệ chuyên làm thuốc lá, cả trăm năm trước, cũng hút thuốc phi phèo mỗi điếu thuốc to bằng ngón tay thì có Tây không? Cái Tây của cô giáo Trâm chỉ là hình thức bên ngoài, một thứ thời trang. Người đọc, kỹ một chút, sẽ thấy Trâm sẵn sàng đâm học trò nghèo, e ngại miệng tiếng thị phi nhưng vẫn đặt nhu cầu của tha nhân lên trên lợi ích cá nhân là một cử chỉ rất là phụ nữ Việt Nam. Khi lỡ yêu chú học trò bé bỏng, tâm tư của cô giáo bị dẫn vật âu lo đó cũng là một tư tưởng rất là của đàn bà Việt Nam.

Nếu đọc Vòng Tay Học Trò, theo luận điểm của Jacques Derrida, chỉ chú trọng văn bản; hay dùng “hậu cấu trúc luận” chỉ dựa vào sự tương tác của người đọc (hơn ba mươi năm quen với sách báo phim ảnh Hoa Kỳ) và tác phẩm (2), độc giả sẽ cho rằng đây là loại “chick lit”, tiểu thuyết tình cảm lãng mạn dành cho các cô gái trẻ mới lớn lên và bắt đầu yêu. Vòng Tay Học Trò không chứa đựng ý thức chính trị dù ở VN lúc ấy cuộc chiến đang leo thang, văn phong lãng mạn, đậm nét thơ, hay tả cảnh đẹp của thiên nhiên, càng làm người ta chú ý đến yếu tố non trẻ của tác phẩm đầu tay. Độc giả dù có đốt đuốc đi tìm suốt quyền sách cũng sẽ không tìm được một chữ nào nói về bộ phận sinh dục, hay tả chân những màn làm tình nóng bỏng, hay chuyện còng tay cùm chân, đét vào mông, để có thể phán quyết đây là một tác phẩm bệnh hoạn về tình dục. Vòng Tay Học Trò bị kết án phi luân theo lời nhà phê bình Đào Huy Đán (3), vì tác phẩm này chạm vào điều cấm kỵ (taboo) của nền văn hóa phụ hệ Việt Nam. Một, người đàn bà yêu người con trai nhỏ tuổi hơn. Hai, độc hại hơn,

người đàn bà này lại là cô giáo của chính người cô yêu. Một người “*sính*” dùng lý luận của Freud để phân tích văn học có thể kêu lên đây là hiện tượng Oedipus. Cô giáo được so sánh với hình ảnh của người mẹ và vì thế người ta dễ liên tưởng đến chuyện loạn luân.

Phải đặt tác phẩm Vòng Tay Học Trò ở giữa nền văn hóa phụ hệ của Việt Nam mới hiểu tại sao tác phẩm bị lên án. Với phong tục Việt Nam, người chồng lớn tuổi hơn người vợ là chuyện dĩ nhiên, thậm chí kể cả những cô vợ vẫn còn là bé con. “*Lấy chồng từ thuở mười ba. Sang năm mười tám thiếp đã năm con. Ra đường thiếp hãy còn son. Về nhà thiếp đã năm con cùng chàng.*” Người ta chê cười những người phụ nữ lấy chồng trẻ con. “*Đòng đòng ẵm chồng đi chơi. Đi đến chỗ lội đánh rơi mất chồng. Chị em ơi cho tôi mượn cái gàu sòng. Để tôi tát nước vớt chồng tôi lên.*” Đối với người Việt Nam, môi trường giáo dục là môi trường đạo đức. Nào là “*nhất tự vi sư, bán tự vi sư.*” Nào là “*không thầy đố mày làm nên*”. Nào là “*muốn sang thì bắc cầu kiều. Muốn con hay chữ phải yêu mến thầy.*” Thầy là hình ảnh của người cha. Và cô giáo, dĩ nhiên, được liên tưởng với vai trò người mẹ. Trên thực tế, một cô giáo dạy đệ nhất cấp, mới ra trường có thể chừng hai mươi. Một học sinh đệ nhị cấp, học trẻ tuổi, hay khai sứt tuổi để trốn lính, có thể mười chín hoặc đôi mươi, nhiều người có vóc dáng to lớn hơn cả cô giáo dạy họ. Điều trở trêu là, tình yêu của người đàn ông trưởng thành với một cô bé “*tuổi của nàng tôi nhớ chỉ mười ba*”, hay của thầy giáo với học trò, lại thường được ca tụng qua những cuốn tiểu thuyết hay những bài thơ lãng mạn. Một trường hợp có thật, chú bé mười một mười hai, yêu một người con gái lớn tuổi hơn, vẫn yêu “*chị*” sau khi “*chị*” có chồng. Chú kể lại mối tình bằng bài thơ với những câu “*đứa nào tìm được Lá Diêu Bông, từ nay chị gọi là chồng*” thì thiên hạ suýt xoa khen. Bà Duras đưa cô bé mười lăm tuổi người Pháp quyến rũ người đàn ông Việt gốc Tàu lớn hơn cô mười hai tuổi để lấy tiền, vào quyền Người Tình, chẳng những không ai mắng chửi dâm loạn mà còn trao tặng cho bà giải thưởng Goncourt.

Chuyện người đàn bà lớn tuổi yêu một người con trai trẻ tuổi hơn không phải là chuyện hiếm hay chỉ có trong tiểu thuyết hay phim ảnh. Trước khi Vòng Tay Học Trò xuất hiện (1964), đã có Anna Karenina của Leon Tolstoi (1873-1877), The Awakening (Thức Tỉnh) của Kate Chopin (1899), và phim Tea and Sympathy (1956). Sau Vòng Tay Học Trò có phim The Graduate (1967), Summer of '42 dựa vào hồi ký của Herman Raucher (1971), The Reader của Bernhard Schlink truyện Đức dịch sang tiếng Anh (1997) là một vài thí dụ. Trên thực tế, ở Tây phương, không ít phụ nữ kết hôn với đàn ông trẻ hơn họ hàng chục tuổi; Mary Tyler Moore, Demi Moore, Elizabeth Taylor, là một vài cái tên làm thí dụ. Tất cả những sách và phim nói trên đều nổi tiếng và được yêu mến. Tuy nhiên, tác phẩm có ảnh hưởng sâu đậm đến Vòng Tay Học Trò được nhà văn Nguyễn thị Hoàng nhắc đến là cuốn phim Tea and Sympathy (Những Cuộc Uống Trà và Lòng Thương Xót) là một vở kịch của Robert Anderson ra đời năm 1953 chuyển thành phim năm 1956. Phim được chuyển sang tiếng Pháp, Thé et Sympathie, được Minh nhân vật trong truyện nhắc đến với cô giáo Trâm.

Tea and Sympathy nói về một cậu học trò Tom Robinson Lee mười bảy tuổi, vừa chuyển sang trường mới. Tom nhạy cảm dịu dàng bị xem là có nữ tính thường bị bạn học bắt nạt. Phim cho người xem thấy quan niệm về tình dục và nam tính của xã hội thời bấy giờ. Laura Reynolds, vợ của vị giáo viên ban thể thao, bệnh vực cậu bé. Laura không được chồng yêu thương chăm sóc. Sự nhạy cảm và chú ý của Tom làm nảy sinh tình cảm giữa Tom và Laura. Tom thú nhận cậu luôn có cảm tình, đôi lần đi đến chỗ thâm yêu những người phụ nữ lớn tuổi hơn cậu, có lẽ vì thiếu tình yêu của mẹ. Mẹ cậu bỏ đi khi cậu còn bé. Bố cậu nhìn thấy bản chất dịu dàng của cậu lại sợ rằng cậu là người đồng tính luyến ái. Ông bố và các bạn học là áp lực khiến cậu bé tìm cách học vỡ lòng tình dục với một cô gái điếm tên Ellie. Bài học thất bại, cậu bị đuổi học, bạn bè trêu chọc, Tom xấu hổ và thất vọng nên tự tử. Laura

khuyên giải, hai người trao đổi cái hôn, Laura nói rằng “nhiều năm sau, khi cậu kể chuyện này, và cậu sẽ, xin hãy nhớ giữ lòng nhân hậu.” Phim của thời 1956 luôn kín đáo. Đạo diễn chỉ cho thấy cái hôn, nhưng người xem phim thời bấy giờ có lẽ hiểu rằng giữa Laura và Tom tiến xa hơn một chút, vì sau cái hôn vào buổi chiều ở một góc vắng trong sân cù, cậu bé Tom không còn nghi ngờ bản chất đàn ông của cậu, trở thành nhà văn có vợ con. Mười năm sau trở về thăm trường cũ, cậu gặp lại vị giáo viên phụ trách môn thể thao, khi hỏi thăm về Laura cậu nhận được lá thư Laura để lại. Laura kể rằng sau buổi chiều ấy, nàng không thể nào trở lại với người chồng không yêu. Nàng bỏ đi nhưng lòng vẫn mang cảm tình dành cho cậu bé.

Giữa Tea and Sympathy và Vòng Tay Học Trò có một điểm tương đồng. Cùng là tình yêu một phụ nữ với người con trai trẻ tuổi hơn, trong khi Tea and Sympathy nhấn mạnh sự tìm kiếm bản chất tình yêu và tình dục của Tom và nỗi buồn chán của Laura một người phụ nữ trung lưu Hoa Kỳ (3) thì Vòng Tay Học Trò cho thấy sự kháng cự nền văn hóa phụ hệ ở cô giáo Trâm. Lớn lên với quan niệm “*tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử*,” và “*quyền huynh thế phụ*” và những câu thơ của Bạch Cư Dị “*Nhân sinh mặc tác phụ nhân thân, bách niên khổ lạc do tha nhân*,” tôi thông cảm cái uất ức vì bị gò ép trong văn hóa phụ hệ của người cung nữ trong Cung Oán Ngâm Khúc “*bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra*”. Sự nổi loạn kháng cự sự gò bó của xã hội của nhà văn Nguyễn thị Hoàng qua tác phẩm Vòng Tay Học Trò là điều tất nhiên. Vào thập niên sáu mươi, ý thức nữ quyền bắt đầu phát triển mạnh ở khắp nơi trên thế giới. Việt Nam đón nhận làn gió ý thức nữ quyền từ văn học Pháp và Hoa Kỳ lan sang.

Tôi cẩn thận, không gán nhãn hiệu nữ quyền tùy tiện. Rất nhiều nhà văn từ chối cái danh hiệu nữ quyền thí dụ như Doris Lessing và Alice Munro. Tôi sẽ đưa ra những chi tiết trong Vòng Tay Học Trò để giải thích vì sao tôi cho rằng tác phẩm này mang ý thức nữ quyền trong thời kỳ

nữ quyền của Việt Nam vẫn còn ở mức độ phôi thai. Nói thêm một chút ở đây, tôi không phải là một học giả chuyên nghiên cứu về nữ quyền trong văn học. Tôi chỉ là người đọc vài ba tác phẩm về lý thuyết nữ quyền, có chút tò mò, muốn thử dùng cặp mắt kính nữ quyền để đọc một tác phẩm văn học bị đã phá thậm tệ trong nền văn hóa phụ hệ. Nói như thế, không phải vì tôi khiêm tốn mà vì muốn đặt một tấm bia, để đỡ đạn trong trường hợp độc giả muốn bắn cho vui.

Vòng Tay Học Trò có những ý thức nữ quyền trong thời kỳ bắt đầu, rất gần với *The Awakening* (Thức Tỉnh, 1899) của Kate Chopin (1850 – 1904). Edna Pointellier, nhân vật nữ chính, có chồng khá giả và hai đứa con. Cảm thấy bị vây hãm trong đời sống làm mẹ và làm vợ, Edna muốn được tự do và trở thành nhà văn kiêm họa sĩ. Trong một cuộc nghỉ hè, Edna quen và đem lòng yêu Robert Lebrun, một thanh niên trẻ tuổi hơn nàng. Khác với Anna Karenina bị lệ thuộc tài chánh vào chồng, Edna có tiền do bố của nàng để lại. Chồng nàng cho rằng thái độ bất thường của nàng, bởi vì mơ ước được tự do hoàn toàn chiếm ngự tư tưởng nàng khiến nàng đâm ra có những cử chỉ khó hiểu, là một căn bệnh tâm lý. Khi chồng nàng mang hai đứa con đi xa, nàng dọn ra khỏi nhà mua một căn nhà nhỏ và sống riêng. Tự do trong cuộc sống cả vật chất lẫn tinh thần, Edna theo đuổi mối tình với Robert, nhưng không thành. Truyện kết thúc ở chỗ Edna bơi ra ngoài khơi, càng ra xa nàng càng thấy tự do và không nghĩ đến chuyện quay vào bờ. Cách kết thúc của Kate Chopin đưa đến hai kết luận. Một số người cho rằng Edna chọn sự chết đuối vì không muốn chịu thua sức ép của xã hội và đánh mất sự tự do của nàng. Một nhóm khác, ít người hơn, cho rằng, Edna không nhất thiết phải chết đuối và tiếp tục hưởng thụ sự tự do của nàng. Sau khi tác phẩm *Thức Tỉnh* ra đời, nhà văn Kate Chopin bị xã hội tẩy chay. Phụ nữ lên án tác phẩm của Chopin vi phạm đạo đức xã hội; vì nhân vật Edna chẳng những đã bỏ chồng mà còn bỏ cả con. Thậm chí Câu Lạc Bộ tác giả Chopin thường đến sinh hoạt

hằng ngày cũng rút lại thẻ hội viên của bà. Đang là nhà văn có sức viết rất mạnh, bỗng dưng bà bị cô lập, không thể xuất bản sách được nữa. Sau khi Chopin qua đời không mấy ai nghĩ đến tác phẩm của bà, thường bị giới phê bình cho là loại tác phẩm chỉ được biết đến ở địa phương. Mãi về sau, khi phong trào nữ quyền trở nên lớn mạnh, bắt đầu khôi phục những tác phẩm biểu lộ ý thức nữ quyền trong thời kỳ phôi thai người ta mới chú ý đến tác phẩm của bà, đặc biệt là *The Storm*, *The Story of an Hour*, và *The Awakening*.

Sandra Lee Bartky viết, có ba loại áp bức về tâm lý đặt lên phụ nữ: thành kiến, thống trị văn hóa, và xem họ như một đối tượng tình dục. Phụ nữ, cũng như người dân bị đô hộ lâu ngày, dần dần chấp nhận sự áp bức và trở nên thuần phục. Phụ nữ bất tuân phục ngấm ngấm ở đâu và thời nào cũng có. Phát hiện và chấp nhận sự áp bức mỗi phụ nữ có mức độ khác nhau (4). Bartky nói: *“To be a feminist, one has to become one.”* (Bartky, p.11). Tôi xin dịch thoát nghĩa như sau. *Để mang danh là một nhà nữ quyền, trước nhất người ấy phải làm cái gì đó để trở thành nhà nữ quyền.* Tức là phải có sự thay đổi trong hành động và tư tưởng. Diễn biến này sâu sắc, phức tạp, thay đổi ở từng cá nhân và không phải dễ dàng nhận ra. Bà đưa ra một vài thí dụ như đang là nhà nội trợ người phụ nữ muốn trở thành người có nghề chuyên môn, hay có những hành động chống đối chính trị, hay làm một cái gì đó ngược hẳn với những gì xã hội định sẵn cho vai trò phụ nữ, thậm chí như : *“ở tù, không dùng son phấn trang điểm nữa, cạo lông chân, bắt đầu học Thái Cực Đạo, và thay đổi ý thức chính trị hoàn toàn”*(5) (Bartky, p.12). Trong tác phẩm *Vòng Tay Học Trò*, Trâm muốn tự chủ, tự lực và sống độc lập trong xã hội. Một trong những điều kiện quan trọng nhất để được quyền bình đẳng với nam giới là sự độc lập tài chính. Cô giáo Trâm bỏ học để đi dạy vì đây là một phương tiện thích hợp với khả năng của nàng để đưa đến sự độc lập về tài chánh, đồng thời đây cũng là một lãnh vực mà nền văn hóa phụ hệ chấp nhận sự có mặt của phụ nữ. Trâm hút

thuộc và huyết sáo như đàn ông, và chứng tỏ khả năng tự chủ tự lập của nàng bằng cách đứng ra thuê người sửa chữa căn biệt thự của người Pháp đang bị hư hại nặng. Từ bỏ Huế, và Sài Gòn, Trâm muốn từ bỏ cái quá khứ ăn chơi bất tận với những mối tình không như ý ở Sài Gòn, và đồng thời muốn thoát khỏi khuôn phép của gia đình cũng như sự nghiêm khắc của xã hội Huế. *“Ở Sài Gòn là nổi kiêu hãnh liêu lĩnh bất chấp thiên hạ để dám sống, để phá đời, để hưởng đời. Ở đây là sự kiêu hãnh liêu lĩnh bất chấp để gây dựng cho mình, để vạch lối riêng không cần đến những đường mòn của thiên hạ”* (VTHT, trang 3).

Tuy nhiên, đi đâu Trâm cũng không thoát khỏi sự áp bức của nền văn hóa phụ hệ, đặc biệt là trong môi trường giáo dục. Trâm bị vây bủa trong một xã hội của nam giới. Đồng nghiệp của nàng, cấp trên của nàng, học trò của nàng tất cả đều là phái nam. Trâm bị cô lập và cảm thấy cô đơn. Suốt chiều dài tác phẩm độc giả dễ nhận ra rằng, dù là một cô gái đẹp, dễ mến, và nhân hậu, Trâm có một quan điểm khá hằn học với phái nam, nhất là những người có thể đặt áp lực lên nàng. Trâm không ghét Lưu, có ít nhiều thiện cảm với Lưu như một người anh hay bạn, vì Lưu không săn đuổi nàng, không nhìn nàng như nhìn một đối tượng tình dục. Trâm từ chối Ngũ, và một số người đàn ông khác đã từng theo đuổi nàng, *“Nàng nhớ lại những tên người trong ký ức như người lính thắng trận kiểm điểm xác chết của phe địch bỏ lại ở chiến trường. Văn tử phú. Marc giáo sư đại học, John sĩ quan Mỹ. Tuấn phi công. Francois ký giả, Hồng nha văn. Linh con nhà giàu phá sản. Và một khối thằng sinh viên. Một khối thằng học trò choai choai mới lớn say mê của cảm như khoái làm chuyện siêu phàm. Bây giờ họ là những xác chết.”* (6) (VTHT, trang 2) bởi vì họ biết quá khứ của nàng. Họ có thể dùng quá khứ của nàng để kềm chế sự độc lập của nàng, bắt nàng tuân theo bốn phận làm vợ, làm mẹ. Bằng những tính từ gắn phía sau tên của những người đàn ông theo đuổi nàng, độc giả có thể nhìn thấy họ là tượng trưng của giai cấp trung lưu, trí thức, và có quyền lực; ít nhất là quyền lực áp đặt lên một

cô gái trẻ như Trâm, biến nàng thành đối tượng tình dục của họ.

Trâm đặc biệt có ác cảm với ông Dụ, giám thị trong trường nàng đang dạy. Không phải chỉ vì ông là người soi mói tọc mạch chuyện riêng của nàng, mà còn vì ông tượng trưng cho một xã hội văn hóa phụ hệ, cái hình ảnh của người cha, người chủ, hay cấp trên, hạng người không hẳn cầm quyền nhưng có thể thực hiện chức năng trừng phạt những người ở thế yếu. “*Mình có làm gì phạm pháp đâu. Lão ta chỉ có quyền kiểm soát ở trường thôi. Đây là thế giới mình. Nhà này là của mình. Đời sống này là của mình. Không có ai có quyền xâm lấn hay sửa chữa, can có gì đến lão ta đâu mà xía vô. Tôi ngủ trong phòng, bên lò sưởi, dưới bếp, ở nhà xe, hay đâu mặc xác tôi chứ, miễn là tôi không ngủ gục trong khi giảng bài, không ngủ quên trong lớp khi tan học. Trong bán nội qui nhà trường không thấy buộc giáo sư phải ngủ trên giường, cấm giáo sư nằm giữa sàn nhà, trước lò sưởi. Cũng như pháp luật không cấm đoán đàn bà sống độc thân. Vậy thì tôi muốn sống như thế đó. Và tôi có quyền sống như thế. Có hại gì ai không? Có làm mất mát gì của ông đâu?”* (VTHT, tr. 53-54)

Trâm chống đối cả nền giáo dục mà nàng xem là giả dối, giáo điều. “*Giảng giải lý thuyết, áp dụng những nguyên tắc cổ điển sáo hủ. Như người ta lơ đãng rải lá dâu cho tằm ăn trong khi tằm đã biến hình thành con nhộng trong cái kén. Học trò cứ ngồi đó, thờ ơ chép bài, lơ đãng nghe giảng, tìm cách này hay cách khác, tiết kiệm những suy tư về học tập, để chín phần mười tâm trí phiêu du theo những thắc mắc riêng tư. Thầy giáo cứ viết, cứ nói, cứ lập đi lập lại như cái máy hát bị hỏng một điệp khúc nhằm chán về những qui tắc mà chính mình cũng không muốn áp dụng trong đời sống. Những vấn đề đạo đức, những bài học công dân, giáo sư thao thao bất tuyệt, khoác cho mình vẻ đạo mạo của người truyền giáo mà không bao giờ nhận định rằng trong đám người nghe còn phải có cả chính mình. Sự giả dối quen thuộc đến nỗi không ai chú ý đến hiện diện trơ tráo của nó, và vô tình, người mang mặt nạ*

với kẻ khác và với chính mình nữa.”(VTHT, tr. 67)

Tuy đối kháng với những người đàn ông tượng trưng cho sự áp bức của nền văn hóa phụ hệ, Trâm không nhận ra là nàng cũng bị thuần hóa và chấp nhận vai trò xã hội đòi hỏi ở nàng. Sự thuần hóa ở Trâm là nàng có khuynh hướng làm mẹ, sẵn sàng đảm học trò dù vẫn biết là nàng có thể bị nghi kỵ gây tiếng xấu cho bản thân. Trâm bị xung đột giữa cái chống lại sự đàn áp của nền văn hóa phụ hệ, và tuân theo sự đòi hỏi của xã hội về vai trò phụ nữ của nàng.

Cũng như Laura đã bảo vệ che chở Tom vì thương xót trước khi lòng thương biến thành tình yêu, Trâm chấp nhận Minh bước vào thế giới cá nhân của nàng cũng vì lòng thương xót. Sự quan hệ của Trâm và cậu bé học trò không phải là sự đòi hỏi về tình dục dù Trâm có thoáng nghĩ đến những đòi hỏi của thể xác nhưng rất nhẹ nhàng và mơ hồ. Có thể nói, điểm yếu nhất của Trâm là nàng quá tự tin vào sự cứng rắn của tâm hồn nàng nên không nghĩ đến sự gần kề của một người khác phái, cộng với lòng thương xót có thể nảy sinh sự cảm thông giữa hai tâm hồn rồi đưa đến tình yêu. Trâm không coi Minh, một cậu bé mỏng manh gầy gò, da trắng môi hồng, là một đối tượng có thể kềm chế, kiểm soát, hay trấn áp nàng vì thế nàng không đề phòng kháng cự: *“Vòng tay Minh là vòng tay học trò. Nếu coi Minh như một người đàn ông, tôi cũng đã điên cuồng, đã chán mùa, đã cùng cực hoài nghi.”* (VTHT, trang 113). Nhà văn Nguyễn thị Hoàng bỏ lửng đoạn kết của Vòng Tay Học Trò tùy độc giả tưởng tượng đến tương lai của mối tình không được xã hội chấp thuận này. Có thể nhà văn Nguyễn thị Hoàng là người thắng cuộc trong trận chiến này. Trước bà, những nhân vật nữ yêu hay có liên hệ tình dục với các cậu trai trẻ tuổi hơn đều tự tử; như Anna Karenina, Edna Pontellier, hay bỏ đi xa như Laura Reynolds, Dorothy (Summer of '42), và sau này là Hanna Schmitz(The Reader). Độc giả có thể tưởng tượng được cô giáo Trâm sẽ đoàn tụ với cậu học trò Minh, hai người sống (và có con) với nhau cho đến khi họ chán nhau cãi nhau và

chia tay, như Demi Moore và Aston Kuser hay Elizabeth Taylor với những người tình trẻ của bà.

Cô giáo Trâm, là một người dám đi ngược lại định kiến của xã hội đặt ra cho người phụ nữ, nhất là người phụ nữ trong môi trường giáo dục. Cô có nhan sắc và biết dùng nhan sắc của mình để chi phối và sai khiến những người yêu nhan sắc của cô. Trâm thích hợp với câu nói của nhà văn nữ quyền Adrienne Rich nói về bà Marie Curie. *“Những vết thương của nàng xuất từ nơi cùng một cội nguồn phát ra quyền lực của nàng.”* Cuộc đời của nhà văn Nguyễn thị Hoàng cũng bị ít nhiều thương tích và những thương tích này đã phát xuất từ tác phẩm Vòng Tay Học Trò, nguồn quyền lực của bà. Độc giả tùy quan điểm thẩm mỹ có thể chê tác phẩm Vòng Tay Học Trò là không hay, không chứa đựng một tư tưởng lớn nào. Ngay cả so với những quyển “chick lit” hiện nay Vòng Tay Học Trò cũng yếu hơn về sức tưởng tượng và thiếu những màn ái tình cụp lạt. Dù độc giả có chê Vòng Tay Học Trò tôi hy vọng độc giả đồng ý với tôi là nhà văn Nguyễn thị Hoàng rất nghiêm túc khi nghĩ về công việc viết văn: *“Muốn viết thành thật phải sống lăn lóc, phải có kinh nghiệm đã. Nhưng đàn bà như vậy thì còn gì. Và lại, có làm cho hết sức cũng chẳng đi đến đâu, chỉ là hạt bụi, không một tiếng vang nào cả. Chị xem, trong văn học Pháp, Georges Sand có nổi tiếng cũng chỉ vì phụ nữ hiếm trong làng văn, chứ thật ra sự nghiệp của bà ta có đáng gì so với những tác phẩm vĩ đại của các văn hào nam giới. Như thế mà rồi cũng một đời thật sa đọa, tan nát... Rồi bây giờ lại Sagan...”* (VTHT, trang 13). Tôi tự hỏi, liệu bà có dám phiêu lưu vào những cuộc tình tai tiếng để lấy chất liệu và kinh nghiệm sống đưa vào tác phẩm hay không? Tôi cũng hy vọng độc giả đồng ý với tôi, Vòng Tay Học Trò là một trong những tác phẩm có ý thức nữ quyền có thể nói là đầu tiên ở VN khi chủ nghĩa nữ quyền chưa được biết đến một cách sâu rộng. (Tôi mạo muội không nhắc đến nhà thơ Hồ Xuân Hương vì thời điểm nhà thơ này xuất hiện đã cách ra quá xa.)

Ông Nguyễn Nhật Duật trong thảo luận Bàn Tròn đã nói: “Không có một Nguyễn thị Hoàng này sẽ có một Nguyễn thị Hoàng khác.” Tôi không biết ông muốn nói gì, nhưng tôi nghĩ ở thập niên sáu mươi, xã hội Việt Nam quá gò ép với nền văn hóa phụ hệ là thời kỳ chín muồi cho những nhà văn có ý thức nữ quyền xuất hiện. Họ nếu không làm cách mạng chính trị sẽ làm cách mạng văn học.

(1) Việt Thường, *Một Hiện Tượng Văn Nghệ*, quyển 13, Đồng Nai Văn Tập

(2) Nguyễn Hưng Quốc, Viết văn với cây búa, phần 5 - Cái mới trong thời hậu hiện đại, báo mạng [Tiền Vệ](#).

(3) Đào Huy Đán, Nhìn Qua Văn Đàn Nữ Giới Miền Nam

(4) Phụ nữ trung lưu Tây phương dù có cuộc sống sung túc với bốn phen làm vợ và làm mẹ vẫn thấy cuộc sống vô vị nhàm chán. Họ vẫn cảm thấy lệ thuộc vào nguồn tài chính chồng và họ muốn đóng góp tài năng cũng như trí tuệ của họ vào xã hội. Betty Friedman quan sát giới phụ nữ trung lưu nhiều năm rồi viết thành quyển *the Feminine Mystique* (1963). Quyển sách được xem là khởi xướng phong trào nữ quyền đợt thứ nhì ở Hoa Kỳ.

(5) Sandra Lee Bartky, “Toward a Phenomenology of Feminist Consciousness,” in *Femininity and Domination* (New York and London: Routledge, 1990), p. 13.

(6) Robin Morgan, “Introduction: The Women’s Revolution,” in *Sisterhood is Powerful* (New York: Random House, 1970), p. xiv.

(7) Nguyễn thị Hoàng, Vòng Tay Học Trò, vnthuquan.net, làm thành ebook: Nguyễn Kim Vỹ

Võ Phiến TRẦN THỊ NGH



(Hình từ bìa tạp chí Văn 15-11-1974)

Từ truyện này đến truyện khác, các nhân vật của Trần Thị NGH chỉ làm có một việc là yêu nhau.

Trong "thời buổi này", chuyện sinh sống khó khăn, chuyện quê hương rã rời v.v... là những chuyện đầu môi chót lưỡi của mọi người; Trần Thị NGH không đả động đến những cái đó. Trong tác phẩm này không một ai chạt vật vì sinh kế, vật giá không một lần leo thang, không một tiếng súng nổ, không một ai bị thương tật, không một lời than vãn về thời thế.

Độc giả không được biết gì nhiều về đời sống của các nhân vật: xu hướng chính trị của họ, nghề nghiệp, công việc làm ăn của họ v.v... Đại khái chỉ được cho hay kẻ này nghèo người kia giàu, kẻ này là ngoại kiều to lớn người kia có tật húp canh không cuối bữa ăn v.v..., tức những chi tiết vừa đủ để giải thích vài khía cạnh của cuộc yêu đương, thế thôi.

Dĩ nhiên không nên lớn lối bảo tác giả phủ nhận cuộc chiến, quay lưng về phía xã hội, tô son cho đời sống v.v... Chỉ có điều giản dị là tác giả không nói đến những chuyện ấy. Trần Thị NGH có đề tài riêng của mình: tình yêu.

Tình yêu là một đề tài muôn thuở, là một đề tài thật

cũ. Trần Thị NgH khiến người ta ngỡ ngàng vì ở đây tình yêu nó mới lạ làm sao.

Ở đây không có người đẹp nào, không có tình cảm thiết tha, không có say mê đắm đuối, không có thân xác nóng bỏng, ánh mắt nụ cười cũng không.

Làm sao có thể tưởng tượng nổi một thế giới yêu đương... hoang tàn như vậy? Bởi thế, cần giới thiệu một chút gì cụ thể. Và đây là chân dung một người tình: "Qua tới đồng gỗ vụn chàng dừng lại giữ giữ chân, hai tay túm lấy vải quần hai bên đầu gối. Chàng bước khúm núm e dè trên những viên gạch lở; coi chàng gầy nhom giống con cò mò mẫm giữa đồng." ("Chủ Nhật"). Một người tình khác: "Chàng đi tắm và hắt hơi trung bình khoảng sáu bảy cái trong lúc xối nước. Chàng thường ra khỏi phòng tắm với cái khăn lông màu xanh quấn quanh cái bụng phệ, người nhễ nhại thơm ngát. Chàng vừa tiếp tục hắt hơi vừa loay hoay với lọ thuốc cạo râu *The Hot One...*" ("Nhà có cửa khóa trái").

Còn đây là thân xác: "Những lần trần truồng một mình, tôi vẫn hay nhìn ngắm tôi trong tấm gương lớn trong phòng tắm, như xoi bói một kẻ lạ. Tôi thù ghét chỗ này chỗ nọ, chỗ này tôi không thể rửa sạch được bằng nước, chỗ này tôi không thể kỳ cọ, hơi thở tôi gay gắt mùi thuốc lá, hơi đàn ông lẫn trong chân tóc, còn chỗ nào không, tôi tan hoang từ đầu xuống chân." ("Chủ nhật").

Những người yêu như thế, họ yêu nhau ra sao? Đây là một cảnh bên nhau: "Cái hôn đầu tiên chưa kịp đoán trước hay chuẩn bị, dù sao cũng đã làm tôi thất vọng chút ít. Tôi quệt nước bọt trong tay áo và chàng có vẻ bồn chồn khi nhìn thấy cử chỉ đó." ("Nhà có cửa khóa trái").

Cuối cùng, đây là giai đoạn chót của tình yêu: "Dù thế nào tôi vẫn không thể phân trần với ai về cái ấn tượng khủng khiếp một buổi tối tôi nằm ngửa dưới thân thể nóng hực của Định, mở mắt trằn trối nhìn lên trần gian phòng lạ hoắc, lắng nghe da thịt vỡ tung cùng một lúc với ngày tháng mù mịt trước mặt." ("Chủ nhật").

Cứ như thế, tác giả tha hồ phơi bày đến cùng mọi

thân xác nam nữ, tha hồ trình bày tất cả diễn biến của mọi cuộc ái ân; người kiểm duyệt viên khắt khe nhất cũng có thể hoàn toàn yên trí: chắc chắn không ma nào bị kích thích, không thèm muốn nào được khơi động bằng lối mô tả ấy.

Nói cho đúng, cũng có một lần - chỉ một lần thôi - ái tình nó toan giở trò hào hoa, thơ mộng ("Bướm bướm..."), nhưng nó vừa xun xoe thì lập tức bị tạt một gáo nước lạnh vào mặt ("... và chó").

Ở đây, tình yêu không nồng nàn, không thơ mộng; nó lại cũng chẳng được an lành.

Hoặc chàng đã đứng tuổi và có vợ, nàng còn trinh trắng ("Nhà có cửa khóa trái"); hoặc chàng chính là chồng của chị nàng ("Những ngày rất thông thả", "Hè tiếp tục"); hoặc chàng là một ông André tới nhà nàng lần đầu giữa một cơn mưa và mời được nàng về phòng mình, phòng số sáu ("Bao lon"); hoặc chàng là một ông Gug đã nhiều lần mời nàng đến phòng số 206, nhưng mãi khi về tận bên Ý mới bảo cho biết là yêu nàng, trong một lá thư ("Ao tù", "Chủ nhật") v.v... Mỗi tình nào cũng ngang trái, cũng chẳng đi tới đâu.

Tuy vậy đừng có ai tưởng ra những chuyện vặt vãi thở than: Không có gì xa lạ với chuyện ấy bằng thái độ tỉnh bơ này. - Em yêu anh rề bị chị gọi về bắt nói cho rõ sự việc chẳng? "Thì em phải nói chứ ai." Nói xong, em lại trở lên Đà Lạt, và "hè tiếp tục"! - Người đàn ông đã có vợ chẳng? "Không lý tưởng sao, tuyệt vời nữa." Nàng cứ đến nhà sống với chàng ít lâu, rồi khi vợ chàng sắp về thì nàng xếp quần áo vào va-li, ra đi. "Chàng ngồi tẩn mẩn mớ quần lót tôi còn để bữa ở ngoài, hỏi xin:

- Cho anh một cái.

- Cái nào?

- Cái này. Chàng chọn.

- Cái đẹp nhất của em đó.

- Anh sẽ đền cho em hai cái mới." ("Nhà có cửa khóa trái").

Thế thôi. Không hề có vật vã sụt sùi.
Đâu là cảnh
"Đi hiu mặt đất lơ thơ hoa vàng,
Gió tây thổi buốt can tràng
Về nam cái nhận bắc kêu thương lạc loài"?
Đâu là cảnh "Bước đi một bước lại vin áo chàng"?
Trước màn chia ly của Trần Thị NgH, các tác giả
Tây sương ký, Chinh phụ ngâm... rưng rùi, rớt bút.

Người ta kinh dị tự hỏi: "Đây có phải là yêu đương không?"

- Vâng, đó chính là yêu đương, chỉ là yêu đương. Ở đây không xảy ra chuyện gì khác, ngoài chuyện yêu đương. Không thân thể nồn nà, không thèm muốn khát khao, không tình cảm thiết tha v.v... nhưng mà ở đây người ta yêu nhau. Yêu nhau, và nhớ những ngực áo ướt mồ hôi ("Trưa nắng"), những dáng ngủ say sưa có vẻ nông dân, nhớ cả cái mùi *parazol* quen thuộc trong nhà cầu sau thời gian chung sống ("Nhà có cửa khóa trái")... Không đẹp, không xấu, không tiên, không tục; là tình yêu, vậy thôi. Hôn nhau thì dính nước bọt, thì quệt trên áo chàng; nhưng điều đó không cản trở những nụ hôn cứ tiếp nhau rồi đưa đến cuộc trao thân cho chàng.

Đôi khi, nhân vật cũng không tránh khỏi một cơn xúc động. Nhưng "tai họa" đó xảy ra thì nó bị trấn áp, bị phủ nhận, chối bỏ, một cách vội vàng, hoảng hốt: "Tôi nằm nhắm mắt nhớ Gug, nhớ đôi môi hấn dịu dàng hôn tôi trong phòng làm việc, nhớ lời hấn dẫn dò chú nhỏ Gio, nhớ cái ngực quyến rũ của hấn tôi tình cờ nhìn thấy chiều chủ nhật tuần trước, tôi nhớ, nhớ quá sức. Có lẽ đây chỉ là những tình cảm bông bột mà chuyển đi của Gug như một biến cố còn quá mới mẻ. Có lẽ tôi sẽ quên Gug trong vài ngày nữa (tôi không yêu hấn mà). Nhưng mà trời đất, quả tình là tôi đang đau khổ táo tác, cổ tôi nghẹn cứng vì cơn khốc bị chặn ngang, tim như bị ai bóp thắt lại từng hồi." ("Ao tù")?

Ngoài trường hợp họa hoằn ấy, các nhân vật

thường tình bơ. Và thái độ hoảng hốt quính quáng này cũng như thái độ tình bơ kia đều cho ta cái cảm tưởng là người ta vừa yêu vừa cố hạ thấp tình yêu, làm chủ tình yêu, không chịu để cho nó huyễn hoặc. Là người ta yêu một cách không mấy sốt sắng, một cách mệt mỏi, gần như dửng dưng.

Có phải câu nói sau đây tóm tắt cái triết lý của thứ tình yêu biếng nhác đó chăng: “Tôi đâu muốn gì, đời sống buồn thảm và tôi tìm cách vui chơi, tôi tìm hạnh phúc may rủi.” (“Những ngày rất thông thả”)?

Yêu đương dửng dưng vẫn già dặn hơn yêu đương sục sùi, đòi hỏi một bản lĩnh cao cường hơn muôn vạn lần.

Trong cuốn *Dans un an dans un mois* của Françoise Sagan, anh chàng Edouard ở tỉnh vừa lên Paris, đêm khuya nằm bên cạnh một cô Béatrice quay lưng lại phía mình ngủ ngon lành, chàng xót xa cô đơn; còn Josée cũng nhìn lưng anh chàng Jacques, nhưng mỉm cười rồi ngủ lại, thản nhiên: “Josée quả đã già hơn Edouard”. Nicole cũng ở tỉnh theo chồng lên Paris, yêu chồng suốt mướt, tình cảm lâm ly, xa nhau thì giọt vắn giọt dài; còn Josée thì tỉnh rụi và ngạc nhiên: “Vậy mà chị ấy lớn hơn mình ba tuổi!”

Tôi cũng ngạc nhiên như thế khi nghe Trần Thị NGH rất trẻ, hình như còn đi học. Các thiếu nữ trong truyện của cô già hơn các thiếu nữ của Khái Hưng chẳng hạn chừng trăm tuổi. Tình yêu của nhân vật Khái Hưng không khác tình yêu trong thế kỷ trước bao nhiêu: cũng thơ mộng, cũng thiết tha. Nhưng thứ tình yêu của Trần Thị NGH thì mãi giữa thế kỷ này chưa thấy xuất lộ ở xứ ta, trong tác phẩm văn nghệ.

Một nhân vật của Trần Thị NGH thích Yassuko Harada (“Trưa nắng”). Trên đây, chúng ta vừa nói đến Françoise Sagan. Nữ sĩ Nhật nọ và nữ sĩ Pháp kia đều tạo nên những nhân vật thật già ngay từ khi họ mới cầm bút, rất trẻ, dưới hai mươi tuổi. Và đến lượt Trần Thị NGH, cũng vậy nữa.

Thành ra tuổi đời bao nhiêu, không quan trọng: người ta có thể mang cái tuổi tâm lý của thời đại mình đang sống, và đó là thời đại của những người con gái vừa lớn lên đã thấy “đời sống buồn thảm và tìm cách vui chơi”, đã lấy tình yêu làm chuyện vui chơi, may rủi!

Chúng ta đang nói về tình yêu qua một tác phẩm, theo cách thể hiện của nó trong một tác phẩm. Tình yêu ấy nó già dặn, chính nhờ một bút pháp già dặn. Hiếm người (đừng nói là người viết tác phẩm đầu tay) có bản lĩnh vững vàng đến thế. Không bản lĩnh sao dám cầm bút viết truyện “Chủ nhật”? Chuyện gì vậy? Một thiếu phụ, ăn trưa xong, dắt con đến nhà một người đàn ông, vừa gặp trời mưa, ở đó tới chiều, đưa con sốt, người đàn ông đi mua thuốc. Vậy thôi. Người viết phải có cái gì mới truyện được sự sống cho một câu chuyện trở trụi như vậy chứ?

Và ở đây các câu chuyện gần như lúc nào cũng cổ tình trơ trụi, giản đơn; còn sự sống thì lúc nào cũng hiện hiện, linh động.

Viết mấy lời về một tác giả chưa quen, cũng chưa hề biết mặt, tôi có cảm tưởng đang nói đến một “nhân vật”: một nhân vật thật độc đáo và xuất sắc, khó nhạt nhòa trên trang lược ký về giai đoạn hoạt động văn nghệ của chúng ta hiện nay.

Võ Phiến

(Tập chí *Văn*, số tháng 5-1973) [1]

CHÚ THÍCH

[1] Bài này là bài tựa của tập truyện ngắn *Những ngày rất thông thả*, do nhà Trí Đăng xuất bản; sách đã xếp chữ xong nhưng rốt cuộc không in được.

Đọc truyện ngắn *Lòng Trần* của Nguyễn Thị Thụy Vũ*

Tản mạn của Nguyễn Âu Hồng

Lòng Trần là một tác phẩm “lạc dòng” của Nguyễn Thị Thụy Vũ. “Lạc dòng” vì nó không chảy theo thị hiếu tầm thường của feuilleton cơm áo, mà tách riêng ra, chảy chan hòa vào “cánh đồng” nhân văn.

Lòng Trần viết về những phút cuối đời của sư nữ Diệu Tâm. Bà tu trong một ngôi chùa nghèo ở một vùng quê hẻo lánh... “Chùa này vì ít thiện nam tín nữ lui tới nên càng thêm vẻ đìu hiu, lạnh ngắt... Bà đến tu ngôi chùa này hồi hai gò má còn hồng và nụ cười tươi sáng ản chút ngỏ ngáo... Đến khi sư cụ qua đời và được mai táng trong cái tháp trước sân chùa, ni cô Diệu Tâm mới lo quán xuyến ...”

Ni cô Diệu Tâm xuất thân là một cô đào hát bội - cô đào Năm Thàng, thanh sắc lẫy lừng được một ông phú hộ say mê. Cô đi lưu diễn bất cứ đâu ông cũng đều có mặt, ngồi ghế cầm châu. Hai năm xuôi ngược mỗi mê, ông cố gắng điều đình với ông bầu gánh chuộc cô Năm Thàng bằng mười mẫu đất, đem về làm vợ kế (với sự cưới hỏi rờ ràng của vợ lớn). Nhưng sự giàu sang và chiều đãi, nâng như nâng trứng hứng như hứng hoa của chồng không quyến rũ được cô lâu, không đủ sức làm cô quên hẳn quá khứ. Cô nhớ sân khấu, nhớ đời sống lang thang trên những chiếc ghe chài xê dịch. Thế là, cô bỏ nhà đi theo đoàn hát, trở lại cuộc sống diễn viên sân khấu. Ông phú hộ có đủ quyền lực, cũng như pháp lý để bắt cô về. Nhưng thay vì sử dụng

quyền lực, pháp lý, ông đã cư xử như một nghệ sĩ, lãng mạn hết mình và đa tình một cách liêu mạng: xin gia nhập đoàn hát.

Nguyễn Thị Thụy Vũ không nói rõ ông phú hộ đã trở thành soạn giả, tác giả tuồng hát bằng cách nào - như thụ giáo sư phụ nào hoặc được “thầy tuồng” nào chỉ dạy - mà chỉ nói gọn là ông săn sóc cô và soạn tuồng hát cho cô hát.

Cảm động tấm chung tình của ông, cô bỏ nghề hát về làm vợ ông. Rồi sau đó, ông phú hộ chết vì bị sét đánh, đứa con nhỏ của hai vợ chồng cũng chết vì bệnh. Cô Năm Thàng cắt tóc đi tu, lấy pháp danh là Diệu Tâm, sống khổ hạnh, giữ trai giới rất nghiêm nhặt cho đến tuổi già bóng xế. Ngờ đâu, trước phút lâm chung sư nữ lại thêm húp một *muỗng nước mắt*, hơn nữa cô quên mình là kẻ tu hành mà chỉ nhớ mình là cô đào hát bội Năm Thàng.

... “Cơ thể bà vụt bùng lên. Nước mắt ! Nước mắt!

- Nước mắt! Muỗng nước mắt!

Ba tiếng muỗng nước mắt như ba nhát búa đập vào đầu óc bà làm bà lao đảo... Bà tin chắc rằng dầu đọc kinh cứu khổ cứu nạn với Bạch Y Quán Thế Âm Bồ Tát cũng chưa chắc màu nhiệm bằng một muỗng nước mắt. Nước mắt sẽ là một món thuốc tiên làm cho cây khô trở bông.

-Mô Phật! Cho tôi muỗng nước mắt, tôi uống vào sẽ hết bệnh liền.

... Đứa cháu dâu và cô em họ cho là bà bị tà nhập, hồi chú tiểu lên đọc kinh cứu khổ và cần nhất là canh chừng không cho ai đem nước mắt vào. Ni cô thì thảo:

-Tôi chỉ cần uống một chút nước mắt cho mặn môi.

Trong lúc mọi người đứng im lặng quanh giường chờ đợi phút nghiêm trọng của ni cô trong khi cô đang vật vã từng đợt với tử thần, thì tiếng nói bà vụt sang sảng như lúc còn ở trên sân khấu. Giọng nói trong trẻo tỉnh táo, nhưng đôi mắt bà vẫn nhắm nghiền:

-Tôi mới biết thương mình mấy năm mình khổ công theo đuổi tôi, mình đặt tuồng hát cho tôi hát.

-Con ráng học cho đỗ đạt làm quan nghe con cưng của má.

-Tôi thích sắm vai Đoàn Hồng Ngọc hơn Phàn Lê Huê. Mình thích tôi sắm vai nào nhất?

-Bớ này Tiết Giao! Ô này bạc tình lang! Mặt chàng đẹp trai mà làm chi? Lờn chàng ngọt ngào mà làm chi? Cỗ thiếp ngày này mất ngọc, thân thiếp bơ vơ.

Bà độc thoại từ quãng đời sân khấu đến quãng đời làm vợ ông phú hộ Thọ, rồi lại:

-Hãy cứu tôi, cho tôi uống một muống nước mắm thôi.

Bà em họ tức mình :

-Đề tôi đọc kinh cứu khổ. Hồi xưa Phật Thích Ca gần đắc đạo thì ma vương tới phá. Còn cái chị này sắp về Tây Phương tới nơi mà cũng chưa yên thân.” [1]

Câu nói này của bà em họ, một loại “Thị Hên” từng “nhỏ râu ông huyện này, cạo đầu ông phú hộ kia”, lại được tác giả chọn làm câu kết truyện, một câu kết bao hàm nhiều ý nghĩa.

Trong lời giới thiệu *Lòng Trần*, Trần Vũ viết : “*Lòng Trần* được viết thật gọn và tươm khí hậu cô quạnh đầm nhân sinh: Một kiếp người quy vào một muống đời. Kiếp người đi tu mấy mươi năm đẹp bỏ lòng trần và những bất hạnh, đến cuối cuộc đời vẫn không thoát được ám ảnh vị mặn của bụi trần”. [2]

“Một kiếp người quy vào một muống đời”. Tôi không có ý kiến gì về nhận định này của ông Trần Vũ. Một tác phẩm văn xuôi xuất sắc thường dẫn (mỗi) người đọc đến (mỗi) chân trời khác nhau, với những cảm nhận khác nhau. Với những tác phẩm ưu tú này, tuy tác giả đã đặt dấu chấm hết mà người đọc như còn chưa muốn yên, muốn tìm tòi thêm, đào sâu thêm. “Vị mặn của bụi trần” ư ? Không, tôi không

muốn nói như vậy, mà muốn nói đây là “hương vị mặn nồng của trần gian”. Hãy nhớ đến ông phú hộ làng Đạo Ngạn tỉnh Mỹ Tho, một nhân vật phụ mà mãi đến cuối truyện tác giả mới cho biết tên: ông Thọ. Tội nghĩ, chính nhân vật này đã làm cho câu chuyện trở nên đầy ý vị. Ông phú hộ Thọ vừa giàu có của cải vật chất vừa giàu có về tâm hồn. Một tâm hồn nghệ sĩ trữ tình thứ thiệt, đa tình hết cỡ và cũng hết cỡ chịu chơi. Thêm nữa, ông là một nghệ sĩ vừa đào hoa vừa tài hoa. Không đào hoa sao “cua” được cô đào Năm Thàng “dung nhan mặn mòi sắc lẽm”? Không tài hoa sao lớn tuổi mới gia nhập đoàn hát, mà chỉ trong mấy năm ông đã đặt được tuồng cho Năm Thàng hát. Trong những phút “hồi dương” ngắn ngủi trước lúc lâm chung, “tiếng nói bà vụt sang sảng như lúc còn ở trên sân khấu, giọng nói trong trẻo tinh tảo”, mà lời đầu tiên của bà là nói về ông phú hộ Thọ: *“Tôi mới biết thương mình mấy năm mình khổ công theo đuổi tôi, mình đặt tuồng hát cho tôi hát”*. Rồi bà nói đến đứa con chết yểu: *“Con ráng học cho đỗ đạt làm quan nghe con cưng của má”*. Lại nói với chồng: *“Tôi thích sắm vai Đoàn Hồng Ngọc hơn Phàn Lê Huê. Mình thích tôi sắm vai nào nhất”*. Và cuối cùng là sân khấu: *“Bớ này Tiết Giao! Bớ này bạc tình lang! Mặt chàng đẹp trai mà làm chi? Lờ chàng ngọt ngào mà làm chi? Cổ thiếp ngày này mắt ngọc, thân thiếp bơ vơ.”*

Nguyễn Thị Thụy Vũ viết: “Bà độc thoại từ quãng đời sân khấu đến quãng đời làm vợ ông phú hộ Thọ”, không nhận định gì. Nhưng người đọc thấy rõ đây là hai quãng đời rạng rỡ nhất, hạnh phúc nhất, mặn nồng nhất của nữ nghệ sĩ Năm Thàng - về sau là sư cô Diệu Tâm.

Nhân vật phụ “bà em họ” cũng là một nhân vật độc đáo. Câu nói “tức mình” của bà này có thể hiểu là: “Phật Thích Ca mà làm gì, Tây Phương mà làm chi? Thôi mất công toi đi chùa lễ Phật. Và bao nhiêu tiền cúng dường tưởng được nương nhờ, nào ngờ lại đổ sông đổ biển chỉ vì một *muối nước mắm*.”

Để kết thúc, tôi xin dẫn nhận định của Hồ Trường An: *“Chỉ có “Cho Trận Gió Kinh Thiên”(truyện dài) cùng ba truyện ngắn “Trôi Sông”, “Đêm Tối Bao La” và “Lòng Trần” là đáng nói hơn cả... Chính truyện dài và ba truyện ngắn vừa kể mới thắp hào quang cho văn nghiệp kia, mới làm rạng ngời thân trí sáng tạo của tác giả.”* [3]

Tôi rất muốn khảo sát cách kỹ lưỡng xem một truyện dài và hai truyện ngắn kia có thực sự thắp hào quang cho văn nghiệp của Nguyễn Thị Thụy Vũ không, và “mạch văn” có đem lòng trắc ẩn chảy chan hòa vào “cánh đồng” nhân văn như *Lòng Trần* không?

NGUYỄN ÂU HỒNG

Sept.7, 2014

*Nguyễn Thị Thụy Vũ tên thật Nguyễn Băng Linh, sinh năm 1939, quê ở Vĩnh Long. Làm nghề gõ đầu trẻ từ 1957. Năm 1961 lên Sài Gòn học Anh Văn và đi dạy Tiếng Anh cho các cô bán bar. Vào nghề viết văn năm 1963. Tác phẩm “Mèo Đêm” xuất bản năm 1966. Cùng sáng lập Nhà xuất bản Kim Anh với bà Nguyễn Thị Nhiên 1967. Cùng với Tô Thùy Yên lập Nhà xuất bản Hồng Đức và Kê Sĩ. Chính thức sống bằng nghề viết feuilleton cho các nhật báo từ 1969 đến tháng Tư năm 1975.

[1] phần trong ngoặc kép trích truyện ngắn “Lòng Trần”

[2] Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta, Nxb Sóng - Sài Gòn 1974.

[3] Trích Hồi ký văn nghệ của Hồ Trường An

NGUYỄN THỊ HẢI HÀ

đọc Cối Đá Vàng của

Nguyễn thị Thanh Sâm

*Mười năm nước chảy qua cầu,
Chuyện về đất nước là câu chuyện buồn
(Thơ Phạm Cao Hoàng)*

Cối Đá Vàng là quyển sách có số phận kỳ lạ. Ra đời năm 1971, quyển sách như hòn đá nhỏ rơi xuống mặt hồ bao la, không đủ khuấy thành sóng, không gây một tiếng vang. Trong giới nhà văn nữ, người ta biết đến Nhã Ca, Trùng Dương, Nguyễn thị Túy Hồng, Trần thị Ngh., Nguyễn thị Hoàng, Lê Hằng, và còn nhiều nhà văn nữa nhưng không mấy người nghe tiếng nhà văn Nguyễn thị Thanh Sâm cũng như không nhiều người được đọc quyển Cối Đá Vàng. Nhà văn Trần Hoài Thư cũng thú nhận là chưa hề được nghe nhắc đến tác phẩm này. Thời ấy sách báo rất nhiều, sách ngoại quốc được dịch tràn lan, người đọc bình thường không thể chú ý đến tác phẩm đầu tay của một người không tên trong giới văn học. Điều mà nhà văn Khuất Đầu và nhà văn Trần Hoài Thư tỏ ý kinh ngạc là những bạn bè của bà nổi tiếng trong giới văn học nghệ thuật như Hoàng Ngọc Tuấn, Nguyễn Xuân Thiệp, Đinh Cường, và Bửu Ý đã không ai mang quyển Cối Đá Vàng ra ánh sáng. Nếu bảo rằng đây là quyển tiểu thuyết có lập trường chống Cộng thì tại sao nhà văn Võ Phiến và Nguyễn Mộng Giác lại không nhận thấy sức thu hút của tác phẩm này?

Vào thập niên 80 có một số người đã truyền miệng và chuyền tay nhau đọc quyển Cối Đá Vàng. Xin đừng xem thường những lời truyền miệng về một quyển sách hay. Quyển The Kite Runner, tác phẩm đầu tay của Khaled Hosseini, tác giả vô danh trên thị trường văn học Hoa Kỳ,

một sớm một chiều trở thành quyển sách bán chạy nhất trong năm 2005 chỉ nhờ những lời giới thiệu của độc giả. Một blogger nhìn thấy người thân say mê đọc quyển này từ thập niên tám mươi. Anh bảo rằng hình ảnh người tù ngồi viết bản tự kiểm giữa rừng ám ảnh anh khôn nguôi. Sang Mỹ anh cố ý đi tìm, suốt hai mươi sáu năm, vào tiệm sách Việt nào ở Mỹ anh cũng hỏi nhưng không ai có. Rồi qua giới blogger, người này người kia giới thiệu, một nhóm người đã cùng nhau góp công góp sức, mượn từ thư viện địa phương qua trung gian đại học Cornell, đánh máy lại, sửa chữa lỗi chính tả trong một thời gian rất ngắn, và Thư Ấn Quán đã tái bản năm nay 2012. Sau tháng Tư năm 1975 đọc hay giữ quyển sách này có thể bị làm khó dễ nhưng tôi đoán độc giả yêu thích quyển sách quá nên giữ và đọc lên.

Tiểu sử của bà Nguyễn thị Thanh Sâm chỉ có mấy dòng in ở bìa sau của quyển sách. Bà sinh ngày 06 tháng 01 năm 1933 tại xã Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam. Quê quán của bà ở làng Thế Chí Tây, huyện Phong Điền, Huế. Quyển sách Cõi Đá Vàng được đề tặng chồng bà, ông Phan văn Tồn, trước kia là Trung Tá, Phó Tỉnh trưởng Nội An, Đà Lạt. Ông tử trận ở đồn Kim Thạch. Quyển sách mang tên Cõi Đá Vàng cốt ý lấy từ chữ Kim Thạch để bà tưởng nhớ chồng.

Câu chuyện quay chung quanh một nhóm thanh niên trẻ tuổi tham gia kháng chiến chống Pháp từ những năm cuối thập niên bốn mươi sang đầu thập niên năm mươi. Hai nhân vật chính là Trần và Huỳnh. Các nhân vật khác là những người có liên hệ với Trần và Huỳnh; như Hiếu là người yêu của Trần, Lan là người Huỳnh yêu, và Lương là bạn đồng ngũ với Trần và Huỳnh. Trần là đảng viên của đảng Cộng Sản, nhà văn chủ biên báo Quân Đội Nhân Dân, hai mươi ba tuổi. Huỳnh không là đảng viên, bạn thân với Trần lớn hơn Trần vài tuổi. Cả hai đều yêu văn học, yêu cách mạng, gia đình thuộc thành phần tiểu tư sản, thích nếp sống tự do, có cá tính nghệ sĩ lãng mạn, và đó là

những lý do đưa hai người bạn trẻ này vào chỗ cùng đường. Nhìn thấy cuộc xử tử tàn ác một cô gái đẹp bị ghép tội Việt gian vì lấy chồng Tây, cô gái bị bắn bằng tên tẩm thuốc độc, cái chết kéo dài thật khủng khiếp, Trần phản đối hành động tàn ác này. Anh lập luận với Đảng: “Chúng ta không chiến đấu hăng say trong khi những vấn đề nhân bản không được tôn trọng. Tổ quốc cũng chỉ hình thành bởi con người mà thôi.” Trần bị nghi ngờ, cô lập và thất sủng. Yêu một người phụ nữ lớn hơn anh mười tuổi, có hai con, mất lác, không là đảng viên, Trần bị cấp trên khiển trách và không chấp thuận cuộc hôn nhân. Anh xin ly khai Đảng rồi lý do nọ xọ đến lý do kia anh bị đưa vào tù.

Huỳnh nhìn thấy nhiều thảm cảnh và sai trái của Đảng nên dễ lộ vẻ bất mãn và vì thế không còn được lòng tin của lãnh đạo nữa. Huỳnh phản đối chế độ Cải Cách Ruộng Đất, bị cầm tù vì tội phản Cách Mạng. Bạn của Trần và Huỳnh, tên Lương, tuy là con của địa chủ nhưng vì yêu kháng chiến đã xin ở lại quê nhà dạy học. Hai đứa con, đứa nhỏ bị ốm, vợ của Lương là Hà mang con ra Huế trị bệnh. Tây càn quét nông thôn vùng Khu Tư (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế) Lương bị nghi ngờ là Việt gian mang Tây về làng nên bị xử tử.

Quyển sách có sức lôi cuốn lạ lùng. Tôi đọc ngấu ngiến liên tiếp hai ngày là xong. Khó mà tưởng tượng tác giả của Cối Đá Vàng là một phụ nữ và đây là quyển sách đầu tay. Bối cảnh thật chặt chẽ, kỹ thuật điều luyện như đã từng xông pha trong trường văn trận bút, văn phong trong sáng giản dị mà không kém phần mượt mà. Tác giả có những đoạn văn tuyệt đẹp với những chi tiết thật linh động. Người viết phải am hiểu cuộc sống của những người kháng chiến ở Liên khu Tư và Năm cũng như hoàn toàn nắm vững địa hình địa thế. Những chi tiết như khoai lang nấu nước dưa cải phải là người địa phương mới biết. Tác giả tả nhân vật Hoàng Hà làm tôi liên tưởng đến ông Hiền trong một truyện ngắn của Duyên Anh. Khi xin lửa mỗi thuốc

các cán bộ bảo rằng xin ủng hộ cho tôi tí lửa và chuyện anh chàng người dân tộc công một bà cách mạng chạy trong rừng đã kêu “khô quá cô ơi” là những chi tiết hấp dẫn, sống động và đầy thuyết phục. Đã có lúc tôi không tin người viết là phụ nữ bởi vì bà chọn nhân vật chính là phái nam, diễn tả cách suy nghĩ, đùa cợt của phái nam thật tài tình; nhưng sau đó tôi đổi ý, vì khi bà Thanh Sâm viết về tâm hồn của nhân vật nữ thì nhân vật của bà cũng dịu dàng, nhí nhảnh, đáng yêu. Bà kể về các món ăn như thịt cò kho măng, canh măng chua cá ngạnh nguồn, gà bóp rau răm... làm tôi tin tác giả là phụ nữ; nhưng khi bà viết về kháng chiến và những thủ đoạn chính trị tôi lại tưởng đây là một nhà cách mạng cao cấp. Tác giả có những phân vân về cuộc đời với nhân sinh quan thật là sâu sắc và tế nhị. Tôi mê say đọc đi đọc lại cách bà so sánh về những điều giống nhau của cuộc sống và cái chết, thậm chí phục bà giỏi quan sát và ghi nhận.

Ở ngay phần đầu của quyển sách tác giả đã dùng một câu chuyện của André Gide, *Symphonie Pastorale*, làm ẩn dụ. *Symphonie Pastorale* nói về một mục sư có vợ hai con. Ông giúp đỡ một cô gái mù và cố truyền đạt cho cô gái vẻ đẹp của cuộc sống và âm nhạc. Cô gái bảo hãy tả vẻ đẹp và màu sắc của ánh trăng và giòng sông cho cô nghe. Lòng yêu cái đẹp đưa đến chỗ ông mục sư và cô gái cùng nghĩ là họ yêu nhau. Khi cô gái được sáng mắt cô nhận ra vẻ đẹp mà ông mục sư cố truyền cho nàng không phải vẻ đẹp mà nàng tưởng tượng, cũng như người cô thầm yêu không phải là ông mục sư mà là cậu con trai của ông. Từ đó tác giả khai mở số phận của hai thanh niên thông minh, yêu đời, yêu tổ quốc, yêu kháng chiến một cách mù lòa. Sự sáng mắt đưa đến chỗ vỡ mộng và cô gái chết vì trái tim tan vỡ của nàng. Còn số phận của Trần và Huỳnh thì tôi để dành cho độc giả tìm lấy trong *Cõi Đá Vàng*.

Nếu tôi đọc quyển sách này những năm tám mươi rất có thể tôi không đủ sức nhận ra cái hay của nó. *Cõi Đá*

Vàng nói về những người thanh niên yêu nước trong bối cảnh lịch sử đảng Cộng sản đang triệt hạ các đảng phái khác. Nếu không chú ý đến giá trị văn chương và nhân bản của quyển sách, người ta có thể ngộ nhận đây là sách tuyên truyền chống Cộng. Cối Đá Vàng ra đời năm 1971 nói về cảnh tù đầy của những người đã từng là con cưng của chế độ Cộng Sản có những nét tương tự với phần đầu của Chuyện Kể Năm 2000 của nhà văn Bùi Ngọc Tấn. Vào năm 2000 người ta dễ nhìn thấy quyển Chuyện Kể Năm 2000 mang dáng dấp tự truyện và những điều ông kể là dựa vào sự thật. Nhưng vào năm 1971, khi chồng của tác giả là một Trung Tá của quân đội Việt Nam Cộng Hòa (1), người đọc miền Nam thời ấy, có lẽ đã nhìn quyển sách một cách nửa tin nửa ngờ như đã từng nghĩ về phim Chúng Tôi Muốn Sống.

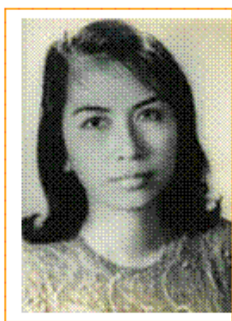
Vì tò mò với đôi chút nghi ngờ làm thế nào một phụ nữ tốt nghiệp trường Đồng Khánh, có chồng năm con, lại hiểu biết rất chi tiết về cuộc sống của những người kháng chiến ở liên khu Tư và Năm; tôi tìm kiếm thêm tiểu sử của bà. Tôi được biết bà Thanh Sâm đã từng thoát ly gia đình theo kháng chiến với dự định sang Trung Hoa học Y khoa. Khi so sánh số tuổi của các nhân vật tôi thấy đáng dấp của bà qua nhân vật Huyền một thiếu nữ theo kháng chiến năm 16 tuổi nhưng sau đó phải quay về thành. Tôi cũng được biết bà từng được giải nhất văn học Huỳnh Thúc Kháng và đã từng đi chung với phái đoàn văn nghệ kháng chiến của Hoàng Thi Thơ, Trần Hoàn, và Tô Vũ.

Cuộc chiến đấu và số phận của Trần, Huỳnh, Hiếu, Lương làm tôi so sánh với Robert Jordan và những người du kích trong tác phẩm For Whom the Bell Tolls (Chuông Gọi Hồn Ai) của Ernest Hemingway. Họ biết cái chết sẽ đến với họ. Họ nhìn thấy thực tế tàn bạo của chiến tranh, sự nghi ngờ độc ác trong nội bộ, cuộc đời của họ và những người dân vô tội chung quanh là những mảng đời rách nát, không chỉ vì chiến tranh mà còn vì sự sai lầm của giới chỉ huy.

Bà Thanh Sâm có tài đưa độc giả qua những trạng thái trái ngược nhau trong tâm hồn nhân vật. Tác giả cho một nhân vật nam thông minh đẹp trai yêu một người phụ nữ mất lác già hơn chàng mười tuổi thật dễ dàng khiến độc giả không thấy chỗ nào gượng ép cả. Nếu không có nhiều thì giờ xin mời độc giả thưởng thức chương Ba Mươi Lăm của Cối Đá Vàng. Dĩ nhiên một đoạn trích thì không thể nào nói hết cái hay của tác phẩm. Chương này là chương trữ tình nhất và hạnh phúc nhất của Huỳnh, một thanh niên có số phận nghiệt ngã. Đây cũng là chương viết về tình dục rất dạn tay khiến tôi nghi ngờ người viết là phái nam. Độc giả có thể đọc thêm chương Hai Mươi Bảy cũng là một chương tuyệt đẹp khi Trần và Huỳnh lên đồi trong ánh trăng tâm sự với nhau về cuộc đời, lẽ sống và cái chết.

Quyển sách có sức lôi cuốn lạ lùng. Tôi đọc ngẫu nhiên liên tiếp hai ngày là xong. Khó mà tưởng tượng tác giả của Cối Đá Vàng là một phụ nữ và đây là quyển sách đầu tay. Bố cục thật chặt chẽ, kỹ thuật điều luyện như đã từng xông pha trong trường văn trận bút, văn phong trong sáng giản dị mà không kém phần mượt mà. Tác giả có những đoạn văn tuyệt đẹp với những chi tiết thật linh động. Người viết phải am hiểu cuộc sống của những người kháng chiến ở Liên khu Tư và Năm cũng như hoàn toàn nắm vững địa hình địa thế. Những chi tiết như khoai lang nấu nước dưa cải phải là người địa phương mới biết. Tác giả tả nhân vật Hoàng Hà làm tôi liên tưởng đến ông Hiên trong một truyện ngắn của Duyên Anh. Khi xin lửa mỗi thuốc các cán bộ bảo rằng xin ủng hộ cho tôi tí lửa và chuyện anh chàng người dân tộc công một bà cách mạng chạy trong rừng đã kêu “khô quá cô ơi” là những chi tiết hấp dẫn, sống động và đầy thuyết phục. Đã có lúc tôi không tin người viết là phụ nữ bởi vì bà chọn nhân vật chính là phái nam, diễn tả cách suy nghĩ, đùa cợt của phái nam thật tài tình; nhưng sau đó tôi đổi ý, vì khi bà Thanh Sâm viết về tâm hồn của nhân vật nữ thì nhân vật của bà cũng dịu

dàng, nhí nhảnh, đáng yêu. Bà kể về các món ăn như thịt cò kho măng, canh măng chua cá ngạnh nguồn, gà bóp rau răm... làm tôi tin tác giả là phụ nữ; nhưng khi bà viết về kháng chiến và những thủ đoạn chính trị tôi lại tưởng đây là một nhà cách mạng cao cấp. Tác giả có những phân vân về cuộc đời với nhân sinh quan thật là sâu sắc và tế nhị. Tôi mê say đọc đi đọc lại cách bà so sánh về những điều giống nhau của cuộc sống và cái chết, thâm phục bà giỏi quan sát và ghi nhận.



Tiểu sử

Nguyễn Thị Thanh Sâm

Cựu học sinh Đồng Khánh

Sinh ngày 06 tháng 01 năm 1933 tại xã Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam.

Quê quán: Làng Thề Chí Tây, Huyện Phong Điền, Huế.

Chồng của nhà văn Thanh Sâm là Ông Phan văn Tồn – sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Ông nguyên là Quận trưởng quận Khiêm Đức, Phó Tỉnh trưởng tỉnh Quảng Đức, sau đổi qua làm Chỉ huy trưởng bộ Chỉ huy Quân sự Đà Lạt, kiêm Quân Trấn Trưởng, kiêm Phó Tỉnh Trưởng Nội An Đà Lạt. Trung Tá sau được vinh thăng Đại Tá. Tử trận vì một quả mìn ở đồn “Kim Thạch”.

Vì vậy, quyển sách này có tên là “Cõi Đá Vàng”.

Cõi Đá Vàng

truyện dài của Nguyễn thị Thanh Sâm

Sách dày 414 trang.

An Tiêm xuất bản tại Saigon năm 1971

Thư Án Quán tái bản tại Hoa Kỳ tháng 1 năm 2012

Sách chi tặng biếu, không bán

TÚY HỒNG PHỤ NỮ và VĂN CHƯƠNG (Hoài Nam thực hiện)

Hoài Nam: Trước khi vào chuyện, xin chị cho biết vài nhận định về văn chương. Như Jean Paul Sartre từng thảo luận “ Qu'est-ce-que la littérature ? “ Văn chương là gì ?

Túy Hồng : Xin mượn lời Phan Kế Bính : Văn chương là tất cả vẻ đẹp trong trời đất.” Trong dịp nói chuyện này, văn chương là văn và thơ.

Hoài Nam: Nói về phụ nữ, xưa cổ nhân dạy : “cái nét đánh chết cái đẹp.” Bây giờ, người ta nói : “cái đẹp dè bẹp cái nét,” nên vô số các bà các cô chăm chút sửa sang trau dồi nhan sắc, tìm đủ mọi cách quyến rũ qua lời ăn tiếng nói, cử chỉ hành động ... hoặc ăn mặc bắt mắt kêu gọi ... mà không chú trọng đến việc trau dồi trí óc bằng sách vở chứ đừng hòng nói đến làm văn chương. Chị nghĩ sao về vấn đề này ?

Túy Hồng : Lúc còn học trường Quốc học Huế, anh bạn Nguyễn Loan ngồi bàn cuối kể rằng những ngày chúa nhật anh cùng mấy anh khác leo lên thượng thành cửa Thượng Tứ, đặt cái ống nhòm dòm vào hầu hết các nhà con gái

loanh quanh. Các vua Triều Nguyễn cho xây Thành nội gồm các Cửa Ngọ Môn, Cửa Ngăn, Cửa Thượng Tứ v.v. ... là để có những địa điểm cao nhìn xuống kiểm soát toàn diện thành phố. Nhà cửa Huế thường có một miếng vườn và cái bếp đằng sau gió lùa gió lọt. Anh thợ nhòm Nguyễn Loạn nhận xét tận mắt từng mỗi hoạt cảnh từ cái bếp và khu vườn nhà các người đẹp : người ngồi giặt áo quần cạnh bể cạn là bà mẹ; người quét rác là mẹ; người đem áo quần đã phơi khô vô nhà xếp lại là mẹ; người chẻ củi là mẹ, người lãnh hết việc nấu ăn là mẹ. Anh Nguyễn Loạn kêu lên : “ *Gái Huế thiệt là đoảng, bao nhiêu việc nhà mẹ làm hết !*”

Sau đó nhiều năm, tôi vào Saigon và lập gia đình. Cái bếp của giới trung lưu Saigon quả là cái hầm. Trời Saigon nóng mà ướt. Trời cay và nắng chói loá. Cái bếp là chỗ hầm hơi nhất trong nhà. Người nội trợ mỗi ngày đi chợ về nấu ăn với cái bếp dầu hôi lợm giọng. Dầu hôi là dầu không thơm lửa phụt khét lẹt nên phải canh chừng. Thứ bếp sắt đó có tám cái *bắc* (wick) – người Huế gọi là *tim* – vặn lên vặn xuống nhiều lần là kẹt. Mỗi buổi chiều, người nội trợ phải vào bếp sớm, dùng kéo cắt bỏ phần cháy của tám cái bắc, vứt đi, lau chùi cho sạch và đổ thêm dầu. Đã là đàn ông Việt Nam thì không phải cho ăn gì củi đầu ăn nấy, mà, mỗi bữa cơm, trưa cũng như chiều, đều đòi hỏi món canh, món xào, và món mặn.

Qua hình ảnh người mẹ của cố đô Huế và người vợ của giới trung lưu thủ đô Saigon, thì cái nét đã đánh chết cái đẹp, cái sửa sắc đẹp, cái son phấn áo quần; nhưng trên thực tế - trên sự thật và không gì ngoài sự thật - cái nét đã thua cái đẹp bao nhiêu keo ? Cái đẹp không những đè bẹp cái nét mà còn đập dẹp luôn cả cái tài, nói chi tới văn chương ! Ngày xưa Trương Chi, vì đâu anh không lấy được con gái quan thừa tướng, và vì đâu anh đã chết tương tư ?

Hoài Nam: *Chị có nghĩ rằng phụ nữ làm văn chương cũng là một cách “làm đẹp,” đặc biệt là làm đẹp đầu óc ?*

Túy Hồng: Văn chương là phô bày những gì người cầm bút đã chứng kiến từ đời sống bên ngoài và những gì người cầm bút cảm nghĩ. Hai nhà, văn và thơ, cùng tả cảnh gia đình, phơi bày bất công xã hội, phản đối đàn áp, ca ngợi hoà bình ... Với nhiệm vụ đó, người làm văn chương thật rất có công và có ích. Làm văn chương không phải là đi những bước nhàn du trên con đường vui mà phải khổ công tìm kiếm chất liệu để sáng tác. Trong hoàn cảnh người đọc không mua sách và báo chí bám vào quảng cáo, người cầm bút có nên nản lòng hay nên phải nhân tình yêu văn chương lên nhiều lần ?

Nhiều người tự hỏi tại sao các nhà văn âu Mỹ lúc về già vẫn viết nhiều và viết hay. Tại sao các văn thi sĩ Việt Nam ta cứ càng ngày càng đuối sức sáng tác, viết yếu đi ? Và tại sao lại có những người cầm bút cứ nhẩy vào viết lách một vài tác phẩm rồi lại nhẩy ra, như ông tướng Tàu Trình Giảo Kim vung lên ba búa rồi bỏ chạy vậy ? Các nhà văn của các cường quốc thế giới học cao, đọc nhiều và đi du lịch khắp nơi nên tài năng thiên phú của họ kéo dài cho đến già không hết thời. Văn thi sĩ của quê hương nhược tiểu chúng ta nói chung không có được một trình độ trí thức cao như họ, tuy chúng ta cũng cố gắng làm đẹp đầu óc như họ....

Viết là tự trói mình vào một cái nghiệp, đòi hỏi người cầm bút cần phải bền lòng dù công việc này nó ăn tươi nuốt sống tất cả thì giờ, mà cuộc đời vốn ngắn ngủi.

Hoài Nam: *Chị là người phụ nữ lấy văn chương làm sự nghiệp. Những động lực nào đã thúc đẩy chị chọn văn nghiệp ?*

Túy Hồng: Ngày còn học Đồng Khánh Huế, thầy cô thường lấy những bài luận văn được chấm điểm cao nhất của Bùi Bích Hà đọc cho cả lớp nghe. Hết năm đệ tứ sang trường Quốc học, giáo sư tài hoa Lê Hữu Mục khuyên học

trò mỗi khi đọc sách gặp một câu văn hay, nên ghi vào sổ tay.

Tôi còn nhớ một vài câu đã ghi khi cuối tuần họp Gia đình Phật tử : *“Cỏ ngón tay thật cần thiết để chỉ vào vàng trắng. Nhưng khi đã thấy được ánh sáng, ta còn nhớ chỉ đến ngón tay nữa!”* Hoặc : *“Trời mưa xuống hoài. Lá rụng đè lên lá. Mưa rơi đập lên mưa. Gió xô gió đập vào lưng tôi. Có bao nhiêu khúc xương của tôi đã nhả ra như vôi ?”*

Đó là trung tâm điểm nỗi buồn thân phận muộn màng. Đó là đề tài tối cao tôi dùng để viết văn, Khi mưa rơi và gió thổi, tôi thấy lá đàn áp lá và giọt mưa này đập tan những giọt mưa kia. Khả năng tả cảnh của tôi chỉ đạt được nhiều đó thôi.

Gia đình tôi ai nấy cùng mê đọc truyện Tàu và truyện kiếm hiệp. Thủy Hử, Tam Quốc Chí, Thần Điêu Đại hiệp, Tiêu Thập Nhất Lang Chị em tôi sống theo nhịp tay đóng đưa mề mại của vũ điệu T'ai Chi Ch'uan, tức Tài Chí, thể võ cao siêu nhất của người chinh nhân trong giáo phái Lão Trang, điệu múa của người cầm kiếm ôm gươm theo đuổi nghiệp binh đao, môn võ công hàng đầu của người đấu kiếm trên thượng đài và của người chiến sĩ mê theo tiếng gọi của sa trường ngày xưa. Chúng tôi có căn nhà xây trên một vị trí đẹp nhất nhì thành phố Huế là con đường Phan Chu Trinh trông xuống dòng sông An Cựu.

Tôi thương nghệ thuật và yêu quý tiền nhân đến độ khi Nhất Linh chết, tôi để tang ba tháng. Dấu hiệu để tang là miếng vải đen nhỏ bằng ngón tay út gắn dưới vai áo dài trắng mặc đi dạy học.

Mấy điều vừa kể không biết có phải là động lực thúc đẩy tôi chọn nghề viết ?

Hoài Nam: *Xin chị kể vài chuyện vui nhỏ trong thời bắt đầu làm văn chương.*

Túy Hồng: Thuở ban đầu, tôi gửi đăng báo Phổ Thông

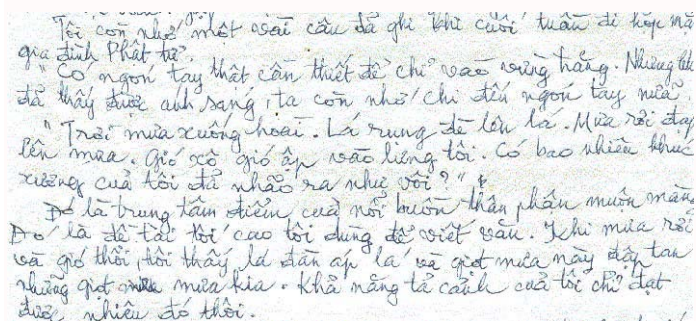
hai mẫu chuyện khôi hài. Nhà thơ Nguyễn Vũ cho lên báo liền. Báo phát hành ra tới Huế, một chàng đi xe đạp ngang nhà, ném qua hàng rào cái thư ngắn :

Cô Túy Hồng,

Tui đã đọc hai mẫu chuyện khôi hài của cô đăng trên báo Phổ Thông của nhà thơ Srong Roi Nguyễn Vũ. Tui đã cạy miệng ra cười mà không nổi. Tui xin cảm phục lòng can đảm cô đã dám đem hai mẫu vụn khôi hài vô duyên, buồn thiu, thiếu muối đó lên mặt báo. Tui xấu hổ đã ở cùng xóm với cô trên con đường Phan Chu Trinh trông xuống dòng sông An Cựu.

Ký tên: Vô danh

Chị em tôi ai cũng đọc Phạm Cao Cung, Đoàn Hùng - Lê Hằng với trí phục thù ... nên người nào cũng có ít nhiều óc trình thám, nhưng cái thư này thì bị dấu nhem. Sau đó, tôi gửi đăng truyện ngắn “Bát Nước Đầy” và không bị gửi thư nặc danh.



Tôi còn nhớ một vài câu đã ghi khi cười tuần đi học mà qua đình Phật tử.
Có ngon tay bắt cần thiết để chi vào rừng hăng. Những khi tôi thấy được ánh sáng, ta còn nhớ chỉ đầu ngón tay nheo.
"Trời mưa xuống hoai. Lá rụng đã lên lá. Mưa rơi đọng lên mưa. Gió có gió ấy vào lòng tôi. Có bao nhiêu khúc xương của tôi đã nhào ra như vôi?"
Đó là trung tâm điểm của một buổi thân phần muộn màng. Đó là đề tài kết cao tôi dùng để viết văn. Khi mưa rồi và gió thổi tôi thấy lá đàn áp lá và giọt mưa này đập tan những giọt mưa mưa kia. Khả năng tả cảnh của tôi chỉ đạt được nhiều đó thôi.

Hoài Nam: Khi viết văn, chị thường chọn đề tài như thế nào, và có ý chuyển đạt một vấn đề nào ?

Túy Hồng: Một nhà văn nữ dễ thương không nên lạm dụng ngòi bút viết về cái tôi nhiều quá. Trong quá khứ, nhóm nhà văn chống cộng Sáng Tạo đã bị chỉ trích “tự đặt mình lên trang mà thờ,” bị bắt bẻ “lấy cái tôi làm đề

tài.” Chọn đề tài, chọn đề thi dễ, nhưng có sức để viết cái đề ấy mới khó. Nhà văn Việt Nam, từ thời “*hậu Genève*” 1954 đến thời kỳ “*hậu mất Saigon*” 1975, nói theo nhà văn Mai Thảo “*đã đem ngọn lửa văn hoá loé sáng vượt biên vào Nam và vượt biển sang Mỹ,*” thật sự chưa ai có đủ sự dồi dào về đề tài, và sự thật thì ngọn lửa văn hoá họ đốt lên ở Mỹ mỗi ngày một leo lét. Nhìn chung, chỉ có sự làm mới từ ngữ thôi, và nhìn riêng về phái nữ thì các nhà văn trẻ viết bạo quá !

Hoài Nam: *Còn về các nhân vật, thường là hư cấu hay có dựa vào kinh nghiệm bản thân hoặc theo nhân vật có thật ngoài đời ?*

Tuý Hồng: Theo nhà phê bình Vũ Ngọc Phan, tâm lý nhân vật là phần quan trọng

Trước năm 1975, nguyệt san Bách Khoa có một toà soạn với ghế xa-lông bọc nệm lót và trong phòng trị sự còn kê thêm một máy may Singer. Nhà phê bình Lê Châu tức chủ bút Lê Ngô Châu, theo Lê Tất Điều, là người đọc bài vở để chọn đăng, kỹ hơn các báo khác.

Các tác giả đến toà soạn đưa bài nghe được những câu như : “ *Về phía các tác giả nữ, Nguyễn Thị Vinh viết “tôi”, gần sự thật hơn, các nhân vật, nhất là các vai đàn bà trong truyện được ghi đậm nét hơn, nói lên được lòng tốt và đức tính hiền lành của họ.*” ... “*Các nhà văn nữ tiếp theo ... có lối viết mới hơn, kêu hơn, vào sâu hơn trong vấn đề tình dục, nhưng vấp phải cái hồng ở phần xây dựng nhân vật : họ không vẽ được cái mặt và cái chân tướng của người đàn ông, nghĩa là không hiểu tâm lý đàn ông. Trùng Dương khá nhất trong đám, tả người đàn ông ra đàn ông khi đi đứng, lúc nói cười, lúc đưa điếu thuốc lên môi ... Trong cách mô tả này, Trùng Dương làm được việc hơn Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn thị Thuý Vũ ... Những người này đã chỉ cố nặn ra những hình người với những đường nét mờ, những chân dung xa lạ ngay cả với*

chính họ. Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn thị Thụy Vũ và v.v.
... đã tự thuật, đã ca tụng cái “ta” nhiều quá nên trong tác phẩm của họ âm thịnh dương suy.

Lê Châu nói thêm : “ Đồi để tài đi chứ ! Tại sao nhân vật của Túy Hồng cứ phải là cô giáo ? Tại sao Thụy Vũ cứ chuyên viết về những cô gái bán snack bar ? ”

Cổ nhân có nói tả người khó, tả ma quỷ dễ. Trong những tác phẩm xưa, ta nhận thấy có sự hoà hợp âm dương, có người có ta, có đàn ông và có đàn bà.

Đọc văn đàn bà ngày nay, ta nhận thấy đàn ông trong các tác phẩm hình như phải nhận một hình phạt nho nhỏ nào đó. Phải chăng trên cõi đời này đàn bà đã yêu đàn ông nhiều hơn họ được yêu lại ? Phải chăng khi đọc họ, ta nghe được tiếng kêu buồn của tình yêu không được thoả mãn ?

Qua những nhận xét của Lê Châu, ta có nên nghĩ rằng viết về tình dục đòi hỏi một ngòi bút am hiểu, kinh nghiệm; không nên vô tội và ngây thơ, không hiểu đàn ông. Ông là ai ?

Mới đây, năm ngoái, Thụy Vũ đã trả lời trong bài phỏng vấn Thụy Vũ Chấn Dê : “ Người nào vô văn chương mà ghê gớm, đó là vì trong đời sống hằng ngày người ta hiền quá, nên mới nhảy vô văn chương mà phá . ”

Vậy, qua cả hai Lê Châu và Thụy Vũ, chúng ta có nên tạm nghĩ rằng trong tác phẩm của một số nhà văn nữ, đoạn văn nào họ lêu lạo viết về tình dục là những đoạn văn không thật, không giá trị ?

Hoài Nam: Trong văn chương, xưa nay đặt nặng tinh thần trong nghĩa “văn dĩ tải đạo,” nhưng nay đặt nặng về thể xác, nhất là văn chương phụ nữ. Chị quan niệm đàn bà viết văn phải như thế nào để thành công ?

Túy Hồng: Mảnh đời thơ ấu của chúng ta đã mở ra với trang sách “Quốc văn Giáo Khoa Thư.” Bài học đầu tiên dạy “đi học phải đúng giờ” là bài thơ song thất lục bát “

Xuân đi học coi người hơn hờ ... “ Tiếp theo là những bài thuộc lòng khác “Ai bảo chăn trâu là khổ; Nhà ga là nơi xe lửa đậu; Cảnh quê hương đẹp hơn cả ...” Đó là văn chương dạy đạo lý. Ngoài ra, sách Quốc văn Giáo Khoa Thư còn dạy chúng ta tập viết những câu văn không thiếu không thừa một chữ, những câu văn chữ ít nhưng nghĩa nhiều, đã ẩn sâu chữ tâm đầu tiên, một chữ tâm non nót vào đầu óc tiểu học chúng ta.

Rồi già từ tuổi thơ, chúng ta vụt lớn lên với hai chương trình quốc văn và Pháp văn bậc trung học dạy ta ba tác phẩm chính yếu : Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm, và Truyện Kiều, tức trái tim Nguyễn Du. (Cũng vẫn là văn dĩ tải đạo và chúng ta đã yêu thương Nguyễn Du của chúng ta vì người thầy đó đã dạy ta chữ tâm của đất nước và chữ tâm ở cửa địa ngục : luân lý đẹp nhất khi luân lý là lòng hy sinh hi xả).

Về phía chương trình Pháp văn, sự có mặt của tác phẩm Madame Bovary của Gustave Flaubert đã gây nhiều tai tiếng cho học đường vì đó là một cuốn dâm thư : cô Emma, con gái một điền chủ, được đưa vào tu viện học lúc 13 tuổi. Sau khi xuất viện, về quê sống với cha trông coi một trang trại và lấy chồng, bác sĩ Bovary. Chàng này con của một bợm nghiện. Về y học là một bác sĩ thơm tay chữa bệnh cho dân quê, nhưng trên tất cả mọi phương diện khác ở đời, Charles Bovary là một chàng ngốc, ngốc đặc và khờ dại. (Con của bợm nghiện chẳng ?) Emma lười biếng, chán sống với chồng, không thương yêu con, mà mơ ngủ và nghĩ hoài tới những người đàn ông khác. Emma ngoại tình, tiêu tiền. Cuối cùng, Charles Bovary mang công nợ. Emma hối hận, mua một nắm thuốc bột giết chuột về nhà ăn để tự tử. Một thời gian sau, đứa con gái nhỏ lớn lên, Charles Bovary chết. Chàng chết lãng mạn, trái tim chàng rách một nét bi thương. Charles ngồi chết dưới bóng im lá nho non màu ngọc thạch, hương hoa nhài nhẹ nổi trong trời không, những con ruồi Spanish bu quanh

hoa li-li. Và trong tay chàng, Charles nắm chặt một lọn tóc trăm năm của người vợ.

Cuốn tiểu thuyết nổi tiếng này năm 1856 đã đưa Gustave Flaubert và nhà xuất bản ra tòa về tội xúc phạm luân lý. Cái chết của Charles Bovary có lãng mạn hay không ? Cái kết cục câu chuyện gây một chút buồn, một chút đau, nhưng vẫn có một chút ngọt ngào. Văn chương lãng mạn thời Pháp thuộc đã làm mềm yếu tuổi trẻ thời đó.

Nhạc Tây phương và văn chương lãng mạn Pháp cùng du nhập vào quê hương chúng ta một lúc: nhạc tình được đón nhận đến tận các chiến khu xa để trở thành nhạc tiền chiến, khí giới tinh thần của đoàn quân Việt Minh; văn xuôi và văn vần được đưa vào chương trình trung học, ở thành thị dạy dỗ con em chuyện tình.

Ở Huế, Linh mục Nguyễn Hy Thích thuộc dòng tu khổ hạnh cực lực phản đối lối giáo dục ẻo lả này, một chương trình đồi trụy làm khô héo nhựa sống của thanh niên, lão hoá tuổi thanh xuân của đất nước. Cha Thích nói : “Đây là một lối giáo dục tình tính tang. Kim Vân Kiều là chuyện tình, Chinh phụ Ngâm và Cung oán Ngâm khúc là chuyện tình ... Đàn ông chó đọc Phan Trần, đàn bà chó đọc Thuý Vân Thuý Kiều. Chinh phụ Ngâm phản chiến, Cung oán Ngâm Khúc là chuyện ghen tuông thường tình của đàn bà.

Nhà cách mạng Huỳnh Thúc Kháng kêu lên rằng Kiều là một con diêm. “Sách dạy ngày nay dĩ đứng đầu !” Và phải chăng bởi đường lối giáo dục thuộc địa này, một đường lối giáo dục già nua héo úa, nên hơn 70 năm về trước, nhà cách mạng Nguyễn Aùì Quốc cũng đã thông thiết than : “Hỡi Đông Dương đáng thương hại ! Người sẽ đi về đâu nếu đàn thanh niên sớm già này không sớm hồi sinh ?”

Tóm lại, chúng ta biết ái tình từ cái tuổi hầy còn thơ

ngây, cho nên bây giờ, những tác phẩm văn chương tình dục cũng có thể là một trong những hậu quả do những chuyện tình trong chương trình giáo dục. Vì là phản ảnh của đời sống, một tác phẩm văn chương cần có sự cân bằng của luân lý và tình yêu, cao cả hoặc tội lỗi.

Hoài Nam: Trong một câu trả lời trên, chị nói rằng : “ Nhìn riêng về phái nữ thì các nhà văn trẻ viết bạo quá.” Mới đây, tập san *Hợp Lưu* số 85 tháng 10 và 11-2005, trong bài **Phụ nữ và Vấn đề Tình dục**, Nguyễn Văn Lục viết “ Trước đây, thập niên 60-70, đã có Túy Hồng viết rất bạo dạn dữ dội. Gái Huế đa tình, nay đã có nhà văn như Túy Hồng buông thả, phóng khoáng, mở toang ... ” Chị nghĩ thế nào ?

Túy Hồng: Phụ nữ và văn chương ! Đàn bà viết gì thì chỉ có ông Freud và chính họ tự hiểu họ mà thôi. Nhà phân tâm học Áo Sigmund Freud và các nhà văn nữ đương đại của chúng ta cùng định nghĩa *female hormone* là những giọt dầu dâm dục trong cơ thể đàn bà, những giọt mỡ màu xám chì trong máu, những giọt nhót từ các phần mềm của phái yếu nhều ra, và cũng là những giọt nước mắt béo từ ngọn nển tình dục muộn màng.

Ngày nay, tại Mỹ, chúng ta có Lê thị Thắm Vân, Trịnh Thanh Thủy, Nguyễn thị Thanh Bình, Nguyễn thị Ngọc Nhung v.v. ... và cách ba phần tư quả địa cầu từ Mỹ đến Việt Nam, chúng ta có Vi Thuý Linh, Đỗ Hoàng Diệu v.v. ...

Sau đây là trích đăng vài đoạn văn của Lê thị Thắm Vân : “ Tôi nằm đây, đưa tay phải nhẹ đặt vào nơi đó. Cửa mình của trần gian, cử mở ra sự sống. Nơi chồng tôi bao lần vực mặt, mân mê chầm lóng man đại như rìng rậm hoang dã ... Henry Miller đã có lần viết : ‘tôi dấu chìm tôi trong đám lông hoang đại của nàng.’ ... “Mức từng gáo, dội từ đỉnh đầu. Nước ào ào tuôn dọc theo cơ

thể. Da loáng nước. Cái thau nhựa xanh đặt ở góc phải tràn nước. Khua tay ầm ập như da thịt mình, ở phần dưới ... Tôi ngâm mình trong thau nước đầy. Những sợi lông bông bênh, khẽ vuốt ve, mân mê, màu ngô non, mướt nước ... ” (Xứ Nặng)

Một trích đoạn khác trong Âm vọng, cũng của Lê thị Thẩm Vân : “ Vú mình con không bú mà chỉ toàn đàn ông con trai bú, mút, ngậm, nút, mò, bóp, đè, ngấu, nhai. Ngồi đếm lại, tổng cộng lại cũng hơn mười đầu ngón tay. Thằng nào cũng thích , từ già đến trẻ, từ Mẽ tới AnÁ, mà mình cũng thấy đã đĩa mới chết cha như ! Cái vú bên trái mình thích được bú hơn vú bên phải. Cứ mỗi lần thằng cha nào bú là nước l. mình ứ ra, rồi nước dãi cũng tươm đầy họng, quặn cả bụng, chỉ muốn đ. liền tức khắc.”

“ Tôi chịu hết nổi, tuốt gấp quần, chỉ kịp qua khỏi đầu gối. Tôi ngồi bệt xuống sàn xi-măng ẩm nước, góc tường lạnh thấm qua lưng, hắt cái ghế đầu nhựa sang một bên, ngón tay tôi run run đứt sâu ... luôn lách qua từng thớ thịt khe rãnh nhầy nhựa ẩm nóng. Sóng cuộn cuộn trên vùng bụng. Ngón tay hút chặt. Đầu môi con bạch tuột. Tôi biết tôi muốn gì, làm gì, ngay trong giây phút này. Tôi hoàn toàn thuộc về tôi.”

Sau đây là hai đoạn văn của nhà văn nữ son trẻ Đỗ Hoàng Diệu, kể chuyện một cô dâu trẻ bị ông nội chồng (đã chết) và bố chồng (đã chết) hãm hiếp rồi về nhà làm tình với chồng và sinh ra một đứa con : “ Chồng tôi, tôi biết gọi anh là gì ? ... Tôi nằm im lằm nhằm bao điều vô nghĩa ... Như một con thú, chồng tôi vật tôi như một con môi. Đôi mắt chỉ còn là hai vệt đỏ lục lọi da thịt tôi tan nát. Không cời tắt , cứ thế Công chồng lên tôi, chọc sâu tàn nhẫn. Tôi càng đẩy Công ra, Công càng cứa như dao đâm. Không phải đâm mà anh chích vào người tôi những con trùng làm công tác huỷ hoại bộ nhớ. Tôi nín lặng mặc cho Công quay lộn, mãi dũa ...”

“ Tôi muốn cởi phăng áo, dướn ngực vào mặt Công. Tôi muốn tri hô : ‘Tình trùng anh loãng như nước máy. Linh hồn anh là linh hồn của một tên hủi ...’ Tôi thấy rõ trí nhớ tôi tan vữa dần sau mỗi cú thọc sâu của Công, chỉ có Buôn Hủi, làng Hủi, và người đàn ông Thượng tồn tại ... Khi Công chấm dứt, tôi không còn nhớ gì hết, kể cả 10 ngón tay vừa cấu nát lưng Công. Tôi nhìn chúng xa lạ không hiểu đã xảy ra chuyện gì ban nãy. Ngoài kia, ánh trăng đại ngàn vẫn ngời ngời lung linh bên trên những con người thành phố thom nức, sạch sẽ nhưng không trí nhớ.” (Đỗ Hoàng Diệu, Dòng Sông Hủi)

Và sau đây là một đoạn văn ngắn trích từ bài phê bình văn chương của nhà phê bình Nguyễn Văn Lục, đăng trên Hợp Lưu số 81 :

- 1/ Âm hộ như một giải phóng phụ nữ*
- 2/ Âm hộ như một bản cáo trạng*
- a) về kinh nguyệt*
- b) về màng trinh*
- c) về mòng đóc*
- d) về chuyện sinh đẻ*

Phải chăng đó là những câu kinh để tụng khi bắt tay làm tình ? Nhà văn viết bạo bao nhiêu, nhà phê bình phê bạo bấy nhiêu. Văn chương kiểu này thì ái quốc Hồ Chí Minh, cách mạng Huỳnh Thúc Kháng và khổ hạnh Nguyễn Hy Thích chắc nằm chết không yên !

Trước hết, tình dục có phải xấu không ? Nhà văn Irving Stone nói rằng tín đồ giáo phái Puritan phải kết hôn để sinh đẻ và có thể sinh ra những vị thánh.

Sau hết, tình dục có phải tốt không ? Có bao nhiêu phần trăm sự thật trong văn chương tình dục qua ngòi bút các nhà văn nữ lớp mới, và làm tình, quả thật có sướng như họ đã tả không ?

Viết là tưởng tượng – fiction – căn cứ trên thực tại – fact. Tôi yêu fiction dựa trên fact.. Nghệ thuật có giá trị khi nó là sự thật, không phải của giả. Tình dục không cho ta một nắm to của cái cảm xúc gọi là “sướng”, và không gây cho ta một chỗ đau nào đó trên thân thể. Sự thật, giây phút tuyệt đỉnh lúc ân ái chỉ diễn ra chừng năm bảy tích tắc kim đồng hồ, và cái lượng đam mê cũng nhỏ thôi chứ đâu có bự như những nhà văn nữ lớp mới đã tả. Sự thật thì ít nhưng chúng ta đã xít ra cho nhiều. Sự thật thì bé nhưng chúng ta đã xé ra cho to.

Tiền nhân chúng ta đã rượu vào lời ra “*Tứ khoái trên đời là ăn, ngủ, làm tình và đại tiện.*” Còn gì thích hơn ăn ngon ngủ kỹ. Cái dâm đầu bằng cái khoái khẩu. Trước màn ảnh TV mỗi đêm, đầu bếp thượng thặng Emeril, như một võ sĩ Tàu múa kiếm dưới trăng, đã đi những đường dao đẹp mắt trên cá thịt rau quả thật mềm mại và ngon lành. Đầu bếp Trung Quốc Gary Lee, cũng một đêm nào ngồi trên tảng đá ăn *trái lệ chi* – trái vải – với vợ, đã nói : “*Đức Không Tử là người sành ăn nhất nước Tàu.*”

Ngoài ra, theo ý kiến của các bác sĩ, lạm dụng tình dục rất có hại cho sức khỏe. Các nhà văn nữ lớp mới thật không để tâm gì đến vấn đề healthcare các ông bồ của mình gì hết, nhất là các ông bồ Việt Nam. Đàn ông Việt Nam không phải là thứ dềnh dàng cao to như hải tặc Thái Lan, cũng không phải là quỷ tháng mười vampire, mà đúng như nhạc sĩ Lam Phương đã đàn hát tung bừng “*Nhìn vào khe song trông anh ốm yếu ho hen ...*”

Một điều đáng tiếc nữa là trong tác phẩm các nhà văn nữ lớp mới, phần tả cảnh và phân tích tâm lý đã bị phần tả tình dục chiếm chỗ. Điều này chúng ta cũng nhận thấy khi đọc một số tác phẩm các nhà văn Mỹ. Các nhà văn nữ Việt Nam đã tỏ ra thiếu kinh nghiệm và không thực tế về tâm lý : con ngựa bà trời tức là con bọ ngựa cái, sau khi

thoả mãn tình dục rồi thì cửa đứt đầu bộ ngựa đực ra mà ăn. Có phải trong khi làm tình, người đàn bà cứ nằm mà nguyên rủa người đàn ông ? Có phải sau khi làm tình xong, người đàn bà không nằm nghỉ xả hơi cho khoẻ mà phải mĩa mai kếp độc của mình là *tinh trùng anh loãng như nước máy* !

Về thơ, Trần Mộng Tú – nhà thơ trữ tình, người mang trong tâm hồn những tư tưởng vô bờ về cái đẹp nhưng vẫn đẩy được dòng thi ca dào dạt của mình vào những ngõ ngách đạo đức trong thi phẩm Ngọn Nền Muộn Màng, đã nói “*Sao bây giờ người ta đổ xô viết bạo? Đâu có phải là thời kỳ thịnh hành nhất của văn chương tình dục ? Đề tài này bao nhiêu người đã viết rồi, các nhà văn bây giờ chỉ làm mới cách dùng chữ mà chữ nghĩa bạo hơn nhưng ý nghĩa chẳng có gì. Với cái đà này thì văn chương sẽ không đi về đâu hết.*”

Xin lưu ý điểm này, chúng tôi đã trích ra những đoạn văn viết bạo để làm dẫn chứng cho phần trả lời.

Trong những sáng tác ngắn hoặc dài, có những đoạn văn các nhà văn nữ lớp mới không viết bạo. Họ viết tốt với những tư tưởng mới và lập trường suy luận riêng, chịu ảnh hưởng phương Tây, tôn trọng tự do cá nhân. Họ là lớp trí thức trẻ, căn bản học vấn và tuy Âu hoá nhưng tình yêu lớn nhất của họ vẫn là tình đất nước. Họ sẽ không ngừng lại sau vài ba sáng tác, họ sẽ tiến lên trên đường xa, ôm sứ mạng văn chương, vì đã đến lúc những trào lưu đã cạn dòng phải rút thoát để cho những ngọn triều trẻ dâng lên thay thế.

Hoài Nam: *Với cương vị là một nhà văn nữ, chị nghĩ thế nào về nhận xét của Dương Thu Hương : “ Nghề văn, nói chung là một nghề nguy hiểm. Nghề văn, đối với đàn bà, một trăm lần nguy hiểm hơn.”*

Túy Hồng: Năm 1954, Hiệp định Genève chia đôi đất

nước, trong lúc ngót một triệu đồng bào di cư vào Nam tìm tự do, thì nhạc sĩ Hoàng Giác đang làm việc tại Đài phát thanh Saigon, vợ và “*tung cánh chim tìm về tổ ấm*” trở lại miền Bắc. Cộng sản Việt Nam, nhân đạo hơn Cộng sản Bolshevik Nga xô và cộng sản Khờ-me- đỏ Pol Pot, đã tỏ ra ưu đãi các nhạc sĩ tiền chiến và bạc đãi văn thi sĩ vì nhà văn thường phản đối chính quyền và ưa viết sách chống cộng. Dương Thu Hương là một cây bút phản kháng, bất khuất ... Nhưng tại sao nghề văn đối với những người đàn bà nguy hiểm một trăm lần hơn đối với những người đàn ông ? Điều này tôi không hiểu.

Hoài Nam: *Chị nghĩ là những nhà văn nữ hiện đại cần viết về thảm cảnh thân phận đàn bà, thay vì viết về tình dục, hay có một đường lối nào khác để thành công ?*

Túy Hồng: Sống dưới chế độ Cộng sản, Dương Thu Hương bất khuất phản kháng, lòng can đảm vượt xa những anh hùng nam nữ xuống đường đã đảo Mỹ và Thiệu- Kỳ trước 75. Từ 15 năm nay, tôi vẫn nghĩ Dương Thu Hương là nhà văn nữ viết hay nhất về thực trạng xã hội, về cảnh đẹp quê hương, về tài nấu cháo cá, và tình thương dành cho số kiếp đàn bà. “*Thân phận người phụ nữ Việt Nam hiện nay vẫn ở tầng thứ nhất, nghĩa là vẫn ở cuộc tranh đấu quyết liệt cho sinh tồn ... Muôn đời, người đàn bà vẫn mơ ước được trở thành người đàn bà thực sự.*” (Lời Dương Thu Hương)

Nguyễn thị Vinh viết đầm hơn với tám tác phẩm : Hai Chị Em (1953), Thương Yêu (1954), Xóm Nghèo (1958), Cô Mai (1972) v.v. ... Và mới đây, trong một bài nói chuyện dài ở Na-Uy, chị Vinh vẫn luôn ca ngợi danh dự của người đàn bà khác, chứ không phải chính “cái tôi” của chị. Nguyễn thị Vinh thành công với lối viết hiền và nhẹ như văn chương Tự Lực Văn Đoàn.

Hoài Nam: *Sức mạnh vũ lực của Napoléon từng được*

Victor Hugo so sánh với sức mạnh của ngòi bút nhà văn, khi nói “ Napoléon có một quốc gia, một quân đội hùng mạnh. Nhà văn chỉ có một ngòi bút, nhưng đằng sau ngòi bút là lương tri.” Chị có cùng quan niệm với Victor Hugo không ?

Túy Hồng: Cách đây 15 năm, hàng hàng lớp lớp Việt Kiều hải ngoại hướng về quê hương hoan hô Dương Thu Hương, nhà văn nữ lớn nhất đang ở giữa chúng ta, đang đến và đã đến rồi. Cờ đã phát, chất nổ phải được ném, và Dương Thu Hương sẵn sàng tranh đấu. Một ông chủ báo trẻ ở Seattle tiểu bang Washington sau khi đi lễ chùa đã nói “ Dương Thu Hương, tôi xin bầu làm nữ Tổng thống của Việt Nam.”

Rồi từ quốc nội có tin nhà văn phản động Dương Thu Hương bị nhà nước bắt giữ. Rồi báo Người Việt Cali loan tin Bác sĩ Bùi Duy Tâm đáp máy bay về quê hương phản đối nhà cầm quyền và giải cứu Dương Thu Hương.

Một thời gian ngắn sau, ở Seattle, tất cả đồng hương cùng đứng lên chào mừng Nguyễn Huy Thiệp sang thăm. Giảng đường Đại học Washington được mượn dùng để Nguyễn Huy Thiệp được hỏi ý kiến. Người phỏng vấn – Mỹ gốc cây Mít – đặt câu hỏi bằng tiếng Anh, người thông dịch chuyển sang tiếng Việt, Nguyễn Huy Thiệp trả lời bằng tiếng mẹ, phát ngôn viên đây qua tiếng Anh. Phân hội đàm thân mật, nữ sinh viên khuyến khích, mọi người đặt câu hỏi. Thắc mắc viên lên tiếng muốn biết về hiện tình sinh hoạt văn học quê nhà. Giải đáp viên ro ro tiếng Việt, chuyển ngữ viên đưa sang tiếng Anh. Báo Người Việt Tây Bắc đăng một câu hỏi quan trọng của một số người ái mộ “ *Thưa nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, sau hai tập truyện ngắn vừa xuất bản, chừng nào ông sẽ gửi truyện dài dự thi và đoạt giải Nobel văn chương ?*” Nguyễn Huy Thiệp có lẽ quá cảm động về sự đón tiếp quá nồng hậu, đã trả lời : “*Tôi luôn luôn cố gắng hoạt động. Với tất cả mọi*

công việc, tôi đều cố gắng và mãi mãi cố gắng hết cả sức lực.”

Nhà văn Mỹ ăn khách John Jakes trong *Love and War* nói một câu mà nếu không nói thì người Việt Nam cũng biết : “ *Đối với người làm nghệ thuật, có ba cánh cửa giúp họ đi tới thành đạt. Cánh cửa thứ nhất : được đám đông hoan nghênh; cánh cửa thứ hai : bị đám đông tẩy chay; cánh cửa thứ ba : tự sức mình.*”

Mười lăm năm trước, một ai nào đó đã nghĩ rằng sự tôn vinh quá độ của quần chúng đôi khi cũng có thể làm nhà văn lo âu và nhà văn vốn nhiều tự trọng sẽ trở nên dè dặt không dám viết những tác phẩm cho tương lai của mình, sợ không đáp ứng được lòng mong đợi của đám đông?

Về nhận xét của Victor Hugo, tôi không nghĩ rằng sức mạnh của một ngòi bút có thể so sánh được với vũ lực “*grande armée*” của Nã-Phá-Luân trên chiến trường Borodino quân Nga-sô đại bại năm 1812.

Hoài Nam: *Xin cảm ơn chị Tuý Hồng đã bỏ thì giờ nói chuyện với chúng tôi về Phụ nữ và Văn chương. Xin chúc chị một năm mới an bình.*

Hoài Nam phỏng vấn

(nguồn: Trang nhà <http://www.gio-o.com>. Đăng lại với sự chấp thuận của tác giả)

NGUYỄN MAI

thực hiện

Nhã Ca, Phút Nói Thật

Nhã Ca, tên thật là Trần thị Thu Vân, sinh năm 1939 tại Huế. Sách đã xuất bản : 28 cuốn, gồm hai tập thơ, 20 truyện dài, 5 tập truyện ngắn, một tập bút ký. Hiện sống ở ngoại ô Sài Gòn với chồng và các con.

NM : Xin chị cho biết về tác phẩm mới nhất của chị vừa xuất bản?

NC : Thừa anh, đó là cuốn Trăng Mười Sáu, một truyện dài viết về một đề tài có tính cách thời thượng : mấy cô cháu gái yêu một ông chú, bạn của bố. Khi sách ra, có bài điểm sách trên một nhật báo đã nói đúng lý do khiến tôi viết cuốn này : Mỗi thời đại văn chương Việt Nam hình như đều có một truyện về loại tình yêu chú cháu. Thời tiền chiến, *Khái Hưng* viết cuốn *Đẹp*. Mười mấy năm trước, *Chu Tữ* viết cuốn *Yên*. Có điều cả hai, đều được nhìn và viết ở phía các ông. Chính vì điểm này, tám năm trước đây tôi đã viết một truyện ngắn mang tên là « Đêm Dậy Thi » để ghi nhận những rung động của loại tình yêu này từ phía người nữ. Lần này, với cuốn Trăng Mười Sáu, tình yêu này được mô tả qua cái nhìn liều lĩnh vô tội của một cô bé vừa mười sáu tuổi.

NM : Cuốn này là tác phẩm thứ bao nhiêu của chị kể từ khi cầm bút ?

NC : Anh cho phép tôi đỡ cái thư mục ra coi lại mới nhớ nổi. À, đây rồi. Thưa anh, cuốn thứ hai mươi tám.

NM : Trong số đó có những cuốn nào đã được tái bản ?

NC : Thưa anh, trong mấy trang thư mục này đều có ghi rõ : Thơ Nhã Ca in lần thứ hai, Đêm Nghe Tiếng Đại Bác in lần thứ năm, mấy cuốn Bóng Tối Thời Con Gái, Mưa Trên Cây Sầu Đông, Một Mai Khi Hòa Bình, Giải Khăn Sô Cho Huế... đều đã in lại lần thứ hai. Hiện nay, chúng tôi cũng đang cho tái bản thêm cuốn Trưa Áo Trắng, một truyện dài mới do nhà Sống Mới phát hành hồi đầu năm nay.

NM : Trong số các nhà văn nữ hiện nay, chỉ có mình chị, ngoài việc viết văn, viết truyện, còn là một thi sĩ. Xin chị cho biết có phải chị đã làm thơ trước khi viết tiểu thuyết ?

NC : Anh cho phép tôi nhớ lại đôi chút. Lần đầu tiên khi cầm bút, tôi nhớ rồi, không phải tôi làm thơ mà là viết một truyện dài Nói anh đừng cười, năm đó tôi vừa học xong lớp nhất, đã dám liều viết một truyện dài đăng từng kỳ trên tờ Hồn Xuân, một tờ bích báo văn nghệ ở Huế.

NM : Nếu tôi nhớ không lầm thì bút hiệu Nhã Ca của chị đã xuất hiện lần đầu tiên dưới những bài thơ ?

NC : Thưa anh, đúng vậy. Đó là những bài thơ đầu tiên của tôi đăng trên tạp chí Hiện Đại do anh Nguyễn Sa chủ trương, vào khoảng năm 60 hay 61 gì đó.

NM : Giữa việc viết văn, làm thơ, chị thấy việc nào vừa ý chị hơn ? Có phải thơ là hình thức văn chương người ta khởi đầu dễ rồi sau đó bước qua những lãnh vực sáng tác khác không ?

NC : Với riêng tôi, viết văn là công việc có thể làm đều đặn hàng ngày như một bổn phận. Còn thơ tùy thuộc những rung động bất chợt, có muốn đều đặn cũng không nổi. Tuy nhiên, cho đến nay, tôi chưa thấy có việc phải chia



NHÃ CA
Giải Khăn Sô Cho Huế

thơ vãn ra thành hai thời kỳ riêng biệt. Có điều, có thể vì thơ vốn là thứ hiếm hoi hơn, nên quả tình tôi có kính trọng và trân quý thơ hơn vãn.

NM : *Chị vừa nhắc tới những bài thơ đầu tiên, xin chị cho biết chị đã tham dự vào sinh hoạt văn chương từ bao giờ và trong trường hợp nào ?*

NC : Vào khoảng 58, 59 gì đó. Chúng tôi có một số bạn hữu thân thiết, các anh Dương Nghiễm Mậu, Viên Linh, Nguyễn Trung, Đỗ Quý Toàn, Nguyễn Hữu Đông, Tú Kieu, Trần Dạ Từ... cùng viết và cùng đọc. Để kiếm ăn lần hồi, chúng tôi bán bài, làm thuê cho các tuần báo, nhật báo, với đủ các bút hiệu không đáng kể. Lần hồi, mỗi người dứt khoát chọn cho mình một bút hiệu vĩnh viễn. Những bài thơ đầu tiên ký bút hiệu Nhã Ca, tôi gửi đến anh Nguyễn Sa và được anh đặc biệt nâng đỡ. Tập thơ đầu tay của tôi sở dĩ xuất bản được là nhờ anh mà có. Truyện dài đầu tay ký tên Nhã Ca, cuốn Đêm Nghe Tiếng Đại Bác, tôi mang đến anh Nguyễn Mạnh Côn, được anh đề tựa và giới thiệu. Sau đó, tôi tiếp tục viết, cho đến ngày nay...

NM : *Cho tới nay, sách của chị vẫn còn tiếp tục bán chạy nhất ? Chị có thời kỳ nào đã viết trong ám ảnh thị hiếu của độc giả ?*

NC : Hình như tôi chưa từng bao giờ là tác giả có sách bán chạy nhất. Bình thường, sách của tôi có số in từ sáu đến bảy ngàn, có nhà tổng phát hành nhận mua đứt trọn số in và trả tiền đủ. Vài cuốn đặc biệt, như cuốn Giải Khăn Sô Cho Huế, Đêm Nghe Tiếng Đại Bác... bán hết trong vài tháng. Những cuốn khác, có nhanh lắm, như cuốn Trưa Áo Trắng mới đây, cũng phải 5, 6 tháng mới bán hết bản in lần đầu. Đó là tình trạng bán sách. Còn việc « viết trong ám ảnh thị hiếu độc giả » như anh hỏi, tôi xin trả lời là : luôn luôn. Một lần trên báo Chính Luận, có một nữ giáo viên liệt kê các khoản chi tiêu cần thiết để đối chiếu với số lương của cô, trong đó có khoản để là « mua nhạc Trịnh Công Sơn, sách Nhã Ca ». Tôi đã bần

thần mất nhiều ngày. Tôi không biết anh Trịnh Công Sơn nghĩ sao, riêng tôi, tôi thấy rõ mình có bổn phận phải đáp ứng xứng đáng với việc những người đọc quý giá đã phải dành một phần đồng tiền lương thiện và xương máu của họ để đổi lấy những cuốn sách của mình. Tôi thành thật nghĩ rằng mình không bao giờ sẽ trở thành loại nhà văn cho là mình đủ lớn đến độ phải khinh thường người đọc.

NM : *Lợi tức hàng tháng của chị hiện nay ra sao ?*

NC : Nếu trả lời, có ngại quý vị thuế vụ sẽ đọc tới không nhỉ ?

NM : *Xin hỏi rõ : giá nhuận bút một tác phẩm bình thường của chị ?*

NC : Trước đây vài ba năm, các nhà xuất bản vẫn trả tôi theo chỉ số 10 phần trăm giá bán tính trên tổng số in. Trung bình, nhuận bút mỗi cuốn được từ hai đến ba bốn trăm ngàn đồng tùy theo sách dày mỏng. Mỗi lần ký một giao kèo bán sách, tôi thường bán ba bốn cuốn một lúc để có ngay một khoản tiền chẵn. Lâu nay, chúng tôi tự in lấy thành thử không còn nhuận bút nữa.

NM : *Chắc chị đang nhể tới nhà xuất bản Thương Yêu, do chị chủ trương ?*

NC : Thưa anh, có. Nhưng theo tôi hiểu, đây có lẽ không phải là một nhà xuất bản đúng nghĩa, nếu hiểu công việc của một nhà xuất bản là mua tác quyền, in sách của các nhà văn khác để kiếm lời, vì chúng tôi chỉ in những sách do chính chúng tôi viết.

NM : *Còn « tủ sách trắng mười sáu » để dưới những cuốn sách gần đây của chị ?*

NC : Thưa anh, chỉ là một loạt sách. Đầu đuôi thế này : có lẽ vì thấy mình sắp già đến nơi, tôi quyết định phải đền đáp gấp cho các bạn đọc già trẻ của tôi, bằng cách hoàn thành mười truyện dài viết riêng về tình yêu và tuổi trẻ. Khi tôi mười sáu tuổi, tôi có được ông xã tặng một bài thơ, trong đó có hai câu :

Em mười sáu tuổi, trắng mười sáu
Mười sáu trắng chờ, em nhớ không »

- NM : Còn những thi sĩ quốc tế. Đừng quên chị còn là nhà thơ đấy nhé ?
- NC : Cám ơn anh. Vì sự khác biệt ngôn ngữ, tôi không thật tình cảm nhận đủ được những cái hay của các thi sĩ lớn quốc tế, trừ một số Đường thi. Thi sĩ mà tôi thần phục nhất có lẽ phải kể là Salomon, tác giả thi thiên Nhã Ca trong cựu ước. Bút hiệu tôi đang mang do sự thần phục ấy mà có.
- NM : Anh Trần Dạ Từ là một nhà thơ, chị là một thi sĩ, đời sống của anh chị chắc vui lắm ?
- NC : Cám ơn anh. Chúng tôi hiện có 5 cháu, và ông xã tôi, mới đây, trong cuộc phỏng vấn trên một đài phát thanh, có tuyên bố là chúng tôi dự tính sẽ đẻ thêm 8, 9 đứa nữa.
- NM : Cháu lớn nhất của chị năm nay đã mấy tuổi ? Cháu học lớp mấy ?
- NC : Cháu Sớm Mai, mười một tuổi, vừa học xong lớp đệ thất.
- NM : Theo chị, một phụ nữ viết văn có hạnh phúc không ?
- NC : Tại sao không ? Theo anh, có nhất thiết một phụ nữ cứ không viết văn là đương nhiên sẽ có hạnh phúc hay sao ?
- NM : Giao tình của chị với các nhà văn nữ khác ra sao ?
- NC : Tôi đặc biệt quý trọng tất cả, nhưng quá bận nên rất tiếc không có sự đi lại thăm viếng với ai. Đến chị Túy Hồng, lớp trên của tôi từ ngoài Huế, mà cũng đâu đến hai ba năm nay tôi chưa có dịp gặp lại. Nếu có gặp, xin nhờ anh chuyển lời tôi kính thăm chị.
- NM : Một câu hỏi chót, xin chị cho biết dự tính của chị hiện nay ?
- NC : Hoàn tất những cuốn kế tiếp trong loạt mười truyện dài Trăng Mười Sáu. Sưu tập chi tiết cho bộ Thương Nhớ Chiến Tranh. Và tiếp tục đẻ con, theo dự tính của ông xã.
- NM : Xin chị cho tôi soạn Văn một vài tấm hình của chị và gia đình.
- NC : (sau khi lục album) Chỉ còn một tấm này. Đây là ảnh do anh chị Cung Tiến chụp giùm trong lúc chờ phi cơ ở phi trường Phú Bài. Khi làm cliché, xin anh che giùm đi một nửa và giữ kỹ để hoàn lại chúng tôi tấm hình.

Nguyễn Mai thực hiện

(nguồn: Giai phẩm Văn 7-1973, chủ đề 5 nhà văn nữ)

GIAI PHẨM VĂN

Đi Xa Với

Nguyễn Thị Hoàng

Sinh ngày 11 tháng 12 năm 1939 tại Huế, Nguyễn Thị Hoàng đã học qua các trường tiểu học Đoàn Thị Điểm (Thành Nội Huế), rồi trung học Đồng Khánh, trung học Võ Tánh (Nha Trang). Theo bậc đại học ở Văn khoa và Luật khoa Sài Gòn. Bỏ học và đi làm việc ở một xí nghiệp. Dạy Anh văn tại một vài tư thục Sài Gòn. Về Nha Trang, rồi lại dạy Việt văn ở Đà-Lạt. Bỏ dạy học, viết văn làm thơ (Bách Khoa và Văn, 1963). Trong thời gian này, truyện Vòng Tay Học Trò đăng ở Bách Khoa.

Lấy chồng năm 1965, thuộc dòng hoàng phái, cũng là giáo sư nhưng đã bỏ dạy để viết sách triết lý và chính trị. Có bốn con gái.

Từ 1963 đã viết cho các báo Bách Khoa, Văn, Khởi Hành, Đồng Nai, Công Luận, Tin Sớm, Gió Nam, Tin Sống, Gáo Thét ..

Từ 1967 chủ trương nhà xuất bản Hoàng Đông Phương.

Đã cho xuất bản chừng 23 cuốn truyện ngắn cũng như truyện dài.

VĂN : Xin cho biết, chị đã khởi sự viết, đăng báo, và xuất bản thành sách từ lúc nào ?

NTH : Nếu làm thơ cũng có thể gọi là viết, thì từ năm mười hai tuổi, học lớp nhất, tôi đã làm thơ lục bát. Suốt những năm học trò, bao giờ trong bài vở cũng lẫn lộn đầy thơ.

Nhưng càng nhiều, càng viết, càng xé bỏ. Mãi đến 1960, mới in thơ lần đầu tiên, ở Bách Khoa, rồi từ 1963 trên Văn. Tôi khởi viết bằng thơ, rồi truyện ngắn, truyện dài Vòng Tay Học Trò đăng Bách Khoa năm 1965. Trong lúc các nhà xuất bản đi tìm tôi đề nghị xuất bản cuốn VTHT tôi ngừng viết, chỉ thích lo gia đình, cho đến hai năm sau, tình cờ, một nhà xuất bản tìm được tôi, và VTHT ra đời.

VĂN : *Chị làm thơ nhiều, chị không có ý định cho in lại những bài thơ đó ?*

NTH : Tôi vẫn nghĩ, thơ là phần tràn ngập của những xúc động tâm hồn. Tâm hồn có tuổi tác, có sống thực, bằng đau khổ và hoan lạc thực, thì xúc động mới chín muồi và chất tràn ngập là thơ kia mới có giá trị thực. Thơ chỉ là hương thơm của những ngày tháng đẹp qua rồi, hãy cứ cho hương bay đi, và tàn phai. Có đáng gì đâu mà cho in và lưu lại về sau ?

Nói như thế có nghĩa là sau này mới có đủ điều kiện để làm thơ. Nhưng không thể phản phúc thơ bằng cách chìm lửng, mơ màng theo thơ bên cạnh một đời sống thực ngập tràn lo âu, băn khoăn, phần đầu không ngừng nghĩ. Hãy để cho thơ chỉ còn là tiếng cảm, những lúc nào đó, nói thầm với chính mình. Đôi khi tôi vẫn nghĩ, chính chất thơ thuở trước trong hồn còn vương vất đã làm cho tiểu thuyết của tôi, đúng hơn là những nhân vật, đối thoại hay khung cảnh trong tiểu thuyết tôi nhuốm tính chất không thực, xa vời, tìm đẹp hay không.

VĂN : *Không kể đến thơ, xin chị cho biết số lượng truyện dài và truyện ngắn đã xuất bản.*

NTH : Truyện dài, đã viết trên ba mươi cuốn. Nhưng mới xuất bản hai mươi ba cuốn. Số còn lại, hoặc đang nơi nhà xuất bản, đang ở thông tin, hay trong mớ bản thảo bề bộn không bao giờ kịp sắp xếp gọn gàng của tôi. Truyện ngắn, thì gần bốn mươi truyện đã in và khoảng gần hai mươi truyện, đang là bản thảo, dở dang, dở dang theo



NGUYỄN THỊ HOÀNG
và Tiếng Chuông Gọi Người Tình Trở Về

tôi là chưa xong, còn tiếp tục, nhưng cũng có thể bỏ luôn, nếu không vừa ý một cách bất ngờ.

VĂN : *Chị nghĩ thế nào về hoàn cảnh khách quan và hoàn cảnh chủ quan trong lúc chị sáng tác.*

NTH : Hoàn cảnh khách quan và chủ quan ? Cả hai đều không thuận tiện cho việc sáng tác đúng nghĩa của nó, nhưng chính vì hoàn cảnh không thuận tiện đó đã thách thức người sáng tác. Như thế này : bên ngoài thì cuộc chiến làm ngăn trở những phương tiện phát triển chất liệu cảm hứng, xúc động của tâm hồn, như du lịch, sống tự nhiên và tự do, đời sống tương đối dễ dàng về vật chất, áo cơm... bên trong thì những khó khăn đặc biệt và khác thường của hoàn cảnh riêng tư... Tóm lại là, đầu đường đi, cứ nghĩ sống chỉ để viết, bây giờ thì... giữa đường mới thấy là phải viết để sống đây. Cho nên càng nhiều khó khăn, ở phía khách quan và chủ quan, càng viết nhiều, may mắn là không có trường hợp ngược lại, càng viết nhiều thì lại càng nhiều khó khăn.

VĂN : *Như vậy, lúc hoàn cảnh khách quan và chủ quan dễ dàng hơn, chị sẽ thôi viết hoặc viết ít đi.*

NTH : Đời nào. Không chừng lại nhiều hơn nữa ấy chứ. Nhưng sẽ xứng đáng và vừa ý hơn những gì đã viết bây giờ, khi có được một chút thì giờ, một chút tự do, một chút thư nhàn cho tâm trí.

VĂN : *Những khó khăn chủ quan nói trên chắc hẳn sẽ ảnh hưởng đến thói quen của chị khi viết ?*

NTH : Thói quen à. Chừng tụt đúng hơn. Như tôi ký bất cứ ai, người quen, người lạ, kể cả trẻ con và người không đọc được chữ, liếc nhìn vào bảo thảo tôi đang viết, hay cầm một tờ bản thảo vừa rút ra khỏi trục máy chữ lên xem. Có trẻ vò ném hay bỏ luôn đoạn ấy, tờ ấy không chừng. Nhưng điều đó khỏi lo trong gia đình của tôi: nhà tôi thì có năn nỉ đi nữa cũng không bao giờ thêm liếc nhẹ vào những trang mờ mịt đang đánh máy của tôi. Còn các cục cưng trẻ con thì chỉ reo hò, cười nói quanh bàn viết khi tôi

đánh máy, nhưng không bao giờ cầm lấy một tờ bản thảo, dù là giấy màu, thật đẹp. Chúng nó thích giấy đẹp, nhưng phải có hình đẹp nữa kia. Truyện dài thì bất cứ lúc nào, chỗ nào, trừ lúc nghe nhạc và đang đi trên đường, tôi viết cũng được, và bỏ dở, một lúc sau, mấy tuần sau, mấy tháng sau hay cả năm sau, viết theo đoạn bỏ dở cũng được, mà không cần phải xem lại từ đầu. Nhưng truyện ngắn thì có tật phải viết một hơi cho xong một truyện mới được sau khi đã nghĩ đến một điểm trục nào đó làm cốt truyện. Truyện ngắn ngắn thì đánh máy một hơi chừng bốn mươi lăm phút, một giờ, truyện ngắn dài thì hơn một giờ rưỡi, sau đó, vút mười mấy trang đánh máy chẳng chịt ra đấy, thở ra cho nhẹ hồn, nhẹ lòng, thích thú hơn là xong một truyện dài. Bởi truyện ngắn, xong là xong. Còn truyện dài, xong nhưng không bao giờ xong, là vì chưa nói hết được những điều quanh chủ đề đã lựa chọn, bất gặp. Nếu bỏ dở nửa chừng, truyện ngắn sẽ bị vút luôn không bao giờ tiếp nối. Phải như một chiêm bao, song suốt, ngắt quãng không thể mơ lại những bóng hình đẹp để đã mất rồi.

VĂN : *Như thế đó, mà hình như có người nghĩ rằng chắc hẳn anh cũng tham dự vào công việc sáng tạo của chị.*

NTH : Tham dự. Cách nào ? Những khích lệ tinh thần, thì sao lại không. Nhưng cũng hiếm hoi. Giữa chúng tôi, công việc của tôi, trừ những chuyện của nhà, con cái, tổ chức gia đình từ nhỏ cho đến lớn, việc gì cũng cùng bàn tính, thảo luận, thỏa thuận cùng một kết luận như nhau, thì việc viết lách của tôi là một công việc hoàn toàn độc lập, tự do. Là vì, nhà tôi muốn tôi tự do hoàn toàn trong sáng tác, không bao giờ phê bình, nhìn ngắm, góp ý vào việc riêng của tôi. Tôi viết như thế này, đánh máy thật nhanh, đến không kịp đánh dấu đúng và đủ, mỗi ngày càng nhiều trang càng tốt, thường từ hai mươi đến ba mươi trang, ném đấy, bừa bãi lẫn lộn, cho đến khi xong tất một truyện, trải tất cả ra giữa nhà, đôi khi là xong và xếp ba bốn bản thảo cùng một lúc, vì phải viết chen kẽ cùng lúc ba bốn truyện

như thế đồng thời, xấp lại bản một, hai, ba, kiểm số trang, kẹp lại, chỉ sửa (nghĩa là đánh dấu và kẻ rõ những chữ mờ hay đánh máy sai) một trong ba bản của mỗi truyện. Rồi giao ngay cả cho nhà xuất bản, lúc nào cũng đang thúc hối, chờ đợi, khát hẹn... Không kịp nhìn lại đề phân đoạn cắt xét, thêm bớt bất cứ chỗ nào thì làm sao có thể sửa ý và lời, nhận định lại dù chỉ một lần những gì vừa viết đề có thể đổi thay... Cứ như thế, truyện này rồi truyện khác, lúc nào cũng tới tấp hối hả quay cuồng, tôi không kịp xem lại thì nhà tôi hay bất cứ ai làm thế nào có thể góp ý, sắp đặt, chen lẫn vào công việc lúc nào cũng vội vàng như thế của tôi được. Có khi, từ nhà đến nhà in, tôi mới viết và nghĩ được cái đề của cuốn truyện vừa viết. Có khi, đề trống cho đến hôm sau nhà in tin lại thiếu đề tôi mới nhớ ra. Nhà tôi thì, phần không ưa tiền thuyết, phần mãi mê nghiên cứu và soạn thảo những công việc của nhà tôi, sách tôi in ra xong rồi, hàng năm cũng chưa liếc qua một dòng chữ. Bụt nhà không thiêng ? Không phải đâu. Nhà tôi cũng đọc truyện tôi, và cũng « thăm » lắm ấy chứ. Nhưng nhà tôi chỉ là « đọc giả » của tôi trong trường hợp này : những lúc tôi vắng nhà, vì công việc phải đi xa, hay đưa con về thăm nội ngoại chúng. Văn tức là người. Văn thay người phải không.

VĂN : *Trong những sách biên khảo, nghiên cứu hợp lý các tác giả. Các nhà văn... trong vòng mấy năm trở lại đây, không thấy có tên chị bên cạnh những người đương thời, chị cho biết tại sao ?*

NTH : Trong mấy năm qua, thỉnh thoảng tôi vẫn nhận được thư của các vị « làm sách » biên khảo, nghiên cứu như vậy (làm sách biên khảo khác với biên khảo chứ ?) yêu cầu tôi cho các chi tiết cho công trình của họ đang thực hiện, như kể các truyện tôi đã xuất bản, tiền sử..., nhiều thứ lật vật ghê gớm khác nữa. Đôi khi các vị còn cần thận gởi cả phó bản của bức thư vì lâu ngày không thấy tôi trả lời tưởng thư đầu đã mất. Tôi rất tiếc đã im luôn. Tất nhiên

là không có tên tôi trong các biên khảo, hợp tuyển đó. Xin giải thích : lẽ thứ nhất, vì tất cả những tác phẩm đã có của tôi, tự thấy là chưa đạt đến đâu, mới là chặng khởi hành dò dẫm, chưa đạt tới mức mong ước, chưa phải là cái đã hoàn thành, hoặc ít nhất, đang giữa đường, nên chưa tới lúc đưa vào văn học sử (các công trình biên soạn kia, dù thế nào, cũng sẽ là những tài liệu cho những người sau làm văn học sử). Thiết tưởng chuyện đầu còn đó, chẳng vội vàng làm gì cho hư việc. Lẽ thứ hai, là nếu những nhà làm sách trên có mục đích trình bày tác giả trước đọc giả và ghi nhận tác phẩm vào văn học sử, thì chính họ, với cách biên khảo, nghiền cứu như một số « nhà » đã làm, làm sai lạc đường hướng của một tác giả muốn đi về mai sau và đọc giả, như một người được trân trọng giới thiệu, sẽ chắc chắn nhìn sai hoàn toàn, về một tác giả và những tác phẩm của họ do công trình của người làm sách kiểu trên.

Tôi nghĩ, nếu không có cách nào giúp những nhà làm sách kiểu trên giúp họ nhìn đúng mình và tác phẩm mình thì ít ra cũng không nên giúp những phương tiện cho họ nhìn sai về mình và tác phẩm mình.

Có lẽ một nhà văn cũng cần người nghiền cứu, phê bình mình, như lịch sử cần đến người viết sử, để những gì có thể còn lại đời đời sau ta được soi sáng hơn là che mờ. Trong mong ước như thế, tôi, cũng như nhiều tác giả đồng quan niệm khác, có lẽ cũng nhận rằng hiện tại chỉ có người làm sách hợp tuyển, biên khảo, mà chưa có những công trình biên soạn đường dẫn, vô tư, công phu. Từ chối cũng là đợi chờ vậy.

VĂN : Xin lỗi, một câu hỏi tò mò, lần đầu tiên mới nghe chị nói « nhà tôi và các con » đấy. Tại sao trong các tác phẩm hay bất cứ loại viết nào của chị, không thấy chị nói đến những người thân trong gia đình, như các nhà văn nữ khác.

NTH : Sao lại phải giống nhau, giữa người này và người khác. Mỗi tác giả có một thái độ riêng đối với đọc giả của

minh, cũng như mỗi người đàn bà (đàn bà viết văn) sống với một « hiến pháp » riêng trong gia đình mình chứ. Với tôi thì, đem những người thân trong gia đình vào tác phẩm, sợ rằng sẽ « làm phiền » độc giả và « làm phiền » cả chính những người thân của tôi nữa. Và nếu có, tôi sẽ đưa vào tác phẩm cái bóng phảng phất của những người thân trong gia đình, chứ không phải là cái hình, đúng và rõ của họ. Một tổng hợp hình và bóng đầy đủ mọi chi tiết, của những người thân trong gia đình, tôi đề dành lại trong một tác phẩm nào đó có tính cách tự truyện, hồi ký, nhật ký... Có thể viết ngay, có thể sau này, có thể kéo dài từ bây giờ cho đến mai sau mới xong, nhưng trường hợp nào thì cũng phải ủ kín đấy, chờ thời gian, chờ sự lên men. Chúng tôi đang trên dòng trôi chảy của tháng ngày. Giữa chúng tôi với nhau, giữa chúng tôi với đời ngoài, như thế. Mọi chuyện đã xong đâu. Vội gì.

VĂN : *Sau này, trong một hoàn cảnh thuận tiện, chị mong ước sẽ sáng-tác những tác phẩm như thế nào, về vấn đề gì ?*

NTH : Đẹp bỏ những cuốn tiểu thuyết tình cảm bình thường kia đi, đi nhiều, ghi nhận, cảm xúc nhiều, và dựng những bộ trường thiên. Phải định hướng lại tất cả. Nhưng bây giờ thì chưa. Có vẻ là trễ, nhưng hãy còn sớm quá.

VĂN : *Chị cho biết qua về hoạt động nhà xuất bản Hoàng Đông Phương do chị chủ trương và dự định tương lai.*

NTH : Nhà xuất bản Hoàng Đông Phương do tôi chủ trương, hoạt động từ 1967 đến 1970 thì phải tạm ngưng, vì bên ngoài là tình trạng phát hành khó khăn, chậm chạp, ảnh hưởng của vật giá sinh hoạt... bên trong là, đời sống chúng tôi chưa ổn định vì chỗ ở cứ phải vì lý do này khác thay đổi luôn luôn. Chúng tôi đã xuất bản một số sách của Mai Thảo, Phạm Công Thiện, Huỳnh Phan Anh, Vũ Đình Lưu, Nghiêm Xuân Hồng, Viên Linh, Lê Văn Siêu .. Hoàng Đông Phương đang rình chờ một cơ hội thuận tiện tối thiểu để có thể hoạt động trở lại. Cũng gần.

VĂN : *Chị nghĩ sao về ý kiến của các nhà văn nam về các nhà văn nữ trong buổi hội thảo đang ở Văn số 206 ngày 15-7-72.*

NTH : Các nhà văn trong cuộc hội thảo trên cũng như nhiều người khác cho rằng các nhà văn nữ bây giờ có khuynh hướng táo bạo, dám nói thẳng về tình dục... Theo tôi thì nhận định đó không thể chung cho năm nhà văn nữ. Về các tác phẩm của các nhà văn nữ khác, tôi không có dịp đọc, vì sống quá bận rộn không tìm ra chút thì giờ để đọc bất cứ sách gì, nên không biết rõ về họ. Riêng tôi, nếu cho là tác phẩm của tôi táo bạo, này nọ... thì chỉ là một ấn tượng của nhà phê bình, phát xuất từ nhận định khi đọc cuốn Vòng Tay Học Trò. Bởi, nếu một nhà phê bình muốn là nhà phê bình thực sự chịu đọc (đọc qua thôi, không cần phải kỹ) những tác phẩm của tôi sau Vòng Tay Học Trò, sẽ không tìm thấy thoáng bóng dáng nào của vấn đề tình dục. Ý kiến trên cũng là ấn tượng chung khi đọc các nhà văn nữ, và riêng tôi thì từ Vòng Tay Học Trò, nhận định đã không được phối kiểm lại bằng theo dõi đầy đủ các tác phẩm khác. Với lại thường thì trong những buổi hội thảo mọi ý kiến gần như được « trôi » theo một nhận định đầy tính chất ấn tượng mơ hồ và chung từ khởi điểm cho một hay toàn thể những đề tài thảo luận. Thế nào cũng được chỉ mong sẽ có những nhà phê bình muốn làm việc phê bình cẩn thận và đúng mức.

VĂN : *Chị nghĩ sao về sinh hoạt văn nghệ hiện tại.*

NTH : Tôi chỉ xin nói về phần văn nghệ gần gũi nhất với mình, những tác phẩm văn chương. Sinh hoạt văn chương của chúng ta hiện tại, tính chất nổi bật hơn cả là sự trái ngược giữa văn chương và kinh tế. Nếu kinh tế được khích lệ, cổ vũ các chương trình đầu tư, khuyến khích, xuất cảng... thì bên văn chương có phần bị gò bó (vì quá nhiều lý do, chủ quan của tác giả và khách quan từ xã hội) trong khi việc « nhập cảng văn chương » có vẻ ồn ào, sôi nổi, tràn lấn, dưới hàng trăm hình thức hoa mắt. Chúng ta đang trôi qua phía cửa sông bập bềnh những

thứ văn chương nhập cảng. Nếu không có một bờ đê, thì sau lưng ta, thành phố, tuổi trẻ, những lớp người đang tới, sẽ bị chìm đắm trong làn sóng kia.

Ý kiến chung của những nhà xuất bản, tác giả đều là : phong trào sách dịch chỉ là một hiện tượng, tự nó sẽ tan rã, qua đi. Theo tôi thì chúng ta nên nghĩ đến tầm quan trọng của sự việc này và tích cực làm một cái gì để đối phó hơn là thần nhiên nhìn nó tới chờ nó đi qua. Y phục, thời trang nếu là một hiện tượng, nó có thể qua đi và mất hút dấu vết một cách vô hại. Nhưng hiện tượng sách dịch, dù có qua đi, vẫn còn lưu dấu lại trong tâm hồn, ý nghĩ, ảnh hưởng vào cả đời sống của những người dễ dàng chấp nhận nó. Tình trạng có thể chấn chỉnh được nếu hội đủ các điều kiện.

1) Phía độc giả, sớm ý thức được việc « đuổi theo » sách dịch cũng chẳng lợi gì cho chính mình mà cũng chẳng tỏ bồi thêm được cho văn hóa nước nhà, mà còn *hủy hoại giá trị sáng tạo của những nhà văn tên tuổi cũng như những nhà văn trẻ muốn tham dự và khởi nghiệp.*

2) Các nhà xuất bản chịu nghĩ đến văn hóa nước ta chút xíu, bằng cách bớt mưu lợi nếu quả khai thác sách dịch đã đem lại những mối lợi lớn, hay ít ra, những mối lợi dễ dàng hơn sách nội hóa.

VĂN : *Bây giờ, chị có thể cho biết một vài điều riêng tư về đời sống của chị.*

NTH : Riêng về tôi, lại công việc, nhà cửa, chồng con có phải không ? Chưa bao giờ nói đến từ nhiều năm nay. Nhưng bây giờ thì sẵn sàng, dằn bù lại im lặng một năm nay.

VĂN : *Đúng như vậy đó. Trong một số Bách Khoa Xuân, nhà văn Vũ Hạnh có nói, hơn một năm nay chị được « ghi nhận là hoàn toàn mất tích trên bản đồ sinh hoạt văn nghệ Sài Gòn, và chị là một người dân bà thông minh, mà dân bà thông minh thường thích chuyện giết gán ». Chị nghĩ sao về nhận định này.*

NTH : Xin trả lời thành hai phần : phần mất tích và phần giết gán.

1) Trong hai năm 70 và 71, chúng tôi thay đổi chỗ ở đến bốn lần. Mua nhà, rồi bán lỗ, mua lại, và bán lỗ.. (lý do không có gì đáng nói ở đây) lần cuối, không mua mà thuê. Thuê nhà ở Sài Gòn, không cứ có tiền tháng, tiền thế chân là được. Ở đâu cũng đòi « vợ chồng son », và « không có trẻ con ». Chúng tôi làm thế nào để « son » và « không trẻ con » được, cái tập thể không thể thiếu vắng, tách rời trong gần mười năm với nhau. Cuối cùng thuê được một chỗ của người quen, không đòi điều kiện trên với giá cắt cổ Mỹ : 18 ngàn một tháng cho một phòng rộng, cộng với 18 ngàn tiền lời 6 phần của 300 ngàn phải vay để đóng trước cho chủ nhà. 36 ngàn một tháng tiền thuê phòng cộng với người làm, ăn tiêu, chi phí khác, hơn trăm ngàn mỗi tháng. Nghĩa là phải trả giá cho 1 ngày sống ở Sài Gòn đắt hơn ở khách sạn, gần 4 000 đồng. Để được gì ? Vợ chồng thiếu khung cảnh. Con cái thiếu không khí. Không lẽ ở lại để viết vài ba cái feuilleton không ra gì và đòi hoài tiền nhuận bút những tờ báo không chịu trả ? Phải đi xa Sài Gòn, bất cứ đâu một thời gian. Rồi sẽ liệu. Và cơ duyên tới, khoảng tháng 4-72. Đó là một ngôi nhà của người thân trong gia đình nhường lại với điều kiện « tương đối chịu được », ở L.X. Chúng tôi vốn mê đời trang trại, nên từ 1969 đã mua vùng đất bao la ở Đà Lạt, nhưng không đủ điều kiện khai thác và thưởng thức, đành bỏ không, đó là Đất Hứa của tôi, trên quốc lộ 20 khoảng giữa Liên Khương và Đà Lạt. (10 mẫu, hiện tại mong bán, với bất cứ giá nào) Cho nên dịp này, chúng tôi đi ngay L.X, không báo trước, không tính trước. Tinh thần mệt mỏi sau nhiều năm làm việc ở Sài Gòn nên phải đi. Nhưng môi trường hoạt động đúng và hợp cho cả hai chúng tôi vẫn chỉ là Sài Gòn, nên dự trù, chúng tôi chỉ ở L.X. không quá 2 năm, rồi bất cứ giá nào, cũng phải trở về Sài Gòn.

Vườn nhà rộng rãi, tháng ngày thong dong, đây tôi viết được nhiều hơn ở Sài Gòn. Năm rồi 1972, tôi viết hơn 10 cuốn, đã gửi ở các nhà xuất bản, hoặc ở kiểm duyệt. Còn báo ngày, không viết vì không muốn cứ đi đòi tiền nhuận bút hoài như chủ có nhà cho thuê mỗi cuối tháng. Báo tuần, các thứ khác thì xẹp hết, viết vào đâu ?

Lý do tôi và tác phẩm tôi được ghi nhận mất tích nó dài dòng đến thế.

2) Tôi tự nhận chỉ là một người đàn bà bình thường, không dám nhận hai chữ thông minh của ông Vũ Hạnh đã tặng. Còn nói là thích làm chuyện giặt giũ thì không hề có. Tôi không thích làm chuyện giặt giũ. Và nếu có thích đi nữa cũng không làm. Những đổi thay hay xáo trộn bất ngờ của tôi, nhìn từ bên khách quan, thật ra chỉ là những sắp đặt hay tính toán bắt buộc phải làm, phải có. Tôi chỉ cố gắng tranh đấu để sống, từng phút giờ qua đi, từ gần mười năm nay từ khi có nhà tôi. Tranh đấu trong một hoàn cảnh hơi khó khăn và khác thường hơn những kẻ bình yên và may mắn khác, thế thôi.

VĂN : Nghe nói chị viết rất nhanh, chị cho biết thời gian cho một truyện ngắn. Và một truyện dài.

NTH : Một truyện ngắn, như đã nói, tôi phải viết một hơi mới khỏi chán bỏ, từ 1 giờ đến 1 giờ rưỡi đánh máy, với một truyện vào khoảng trên dưới 20 trang. Một truyện dài, nếu liên tục, tức là ngày nào cũng phải viết đều, thì mỗi ngày ít nhất tôi viết chỉ một vài giờ, có độ 20 trang đánh máy rồi phải bỏ đấy dành giờ còn lại trong ngày để làm việc nhà, săn sóc con cái, tính toán những vấn đề khác, chuyện trò với nhà tôi... Như vậy vào khoảng 10 ngày làm việc liên tục, tôi xong một truyện cỡ 200 đánh máy (những truyện dài của tôi thường có số trang như vậy) thêm một ngày sửa các lỗi đánh máy nhanh quá nên sai, một ngày sắp xếp xóc xáo lại cho thứ tự. Là xong.

Nếu viết chen kẽ thì có khi một tháng tôi có thể xong cả 3 cuốn một lúc. Không phải lúc nào cũng viết. Có

khi một tháng 3 cuốn, có khi một tháng làm việc 10 ngày. Có khi, cả hai ba tháng, vì lười viết, vì bận việc nhà, vì tâm trí đầy ắp những lo toan khẩn cấp, đôi khi không viết. Tôi cũng không viết gì trong những thời gian cảm thấy đủ và đầy, nhất là về tinh thần, tâm hồn.

VĂN: *Chị có thể mô tả sơ qua căn nhà chị đang ở ?*

NTH: Phải làm luận lớp nhất rồi đây. Nhưng chắc chắn là không bằng được một bài luận lớp nhất. Thử xem. Nhà chúng tôi hiện tại, có 5 cửa lớn, và 5 cửa sổ. Một cửa cho khách khương và công việc, theo lối ra vào của phòng khách và phòng ăn. Một cửa lớn cho riêng hai chúng tôi, từ phòng ngủ mở ra vườn và mái hiên. Ba cửa còn lại dành cho liên lạc giữa chúng tôi và con cái, từ phòng này qua phòng khác thông thương, cho tiếng cười và bước chân của trẻ con, cho nhạc Concerto in D của Beethoven tràn ngập, cho ánh sáng mặt trời buổi mai và đèn chong màu hồng buổi tối. Cửa sổ thì hai cái để nhìn ra hiên, sân cỏ, vườn cây, đường liên tỉnh xe chạy, ruộng lúa xanh vàng đậm nhạt menh mông phía trước. Hai cửa, trong phòng ngủ, một để buông màn cho khung giường tối bớt, một để mở đón vắng lá cây xanh của vườn sau mặng cầu trĩu trái. Cửa sổ cuối cùng trong phòng các con, mở ra bề chứa nước mưa menh mông tràn đầy, ngó xuống một lòng ao rộng ngày mưa xanh lục, rồi là ruộng vắn vàng xanh đậm nhạt trải dài ra đến tận bờ sông xa. Cửa sông xa mù, có thể nhìn thấy những thuyền bè đi qua, với ống nhòm, mỗi khi nghe có tiếng còi hú lên, náo nức. Còn bên trong nhà ? Một phòng khách, không tiếp một người nào trong suốt năm qua, một phòng ăn bàn dài và bảy ghế cho gia đình. Phòng ngủ gồm cả phòng tắm cho chúng tôi. Và phòng bên cạnh, của các con. Mái hiên trước xem như nhà mát, đêm ngày lồng lộng gió xanh từ đồng lúa thổi lên. Mái hiên, phía bên phòng khách và phòng ăn quá rộng, không biết dùng để làm gì. Khoảng trống cần thiết cho sân thêm ngăn cách từ đường đi vào tận trong sân, qua những bãi cỏ xanh và những hàng cây mới trồng thêm đầu mùa

mưa trong tường tượng. Bếp phía bên kia mái hiên trước, riêng biệt. Cũng có 3 cửa sổ. Một để nhìn xem những ai quen lạ vào ra từ ngoài cổng. Một để ném rác, đổ nước, những thứ thừa thãi, từ bếp ra con kênh dài phía hàng rào bên kia, và một để từ bếp, với tay lấy những soong chảo, đồ đạc sắp treo bên ngoài, ngay tầm tay với. Bếp thật vô cùng tiện nghi, so với những ngôi nhà đã mua, bằng những giá vật chất và tinh thần quá đắt, những năm long đong qua ở Sài Gòn. Tiện nghi trong hiu quạnh, trong xa xôi của Robinson thuở nào trên hoang đảo hoang vu. Cách một khoảng xa mới tới nhà lán giềng. Về đến phố chợ lại càng xa hơn. Về phía trái, cách 8 cây số, là một chợ quận nhỏ. Về phía trái, cách 12 cây số, là phố LX. Mỗi ngày đều phải đến một nơi cách xa nhà 4 cây số mới có chỗ báo bán. Mỗi ngày chúng tôi trả 75 đồng cho một tờ báo. 35 đồng và 40 đồng đi về tiền xe lam, xe lôi, hay xe đồ bắt cứ lúc nào cũng có thể đón ngay trên đường, ngoài kia cổng. Tôi thích ngôi nhà, vừa đủ cho những xếp đặt cần thiết, cho tất cả, cho mỗi người. Tôi mê những cánh đồng tiếp nối mềm mòng vàng xanh đậm nhạt không lúc nào trông giống lúc nào ngoài kia, gần cách đời sống chúng tôi với những đời sống khác. Nhưng cũng mê cả con đường dài mãi miết với tiếng xe xôn xao vui, tiếng nói cười vọng lại, tiếng còi đánh thức, lại nối liền đời sống chúng tôi với những đời sống khác, lúc nào cảm thấy cần mở cửa đi ra. Vậy mà một lúc nào rồi cũng phải bỏ đi. Tôi sắp sửa bỏ đi đây. Phải trở lại Sài Gòn, cũng bất ngờ, cũng không báo trước, như ngày xa Sài Gòn năm ngoái. Sẽ không biết dùng làm gì hay giao cho ai ngôi nhà này khi chúng tôi trở về Sài Gòn, (ai muốn ở đây, chúng tôi sẵn sàng đổi lấy một chỗ sao cũng được, ở Sài Gòn, hay một chiếc xe dư dùng nào đó). Lại sắp chuyển qua mục rao vặt rồi, xin thôi vậy.

VẤN: Không sao. Ai muốn mua Đất Hứa của chị ở Đà Lạt, hay muốn đổi lấy nhà của chị ở Long Xuyên, họ có thể liên lạc ha ư

nhấn tin ở đây chúng tôi sẽ tin lại chị. Phải vậy chứ. Không chị lại « mất tích » thêm vài năm thì... không phải tí nào.

NTH : Quên chứ, mãi làm loạn mà quên khai tên nhà này. Từ khi về, tôi gọi nhà này là Trại Đá Mềm. Là vì gần 10 năm với nhau chúng tôi đã trải qua những đường gập ghềnh đá sỏi. Cho đến bây giờ, tôi đây trong sân nhà vẫn ngập đầy những đá sỏi lỏ nhỏ. Nhưng nhất định rồi đá sẽ phải mềm. Tôi nhất định không buông tay, không chịu thua.

VĂN : *Chị có phải là một người hiền khách ? Chị thường giao thiệp với những người nào ?*

NTH : Chúng tôi không thích tham dự những hội họp bạn bè nào nhiệt hay những tiệc tùng mà chủ nhân mời vì muốn biểu dương trình diễn khung cảnh, những sắc bóng của họ hơn là vì chân tình. Riêng ở nhà, chúng tôi vẫn là những người hiếu khách (dù là những khách có đáng cho mình hiếu hay không) là vì tôi vốn thích nấu nướng, chưng dọn, còn nhà tôi thì thích đàm đạo. Chúng tôi mong là đã tiếp đãi bạn hữu không đến nỗi khiếm lễ. Chúng tôi chỉ giao thiệp với các bạn hữu trong văn giới, chưa có dịp tiếp xúc với các giới khác. Đối với chúng tôi không ai sơ quá, nhưng cũng chưa có ai thân quá.

VĂN : *Xin chị cho biết qua về gia đình ?*

NTH : Làm sao nói đến gia đình chúng tôi trong một câu được. Một cuốn sách cũng chưa đủ mà. Cho nên tôi vẫn để dành. Đại khái thì nhà tôi xuất bản « Con Người, Nhân Cách Định Mệnh » năm 1969. Bộ đó còn cuốn thứ hai. Nhưng rồi để đấy không in, soạn qua bộ « Chuyện Hóa Luận » 10 cuốn. Còn lâu mới đủ điều kiện khách quan và chủ quan để in. Chúng tôi luôn luôn vẫn trong tình trạng đợi chờ. Cái gì ư. Trời cao sẽ nói. Làm sao có thể tiếp tục được đời sống này, nếu không đợi chờ. Bốn con gái của chúng tôi, mỗi đứa, hình như đều tình khôn chọn lựa những ưu điểm nơi chúng tôi để giống như hay bắt chước. Chúng nó là tổng hợp tâm hồn và tính nết tôi với bề ngoài và nhân cách của nhà tôi. Công Huyền Tôn nữ Thiên

Kim, 7 tuổi, dáng gầy, mắt tóc đen như mẹ, bài hát nào thoáng nghe qua cũng thuộc nhạc và lời, hát theo được, cả những bài khó, như Flot Danube Thái Thanh hát. Thiên Hương (không lặp lại họ nữa chứ, dài quá, 4 chữ) thanh tú và đậm đà, 4 tuổi, thích hát, cười bằng mắt và lúm đồng tiền, tính âm thầm và tình cảm. Thiên Nga 3 tuổi, xinh và khôn nhất nhà, đối thoại sâu sắc bất ngờ, rất tình cảm, thường xưng là cục vàng của ba. Thiên Phụng gần 2 tuổi, mới rập nối từng chữ để nói bằng giọng không dấu, khuôn mặt tươi cười rạng rỡ đặc biệt, cười bằng ánh mắt và khoé mắt, thích diễn xuất và gây cảm tình những người xung quanh, buổi tối đi ngủ hay hát lên thình lình linh khí nằm một mình : đừng... đừng... Không có ai chung quanh cả. Cô lại hét lên nhiều lần, đừng, đừng cần và khóc luôn, bàn tay hồng nhỏ xiu đập di xuống chân. Cô bé nói với muối, bảo đừng có cần.

VĂN : *Nếu không cho vào tác phẩm hình ảnh những cô bé công huyện tồn nữ của chị, chị phải ghi lại những chi tiết đó mới phải.*

NTH : Tôi muốn lắm chứ. Nhưng thì giờ đâu mà ghi. Đôi khi tôi tiếc nhiều điều thật đẹp theo tuổi con qua đi, không níu giữ hay nhớ lại được nữa.

VĂN : *Không có thì giờ ghi. Vậy chị bận rộn suốt ngày hay sao. Chị sinh hoạt như thế nào hiện tại.*

NTH : Kể một ngày tương đối đầy đủ và bình thường nhất vậy. 6 giờ sáng thức dậy, đi chợ trời còn tối, có khi ra đến chợ (cách nhà 8km) ngày vẫn chưa lên. Miền quê, chợ họp sớm, ghe thuyền lên bến dọn hàng, với những ngọn đèn cây cầm tay soi chỗ với hàng loạt những trái cây tôm cá tươi ngon nhất. Đi sớm, mua ngon, rẻ vì mua giá mở hàng, được đoạn đường đồng quê tĩnh lặng sạch vắng, mênh mang, lợi thì giờ, về đến cả nhà còn ngủ. Làm và nấu xong các thức ăn thật nhanh để đấy, cho cả ngày, có khi cho cả ngày hôm sau nếu chịu khó xách nặng. Mua tùy hứng, không tính toán, tùy theo bữa chợ có món gì bất ngờ đặc biệt hay không. 8 giờ phải nấu

nướng dọn dẹp xong, kể cả bữa ăn sáng, đề thưởng thức bữa ăn đầu ngày với chồng con. Nếu nhà đầy trẻ thì pha cà-phê, dọn ra hiên, hút thuốc một mình, hoặc vừa uống cà-phê hút thuốc và nghe nhạc nếu trời âm u không sưởi nắng được ngoài hiên. Xong, viết cho đến mười một giờ, làm bữa ăn trưa. Sau buổi trưa không ngủ, may sửa quần áo cho các công huyền tôn nữ, sơn quét nhà cửa, làm một thứ bánh gì đó cho buổi chiều, buổi chiều thì uống trà nghe nhạc rồi viết nữa, cho đến buổi cơm tối. Sau bữa cơm tối là thời gian nhốn nháo với các con, xem báo, tổng kết những vấn đề cần giải quyết mới ý nghĩ hay nghĩ ra từ hôm trước, bàn tính những dự trù hôm sau. Chờ trẻ con ngủ xong thì hoặc làm việc nhà tiếp hoặc nghe nhạc, hoặc không làm gì không nghe gì cả. Tôi thích những buổi tối, sau một ngày thật đầy, ngồi không với nhiều khoảng không âm ập trong khắp các phòng, khoảng không trong thời gian êm đềm của buổi tối. Và khoảng không đầy ắp những xúc động hay toan tính trong hồn. Tôi ghét đánh máy về đêm, trừ khi có bài vở gì cần gấp. Nhờ trời, bây giờ thì ít khi còn việc gấp nữa. Vẫn phải chạy đây, nhưng không phi nhanh nữa, con ngựa (sagitaire mà) bây giờ sỏi nước kiệu trên cánh đồng xanh ngày tháng Đường còn xa quá. Rừng hoang xưa mờ khuất mà phố thị hôm nay cũng đã mặt mù.

VĂN : *Chị có tác phẩm nào đưa vào điện ảnh ?*

NTH : Giữa tôi và điện ảnh (thứ mà tôi ghiền nhất, về mọi khía cạnh) hình như không có cơ duyên với nhau. Tìm kiếm nhau hoài mà không tới ~~đây~~ cả. Cuốn Tòng Tay Học Trò, Liên Ảnh đã mua bản quyền làm phim từ ba năm, tới đâu không hề biết tin. Cùng lúc đó bốn năm nhà khác cũng thương lượng làm VHTT, nhưng vì tôi dời nhà hoài, họ tìm không thấy, khi gặp nhau, thì đã về Liên Ảnh. Như Kiều Chinh. Chị ấy nói tìm tôi cả tháng trời quanh quất mới bắt gặp được tôi. Còn nhớ hôm ấy, chị Kiều Chinh, anh Nguyễn Năng Tế, và cả Đặng Trần Thức tìm tôi tôi,

như một cơn lốc. Một cơn lốc mượn màng. Lại phải nói, VHTT đã giao cho Liên Anh. Cuốn Vực Nước Mắt thì... vực nước mắt thật. Về nhiều phương diện, chưa xem phim tôi đã thoáng thấy nhân vật trong phim và nhân vật trong tiểu thuyết đánh lộn nhau. Nhiều tác giả có truyện làm phim có lẽ cũng nghĩ như tôi vậy. Tại sao quá ít người biết nghĩ đến nghệ thuật Fellini ?

Một số truyện, khi viết, tôi cũng nghĩ đến trường hợp quay thành phim thành thử tình tiết, câu chuyện tương đối khớp được với điện ảnh, như các cuốn Tiếng Hát Lên Trời, Tình Yêu Địa Ngục, Định Mệnh Còn Gõ Cửa... Nhiều khuôn mặt diễn viên hợp đúng mức với những nhân vật trong các truyện đó của tôi như Thanh Lan, Nguyễn Chánh Tín, ông Mỹ Tín, Kim Cương... trong Tiếng Hát Lên Trời ; như Kiều Chinh, Kim Cương, Thy Phương... trong Định Mệnh Còn Gõ Cửa. Chỉ vai nam là thiếu. Tìm thì gặp, lo gì. Điều kiện của tôi là không điều kiện gì cả, miễn là các nhân vật phim đừng đánh lộn với nhân vật truyện là quý hóa lắm rồi.

VĂN : *Vài câu hỏi chốt, nhân nói đến điện ảnh và thấy chị có vẻ thích điện ảnh. Chị cho biết, chị có những tiêu-khiên nào ? Đọc sách, nghe nhạc. Xem chiến bóng. Đi phòng trà. Sách nào. Loại phim nào. Loại phòng trà nào. Chị có thích khiêu vũ không.*

NTH : Đọc sách : hầu như không có Hội sinh viên, khoảng năm 60 thỉnh thoảng mượn một cuốn của Camus cầm chơi, dạo ấy, người cùng thời với tôi sẽ còn nhớ, các cô lên sinh viên, cầm sách vì muốn biểu diễn muốn... sấm thời trang trí thức hơn là đọc hay nghiên cứu. Nhớ cái rơm xưa còn buồn cười mình. Từ khi sáng tạo các nàng tôn nữ của chúng tôi thì không cầm đến một cuốn nào. Chúng tôi có một tủ sách đầy đủ. Toàn những loại triết xưa, như óc, những bộ kinh Dịch, kinh Diệc gì đó chỉ nhà tôi đọc. Tôi mà nghe động đến tờ tượng, bát quái, lưỡng nghi gì gì như nhà tôi nói, là điên luôn. Nghe nhạc : món

ghiền phải có hàng ngày. Cổ điển tây phương thì chỉ thích khúc Empereur của Beethoven. Hào hùng và bí hiểm. Khó thích nhạc bây giờ, trừ một số bài bất hủ của Phạm Duy, Trịnh Công Sơn và vài nét của Cung Tiến. Phim : ở Sài Gòn, ít ra mỗi tuần chúng tôi phải xem một phim, hay hoặc dở. Những phim thích thì quá ít. Đạo diễn, chỉ Fellini. Tài tử nam thì Gregory Peck, Yul Bryner nữ thì... làm thế nào trộn lẫn một chút xiu Ava Garner, chút xiu Capucine, chút xiu Virna Lisi lại với nhau. Phòng trà : không khí phòng trà bây giờ không hợp với tuổi tác và tâm hồn chúng tôi nữa. Nhớ tiếng hát Bích Chiêu của Tự Do xưa. Với Lệ Thu của Baccara tím lạnh. Còn khiêu vũ à ? Sao lại không. Trước khi có nhà tôi thì không biết. Có nhà tôi thì đời sống tôi mới quay nhẹ vài bước slow. Nhưng chỉ với nhà tôi, nhạc mới di chuyển được chân tôi. Cổ nhiên.

VĂN : *Chị cho biết những thành phố nào chị đã sống qua ?*

NTH : Quảng Trị với vài năm tản cư thời 45 còn vắng vắng tiếng hát biên khu. Huế như một rừng bướm bướm kỷ niệm vỗ cánh lao xao hoài trong trí nhớ tuyệt vời Đà Lạt khoảng sương mù quá vắng. Sài Gòn cay nghiệt và mê say sống thường trực trong hồn những ngày xa vắng. Và Hồng Kông thơm mùi hương đêm lục địa. Và Đài Bắc choáng ngợp hoa hồng vàng.. Thôi đừng nhắc, lại thêm bay đi, bay đi...

VĂN : *Chị có cảm thấy nghiện một thứ gì không ?*

NTH : Nghiện tức là cần có thường xuyên không thể thiếu vắng ? Một vài thứ không đâu. Và một vài thứ quan trọng. Trà. Công việc hàng ngày. Trời xanh và không khí Gia đình chúng tôi, như hiện tại...

VĂN : *Chị ghét gì nhất và thích gì nhất ?*

NTH : Làm sao nhớ và nói ra ngay được một lúc. Vô số, những thứ ghét cũng như thích. Ghét đèn neon trắng. Tiếng ồn. Thích ăn vặt tối ngày, làm món ăn, làm đẹp nhà cửa, mua sắm cho chồng con những thứ thích hợp với từng người, nhưng lại theo cái goût của mình chọn lựa.

VĂN : *Một vài chi tiết về màu sắc và bề ngoài chị chọn lựa ?*

NTH : Nếu là màu thì, áo màu turquoise trong đèn hồng vàng mờ buổi tối, màu silver trong đêm xanh, màu ocre lầy cổ non cho buổi sáng nắng trong và trời phơn phớt gió. Áo đen, thêu hay vẽ vài bông hoa đỏ thắm, những lúc cảm thấy buồn chán hay lẻ loi, áo vàng diệp hay đỏ tươi cho những tiếp tân hay tiệc tùng cỡ lớn. Thích hạt trai hơn kim cương. Bạc hơn vàng. Mọi thứ, chỉ chừng diện đúng chỗ và đúng lúc. Sơn phấn màu san hô tươi non. Nước hoa, Violette de Toulouse, màu và mùi tím ngát.

VĂN : *Câu chót. Chị đang có dự định gì trong đầu ?*

NTH : Phải về Sài Gòn. Còn dự định lớn ? Hoàn thành định mệnh như trời muốn.

Văn

(nguồn: Giai phẩm Văn 13-7-1973)

Nói Chuyện Với Nguyễn Thị Thụy Vũ

DTL : Xin chị cho biết sơ qua tiểu sử.

T V : Tên thật : Nguyễn Băng Lĩnh sinh 1939, quê ở Vĩnh Long. Vào nghề gõ đầu trẻ từ năm 1957. Chê nghề giảng tập viên lương ít nên bỏ lên Sài Gòn năm 1961, học Anh văn và đi dạy các cô bán Snack Bar. Vào nghề viết văn năm 1963, do sự dúi dắt của ông Võ phiến. Cho xuất bản tác phẩm đầu tay « Mèo Đêm » năm 1966. Cùng sáng lập nhà xuất bản Kim Anh với bà Nguyễn thị Nhiên năm 1967. Viết feuilleton cho nhật báo Tiếng Nói Dân Tộc, lập nhà xuất bản Hồng Đức và Kể Sĩ với Tô Thùy Yên. Chính thức sống bằng nghề viết feuilleton cho các nhật báo bắt đầu năm 1969 mãi đến bây giờ.

DTL : Viết văn, rồi trở thành nhà văn nổi tiếng, có phải là mơ ước từ thuở thiếu thời của chị không ?

T V : Hồi thiếu thời chẳng bao giờ dám mơ ước trở thành một nhà văn nổi tiếng vì sợ được nổi tiếng trong văn đàn thì lặn đạn về đường chồng con như bà Đoàn Thị Diễm và Hồ Xuân Hương hoặc ở góa sớm như bà Ngọc Hân Công Chúa.

DTL : Chị đến với thế giới viết lách như thế nào, bao giờ. Chẳng hạn như chị gửi bài lai cáo, hay nhờ người giới thiệu ? Tác phẩm có được đăng ngay không hay bị vớt bỏ nhiều lần ?

T V : Viết truyện ngắn đầu tay đưa cho ông Võ Phiến xem. Ông ta chê viết được nhưng mà ngắn quá. Về thêm thắt nhưn nhụy thêm vài trang Ông Võ Phiến gặt đầu được được rồi đưa cho ông Lê Ngọc Châu. Chỉ chờ đợi nửa tháng là bài được đăng. Lại tòa soạn lãnh tiền nhuận bút, được hai ông Võ Phiến và Lê Ngọc Châu đôn đốc viết tiếp nữa. Truyện ngắn thứ nhì bị chê nên đem qua Tiểu Thuyết Tuần San -đăng. Truyện này được nhà thơ Nguyễn Đức Sơn viết thư khuyến khích, Viết truyện thứ ba, được Bách Khoa cho đăng với vài lời khích lệ.

DTL : *Chị còn nhớ không, tên tác phẩm đầu tiên của chị được đăng trên mặt báo ?*

TV : Tác phẩm đầu tiên tựa là Một Buổi Chiều được đăng trên tập san Bách Khoa, số thứ mấy quên mất rồi.

DTL : *Chị bắt đầu được lãnh tiền nhuận bút từ bao giờ với bài gì ? và chị đã dùng số tiền đầu tiên có được bằng ngót bút vào công việc gì ?*

TV : Bài « Một Buổi Chiều » được trả nhuận bút là 500\$. Muốn đến lãnh nhuận bút ngay nhưng phải đợi một tuần sau mới dám đến tòa soạn. Được tiền rồi rủ em út bè bạn đi ăn phở và đi coi đại nhạc hội. Lại ước phải chi lãnh được 1.000 đồng thì mua một cái áo nylon.

DTL : *Sự viết văn ở nơi chị có được thúc đẩy bởi một đam mê hay bởi một ần ức nào không ?*

TV : Vì cô đơn nên buồn, muốn dùng ngòi bút làm phương tiện than vãn với cuộc đời. Viết văn nói lên nỗi cô đơn được tức là bớt buồn đi một phần nào. Đó có phải là muốn giải tỏa ần ức hay không ?

DTL : *Chị có nghĩ đa số, nhà văn đều khởi đầu nghiệp viết lách của mình do nơi những ần ức thầm kín ở trong mình ? Nhân danh độc giả Văn cũng như những người đọc chị, nếu có, xin chị nói về ần ức đó ở nơi chị.*

TV : Riêng tôi, nếu không có ần ức thì làm sao có động cơ thúc đẩy đề cầm bút được. ần ức thúc đẩy tôi viết là



NGUYỄN THỊ THỤY VŨ
Thắp Một Ngọn Đèn Cho Tôi

muốn tìm một đối tượng tình yêu. Vẽ được một nhân vật tình yêu trong tác phẩm, tức là phải dựa vào chân dung hoặc cá tính của một người nào đó ở ngoài cuộc đời mà mình thâm yêu.

DTL : Luôn luôn gần như là đa số, trong những tác phẩm được viết ra, người đọc nhận thấy một diện, nhân vật của chị hầu như sống để chờ đợi những cuộc truy hoan. Đó là sự thực tình cách đặc biệt này trong văn chương của chị? Có thể coi là tình cờ được chăng? Nếu ngược lại thì tại sao, chị có dụng ý gì? Chị muốn nói những gì, qua khía cạnh rất « người » này?

TV : Đa số nhân vật của tôi đều là những nhân vật cô đơn. Rất có thể họ chờ đợi một cuộc truy hoan mà tôi không thấy đó là điều chương tã gai mắt. Một người cô đơn có thể sa ngã trước bất cứ một cuộc hấp lực nào của cuộc truy hoan lâm chũ. Nếu cho họ dùng lý trí chống lại cái hấp lực đó là một việc làm gượng ép vậy. Cái dụng ý của tôi hả? Đó là không tạo một nhân vật nào là tiên thánh hay Bồ Tát cả. Vì cô đơn mà sa ngã, vẫn là một chuyện đáng thương, tuy không đáng khuyến khích chút nào.

DTL : Sau một thời gian đảo sâu vấn đề dục tính, chị tìm thấy gì ở đề tài này?

TV : Dùng dục tính làm phương tiện diễn tả tâm trạng khao khát nhục thể thì là một việc làm có tính cách nghệ thuật. Viết về vấn đề dục tính để kích thích sự ham muốn nhục dục cho độc giả thì thà là làm kẹo hoặc chocolat để cho khách làng chơi hăm sõi cảm hứng lúc ăn nằm còn đỡ mang tội với Trời Phật hơn.

DTL : Chị có nghĩ rằng một ngày nào đó, chị sẽ chỉ hướng đề tài của chị sang hẳn một khía cạnh khác, và chị có tin chị sẽ tiếp tục thành công ở lãnh vực mới đó chăng?

TV : Hiện nay, tôi đang viết loại truyện tình thơ mộng cho lứa tuổi thích ô mai. Tôi vẫn biết đó là những tác phẩm không có chiều sâu lắm, nhưng có thể làm cho tuổi trẻ quên mất

đi một phần nào hậu quả bị đát do chiến tranh gây ra. Chẳng hiểu tôi có được thành công hay không ? Văn của tôi vốn trắng trợn, chứ không được tươi mượt để diễn tả một cuộc tình thơ mộng, nhưng tôi phải nghiền cứu lại về vấn đề này.

DTL : Chị viết văn như thế nào ? Đánh máy hay viết tay. Viết đêm hay ngày... Nghĩ là những thói quen của chị trong lúc viết ? Chị có cần tới những thứ trợ giúp tinh thần như cà-phê, thuốc lá, rượu.

TV : Thường thì tôi viết tay rồi cho đánh máy lại vì có mặc cảm rằng chữ mình viết xấu. Nhưng viết feuilleton thì tôi viết bằng tay phần nhiều. Lúc viết, dạo trước tôi thường uống trà mỗi khi đọc lại từng trang một. Sau này, tôi thường uống sữa trộn đá. Tuyệt đối là không dùng cà-phê vì sợ mất ngủ.

DTL : Người ta thường cho rằng không ít thì nhiều, tình cảm của nhà văn thế nào cũng nghiêng, nặng với một nhân vật nào đó, trong số những nhân vật họ xây dựng. Chị có bị vậy không ?

TV : Hình như tôi thường nghiêng nặng về những nhân vật cynique hơn là những nhân vật sống hợp lý với cuộc đời... Có lẽ tôi sống giữa lũ bạn bè cynique nhiều quá chăng ?

DTL : Chị có dựng cốt truyện với cái sườn trước khi viết không ? Tên truyện được chị đặt vào lúc nào ?

TV : Viết truyện dài theo thể thức feuilleton, tôi chỉ phác họa cái dàn bài ở trong đầu óc mà thôi. Viết những truyện ngắn cho các tạp san dừng dần, tôi thường viết dàn bài dàn hàng ngang trên giấy.

DTL : Đời sống thực tế, với những kinh nghiệm nếm trải đã đóng góp như thế nào trong tác phẩm của chị ?

TV : Đời sống thực tế với những kinh nghiệm nếm trải đã làm cho độc giả quên đi một phần nào bất pháp rắc một giọng miền Nam đầy gai góc của tôi.

DTL : Tình trạng bình, có chừng bao nhiêu phần trăm sự thực trong văn chương của chị ?

- TV : Tính trung bình, hầu như tôi viết văn dựa trên 70% sự thực. Vì tôi bịa không khéo, nên tìm những nhân vật mà tôi đã quen thêm ở ngoài đời để đem vào văn chương. Có khi tôi dùng hai người ở ngoài đời cộng lại rồi chia cho hai để vẽ một nhân vật trong tác phẩm.
- DTL : *Làm cách nào người ta có thể viết cùng lúc nhiều feuilleton khác nhau cho nhiều nhật báo mà không bị lẫn lộn, nhầm lẫn nhân vật và cốt truyện. Chị có bị lẫn lộn lẫn nào chưa ? Chị kể được chăng ? nếu có.*
- TV : Vì viết nhiều feuilleton mà không có đặt dàn bài trên mặt giấy nên tôi dễ bị lẫn lộn, nhầm lẫn nhân vật và cốt truyện. Bởi lẫn lộn nhầm lẫn như vậy nhiều quá nên tôi cũng quên mất rồi.
- DTL : *Nếu không kể feuilleton, thì thời gian trung bình là bao lâu, cần thiết để chị hoàn tất một truyện ngắn hay một truyện dài ?*
- TV : Nếu không viết feuilleton, có thể là mỗi năm tôi hoàn tất một tác phẩm là cùng. Viết sách càng tốn nhiều thì giờ thì mới có những tác phẩm đào sâu đến những vấn đề chi ly hơn trong cuộc sống.
- DTL : *Hiện tại chị kiếm được bao nhiêu tiền một tháng bằng vào ngòi bút của mình.*
- TV : Xin miễn trả lời.
- DTL : *Sự có gia đình, có con cái ảnh hưởng gì tới công việc viết văn của chị ?*
- TV : Không có ảnh hưởng.
- DTL : *Chị có còn đủ thì giờ để dành cho con cái và gia đình như một người đàn bà Việt Nam bình thường chăng ? Nếu không, chị thấy gì về sự việc đó ?*
- TV : Tôi vẫn chia con người tôi ra làm hai mẫu : Một bà mẹ và một nhà văn. Khi quăng cây bút xuống, là tôi làm bếp hoặc đốc thúc người nhà chăm sóc nhà cửa hoặc chơi giỡn với các con. Hình như trong vòng 6 năm nay tôi chỉ coi có ba phim hát bóng, dự chỉ vào vẹn 2 cuộc tiếp tân là cùng.

- DTL : Chị lập gia đình với một người càng theo đuổi một công việc, viết lách. Chị có những kinh nghiệm gì về sự kết hợp này ?*
- TV : Xin miễn trả lời câu này, vì tôi là người mẹ độc thân.*
- DTL : Chị có đọc những nhà văn nữ đồng thời ? Nếu có, tác giả nào được chị ưa thích hơn cả ? Tại sao ?*
- TV : Đã đọc những tác phẩm đầu của 5 nhà văn nữ cùng thời. Thích nhất là truyện Thở Dài của Túy Hồng, vì Túy Hồng diễn tả tâm trạng những nhân vật giống như tâm trạng của mình. Do đó, lúc đầu viết văn bị sa vào cái ảnh hưởng của văn Túy Hồng. Sau đó dùng nhiều cố gắng để xa lánh tầm ảnh hưởng đó.*
- DTL : Nhà văn nam nào được chị đọc nhiều nhất và ưa thích hơn hết. Tại sao ?*
- TV : Võ Phiến làm cho tôi thán phục ở quyền Phù Thổ và tôi thích truyện « Một Ngày. Đêm Tùy Nghi » trong tác phẩm này. Ở Võ Phiến tôi tìm được những khám phá bất ngờ của đời sống.*
- DTL : Nếu cho chị đi lại từ đầu, chị có chọn nghề viết văn ? Tại sao ?*
- TV : Xin miễn trả lời.*
- DTL : Chị có đề ý tới hiện tượng tràn ngập sách dịch trên thị trường chữ nghĩa ? Mỗi lực sách của chị có bị ảnh hưởng không ?*
- TV : Nếu dịch những tác giả lớn của Âu Mỹ để in ra sách là một hiện tượng đáng mừng. Đừng dịch loại tiểu thuyết tình của Y Đạt, Quỳnh Dao, Quách Lương Huệ mà in thành sách quá nhiều vì các tác giả này không đáng để một nhà văn đứng đắn nào ở V.N học hỏi cả. Quỳnh Dao là một khí cụ để cho nhiều dịch giả bất lương giết hại sinh hoạt văn nghệ V.N rất nhiều.*
- DTL : Cả Lệ Hằng nữa ? Chị có những ý nghĩ gì về cô này ?*
- TV : Tôi chưa đọc tác phẩm nào của Lệ Hằng vì nàng chưa bao giờ viết trên các tạp chí như Bách Khoa, Sáng Tạo,*

Hiện Đại, Thế Kỷ Hai Mươi, Văn Nghệ, Văn Đề và Văn. Tôi chỉ quen đọc những tạp san này mà thôi, nếu nhà văn nào viết báo khác thì tôi không hẳn hạnh đọc văn phẩm của họ.

DTL : Chị có đồng ý (gạt trường hợp cá biệt ra) với một nhà văn uy tín, từng nói rằng : « đàn bà không nên viết văn. Làm bất cứ một việc gì khác cũng đều tốt, trừ viết văn » ?

TV : Không đồng ý với bất cứ nhà văn nào cho là đàn bà không nên viết văn. Nếu người ta dùng chữ đẹp trai gán cho đàn ông thì cũng có thể đem nhãn hiệu nhà văn dán lên cho phụ nữ vậy.

DTL : Chị có lời khuyên nào dành cho những cô muốn bước chân vào con đường chị đang đi ?

TV : Các cô viết văn nữ sau tôi phải viết những vấn đề sâu rộng hơn tôi. Một nhà văn nữ mà tôi đặt nhiều kỳ vọng đó là chị Trần thị Ngh.

DTL : Chị có đề ý lột thời trang ? Thủ giải trí của chị là gì ?

TV : Mê mặc những áo dài tay raglan cũng như mê làm những món ăn ngon cho mình và cho sắp nhỏ.

DTL : Một câu hỏi chót : Chị có muốn nói gì thêm ngoài những điều ghi trên, với độc giả của chị ?

TV : Không.

DTL : Thay mặt độc giả Văn trân trọng cảm ơn chị.

Du Tử Lê

(nguồn: Giai phẩm Văn 13-7-1973)

NGUYỄN THỊ THỤY VÕ

Những Dòng Mực Cuối Năm

Lật bật mà cái năm Quý Sửu sắp qua đi. Chữ nghĩa văn chương vì nạn khan hiếm giấy mà thiếu môi trường hoạt động. Hiệp định Ba Lê, tình trạng phi hòa phi chiến, vụ si căng đan Watergate, cuộc chiến tranh bùng nổ ở Trung Đông vẫn chưa làm tôi ngao ngán bằng tình trạng khan hiếm giấy. Đường và gạo dù có trục trặc, thuế T.V.A. dù có thiết lập ra với bao điều giải thích nhưng rồi cũng giải quyết êm thấm, duy có tình trạng khan hiếm giấy thì biết bao giờ thanh toán cho xong đây?

Tôi ôn lại những chặng đường của cuộc hành trình mà cây bút của mình đã trải qua. Tám năm rồi đó. Cây bút của tôi đã bị biết bao dư luận mà trải qua cuộc thăng trầm. Nói theo âm nhạc là khi thì nó lên dièse khi thì nó đổi thành bémol. Nói theo cách làm bếp thì khi cháy, khi nguội. Dù thế nào đi nữa, dù có khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, tôi vẫn sung sướng là mình đã vào đời, tham dự giọt lệ nụ cười của cuộc đời bằng ngòi bút của mình.

Năm Quý Sửu, một năm lấm chuyện của thời sự Quốc tế, và cũng là một năm lấm chuyện cho tôi — chuyện vui thì ít mà chuyện bực mình thì nhiều. Và hôm nay, ngồi ở bàn viết, lắng tai nghe cơn mưa cuối mùa lướt qua mái nhà, tôi có cảm tưởng năm tháng trôi qua mau quá, mà giấc mộng ngày xanh của tôi đêm đêm vẫn thấp thoáng trên dòng chữ, trên trang giấy chờ hiện

lên... cuộc đời văn nghệ người đàn bà này bắt đầu khoảng tuổi trung niên, mà mãi tới bây giờ vẫn chưa nghĩ tới chuyện gác bút để tiếp tục đẻ con, tiếp tục đọc sách và nhất là để suy nghiệm lại những gì mình đã viết. Trong văn giới, mình hẳn còn trẻ quá mà.

Năm cùng tháng tận rồi, cái xuân Giáp Dần sắp đến. Mình sẽ bước qua một khúc quanh nào trên dòng định mạng đây? Mâm cơm chiều đã dọn ra. Mưa vẫn còn rơi. Đêm đến quá sớm. Chén cơm nóng, nấu bằng một thứ gạo lứt thường. Dĩa cá nục kho nâu sẫm. Ăn cơm để mà trí ần những kẻ đã giúp mình cầm bút, để nghĩ tới tờ báo đã đăng bài mình đầu tiên. Lúc mới cầm bút là mình chỉ muốn giải tỏa ần ức trên giấy, sau này rõ ràng là mình sống bằng ngòi bút. Vứt bút đi là mình sẽ ôm con nhện đói và có thể pha thuốc chuột để mẹ con đồng tránh cơn đói hoành hành. Sinh nhai bằng ngòi bút là chuyện quá bi thảm đối với người đàn bà. Nhưng ở đời, thiếu gì chuyện lươn lẹo, tréo bẹo. Thiếu gì chuyện ngược đời ăn trâu bằng bột, gói bánh bằng vôi hoặc giã gạo bằng nồi nấu cơm bằng cối. Vậy mà mọi việc rồi sẽ quen mắt, thuận tai dần đi...

Mâm cơm của thời buổi kinh tế mắc bệnh bán thân bất toại. Tô canh chua nấu với xương khô, một đĩa rau luộc. Đâu dám kêu ca gì. Vắt một miếng chanh, dầm một trái ớt vào đĩa nước mắm này đi. Cơm nóng, canh nóng, cả nhà ngồi đông đủ, và, bên ngoài mưa lạnh rơi đều đều, thanh thót. Hạnh phúc đơn giản quá. Không có gì phải phàn nàn, nhưng thật sự cũng chẳng có gì đáng tự mãn.

Cơm nước xong thì cơn mưa đã dứt. Mới có tám giờ tối mà tôi tưởng chừng đêm đã vào sâu. Tôi ngồi lại bàn viết, xem lại bản thảo của thiên tự truyện mình đã đăng trên một tờ nhật báo. Tôi còn phải sửa chữa thêm thất lại vì theo nhu cầu feuilleton tôi đã phạm quá nhiều sơ hở, hoặc những lỗi lầm khá buồn cười trong công việc dựng truyện cũng đúc kết cái gịn bài của nó.

Tôi đọc lại đoạn tôi đem một truyện ngắn cho nhà văn Võ Phiến xem, lòng vui vui với cái thuở làm văn nghệ đầu mùa. Tôi hình dung lại khuôn mặt của ông cùng hình ảnh cái toà soạn tạp san đã đăng bài đầu tiên của tôi,

Trong các cuộc phỏng vấn, trong thiên tự truyện « Tháp Ngọn Đèn Cho Tôi », tôi nói nhiều về trường hợp tôi bước vào văn đàn. Tờ tạp san đó là cánh cửa đầu tiên đã tiếp đón tôi. Gần tám năm qua, tờ tạp san đó vẫn đều đặn ra mắt độc giả, nửa tháng một kỳ. Đó là một tạp san sống dai nhất. Trong năm nhà văn nữ thuộc thế hệ trẻ có bốn cô nàng xuất thân từ tờ tạp san đó.

Tôi đã chính thức sống bằng ngòi bút của mình. Đó là nghiệp chương hay là một điểm phúc, tôi cũng không rõ nữa. Tôi vẫn nhờ ngòi bút của mình mà vượt khỏi quầng đời tăm tối, và tôi phải ốm o so bại cũng tại vì kiếm sinh nhai bằng ngòi bút. Trong nghiệp chương oan khiến vẫn nẩy bông hoa hạnh phúc, và trong vòm trời hạnh phúc vẫn có mầm móng thiên tai. Cứ lý luận như vậy tôi không dám kêu ca hiện tại, hoặc tự mãn về sự nghiệp văn chương của mình.

Nhớ thuở nào, tôi viết đảm ba truyện ngắn đưa cho ông Vũ Phiến, mạch văn của tôi không được trôi chảy lắm. Viết văn lúc đó là cả một sự lạch như trâu kéo cày. Thuở đó, nhà văn nữ rất hiếm. Người đàn bà có ý thức chút đỉnh dễ nổi tiếng ngay. Huống chi tờ tạp san đó là một tờ báo vốn có sẵn ít nhiều uy tín từ trong quá khứ. Quầng đời đó đối với tôi hình như xa quá. Tôi bước vào văn đàn với lối gái già và bốn năm năm ly khai với tờ tạp san đó, tôi đã là bà mẹ độc thân. Năm nay tôi lại đập bầu thêm một lần nữa. Cuộc đời thay đổi, đường lối văn nghệ của tôi cũng thay đổi năm hồi mười hiệp rồi. Thế mà thân mình tôi vẫn khô khan, mỏng lét cũng như tòa soạn tạp san đó, vẫn âm thầm rầu rĩ bên đường Phan Đình Phùng, với cái mặt tiền thâm u, trầm lặng. Nơi đó, ông chủ nhiệm làm việc âm thầm.

Tôi đã ly khai với tờ tạp san đó, không có nguyên nhân nào rõ rệt. Vì viết feuilleton nhiều nên tôi đâu có thì giờ viết truyện ngắn. Nếu tôi xắn truyện dài thành từng mẫu truyện ngắn, thì tờ tạp san không tán thành công việc đó. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng mình sẽ phải viết một cái gì cho nó. Ngưỡng cửa danh vọng đầu tiên của tôi là chỗ đó. Tôi viết feuilleton như một cô

gái đã có chồng mà còn đi ăn sương. Các nhật báo, các tuần báo khác là những tình nhân, những khách làng chơi xộp, trút tiền như bướm bướm xuống người tôi. Riêng tờ tạp san đó là một ông chồng già khó tính, nhưng chung thủy, luôn đợi tôi trở về.

Năm nay có thể là tôi trở về tờ tạp san đó. Nhưng tôi phải ra đi để đối phó với cuộc đời: chỉ quế, gạo châu này. Có thể năm tới, tôi trở về thăm tờ tạp san đó một lần nữa, thăm chốc lát rồi ra đi.

Các bạn gái đồng nghiệp của tôi cũng đi ngang về tắt như tôi. Không ai muốn năm nuôi ở tờ tạp san đó. Ở đó, chỉ có thể làm văn nghệ, chứ không phải là chỗ kiếm cơm. Ở đó, tôi phải viết lách đứng đắn, phải làm việc thật trọng. Tôi lia tờ tạp san đó, chứ không phải bỏ nó, và tôi đi chinh phục kẻ sinh nhai bằng hình ảnh tòa soạn của nó trong tâm tư tôi.

Tôi biết cây bút của mình bởi ăn khách đến, và hình như đã xuống giá. Tôi đâu có thì giờ làm văn nghệ nữa. Khi bước vào tòa soạn đầu tiên, tôi còn lý tưởng hóa văn nghệ, đầu óc không hề in dấu đồng, ước vọng vẫn lai láng như cơn nước lớn tràn sông. Bây giờ, tôi vừa viết vừa vừa đợi ngày đào thải... Nhưng, tôi vẫn cảm thấy sung sướng. Mình đã được làm mẹ, và nuôi con bằng óc não của mình. Đó là một cái cơ chính đáng mà tôi không thể cộng tác với tờ tạp san đó bằng tác phẩm truyện ngắn. Tôi bạc tình và vô ơn chăng? Nhiều lúc tôi tự hỏi như vậy và mỉm cười, lòng vui vui một cách vô cơ. Tờ tạp san đó cần phải có những khoảng đất trống để vun quén những bông hoa văn nghệ khác. Lửa hoa của chúng tôi đã mất khai, phải sang một vương đất khác, và lâu lâu chỉ có thể rải một chút phần nhụy về tờ tạp san đó. Đó là chuyện hết sức tự nhiên. Nó còn phải khai thác cho những tài năng khác mà lại.

Đối với những anh em văn nghệ ở ngoài tòa soạn đó, tôi là Nguyễn thị Thụy Vũ. Nhưng đến nó tôi vẫn là cô Nguyễn Băng Linh. Tất cả xem tôi như một người thân. Anh em tòa soạn đó đã từng chứng kiến tôi trong lớp gái Lục Tinh bước lên Sài Gòn thường đổ mặt tía tai mỗi khi nghe những câu hỏi tếu của bất

cứ ai. Tôi đến tờ tạp san đó bằng thái độ e dè, có cảm tưởng mình làm văn nghệ như mình hát xèc trên hai sợi dây căng ngang tit trên cao. Tôi đã nhận năm trăm đồng tiền nhuận bút ở tác phẩm truyện ngắn đầu tay do ông chủ nhiệm đưa. Năm trăm đồng bạc thuở đó cũng như năm ngàn đồng bạc bây giờ chớ ít ỏi gì sao. Nhưng thuở đó sống trong sự bảo bọc của cha mẹ, tôi viết văn vì thích viết mà thôi. Năm trăm đồng chỉ làm cho tôi nghĩ rằng, bài mình được một tạp chí « lớn » đăng hoài tới.

Bây giờ, đến tất cả tòa soạn báo nào, tôi hiện thân là một con lốc, cười giỡn, tung hứng từng câu, đập chát sức mùi dao búa, bọi đời... Nhưng đến tòa soạn đó cũng như đến tòa soạn Văn, tôi trở về con người cũ. Anh em ở đây đã biết tôi là ai, tôi xuất xứ từ đâu rồi. Họ đã biết căn cội, nguồn gốc cùng con người thật của tôi. Tôi hiện nguyên hình là con gái Lục Tỉnh, gót còn dính phen đất ruộng, ngôn ngữ vẫn còn sức mùi rầy bãi.

Đây là chỗ để tôi thảo luận nghiêm chỉnh, đây là chỗ để tôi sống lại một quãng đời làm văn nghệ đầy thú vị. Ngồi ở tòa soạn của tờ tạp san đó chừng một buổi thôi, tôi sẽ gặp rất nhiều người quen cũ. Họ đến đó ung dung, với thái độ nhàn nhã, tự tại. Ở đây không có những khuôn mặt thẳng thốt chạy đua theo sự tăng dọt của sinh kế vì ở đây không phải là chỗ mưu cầu đồng tiền bát gạo. Người đến tòa soạn đó thường cất giấu bộ mặt sinh kế qua một bên để hỏi thăm lẫn nhau về mức sáng tác, về những quyển văn nghệ đã đọc qua. Không khí ở đó thật êm ả. Tiếng quạt máy trên trần nhẹ nhẹ. Ngọn đèn rải xuống bàn ghế, giấy má một thứ ánh sáng lạnh lẽo. Bao năm trôi qua, những người ngồi nói chuyện với nhau đã già rồi rệt, nhưng tôi có cảm tưởng như hôm qua mình đã đến đó và khi bước ra tòa soạn tờ tạp san đó tôi vẫn hòa mình vào guồng máy sinh hoạt thật dễ dàng.

Nói đến tờ tạp san đó, tôi nghĩ ngay đến ông Võ Phiến. Trong thiên tự truyện trên nhật báo Sóng Thần tôi đã viết đầu đuôi câu chuyện tiếp xúc giữa ông và tôi. Hèn lâu tôi không gặp ông. Ngay đến ngày cưới của người trưởng nam của ông, tôi không

được thiếp báo tin lẫn thiếp mời, và khi tôi hay được thì đã trở nửa năm rồi còn gì. Đời tôi là một chuỗi đầy đầy thiếu sót, vụng về. Tôi còn giữ một chút liên lạc những gì với tòa soạn tạp san đó qua hình ảnh cô bạn gái viết văn của tôi. Một cô thi làm chủ nhiệm một tờ nhật báo ở Thủ Đức. Một cô thi vừa dạy học vừa viết feuilleton, vừa làm bếp và săn sóc chồng con. Cô đầu, hôm tôi đi đập bầu có đến thăm. Tôi viết văn mỗi cả lòng tay mà tới lúc vào nhà sanh tôi chỉ còn có vài ngàn bạc trong túi. Trước khi sanh tôi còn phải chờ một bao gạo từ chỗ mua tới nhà rồi mới yên lòng mà đập bầu. Mà nào có yên lòng nằm trên giường để đầu. Bốn cái feuilleton phải viết cho đúng hạn kỳ, đầu trước đó tôi đã thức khuya lể khuya lơ để viết trừ hao. Đưa con đầu tôi nuôi bằng sữa Guigoz, đưa con thứ hai bằng sữa SMA nhưng đưa con thứ ba tôi nuôi bằng sữa hộp Trại Núi Trắng. Con bé này mặc quần áo thừa của anh chị nó.

Chiếc xe Mini Lambretta của tôi đã bán từ lâu nên tôi ít đi đó đi đây vì sợ tốn tiền xe. Tôi đã mượn tiền trước một vài nhà xuất bản mà vẫn chưa sửa chữa lại các tác phẩm để giao cho họ.

Hát bài ca con cá hoài có lẽ tự mình làm nhảm tai mình. Than thì cứ than, nhưng tôi vẫn thầm biết mình có hạnh phúc. Ba đưa con tôi, đưa nào cũng dễ nuôi. Tôi tự nhủ thầm là con mình dễ thương, nhưng viết ra đây thì tôi chỉ có thể nói là đưa nào cười cũng có lúm đồng tiền như điều tôi mơ ước lúc tôi mang thai chúng. Tôi chỉ có thể nói là thằng con trai tôi sẽ không có hàm răng vầu. Răng có lún thì nụ cười mới tươi.

Người đàn bà bước đầu trong việc nuôi con là sợ mình xấu xí, lằng lặt. Thoát khỏi hai ám ảnh đó cũng như thoát khỏi hai chặng đầu của cơn ác mộng.

Thằng em tôi chỉ thích tôi sanh con trai. Nhưng năm nay khi ở xa về, nó vào phòng tôi, hỏi liền.

— Thế nào, trai hay gái đó?

Tôi mỉm cười.

— Lại thêm một liện tỷ nữa.

Nó vui vẻ :

— Năm nay sanh con gái tốt lắm nghe. Nam Nhâm, nữ Quý mà lại.

Nó vọt mừng lên ngắm nghĩa chân rồi xem tướng một cách ngon lành.

— Mày thanh nhẽ, hình vòng nguyệt : quí tướng. Răng hơi vầu, đàn bà răng hơi vầu thì dễ tở son. Ava Gardner và Elizabeth Taylor đều có răng hơi vầu cả nên họ hôn rất giỏi trên màn bạc và họ mà chữi chồng thì chồng có cảm tưởng mình nghe nhạc Bethoven. Mũi con bé này hơi hỉnh càng tốt vì mai sau nó sẽ nhận thức được mùi son, mùi nước hoa lạ trên môi, trên thân thể chồng để dễ bề kiểm soát chồng. Móng tay con này chưa chi mà đã mọc dài, tốt lắm, chừng nữa nó sẽ có móng vuốt để cào mặt tình địch và để ngắt véo để trị tội ngoại tình của chồng.

Tôi cũng vái trời cho con tôi được như lời tiên đoán của cậu nó. Ai lại không muốn cho con trai mình biết trị vợ và con gái mình giỏi bắt nạt chồng. Mẹ tụi nó có máu ăn hiếp chồng, tía tụi nó có tánh ăn hiếp vợ nên thủy hỏa khi tương giao thì sôi sùng sục, còn khi tương khắc thì ào ào như trận gió kinh thiên, thì ấm ầm như ngói tan trúc chẻ...

Hạnh phúc có nhiều bộ mặt và tôi tự hỏi mình chiếm được bộ mặt gì ? Tuy nhiên càng đông con tôi chẳng có một khoảng hở thời gian để lui tới tòa soạn của tạp san đó.

Thỉnh thoảng tôi đến chơi tòa soạn báo bán Nguyệt san Văn. Trước khi đến đó, tôi đến viếng phòng mạch của ông bác sĩ quen thân. Tôi thường điện đàm cho một anh bạn đồng nghiệp túc trực thường xuyên ở tòa soạn đó. Trong cuộc điện đàm, tôi thường xưng :

— A lô, anh N.X.H. đó hả ? Phải, tôi đây, bà mẹ độc thân đây.

Hồi mới vào văn đàn, người ta lấy cái tựa của tác phẩm đầu tay của tôi là « Mèo Đem » để làm cái hồn danh cho tôi cũng như tôi kêu nhà văn Lê Xuyên là Chú Tư Cầu vậy. Sau đó, có lẽ họ thấy kêu như vậy là không ổn, nếu không bảo là mèo mó nghề nghiệp một cách oan ức cho tôi nên họ tự động bỏ cái hồn danh đó đi. Sau này, sau khi trả lời cuộc phỏng vấn trên tạp san Văn, tôi được mọi người kêu là bà mẹ độc thân và tôi rất hài

lòng cái hồn danh này. Đôi lúc, tôi nghĩ có phải mình sống thành khẩn với hoàn cảnh của mình hay là trang trí một cách rở tiền khi tự xưng mình là bà mẹ độc thân.

Ở tòa soạn Văn có quá nhiều nhà văn lớn, có hào quang danh vọng che ngợp văn đàn nên tôi nói năng giữ kẽ, thùy mị đoan trang như gái đợi chồng, khép nép như nàng dâu trình diện cha mẹ chồng.

Còn rất nhiều tòa soạn của các nhật báo nữa. Ở đó không khí huyền ảo hơn, đầy câu nói đốp chát hơn. Máy in chạy rầm rầm, tiếng cười cợt, cãi vã, bông đùa cũng càng sôi nổi hơn, lần theo một nhịp điệu hồi hả, gấp rút. Lại còn những quán ăn, những tách cà phê và những khuôn mặt của các phóng viên, nhà báo nữa. Đời sống ở những nơi đó vô trật tự, có khi vô liêm sỉ nữa, nhưng rất linh động và phần thịnh đĩ kích thích tôi, để tôi tiếp tục bán chữ để đổi lấy chén cơm.

Vào xuân năm Giáp Dần tôi chẳng biết cầu chúc cho mình hơn là giữ mãi một nhịp sống không xê dịch, không biến cố. Thúi Kiều sau mười lăm năm phong trần lưu lạc, được về quê hưởng « duyên xưa đầy đặn, phúc sau dồi dào » ở lứa tuổi ba mươi. Tôi cũng lưu lạc, tuy không phong trần gì, nhưng cũng bị định mệnh cầu véo những lần đau đớn. Tôi cũng muốn được an thân, dưỡng vóc ở trong cái Làng Báo Chí này. Cầu chúc cho cơn khủng hoảng giấy má chóng qua. Cầu chúc cho những tờ văn nghệ đứng đắn khỏi tình trạng ra mắt đọc giả dưới hình thức một đặc san hay một giai phẩm. Cầu chúc cho ông chủ nhiệm đã đăng bài đầu tiên của tôi khám phá thêm nhiều tài năng văn nghệ mới. Cầu chúc cho ông chủ nhiệm báo Văn hình phục hồi để hoạt động lại những cơ sở văn nghệ của ông. Cầu chúc luôn cho sự thù tạc của mình giúp mình đánh tan những gánh tị hiềm thù nhỏ nhen cùng san bằng những thành kiến tai hại của những kẻ mà mình không ngờ đứng ở hàng ngũ đối lập với mình.

Xuân Giáp Dần này chắc không vui lắm vì tôi vẫn chưa chuẩn bị một số tiền xài Tết. Nhưng mà, tôi vẫn lạc quan. Tôi

sắp thoát khỏi tuổi bị sao Kế Độ chiếu mạng. Lần sanh nở thứ ba, máu huyết tôi thay đổi nhiều nên sức khoẻ có lẽ dồi dào hơn trước.

Tôi chợt khám phá một điều : bao nhiêu biến cố đến đời tôi như con nước lớn ròng, nhưng niềm lạc quan của tôi vẫn là một cái vỏ ốc ở dưới đáy sông. Vỏ ốc dù nhỏ nhưng nó vẫn có hình tượng và có sự hiện hữu của nó.

Nguyễn Thị Thụy Vũ

(nguồn: Giai phẩm Xuân Giáp Dần)

NGUYỄN THỊ HOÀNG

KHẢ NĂNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG SÁNG TẠO VĂN NGHỆ CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ (1)

Trong văn giới quốc tế và nói riêng Việt-Nam, những cây bút nữ lưu chỉ chiếm một thiểu số thấp thoáng trong khi bên phái nam giữ đa số với một lực lượng hùng hậu vững bền và thường trực. Điều đó có phải là vì phái nữ không đủ khả năng? Một cách khách quan và vô tư, chúng tôi có thể nhận định người đàn bà chiếm thiểu số trong văn giới một phần là do thành kiến khắt khe của xã hội Đông phương, quan niệm người đàn bà viết văn là phóng túng lãng mạn, mằm mống của hư hỏng đời sống và tâm hồn, một phần vì đời sống bị hạn hẹp, gò bó trong khuôn khổ nên khả năng do đó không phong phú triển khai. Và lại, dù cho xã hội và hoàn cảnh sống có mặc nhiên công nhận và cho phép người đàn bà quyền sáng tạo văn nghệ một cách tự do, hồn nhiên; người đàn bà vẫn sút kém so với đàn ông trong phạm vi nghệ thuật. Là bởi đối với đàn ông sáng tác là một công trình xây dựng của lý trí, của ý thức trong lúc người đàn bà sáng tác do sự thúc đẩy của một hoàn cảnh đặc biệt.

Trong sáng tạo tác phẩm, sau khi trực giác giúp người đàn bà thu được một cách nhìn ngấm sự vật, nhân vật, nói chung là đời sống, người đàn bà khi mang đời sống đó vào tác phẩm mình cũng không hoàn toàn làm một xây dựng hợp lý như đàn ông. Người đàn ông khi có hiểu biết về đời sống thực sự rồi sẽ mang đời sống đó vào tác phẩm, xây dựng lại bằng một phương pháp hợp lý. Họ sẽ phân tích, phân phối dàn cảnh, xếp đặt nhân vật chính và phụ v.v...

nói chung là bố cục làm sao cho kết cấu câu chuyện trở thành hợp lý, vì đàn ông cần sự hợp lý khi sáng tạo. Ngược lại, đàn bà không có ưu điểm đó trong khi xây dựng sáng tạo nhưng được ưu điểm khác là tưởng tượng. Tưởng tượng của đàn bà thường phong phú hơn đàn ông nên tác phẩm đàn bà xây dựng không được hợp lý về tình tiết, diễn biến sự việc, nhưng lại phong phú về nội tâm, về những diễn tả tình cảm. Tưởng tượng của đàn bà giúp nhân vật họ nhiều khi đạt đến những ngôn ngữ, cảm xúc, ý nghĩ, hành động bất ngờ, có vẻ thiếu thực tế và đôi khi phi lý nhưng bù lại là dồi dào về phần nhân tính. Có thể tóm tắt để phân biệt khả năng sáng tạo của đàn ông và đàn bà, sáng tạo của đàn ông giàu có, hợp lý; vững chắc trong kết cấu, ngược lại sáng tạo của đàn bà là một khối lượng tâm lý, nhân tính. Tác phẩm của đàn ông có thể làm giàu cho đời sống thì tác phẩm của đàn bà chỉ làm giàu thêm thân phận mình thôi.

Đề cập đến khả năng sáng tạo văn nghệ của người đàn bà mà chỉ nói đến trực giác và tưởng tượng là chỉ mới bàn đến yếu tố tiếp nhận và xây dựng đời sống trong tác phẩm. Phân biệt như vậy, vì sáng tạo có ý nghĩa là xây dựng lại đời sống nên bao hàm một quá trình hai giai đoạn là ghi nhận đời sống vào tâm hồn và sau khi đã nhào nặn trong cá tính, phóng đời sống đã được xây dựng đó vào tác phẩm. Sự khác biệt của đàn ông và đàn bà trong hai giai đoạn sáng tạo là đàn ông tiếp nhận và sáng tạo như một công trình của lý trí; thì đàn bà tiếp nhận và sáng tạo một cách nhân bản, hồn nhiên như sự sống như hơi thở.

Kể về một công trình xây dựng tác phẩm, hai giai đoạn của trực giác và tưởng tượng có thể đủ để xác định khả năng sáng tạo của người đàn bà. Tuy nhiên không thể quên yếu tố cuối cùng đứng trên trực giác và tưởng tượng làm cho sáng tạo của đàn bà có tầm mức cao hay thấp, có giá trị trường tồn hay tạm bợ, diễn tả được trọn vẹn thân phận con người hay không, có sống mãi trong lòng người đọc hay không chính là yếu tố cuối cùng đáng kể hơn hết cảm xúc tính.

Bởi vì nếu sự bắt gặp đời sống bằng trực giác của đàn

bà có trở nên khô khan, lảm lẩn, thiếu sót và trí tưởng tượng của người đàn bà chỉ tạo được những nhân vật hời hợt, những tình tiết không hợp lý, những tâm lý giả tạo, thì chính cảm xúc tính của người đàn bà là khả năng tốt đỉnh trong sáng tạo giúp độc giả không tìm thấy những hời hợt, vụng về, thiếu sót của tác phẩm. Người đọc không cần đòi hỏi người đàn bà phân tích tâm lý, sự kiện diễn biến đúng hay sai, không cần người đàn bà xây dựng câu chuyện như vậy có hợp lý hay không, mà chỉ cần người đàn bà đã sống trong tác phẩm họ bằng cảm xúc mãnh liệt và trung thực hay không và chỉ điều đó mới đáng kể. Cảm xúc chân thực hay không, phong phú hay không, sâu đậm hay không làm thành giá trị nhân bản của tác phẩm người đàn bà.

Người đàn bà không được sống đầy đủ thì khi viết chính là họ sống một đời sống thứ hai tự do và phong phú hơn. Không cần biết là nhân vật thế nào, câu chuyện thế nào mà chỉ cần biết mỗi nhân vật là một sắc màu của tâm hồn họ, mỗi một tâm lý là mỗi một khát vọng, mỗi một ưu tư, mỗi một vui buồn, và mỗi một cảm xúc có hay không có trong đời họ. Bởi vì những cảm xúc của người đàn bà tìm thấy qua các nhân vật trong tác phẩm của họ có thể không phải là những cảm xúc trong đời sống thực nhưng dù sao vẫn ở trong không khí tâm hồn và bóng dáng đời sống của người đàn bà đó. Nhân vật tiểu thuyết được người đàn bà sáng tạo có thể không là một người đích thực trong đời sống nhưng vẫn là một bóng dáng mơ hồ nào đó phôi pha trên nhiều gương mặt. Những sự kiện trong tác phẩm có thể không phải là những sự kiện đã xảy ra trong đời sống thực nhưng vẫn là một sự-khien-sống trong khuôn khổ sự sống nhân loại. Điều quan trọng trong tác phẩm của người đàn bà là sự sống tràn đầy cảm-xúc-tính chứ không phải là một đời sống được chụp hình.

Từ nhận định đó, chúng tôi thiết nghĩ phương hướng sáng tạo của người đàn bà không thể là hoặc một mô tả thực tại, một chụp hình thực tế và sự kiện đời sống như công việc nhà viết sử hoặc đưa ra một luận thuyết, một chủ đề rồi xây dựng câu chuyện để minh chứng cho luận

thuyết đó, Người đàn bà không thể trung thành với thực tại đúng nghĩa là thực tại và cũng không thể trung thành với lý thuyết của mình đến nỗi nhốt thực tại vào trong lý thuyết đó. Người đàn bà chỉ có thể trung thành với cảm xúc trung thực của mình, trong tiếp nhận đời sống và trong sáng tạo đời sống khi đưa đời sống vào tác phẩm. Nói như vậy có nghĩa, đối với người đàn bà, sáng tạo tức là tìm cách diễn đạt tâm hồn, nhân cách hay đúng hơn *làm một thoát phần đời sống trong một đời sống thứ hai không còn những biên giới hạn hẹp của đời sống thực*. Và khả năng và phương hướng sáng tạo văn nghệ của người đàn bà chính là đó.

NGUYỄN THỊ HOÀNG

(1) Bài đọc trong mục Diễn-đàn Tự-do của Đài phát thanh Sài-gòn, ngày 14-5-1967

(nguồn: giai phẩm Văn ngày 13-7-1973)

nguyễn-thị thụy-vũ

khi người phụ nữ làm nghệ thuật (1)

Để góp thêm tiếng nói của người cầm bút, tôi xin đề cập về một khía cạnh của việc sáng tác. Để phù hợp với không khí nhẹ nhàng và tươi mát của mùa xuân, thiết nghĩ rằng bài nói chuyện này cần phải giản lược những danh từ rườm rà và tôi sẽ cố gắng làm cho lời nói dễ hiểu hơn, lời nói trơn láng không một chút văn hoa, mỹ từ để cho người nghe có thể đỡ mệt nhọc hơn. Sự cố gắng đó có lẽ chưa được thành công lắm, nhưng dù sao đó cũng là một cố gắng của kẻ vốn không quen viết khảo luận và vốn có lối văn thật khô khan.

Từ lâu, tôi thường đặt cho mình quan niệm sáng tác như thế này như thế nọ. Nhưng đầu óc của một phụ nữ thì trống rỗng. Cũng đã từ lâu có nhiều người đàn bà thường cho rằng nam nữ bình quyền. Thật là bậy. Tư tưởng của chúng ta làm sao bì với tư tưởng các ông? Tài cán chị em ta được bao nhiêu đối với tài của các ông? Vậy chị em ta phải khom mình xuống để nâng cao các ông lên, để các ông yêu mình thêm. Hạ mình để chinh phục, đó là tài cán hết sức thông minh của đàn bà. Nên nhớ rằng chúng ta đâu có cơ hội làm nghệ thuật đi chăng nữa, cũng chỉ để cho các ông thưởng thức.

Phụ nữ một khi lặn xả vào nghệ thuật thì có ưu điểm và tiện lợi hơn phái mạnh, nhất là phụ nữ chuyên về văn học hội họa. Nhìn đi ngoảnh lại, ở nước ta, lèo tèo đếm không

đủ mười ngón tay các bà làm thơ, mấy ngoe thừa thớt các bà làm văn, lồm bồm các bà vẽ tranh, và hầu như chẳng có bà nào sáng tác được nhạc. Còn phụ nữ diễn thoại kịch, hát cải lương, thì ôi chao vô số nếu đếm thì có lẽ các bạn sẽ tắt thở. Còn nói về ca hát thì các bạn thử mở ra-đi-ô mà nghe các ban nhạc trên làn sóng điện. Tôi có thể nói rằng về phương diện ca hát, trong môi trường nhả ra tiết điệu, âm thì lúc nào cũng thịnh nữ mà dương thì lúc nào cũng suy. Trời sanh phụ nữ để trang trí cuộc đời, để trang điểm sân khấu, để vo ve bên lỗ tai thể nhân lời ca. Tóm lại cái thiên chức của phụ nữ hầu như để làm thỏa mãn thị giác và thính giác phái mạnh. Có nhiều lúc tôi cảm thấy chua chát là phái đẹp không nên tạo những chất bồi bổ cho tinh thần phái mạnh thì than ôi, thi sĩ Lamartine đã nói: “Tư tưởng người đàn bà không dài hơn sợi tóc.”

Đàn bà có thể là người học thức, chứ rất hiếm người trí thức. Chua chát hơn nữa, mỗi khi các ông xem một tác phẩm của một nữ sĩ nào đó, các ông chỉ muốn thỏa mãn tánh tò mò. Bởi vậy, các bạn cầm bút phái đẹp chớ có mơ màng rằng các ông xem tác phẩm của mình là để học hỏi thêm, mở mang trí thức thêm. Đừng có ảo vọng, nghèo mà ham để làm trò hề cho các ông. Hơn nữa các ông thích có một bà vợ hiền, chớ đâu có thích có một bà vợ giỏi. Có rất nhiều cô xấu đầu xấu đôn, muốn trang sức cho mình ở phương diện tinh thần, đi đâu cũng rêu rao là mình giỏi văn chương, am hiểu nghệ thuật. Dĩ nhiên là cô đó vấp phải một sự lầm lạc to tát. Mình hãy chinh phục đàn ông ở cái duyên dáng tự nhiên và sâu xa của mình. Đừng dùng cái trí thức hào nhoáng, cái thứ trang sức ngoại khoa vô ích.

Bởi vậy người đàn bà cầm bút thật là gian nan. Từ lâu một cô văn sĩ có cảm tưởng là tác phẩm của mình vừa phát hành bán không được chạy. Các bạn cô khuyên cô đi chụp một tấm ảnh cho đẹp để đăng lên mặt báo, biết đâu mà nhờ đó, độc giả sẽ ủng hộ cô, vì biết đâu họ mê văn cô thì ít mà mê cái nhan sắc trong ảnh của cô thì nhiều. Tôi dám cam đoan với các bạn gái là trong đời một người đàn bà, nếu

minh thuộc hạng không xấu không đẹp, mình có cả trăm cơ hội chụp được một tấm ảnh đẹp như ảnh của mình tinh màn bạc.

Than ôi! Đàn bà viết văn thường có cái chua chát như vậy đó. Thật ra, đàn bà chỉ có ngồi lê đôi mách giỏi, và nếu khi viết văn mà biết đem cái mảnh khõe đầy nữ tính đó vào tác phẩm của mình, thì chắc chắn một trăm phần trăm sẽ lôi cuốn độc giả ngay. Các bạn gái cầm bút của tôi, ngay cả tôi, thường “tinh ranh đem chuyện khuê phòng kể a.” Chị em chúng tôi thường túm tụm nhau, chị em thỏ thẻ đêm thanh vắng, rồi đem những cái nhảm nhí, ngổ ngáo vào tác phẩm. Nghĩ cũng tội nghiệp cho văn chương biết là ngần nào!

Bởi vậy, văn đàn Việt-Nam rất mong mỗi một người nữ sĩ lẫn xả vào cuộc sống tìm tài liệu sống để sáng tác. Phải chấp nhận xã hội, phải tìm cảm hứng trong xã hội.

Có lẽ một ngày nào đó, độc giả sẽ bảo rằng: Trong vòng những năm 1964-1966 các tập san chỉ “lãng xê” các cô văn sĩ viết văn gần như viết dăm thư. Đừng nói vậy mà tội vì một khi cô nào đó tả những màn ái tình cụp lạc chỉ cốt để giải tỏa ản ức sinh lý, chính cô đó mới cô tình khiêu dâm. Còn nếu viết về những pha cụp lạc mê ly để diễn tả tâm trạng hay một khía cạnh bài xích tẻ đoạn dĩ nhiên là cô đó vẫn là một văn sĩ vì cô biết trách nhiệm của mình một khi cầm bút.

Sau hết, tôi cần phải nói rõ về sự dẻo dai của phụ nữ làm văn nghệ. Vốn sống ít, vốn không chịu lẫn xả vào đời sống phức tạp, họ sẽ không dài hơi để viết những cuốn sách kế tiếp quyển mà họ đã gặt hái thành công lúc đầu. Trình Giáo Kim thời nhà Đường có thể tỏ ra xuất sắc, oanh liệt ở ba bữa đầu, và địch thủ có thể chết vì ba bữa đó, nếu ai tránh được họ sẽ coi những bữa sau của ông trở thành vô nghĩa như nước đổ lá khoai. Người đàn bà viết văn chỉ có thể trôi trăn với đời một cách hay ho ở tác phẩm đầu, còn những sáng tác kế tiếp đã loãng mất cái phẩm đi nhiều. Bởi vậy có một anh bạn thân thường nói với tôi rằng: đàn bà chỉ có thể đẻ ra nhà văn hay, chứ khó có thể viết một

truyện hay được. Lại nữa nhà văn Thanh-Tâm Tuyền đã có một lần muốn tát tai bọn đàn bà cầm bút đuổi họ vào chỗ ngồi lê đôi mách, vào nơi bếp núc vì theo ông đàn bà có thể nói dối với chồng con họ, chứ đừng hòng nói dối với quần chúng độc giả.

Bởi vậy khi các ông xem văn của phụ nữ, các ông phải mở lượng khoan hồng phải ôm trùm tác phẩm của họ bằng cái nhìn bao dung, đường quan sát, soi bói chẳng những tội nghiệp cho họ mà các ông lại mất nhiều hứng thú trong lúc thưởng thức. Hãy xem cái thế giới phụ nữ có gì ly kỳ, hãy tò mò để tìm đôi chút giải trí nhẹ nhàng.

Ồ văn đàn Việt-Nam còn có vài ba tiếng thì thào rằng nhà văn đàn bà một khi có chồng rồi sẽ ít độc giả. Điều đó không đúng lắm. Hãy lấy trường hợp của Nhã-Ca, của Nguyễn thị Hoàng làm thí dụ. Hai chị ấy đã có chồng rồi, đã cho xuất bản tác phẩm và chỉ có một cái chớp mắt là tác phẩm của họ bán sạch trơn và nhà xuất bản lại đề nghị tái bản với họ. Theo tôi, nhà nghệ sĩ sáng tác không phải lệ thuộc vào tuổi tác nhiều như nghệ sĩ trình diễn. Tuổi già đối với họ không quan hệ bằng tư tưởng của họ. Nếu bà văn sĩ thuộc lớp văn nghệ ba bốn chục năm về trước bụt đổi lại đường hướng sáng tác và nếu ngòi bút của bà trở nên đam mê, trẻ trung, bốc lửa hơn chắc chắn là bà sẽ sống lại một thời đại kim hoàng của nghiệp dĩ văn chương.

Tuy nói vậy nhưng các cô nữ văn sĩ đừng nên chưng hình trên báo chí hoặc ở vô tuyến truyền hình. Phải để cho độc giả vẽ chân dung trong đầu óc họ. Cái đẹp nhiệm mầu chỉ ở trong tưởng tượng chứ không phải ở trước mắt.

Đường đưa vào lãnh vực văn chương đối với phụ nữ quanh co hơn con đường đưa vào xóm lao động Thị-nghè. Chị em chúng ta chỉ là người đi thám hiểm lần đầu. Cái xã hội kia có tội tình gì, cuộc đời đó đã làm gì để chị nọ hần học trong văn chương, cũng như đối với cô kia, độc giả có bằng lòng mở lòng trời biển để chấp nhận sự nhõng nhẽo làm dáng của các cô không? Nhiều lúc tôi tự hỏi, tại sao các bà chiếm đa số hơn đàn ông trên cõi đời này. Vậy mà các bà để cho đàn ông lấn lướt đủ mọi phương diện ngay

cả lãnh vực may cắt, nấu bếp thì những tay giỏi nhứt trên thế giới cũng thuộc về đàn ông. Có thể là đàn bà nói nhiều, tếu giỏi, đùa dai bằng đàn ông, vậy mà khi viết các bà không thể phong phú hơn hoặc sâu xa hơn. Các bà có thể quan sát mọi tánh xấu kẻ tình địch của mình, hoặc kẻ mà các bà ganh duyên độ sắc qua câu chuyện phiếm một cách tỉ mỉ. Vậy mà một khi cầm bút lên các bà viết sơ sài, đôi lúc lại thích làm nữ thánh, ưa tha thứ khuyên răn độc giả.

Giải thích cái hiện tượng đó, tốt hơn là mượn sự tích của Thánh Kinh. Đàn bà vốn là cái xương sườn của đàn ông. Nếu Chúa lấy một phần bộ óc của Adam và nấu thành bà Eve thì có lẽ hiện thời đàn bà thông minh hơn đàn ông. Đằng này Chúa lại lấy cái xương sườn. Hèn chi đàn bà ưa nói xóc hông đàn ông, và khi các bà nổi cơn ghen tuông, các bà nói nhiều câu động trời các ông tức bẽ cả phổi, tức ê ẩm cả xương sườn lồng ngực. Đấy nhé! hồi những chiếc xương sườn của đàn ông ở mọi lãnh vực, nhất là lãnh vực nghệ thuật. Chúng ta phải làm cho họ có một mặc cảm tự tôn và chuyển đòi hỏi vấn đề bình quyền với đàn ông là thuộc về huyền thoại hử hoi rồi.

Vậy nhân dịp đầu xuân, các ông dẹp lại tất cả sự nghiên cứu, học hỏi, tập thêm sự khoan hồng, bên ly trà, đĩa bánh mứt và đĩa dưa hấu, các ông hãy thưởng thức tác phẩm của chị em tôi. Muốn cho mặn mòi thêm thì các ông có thể nhậu la-ve với tôm khô dưa kiệu để hỗ trợ cho sự thưởng ngoạn. Văn chương của đàn bà rất cần cho sự hỗ trợ ấy, các ông có nhận thấy đúng không?

NGUYỄN-THỊ THỤY-VŨ

1) Bài đọc trong mục Diễn-dàn Tự-do của Đài phát thanh Sài-gòn, ngày 14-5-1967

(nguồn: giai phẩm Văn ngày 13-7-1973)

PHẦN THƯỜNG XUYỀN

GIẾNG CẠN DÂY DÀI

Trần Thị NGH

LTS: Nhà văn Trần thị Ngh là một tên tuổi rất quen thuộc với văn đàn miền Nam trước 1975.

Có lẽ bà là một tác giả hiếm hoi còn lại trong số những cây bút cùng thời, viết không biết mệt mỏi trong khi hầu hết những nhà văn nữ khác hầu như bỏ cuộc.

Nhà văn Cổ Ngư trong một bài phỏng vấn Trần Thị NGH, hỏi về những tạp chí ở hải ngoại mà bà cộng tác, bà cho biết chỉ có ba tờ. Đó là Hợp Lưu, Văn, Thư Quán Bản Thảo (1). Nay Hợp Lưu, Văn thì an giấc ngàn thu từ lâu chỉ còn Thư Quán Bản Thảo !

*Bằng chứng là truyện ngắn **Giếng Cạn Dây Dài** sau đây bà vừa mới viết xong (ngày 9/9/2014) dành riêng cho TQBT.*

Ngoài tài năng văn chương bà còn có biệt tài về hội họa. Tranh dưới đây là một chứng minh. (TQBT)

(1) Cổ Ngư trò chuyện với Trần Thị NGH (nguồn Internet)

Khi đề nghị Mikael Blomkvist viết một quyển

sách về đại gia đình Vanger, Henrik chỉ lấy đó như một cái cớ để nhân cơ hội này nhờ tay nhà báo đầy khả năng lẫn bản năng truy tìm sự thật về vụ mất tích gần bốn mươi năm trước của cháu gái ông, Hariet Vanger. Tiến trình làm việc

buộc ông phải cà kê dê ngỗng một cách chi tiết về từng thành viên của gia đình, mà theo nhận xét của Mikael, ông



ta rõ ràng có một sự thù ghét và khinh bỉ vô cùng tận đối với từng người nói riêng và toàn thể dòng họ Vanger nói chung. Ông nói *tôi đã bỏ hai mươi lăm, ba mươi năm đầu của đời mình để tha thứ và thông cảm cho họ chỉ vì đó là những kẻ ruột thịt, về sau thì nhận ra rằng máu mủ không thể là nền tảng của lòng yêu thương. Mỗi gia đình đều có một vài bí mật, kiểu bộ xương trong tủ áo như người ta thường nói, nhưng nhà Vanger chúng tôi có cả một nghĩa địa.*

Bà Nghênh Phong cũng có những suy nghĩ tương tự về gia đình mình khi đọc Millenium của Stieg Larsson. Lại càng trùng hợp khi chính bà đang nhờ một lão sĩ hết thời chấp bút cho tự truyện của bà.

Do vận nước, lão Thi Quán đã thôi không còn ôm ấp ảo mộng được viết ra tác phẩm lớn của đời mình mà xoay qua

viết hồi ký cho các tướng giặc về hưu, các phu nhân bấy lâu chôn giấu nỗi niềm thâm cung bí sử, các nhân vật nổi tiếng muốn tô màu thêm cho tên tuổi, những kẻ vô danh muốn đánh trống thổi kèn để gây chú ý đám đông. Trước kia lão cũng có một chút vị trí đáng kể trên văn đàn nhưng do quốc sách thay đổi, lão đã bị trừ giập đến lu mờ nghèo đói, rốt cuộc chỉ còn một nhúm chữ đủ để khề khà với bạn nhậu ở các quán cóc, quẹo quào một vài phóng sự loại ngồi lê đôi mách, trong nhà ngoài phố, người tốt việc tốt, gương hiếu thảo, đôi bạn học tập, điển hình vượt qua số phận. Với cái mớ này lão không cần đến bút hiệu. Cứ mỗi bài lại ghi bừa một tên miễn sao có được vài trăm ngàn nhuận bút nuôi thân. Các quyển hồi ký luôn luôn được ký tên người trong cuộc còn kẻ chấp bút trốn biệt ở hậu trường, không ngoài mục đích vinh danh thân chủ và bảo toàn tính mạng cho bản thân. Thì Quán là một cái tên đã bị quên lãng gần bốn mươi năm, y như vụ án Harriet, tưởng đâu đã vô vọng.

Té ra lão vẫn còn ít nhất một người ái mộ. Bà Nghênh Phong thời thanh xuân vốn là độc giả trung thành của Thi Quán, luôn sôi nổi tìm đọc tất tần tật các tác phẩm ngay từ truyện ngắn đầu tay của nhà văn lúc bấy giờ hễ còn là một cây bút trẻ. Một giọng kể tinh táo, đôi khi độc địa mĩa mai, lắm lúc tự trào nhưng thường khiến người đọc suy nghĩ và suy diễn. Thuở ấy bà thích sự nhập nhòa giữa tiểu thuyết và đời phàm được pha trộn như có ma thuật trong các tác phẩm của lão; nó khiến bà tò mò đến nỗi đâm ra đoán già đoán non tỉ lệ phần trăm của hư và thực trong mỗi câu chuyện được viết ra, thuộc lòng cả những câu thâm trầm. Đây chính là điều kiện ắt có và đủ cho quyển tự truyện mà bà đang nhờ lão già sa cơ chấp bút. Chí ít trong con người của lão hẳn phải còn cái chất phù thủy thích hợp cho trận hỏa mù mà bà sắp tung ra cho nhân thế sặc sụa một lần chơi. Quan trọng về phía Thi Quán là lão cần tiền, cần sống ngay ngắn; ngày nào có cái ăn thì cứ ăn, không phải chờ nhìn lại chút cơm nguội để hôm sau mang ra nấu cháo cầm hơi.

Thành ý của bà Nghênh Phong là mở cho lão một cánh cửa, đồng thời bóc tách cái tôi, lọc lõi nội tạng biết đâu soi sáng được những hốc kẹt tối tăm.

Tuần lễ thứ nhất

Họ hẹn nhau trong phòng một khách sạn mini trên đường Nguyễn Văn Thủ, trước đây là Tự Đức, đã từng được coi như một trong những con đường rất đẹp của Sài Gòn. Lần nào từ Bắc Carolina về Việt Nam bà Nghênh Phong cũng lại thuê một phòng ở chỗ này. Biệt thự nhỏ, chỉ có 6 ngăn độc lập dành cho khách, ẩm cúng không khí gia đình nhưng vẫn rất riêng tư, giá cả phải chăng, tiếp đãi niềm nở vừa đủ liều lượng, mọi lộ trình đều ngăn trong phạm vi phụ cận. Trước sân có hai cây bông sứ vừa tỏa bóng mát vừa nhả mùi thơm.

Thì Quán nay là một lão nhân lừng chừng giữa lục thập và thất thập. *Lục thập kê niên, thất thập kê nguyệt, bát thập kê nhật*. Thế nhưng để sống, lão phải tính từng ngày như một cụ già tám mươi, không biết đứt bóng lúc nào. Vớ phải vụ này lão rất hào hứng, tự thâm định thể chất tuy có hơi suy sụp nhưng tinh thần còn cực tinh nhạy. Không riêng gì mùi mỹ kim, qua người Sài Gòn cùng thể hệ lão đánh hơi thấy cả cái mùi hoàng kim lưu cữu của quá khứ, quãng thời gian lão đã từng sống hiên ngang và lương thiện. Gần bốn mươi năm nay lão vẫn khao khát một lúc nào đó có cơ hội khều khều nó dậy. Chẳng để chi, ngủ nghĩ cho đỡ ghiền thôi.

Chuẩn bị cho buổi hẹn, lão mặc cái sơ-mi ca-rô còn tương đối lành lặn sạch sẽ, cẩn thận nhét vật trước vật sau vào lưng quần po-ly-ét-te, thắt dây nịt giả da – trông hơi giống cao-bồi vườn nhưng phải công nhận thơm tất và có làm lão trẻ lại vài tuổi.

Bà Nghênh Phong đón lão từ cổng biệt thự. Họ chào hỏi xã giao một lát ở đại sảnh rồi cùng lên lầu. Phòng có ban-

công phát phơ mấy bụi sao nhái, một nhánh bông sứ trắng tạt ngang cửa sổ. Bàn nước thấp ken chặt giữa hai ghế bành bọc da có tay dựa. Góc sâu bên phải lấp ló cái giường một mét sáu phủ vải hoa. Lão sĩ nhận thấy khách hàng, tuy mới gặp lần đầu, không khác lắm với hình ảnh lão đã tưởng tượng: trên dưới sáu mươi, nhiều bầy nhầy bạc nhạc, mỡ chùng chình ở hông, bụng và cổ, đầy đủ nét đặc trưng của một Việt kiều Mỹ no đủ, nhiều năm xa xứ, chăm chút chung diện nhưng không đẹp không sang.

Tỏ ra chuyên nghiệp, lão bày ra bàn một máy tính HP-Compaq đời cổ lỗ sĩ, một tập giấy A 4, hai cây bút nguyên tử xanh đỏ và một máy ghi âm Sanyo loại nhỏ, đã lắp 2 cục pin mới hiệu Toshiba. Làm như tế nhị, lão se sẽ bấm nút khởi động khi thấy bên A sắp mở lời. Bà Nghênh Phong tăng hăng:

- Theo như hợp đồng được soạn thảo bởi luật sư của tôi là ông Lê Tập mà ông đã đọc và trao đổi nhiều lần qua điện thư, chúng ta có 6 tháng làm việc chung, cũng là thời gian ông dự kiến phải hoàn thành quyển hồi ký, với những diễn biến trong 64 năm, khởi điểm từ 1950 là năm sinh của tôi cho đến nay. Do hợp đồng không ghi rõ chi tiết về thời gian biểu, tôi đề nghị mỗi sáng mình làm việc 3 tiếng trừ thứ bảy và chủ nhật, thì giờ còn lại ông tổng hợp các thông tin do tôi cung cấp và phân thành chương đoạn theo cách ông nắm bắt sự việc. Mỗi cuối tuần tôi sẽ đọc lại những thứ ông bày hàng và đề nghị sửa đổi nếu cần. Ừ...có điều, tôi muốn câu chuyện văn vũ một thứ khí hậu đặc trưng nhiệt đới nhưng hơi huyền, như trong tác phẩm *Trên Núi Non Cây Cối Thì Buồn* mà ông đã viết hồi đầu thập niên bảy mươi.

Bỏ mạng, bên B tự nhủ. Khí hậu nhiệt đới hơi huyền miền núi non! Chẳngặng đừng, lão lụp chụp nói chen:

- Thiết nghĩ hồi ký là một tập hợp những chi tiết thật, có thể xác minh trong trường hợp cần thiết, khi được hoặc bị yêu cầu, chính vì vậy nó khác với tiểu thuyết.

- Tôi không có ý đề nghị ông dựng đứng câu chuyện bằng những thông tin giả. Pha trộn hư thực là biệt tài của ông. Ăn thua là ông phủ cho nó một màn sương, người đọc thông minh sẽ biết cách vén nó ra.

Vụ này khó nhá, tuy nhiên lời ngợi khen của bà Nghênh Phong như một chất kích thích khiến lão bỗng hóa ra tự tin. Nó quật mồ những vinh quang mà lão đã từng được nếm từ các bài phỏng vấn và phê bình văn học hồi hậu bán thế kỷ trước. Lão nhún nhường:

- Tôi không chắc có thể ...phả ra hơi nước hoặc làm cho mọi thứ mờ sương ám khói, việc này cũng còn tùy tính chất câu chuyện kể của bà.

- Thì đây, chúng ta làm việc ngay hôm nay. Sau hai tuần, hợp đồng có thể được điều chỉnh hoặc hủy, là do quyết định phía bên A hoặc bên B hoặc cả hai bên cũng chưa biết chừng. Có ghi rõ trong đề mục số 4.

Bên B sửa lại thể ngồi, làm như nghênh chiến, tự vấn hươu chiến lâu ngày chẳng biết bắn giết có run tay. Bên A vào chuyện trôi tron như đã được chuẩn bị trước:

- Cha tôi tên Trầm Thụ Di, mẹ tôi Ngưng Thị Nhon. Tôi đã bỏ công nhiều năm để tìm kiếm họ hàng có dính líu đến hai bên nội ngoại, tiêu tốn không biết bao nhiêu thì giờ và tiền bạc. Ngoài Trầm Tử Thiêng hầu như ai cũng biết qua các ca khúc nổi tiếng *Con Mưa Hạ*, *Mười Năm Yêu Em*, *Bài Hương Ca Vô Tận...*, không thấy có ai khác mang họ Trầm. Đúng ra Trầm Tử Thiêng là bút hiệu của nhạc sĩ Nguyễn Văn Lợi, đã tạ thế ở Mỹ năm 2000. Họ Ngưng lại càng vô vọng.

Nhưng thôi, chỉ riêng bốn thế hệ ông bà-cha mẹ-con cái-cháu chắt chúng tôi cũng đã làm nên một bề dày đáng kể. Lần ngược lên tôi chỉ biết lơ mờ ông nội Trầm Thụ Chí đất đai sông nước miền Tây cò bay thẳng cánh, có ba bốn đời vợ mà cha tôi là con trai duy nhất của bà nội thứ nhì họ Bùi; khi đứa trẻ là tôi vừa có chút hiểu biết đã thấy bà điên

loạn. Ông ngoại tôi là một trong những vị quan cuối cùng đời Bảo Đại tên Ngung Trần lấy bà ngoại tôi họ Lê. Ngoài ra thì tôi không thực sự rõ hai họ Trầm - Ngung thuộc tộc nào. Kinh hay Thượng, Xiêm La hay Nam Dương, Miên hay Lào, Mường, Mán, Mèo, Nùng hay Lô Lô, bởi ngoại hình trông rất khác với người thuần giống Giao Chi. Cũng có khi chính là cận và bã của một ngàn năm giặc Tàu pha với hai họ Lê, Bùi hoặc Nguyễn, Trần, Đinh, Phạm gì trước đó. Không biết được.

- Vậy bà định bắt đầu từ cụ nội Trầm Thụ Chí cùng cụ ngoại Ngung Trần hay cụ thân sinh Trầm Thụ Di?

- Ông có thể đặt câu hỏi ở cuối mỗi buổi làm việc, đừng ngắt lời tôi.

Bên A quắc mắt ngó bên B một khắc, chớp mạnh hai hàng lông mi thưa có quệt sơ sơ vài nhát mascara rồi nguyệt ánh nhìn ra cửa sổ, nơi nhánh bông sứ trắng đang lung linh trong nắng sáng.

- Chúng tôi có bốn anh em trai Phú, Sinh, Hi, Viễn; bốn chị em gái Ái, Kiêm, Phong, Giang. Trong số này chỉ Nghênh Ái và Nghênh Giang có nước da sáng, còn lại đều đậm người với môi dày hơi thâm, cánh mũi thô bè. Đám con cháu sau này cũng lộn xộn đứa vậy đứa khác, do thời thế đưa đẩy sống rải khắp năm châu, lập gia đình với người bản địa, lai sinh ra một lũ hậu duệ ngày càng khó thể xác định sắc tộc.

Điều đặc biệt là cả bọn chúng tôi không ai giàu có, không có khiếu làm ăn buôn bán, rồi cuộc soát lại chỉ thấy toàn thứ bá vợ ít nhiều tăng tịu với báo chí, văn chương, thi ca, âm nhạc, hội họa, điện ảnh, giáo dục; khá lắm thì leo lên được nấc thiết kế đồ họa, tạo hình; cao hơn bậc nữa lạc loài vài thằng lưu manh do được sinh ra lớn lên trong một khu vực khác biệt về địa lý, kinh tế, chính trị - rủi ro sao mà chúng nó đều chết trẻ vì nhậu và gái. Ép tới ép lui họa

hoàn mới được một đứa tốt nghiệp y khoa nhưng coi bộ con nhỏ này sớm bỏ nghề do mãi lui cui đi đánh đàn cho một ban nhạc giựt, thiệt là ứ hự.

Cũng cần nói thêm Trầm Thụ Di thuở sinh thời sống nhờ của thừa kế, không làm gì ngoài làm thơ; Ngung Thị Nhơn, tuy không được đến trường như hầu hết phụ nữ thời đó nhưng được cha là Ngung Trấn dạy cho biết đọc biết viết; ngoài việc làm dâu và tảo tần nuôi tám đứa con, thường nhín chút thì giờ cho đời sống tinh thần. Bà thông lầu thơ phú, ca dao, hàng ngày hát *ầu ơ ví dầu tình bậu muốn thôi*, đọc Hồ Biểu Chánh, Tùng Long, Ôn Như Hầu, về sau còn lần sang cả truyện dịch của Victor Hugo, Guy de Maupassant, Pearl Buck. Tôi cho rằng thứ gien trội từ hai cụ thân sinh đã tung hoành xuống tận đời cháu.

Còn gien lặn? Ôi trời ơi, vì sao mà tiềm tàng trong cái vẻ ngoài nho nhã của nhà thơ, nhà văn, nhà giáo, nhà báo, nhà thiết kế là ác tính hằn từ đời ông tăng tổ cứ triền miên rách rưới trong huyết quản của từng thành viên trong đại gia đình; mỗi người biến tấu cái ác theo cách riêng, cứ như một dàn giao hưởng với gần trăm nhạc cụ khác nhau. Thoạt nghe khó phân biệt đàn phím, đàn dây, bộ gõ, tiếng sáo hay tiếng kèn. Kẻ thưởng ngoạn bàng quan có thể trầm trở võ tay nhưng người tinh tế sẽ bắt khoản trần trở tự hỏi vì đâu mà ra nông nổi.

Nói tới đây bà Nghênh Phong chồm người qua cái bàn thấp, lùa xấp giấy A 4 và hai cây bút nguyên tử xanh đỏ của lão Thi Quán sang một bên, với tay rót thêm nước trà vào tách của mình. Bên A đang xao xác thấy rõ. Bên B tự nhủ ngu si hưởng thái bình, tốt hơn không nên thừa thốt, cứ hãy dựa cột mà nghe. Lão thậm chí không dám nhúc nhích dù rất muốn hí hoáy ghi xuống vài điều thắc mắc để tham vấn cuối buổi. Bà Nghênh Phong tợp hai ngụm trà, trầm ngâm một lát rồi nói tiếp, giọng xa xăm như vọng ra từ một chiếc rương cũ.

- Theo như tôi được nghe kể lại, ông nội tôi phá đời con gái của không biết bao nhiêu thôn nữ trong làng, xong cho tiền bảo mang bụng chứa đi chỗ khác đẻ đẻ, mưu sinh. Bà nội tôi điên trẻ, có thể vì quá ghen cũng có thể vì lạm rượu, hoặc vì cả hai. Điên thuộc loại ác ôn chứ không chỉ u uất trầm cảm. Thuở còn kinh nguyệt, bà mắc lên đầu một ngọn sào tre bằng vệ sinh phụ nữ đã dùng qua – dạo ấy chỉ là miếng vải mỏng dệt thưa được gấp nhiều lớp, không phải bông gòn Bạch Tuyết hay... gì gì đâu – rồi cứ vậy mà giương cờ đỏ đi rêu khắp thôn xóm; mệt thì ngồi nhà uống rượu chửi đồng. Cứ vậy cho đến lúc đức lang quân cười hặc qui tiên. Có khác chi lời ông bà ta thường nói, *ngày bói rồi tối nằm không*; cụ nội tôi tạ thế cô độc. Không như Đoàn Chính Thuần trong *Thiên Long Bát Bộ* được các hồng nhan tri kỷ yêu vì, đến lúc phu thê ái thiếp cùng lâm tử vì một Cô Tô Mộ Dung Phục đầy tham vọng, nằm chết sóng soài vẫn quay quần xiêm y ngũ sắc những Phụng Hoàng, A La, A Tinh, Bảo Bảo, Hồng Miên. Khi già quá hết cục cựa nổi, Trầm phu nhân ngồi một chỗ gõ nhịp chia vôi lên miệng ông nhô bằng đồng ca cảm chuyện xưa có câu có kệ, miệng nhảo nhoẹt cổ trâu.

Tôi tin là tất cả đám đàn bà con gái trong gia đình hưởng quả phần nhiều từ cụ nội: bốn chị em gái chúng tôi đều hôn nhân lợn cợn, người ngoại tình, kẻ tái hôn dăm ba lượt, người góa bụa sớm, kẻ hấp tấp ly dị. Nghe ra có vẻ âm lịch nhưng sang đời tiếp theo cái quả càng thêm đắng chát: một đứa tử nạn xe hơi, một đứa phá thai bỏ chồng vượt biên phải lầy lắt thân tàn ma dại ở trại tị nạn đến 4 năm, một đứa làm chiến sĩ gái đánh giặc ở Cấm-pu-chia bỏ mạng vì sốt rét rừng, một đứa qua đời do ung thư phổi, một đứa xe cán gãy chân... Tất cả đều ở tuổi xuân thì. Đây là tôi nói về phía nữ thôi. Phía còn lại vừa ăn quả vừa tiếp tục gieo hạt. Bên chi họ ngoại Ngung-Lê không nghe nói có chuyện đáng điểm nhưng thất đức thì các cậu dì người nào cũng ở hàng thượng thừa.

Im lặng một lúc thật lâu, bà Nghênh Phong đột ngột nói:
- Mà thôi, hôm nay như vậy đủ rồi. Vụ này làm đầu óc xây xẩm, lao tâm lao lực nhiều hơn tôi tưởng.

Lão Thi Quán len lén nhìn đồng hồ đeo tay. Chỉ mới hai giờ trôi qua. Ngày đầu tiên, lão đã phải ngốn một lượng thông tin đáng kể qua nét vẽ phác toàn cảnh có phần tán loạn trình tự tôn ti. Vừa đề cập đến hai cụ thân sinh, người kể chuyện liền trở ngược lên hai cụ nội ngoại, xong tuốt xuống hàng anh chị em, lộn trở lên hai cụ thân sinh, ngược về hai cụ nội ngoại rồi lại quay xuống hàng anh chị em. Thoáng thấy cái nhú mày rất nhẹ của bên B, bên A nhắc:
- Tôi nhớ đến đâu nói đến đấy, nhiệm vụ của người chấp bút là phải sắp xếp thông tin theo trật tự vai vế và thời gian.

Trong khi hồi tưởng bà Nghênh Phong có vẻ như đã phải trải nghiệm lại những cảm xúc mãnh liệt khiến lớp phấn trát trên mặt nhú cả lại, nể cả ra. Trong khí trời hăm hi, ngó các cơ mặt tròn trĩnh của bà đủ thấy hệt hơi. Ai đó đã nói gì nhỉ, à, Lauren Bacall, nữ tài tử Hollywood vừa qua đời ngày 12 tháng 8, 2014: “...*cả cuộc đời bạn sẽ xuất hiện trên gương mặt bạn, và bạn nên tự hào về nó*”. Thế nhưng khách hàng của lão lại cố gắng che giấu cuộc đời mình bên dưới lớp phấn son đã không còn hợp với tuổi tác; trong khi mở lòng toang hoác, bà không ý thức cái lớp bột trắng ấy đang nứt ra. Viết về Lauren Bacall, Patrick Pachero nhận xét *khuôn mặt của bà trông như tấm bản đồ của một cuộc sống trọn vẹn – mỗi vết chân chim là dấu hiệu cười vang sau khi nghe một câu đùa tục tĩu, mỗi vết sạm nắng là dấu ấn của một kỳ nghỉ tuyệt vời cùng Humphrey Bogart, mỗi nếp nhăn là bằng chứng của một trải nghiệm phi thường (1)*. Bản đồ Nghênh Phong có những kênh nước đen, lằng bên dưới cơ man là trầm tích.

Những buổi sáng tiếp theo hai người làm việc nghiêm

chính theo thời dụng biểu. Cứ cà-phê quán cóc xong lão Thì Quán liền xộc xệch chiếc Cánh Én chạy bay đến Nguyễn Văn Thủ. Lần nào bên B gọi cửa, bên A cũng đã sẵn sàng; tuy nhiên theo như lão thấy, cái bản đồ trên mặt khách hàng mỗi ngày thêm nhợt nhạt bình nguyên, còn cao nguyên thì cứ nhấp nhô chồng chéo, kênh rạch càng lúc càng chằng chịt. Rõ ràng bà Nghênh Phong đã trải qua những đêm mất ngủ, phần son có phần biếng nhác. Đám sao nhái ngoài ban-công như lả đi vì mấy ngày oi bức, đêm lại ì ào mưa gió trái mùa. Cành sứ trắng tạt ngang cửa sổ cũng đang cùi dần trông y hệt những ngón tay bị rụng mất móng.

Sau năm ngày họ làm xong phần bóc mộ đời riêng của hai cụ thân sinh, qua đó bên A tỉ tê không ít những thâm kịch giữa Trầm Thụ Di và Ngung Thị Nhon. Cụ bà, do ngao ngán những cơn say của chồng đã cự tuyệt chặn gối khiến cụ ông nổi dịch, mượn rượu chì chiết mắng nhiếc vu vơ đồ cái thứ đàn bà trắc nết hết làm đi cho mấy gã hàng xóm Hai Liêu, Chín Ấn lại mèo mả gà đồng với em rể Sáu Sửu, chớ cần có sao mà ngừng ngoẵng chuyện vợ chồng? Oan ức bà Nhon hát:

ầu ơ ví dầu (ơ...)

trường giếng sâu (ơ...) tui nói sợi dây dài,

hay đâu giếng cạn (ờ...) tui tiếc hoài sợi dây (ơ... ơ...)

Sau đó bà vùng vằng bỏ đi, trước khi dứt nghĩa tào khang, trở trêu thay, lại mang bầu đứa con thứ tám sau 10 năm nghỉ đẻ. Sự có mặt của đứa em út tên Nghênh Giang đã làm thay đổi cuộc đời chị Bảy.

Tuần lễ thứ nhì

Chủ nhật vừa rồi tự cảm tức ngôi nhà, lão Thì Quán đã đúc kết chương một, sắp xếp ngay ngắn các chi tiết đầu cua tai nheo thành một trường đoạn dành cho hai cụ nội Trầm Thụ Chí và Trầm phu nhân, một trường đoạn khác cho hai cụ ngoại Ngung Trấn và Ngung phu nhân; nửa chương còn lại là những cơn ba đào trong đời sống vợ chồng của hai cụ

thân sinh. Bỏ qua phần họ hàng hai chi, dự kiến chương trình làm việc tuần thứ nhì sẽ tập trung từng chương cho mỗi người trong hàng anh chị em của bà Nghênh Phong theo thứ tự trên dưới, vì theo lời bên A đây mới là phần cốt lõi của quyền tự truyện.

Thế nhưng khi xem qua bản nháp của năm ngày làm việc, bên A tỏ vẻ bất bình:

- Lộ quá! Sắp xếp đâu ra đấy, cho mờ mịt hơn đi. Đâu rồi cái ma đạo trộn gạo với bông cỏ của nhà văn Thì Quán? Thấp một cây nhang trong lúc viết cho nó nghi ngút lên. Thú thật với ông tôi không phải loại tàn tật chữ nghĩa; mấy chục năm xa xứ đời đưa đẩy sao mà rớt cuộc lại rơi vào con đường sáng tác, tuy tác phẩm có bời rời bạc rạc vẫn được coi là một cây bút hải ngoại tên tuổi. Do chú tâm viết sạch viết đẹp nhằm tạo hình ảnh một người viết nhân ái có lý tưởng và tâm hồn cao thượng, tôi quen nét hạnh đi rồi; không dám chường mặt thật cũng không có khiếu lột truồng nhân vật bằng kỹ xảo điện ảnh một cách ...nghệ thuật như bọn đạo diễn có tay nghề, điều khiển điều luyện ống kính cho cận cảnh một tí chỗ này, làm nhòa một tí chỗ khác, biến hóa khôn lường như *Lục Mạch Thần Kiếm* (2). Trước đây tôi đã từng ví ngòi bút của ông như một thứ kiếm khí vô ảnh. Chớ bộ ông không luyện Kim Dung sao, không ai tin đâu! Bộ vó giáo chủ cái bang Kiều Phong như ông khó mà lấy vải thưa che mắt người phạm, nói chi đến thánh.

Hơi nào nề tiếc công cả tuần cặm cụi làm việc bằng tất cả tim óc, lão sĩ lừng bưng một chặp rồi áp ứng, giọng chân thành:

- Tôi khó thể phủ nhận thiên khiếu kể chuyện chi tiết đầy tiết tấu cùng hình ảnh của bà. Thật là uống khi biên soạn lại theo cách của tôi.

- Nói vậy thì thôi tôi cần đến ông làm gì? Chỉ việc ngồi một mình lải nhải vô máy ghi âm rồi thuê người đánh máy, bỏ tiền túi ra in thành sách phát không ở công vào siêu thị,

trạm xe buýt hoặc ga xe lửa. Hồi ký không chỉ là chuyện vạch áo cho người xem lưng hay vạch lá tìm sâu nơi người khác để tôn vinh cái tôi, nó vẫn có thể là một tác phẩm...u...nghệ thuật. Ủi trời, sao tôi ghét hai chữ này quá. Nhưng nè, chớ quên nó là tác phẩm của ông, vì tôi sẽ không ký đồng tác giả, vậy cứ ngang nhiên đổi tên họ nhân vật, cho nắng lên mưa xuống miễn sao cái sự hâm hấp của câu chuyện vẫn được tôn trọng. Nhiệt đới mà, quên sao?

Lão Thì Quán đã phải giấu sự sững sốt trước hai chi tiết hoàn toàn mới mẻ:

1 - Do bị tường lửa lão lờ quờ không thể cập nhật dễ dàng văn học Việt hải ngoại, không ngờ khách hàng của mình cũng ở trong giới viết lách; lại càng khó biết nếu bà ta không dùng tên thật.

2 - Một điều khoản quan trọng không thấy đề cập trong hợp đồng, cũng không nghe bên A giao trước, đó là lão sẽ chịu trách nhiệm toàn bộ tác phẩm.

Sơ hở chủ quan bên B hay cố ý bên A muốn đặt lão trước sự việc đã rồi? Vậy sao gọi là hồi ký hay tự truyện? Bán cái hay cúng đường? Có vẻ như bên A bỗng dưng nổi hứng bắt tử thay đổi đường lối tác chiến nhường bước cho bên B tác nghiệp do thành ý muốn giúp kẻ sĩ mặt vắn phục hồi nhân phẩm, hay vì dè dặt trước những người đọc thông minh mà tìm cách thoát hiểm qua ngõ sau? Dầu gì lão đã được bật đèn xanh. Trong tinh thần cảnh giác cao độ, lão luôn tâm niệm người kể chuyện không hề “tàn tật chữ nghĩa” như đã tự thú nhận.

Lão Thì Quán bắt đầu tuần lễ thứ nhì trong tâm trạng đầy hoang mang pha lẫn hào hứng, đồng thời luôn giữ tư thế ứng chiến trước những cơn đồng bóng bất chợt của bên A. Trừ phần nửa số tiền đã được tạm ứng, hợp đồng rồi ra có vẻ như đã trở thành một tờ giấy lộn. Vừa lắng nghe lão vừa chỉnh sửa giọng kể trong đầu, biến nó thành câu chuyện của chính mình, lăm lăm phần chân tự thêm lửa củi đến

phùng phùng cả mặt mũi mà không biết.

Thấy vui trong người, cuối ngày lão đã sì sụp một tô phở Phú Gia xanh um hành trần ở Lý Chính Thắng, rồi phom phom Cánh Én bay về chân cầu Miếu Nổi hút tòn tọt một hơi hai ly nước mía ngọt như đường hóa học của con Hai Mập.

Họ tiêu mất bốn buổi cho chương hai với 26 thành viên của gia đình anh cả Trầm Thụ Phú như đã dự tính. Thứ sáu, bà Nghênh Phong bất tỉnh linh hướng câu chuyện vào chính bản thân, cho rằng những dây mơ rễ má tự chúng sẽ mắc dính vào nhau, thắt gút hay coi nói tùy theo từng chặng của mạch chuyện. Trừ phần ông bà cha mẹ không thể thiếu dùng làm chương mở đầu cho quyển sách, các anh chị em, hừ, đời ai nấy kể theo góc nhìn của mình, bà chỉ mượn sự có mặt của họ như những mảnh ghép cần thiết cho toàn cảnh bức tranh di truyền, hơi đâu mà phí cả chương cho mỗi nhà.

Gần như đã dần quen cách làm việc khi thăng khi giáng của bên A, bên B ngâm tẩm chịu trận. Thời buổi nhiều nhương, viết về mình có ngày bỏ mạng do lạng quạng chính kiến, nay bất ngờ có kẻ cúng dường thì cứ an nhiên hưởng phước sương đi, nhang đèn tính sau. Lão tự động viên.

Bà Nghênh Phong loanh quanh một hồi với tuổi thơ dữ dội thời chiến, tuổi thanh xuân đắm địa yêu đương, những cuộc tình lỡ, những chuyến đi xa ở cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, góa phụ trẻ thọ tang chồng già, lần vượt biển tưởng chẳng thể thấy bờ, những năm cày sâu cuốc bẫm cho sự sống và lẽ sống nơi đất khách...

Giữa lúc bên B đang mơ màng tự hỏi không biết đỉnh điểm câu chuyện nằm ở chỗ nào sau mười ngày làm việc, chợt nghe bên A cao giọng:

- Em Tám ra đời làm thay đổi cuộc đời chị Bảy. Trong lần về trước của tôi nó có đến đây thăm, ngủ lại đêm rồi chết ngay trong cái phòng này, 54 tuổi, chẳng biết nên gọi hưởng thọ hay hưởng dương. Đó là do tôi đưa cho một cái gói rồi xúi *mày chết đi*. Khám nghiệm tử thi người ta cho biết nó dùng thuốc an thần quá liều. Tôi đã mài miết cả đời để chờ đợi một kết cuộc. Nó ác quá mà. Thực ra chết ở tuổi đó cũng chẳng trẻ trung gì. Hồi cuối thập niên tám mươi tôi đã từng làm giấy tờ bảo lãnh cho nó theo diện chị em; sau mười năm nó được gọi phỏng vấn, liền bán tháo bán đồ của chim của nỏ, xin thôi việc, thu dọn chiến trường chuẩn bị một cuộc sống mới. Đúng lúc ấy tôi phán *tao đôi ý*. Tưởng đâu nó đã hết đường sống nào ngờ còn thọ thêm đến 15 năm.

Lão Thì Quán có cảm giác như mình vừa ngủ gật, rớt đến mấy nhịp, huột mất phần lớn câu chuyện. Chắc chắn có một cái lỗ trống hoác, hoặc người kể chuyện đã từ đó chui ra hoặc chính lão đã mắt nhắm mắt mở chui vô. Giờ lấy căn cứ gì ngắt lời:

- Xin bà....

Chợt nhận ra máy ghi âm đã tắc tị từ lúc nào, lão trấn chặt bàn tọa trên ghế bành vận nội công, lấy hết sức bình sinh kích hoạt các vi mạch thần kinh trong nỗ lực phục hồi *Vô Ảnh Kiếm Khí*, phóng toàn tâm vào chỗ câu chuyện bị đứt. Vô vọng, lão ực một ngụm nước lớn rồi trân mắt nhìn người đối diện đến cứng cả hai mí, đồng tử co lại nhỏ xíu như mắt ma cà rồng trước lúc hút máu con mồi. Cục nghẹn trôi lên họng, vừa giận chính mình lão vừa tự hỏi giằn lặn róc rách trong huyết quản bà này là máu ác hay máu điên đây?

Nhìn bộ dạng lão Thì Quán loay hoay giữa lưng chừng hư thực sau giấc Nam Kha, bà Nghênh Phong phá ra cười, rung rinh đến nổi mấy vật mỡ chừng chinh trên người đổ nhào cả ra. Cuối cơn, bà rút khăn giấy chùi nước mắt nước

mũi, xong nâng *Bàn Thực Chỉ* trở vào góc sâu bên phải, nơi lắp ló cái giường một mét sáu phủ vải hoa, giọng còn lục bụi sau trăn ngà nghiêng:

- Một hả? Vô đó ngả lưng một chút đi, tôi kể lại từ đầu cho nghe khỏi cần thay pin máy ghi âm. Rõ ràng mỹ kim thì có mà hoàng kim thì hết rồi.

Như nuốt phải *Đoạn Trường Tán*, lão nghe trong người lão đảo. Mộng lớn hưng phục Đại Yên rồi cuộc chi chấp chùng chấp choạng u u minh minh trong những cơn điên cuối đời của Mộ Dung Cô Tô. Phần lão, dẫu gì vẫn còn đó cái hợp đồng, tuy rất có nguy cơ bị hủy sau hai tuần nháp nha nháp nhồm. Ầy da, qua sông tắt phải lụy đồ, chứ chẳng lẽ xụ mặt bí xị tung chiêu *Ẩm Nhiên Tiêu Hồn Chương* (3) của Dương Quá?

Trần Thị Ngh

Sartrouville, tháng 9.2014

(1) Nguồn: <http://soi.today/?p=153807>

(2) **Lục Mạch Thần Kiếm** không phải là một kiếm thuật mà là một loại kiếm khí tu luyện dựa trên cách vận hành tâm pháp yếu chỉ rồi dùng Nhất Dương Chi phát triển thành kiếm khí. Sáu mạch của bộ kiếm khí này bao gồm:

- Tiểu tử - Thiếu trạch kiếm (ngón út tay trái)
- Tả hữu tiểu tử - Thiếu xung kiếm (ngón út tay phải)
- Tam quy kim mạch – Quan xung kiếm (ngón áp út và ngón đeo nhẫn tay phải)
- Trung chỉ - Trung xung kiếm (ngón trỏ tay trái)
- Bàn thực chỉ - Thương dương kiếm (ngón trỏ tay phải)
- Mẫu chỉ - Thiếu thương kiếm (ngón cái tay trái)

(3) **Ẩm Nhiên Tiêu Hồn Chương** là loại kiếm pháp kỳ lạ bậc nhất do Dương Quá sáng tạo trong suốt 16 năm chờ đợi Tiểu Long Nữ và chỉ mỗi mình Dương Quá sử dụng được. Muốn sử dụng môn võ này phải mang tâm trạng sầu khổ đau đớn vô vọng. Khi vui vẻ hạnh phúc vô ưu vô tư thì kiếm pháp này mất đi thần hiệu.

Lưu Thủy Hương

Cõi lang lang

truyện

LTS: Trong thư gửi tòa soạn, nhà văn Lưu Thủy Hương cho biết là tác giả đã phá lệ khi gửi bài cộng tác TQBT:

“...Tôi viết trên mạng từ bao lâu nay, chọn thể giới ảo là đất sống của mình, kiên quyết không in bất cứ thứ gì lên giấy. (...) Chuyện cộng tác với TQBT là nằm ngoài chủ trương sáng tác. Vì tình cảm quý mến sâu đậm của tôi dành cho anh, cho công việc kiên trì đầy tình nghĩa của anh mà tôi phá lệ ...”

Quý bạn có thể tìm đọc những sáng tác của Lưu Thủy Hương trên Mạng qua địa chỉ của Blog tác giả:

<http://luuthuyhuongblog.blogspot.com>

Nhà văn Lưu Thủy Hương hiện định cư tại Đức.



Sophia Ferdinand là một kiều nữ tóc vàng đẹp mê hồn. Đôi môi nàng căng đầy và đỏ sẫm như trái anh đào chín mọng. Ngay từ lần đầu tiên gặp gỡ, tôi đã không kiềm chế

được khao khát đề nghiên hàm răng mình lên làn da ẩm ướt để chiếm đoạt vị ngọt phồn thực. Thân hình Sophia tròn trịa căng cứng và trắng nõn như búp măng tây tháng tư. Khi ôm tấm thân mê loạn đẩy vào lòng, tôi đã không còn biết mình là ai. Cả gian phòng tràn ngập niềm lạc thú: chiếm đoạt và xả hận.

Fred Ferdinand là một kẻ tàn tật về thể xác. Gã ngồi im lìm trên chiếc xe lăn đặt cạnh bể bơi, lim dim mắt theo dõi những cử động của tôi và Sophia dưới làn nước ấm. Khi gã nhìn chăm chăm vào phần đũng quần đang căng cứng vì ham muốn của tôi, ánh mắt gã trở nên xám xịt trong một thôi thúc hủy diệt đầy man rợ. Đây không là ánh mắt của tên tử tù già nua bước ra giác trường trong một khát vọng sống còn đầm máu. Đây là ánh mắt mang nỗi khao khát hung tợn muốn tiêu diệt cả thể giới trần trụi sự sống vào trong thân hình tàn tật bệnh hoạn - và hủy diệt nó. Tôi rùng mình, co rúm người lại, mọi ham muốn nhục thể đang bùng nổ bùng tan biến như bọt nước.

Tôi là một người hàng xóm mới của gia đình Ferdinand. Tôi vừa dọn vào căn nhà song kế có hai tầng ở đầm Lupas. Tầng trệt là phòng khách và phòng ngủ, tầng lầu là thế giới của trẻ em. Phòng làm việc nằm hắt dưới hầm. Tường nhà bên trái kết liền với tường nhà Ferdinand. Tường nhà bên phải nối vào garage để xe. Tôi có bằng lái nhưng không có ô tô. Con đường nhỏ lát đá phía trước nhà trồng toàn cây hạt dẻ. Mùa đông dẻ rụng hạt vàng cả lối đi, nhưng chẳng ai thèm nhặt. Đây là khu nhà giàu. Khoảng sân cỏ phía sau khá rộng chạy dài ra đến cánh cửa gỗ thông ra đầm nước. Bên ngoài kia chỉ toàn lau sậy vắng bóng người qua lại. Thịnh thoảng có tiếng vịt trời khàn khàn vọng đến cùng tiếng chó sủa lạc lõng. Gió tràn qua bờ gậu, thổi đám lá rụng mùa thu từ bên vườn nhà Sophia rải lác đác xuống bể bơi. Mặt nước loang loang đỏ. Khuôn mặt trắng bệch đóng khung đen trong tủ kính đầm đẫm nhìn ra mảnh sân nhỏ. Có lẽ nó đã qua những mùa hè vui thú dưới làn nước trong

mát, cho đến lúc người ta tìm thấy xác nó, nổi bật bên
bên góc hồ.

*

Fred thường ngồi dưới tàn cây mận trổ hoa đỏ hồng vào mùa xuân, đơm chồi đỏ tía mùa hè, nhuộm lá đỏ vàng mùa thu. Mùa tuyết trắng mận phô tàn xương đỏ xám giữa vùng đồng khô âm đạm. Fred ngồi lặng lẽ mơ màng trong chiếc xe lăn, phôi cặp chân bất động trong những ngày nắng nóng và ủ kín chân trong những ngày u lạnh. Chiếc vòng bạc chạm hình cánh én trên cổ tay phải, buông thõng ngoài thành xe. Nhưng hình ảnh rõ ràng nhất mà những người qua đường lẻ loi có thể kể lại cho cảnh sát là, cái ipad luôn được Fred giữ chặt bằng tay trái, kể cả khi gã nhắm nghiền mắt như vật vờ ngủ.

"Ngày 16 - 2, tòa án Berlin đã chấp thuận yêu cầu của luật sư bào chữa, tạm hoãn phiên tòa xét xử vụ án mạng đâm Lupas cho đến ngày 16 - 6. Bị cáo là bà Sophia Ferdinand, 24 tuổi, bị tình nghi giết chết chồng là Fred Ferdinand, 47 tuổi.

Luật sư bào chữa yêu cầu xem xét lại những mối quan hệ của Fred Ferdinand trong làng văn chương, hòng tìm ra một manh mối mới. Xác nạn nhân và chiếc xe lăn được tìm thấy dưới bể bơi. Chiếc vòng bạc trên cổ tay bị kẹt dính vào bánh xe. Theo giám định của pháp y, kẻ xấu số chết vì ngạt nước. Thân thể không có dấu hiệu của sự hành hung. Tuy nhiên cảnh sát đã không tìm thấy ipad của Fred Ferdinand ngay tại hiện trường, và cả trong căn nhà hai tầng của cặp vợ chồng. Hàng xóm và người qua đường cho biết, nạn nhân luôn xuất hiện trên xe lăn cùng ipad.

Luật sư bào chữa phản đối nghi ngờ cho rằng, chính Sophia Ferdinand đã sát hại chồng để lãnh quyền thừa kế và tiền bảo hiểm. Theo ông, Fred Ferdinand có thể bị giết

vì một nguyên nhân khác: Vụ án mạng nhằm vào tác phẩm mới hứa hẹn nguồn doanh thu khổng lồ của nhà văn đang đứng đầu danh sách Spiegel - Online best seller.

Tuy nhiên, nếu không tìm ra tang chứng chính yếu của vụ án thì phiên tòa sơ thẩm vẫn diễn ra vào tháng sáu. Trong trường hợp bị kết tội, Sophia Ferdinand sẽ lãnh mức án 15 năm tù cho tội cố sát và 3 năm tù cho tội lừa đảo bảo hiểm."

*

Tôi quen Fred trên một web văn chương dành cho đám tác giả vô danh tiểu tốt, những kẻ cả một đời cầm bút mà không ló được bản mặt lên văn đàn. Khi đấy tôi không hề biết rằng nickname Pferdi Fe chính là tác giả lừng danh Fred Ferdinand. Chuyện sinh hoạt của tôi trên diễn đàn ảo cứ đứt đoạn liên tục vì công việc mưu sinh và vì hàng trăm mối bận tâm khác. Thi thoảng tôi mới quay lại trang web, mà chủ yếu để tìm người tâm sự. Những khi ấy, Pferdi đều mau lẹ để lại comment. Sự kiên nhẫn và tận tâm của gã đối với tôi là niềm an ủi đích thực. Nhưng Pferdi lại có cái lối đắm thẳng vào mặt rất là khó chịu.

"Dạo này không thấy anh gửi bài lên diễn đàn. Một số truyện của anh rất có cá tính, cứ chuyển qua cho tôi nhận xét và tu chỉnh lại trước khi đăng."

"Pferdi, tôi chẳng có thời gian. Bây giờ bọn tôi chỉ viết blog và những bài xã luận ngắn gọn. Nó không đòi hỏi nhiều công sức đầu tư. Nó gay gắt và gần gũi với tình hình nóng bỏng hiện tại ở quê nhà, nên dễ đem lại thành công cho người viết."

"Ồ, thế ra sự thành công trong văn chương được đo bằng những cách ấy?"

Tôi căm ghét sự giúp đỡ của Pferdi.

Mùa hè, tôi lại thất nghiệp, vợ con khăn gói ra đi. Căn hộ hai phòng chật hẹp ở khu trung tâm trở thành gánh nặng tài chánh. Chuyện văn chương chẳng mang lại một đồng lợi nhuận nào ngoài những bế tắc và uẩn ức. Các trang mạng sống bằng máu của nhà văn lạnh lùng ra thông báo: "Không đăng lại những bài đã đăng ở nơi khác." Đây là lý do để bọn bị hút sạch máu chẳng còn chút hơi thở mà vẫn xì ra được tiếng chửi thề. Một tác phẩm viết ròng rã ba trăm sáu mươi lăm ngày may mắn được một lần hiện lên trang nhất, ba ngày sau lặn mất tăm vào xó xỉnh. Nhà văn thế giới ảo sống bằng không khí ảo, đã dành, nhưng còn bị ép đến khô cả xương thịt. Tôi trở lại diễn đàn, mang theo những lời nguyên rủa cay độc nhằm vào tất cả bọn lý thuyết gia đang ngoác miệng ra ca tụng nền văn học tự do.

"Trong khi bọn tôi phải è cổ ra nhặt từng xu nuôi sống văn chương thì những cuốn tiểu thuyết giải trí rẻ tiền, thậm chí là rác rưởi, leo lên danh sách best seller."

Pferdi gửi cho tôi một tin nhắn:

"Toani này, gia đình hàng xóm của tôi vừa dọn về Tây Ban Nha. Căn nhà chưa thể bán được. Anh có thể nhận chân quần gia từ một đến hai năm, tiền lương 500 euro/tháng."

Tuyệt vời. Một chốn nương thân và một số tiền tạm đủ sống cho mơ ước. Fred không bảo cho tôi biết, gia đình hàng xóm chạy trốn cái chết của thằng con nhỏ. Họ không bao giờ quay lại căn nhà này. Họ chỉ cần một người sưởi ấm căn nhà cho đứa con có nơi trú ẩn.

*

Fred là một nhà văn thành công nhờ trí tưởng tượng kỳ quặc. Gã viết về một thế giới hoang tưởng hỗn độn bên

ngoài vòng quay của bánh xe lăn. Tôi và Sophia là tù nhân bị giam cầm trong cuốn tiểu thuyết ma quái và kinh dị mới nhất của Fred. Hình ảnh méo mó biến dạng của tôi qua cái nhìn tàn tật của gã thật là ghê tởm. Nhưng tôi không sao cưỡng lại được phần ham muốn đang bị Fred bị kích thích tốt độ. Cả thân người tôi căng ra trong hoang dục, dù tôi chưa bao giờ là một người đàn ông có nhu cầu mạnh mẽ. Sophia tìm cách chuyển cho tôi những trang viết mới nhất của Fred. Tôi lén lút đọc nó và ghen thờ nhận ra, ở vách tường bên cạnh, tên phù thủy trong thân người tàn tật đang từng trang, từng bước, dẫn tôi vào cái chết bi thảm.

Trong đêm tối, tôi đứng bên mép hồ nước đen thăm thẳm. Xác tôi trôi bập bênh giữa đám rác rưởi, thỉnh thoảng lại bị mấy con cá nhảy trời lên. Bọn chúng đang bám vào phần bụng dưới của tôi mà rửa ròi. Tôi kêu rú lên trong đêm hoang lạc.

*

Khoảng không gian dưới tầng hầm thật là tuyệt vời. Nó yên tĩnh, tắm tối cộng thêm chút bừa bộn. Tôi gần như sống hẳn dưới đây, làm việc, ăn ngủ, tắm rửa, chỉ thỉnh thoảng mới lên nhà trên để sử dụng bếp núc. Bầu không khí trong phòng khách cứ khó chịu thế nào. Lại chẳng hiểu tại vì sao. Hình như nó thoang thoang mùi cải chua. Lại nữa, tấm hình thằng bé kê giữa mấy ly rượu thủy tinh cứ nhìn chòng chọc ra bên ngoài. Chắc nó trách tôi nhận tiền của bố mẹ nó mà để mặc nhà cửa hoang tàn lạnh lẽo thế này.

Màn hình ipad vừa khởi sáng. Khuôn mặt trẻ thơ thoảng hiện ra rồi biến mất. Tôi lặng người nghe tiếng cười ùng ục trượt qua những bậc thang đá lạnh. Tiếng cười cô độc của thằng bé bị sắc nước. Có lúc, nó muốn kéo tôi lên những bậc cầu thang treo đầy tranh vẽ. Nét viết chì trẻ con nguệch ngoạc trong một thế giới tưởng tượng đầy nghịch

lý. Nhưng tôi từ chối. Tôi không thuộc về thế giới hoang tưởng đấy. Điện vẫn sáng, màn ảnh chấp chờn khi trắng khi xám. Gió từ cửa thông gió lùa xuống hầm nhà. Mấy cái ly thủy tinh bên trên phòng khách bỗng rung lên lạnh canh. Vì sao thằng bé chết. Vì sao nó không siêu thoát được. Cái bóng nhỏ xíu in lên tường thờ ơ. "Trẻ con vẫn thường là nạn nhân mà."

Tôi nhấp ngụm cà phê, cố chong mắt trong đêm gần sáng, nhưng mọi thứ cứ chực nhòe đi. Một bọn người rách rưới theo cánh cửa gỗ thông ra đầm kéo vào sân. Chúng tụ tập trên bề bơi, ánh trăng soi xuống những cái bóng dài lăm lăm dao chặt cá. Giọng trẻ con lại thì thào ngay sau lưng:

"Toani. Chúng ta đi ra đây thôi."

Tôi vừa ngáp vừa chửi:

"Cút ngay. Ranh con."

"Nhưng phải có ai đuổi họ đi chứ. Sân chơi trẻ con mà họ cũng vào chiếm, chẳng còn chỗ để bơi nữa." Nó đổi giọng thút thít.

"Nhưng bọn nào kia?" - Tôi vờ vĩnh hỏi.

"Bọn chết dấp ngoài đầm lầy đấy."

Thật là quá sức chịu đựng. Đấy, cả một tá người chết ngoài đầm lầy. Tôi đứng dậy che mắt nhìn ra vườn. Đám côn đồ ngoài đấy thật ra cũng chỉ là những đứa trẻ vừa mới lớn. Áo quần tả tơi lại cứ lăm le dao cuốc, trông thật bi thảm. Thằng bé trong tủ lại khóc thút thít. "Họ có là trẻ con nữa đâu. Nhìn mấy con dao là biết." Đầu tôi đau nhức như bị bả ra làm đôi. Thật thế, có thằng nào rình tôi hờ hênh là bỏ ngay dao vào đầu. Tôi chẳng lạ gì chúng. Bọn này điên cuồng và xuẩn ngốc, cứ nghe hiệu lệnh là vác dao cuốc

xông tới. Tôi với tay bật công tắc đèn pha ngoài vườn. Ánh sáng trắng loá bùng lên, những tiếng động bên ngoài vụt biến mất. Chủ nhà này dường như chuẩn bị đầu vào đây. Trong hợp đồng làm việc có cả chuyện mở đèn pha hai lần mỗi tối. Thế mà cố tình quên đi. Đưa nào lại thì thăm bên tai, thẳng phản bội.

Buổi sáng, tôi tìm thấy chùm chìa khóa bê bết bùn ngoài bậc cửa nhà. Chẳng rõ vì sao mình lại đoảng thế.

*

Thật không thể chịu nổi, vòi nước bể rửa chén chảy suốt đêm. May mà tôi chẳng còn vợ, chứ không thì lại rửa ròi da thịt nhau. Cả cầu thang và tầng hầm giờ đây lênh láng nước. Suốt hai ngày tôi vật lộn với đồng giẻ lau và thau chậu. Căn phòng làm việc bắt đầu khắm mùi cải chua. Cái sofa trong góc nhão nhoét như khoai tây thối.

Tôi ngán ngẩm bê laptop ngồi xỏm lên đám thau chậu. Lá thư của thằng bạn nôi khó hiện ra trên màn hình xám xịt, vào một lúc chẳng lấy gì thuận tiện. Dường như nó cũng đang rơi vào trạng thái rã rời. Wei Wi kể cho tôi nghe về cõi lang lang. "Bọn họ trượt dần vào đây và biến mất."

Tôi hắt xì ra nước, thử vận động đôi bắp tay mỗi nhừ. Đánh phải chuyển chỗ làm việc từ tầng hầm lên phòng khách, mặc kệ cho nước ngập lụt dưới này. Đạo này mọi người cứ rất nói về những cái chết. Bọn dờ hơi làm như ngày tận thế đã đến.

"Lại còn cõi lang lang nào nữa? Tôi có hàng núi công việc phải làm đây." Tôi đảo mắt nhìn quanh, gian phòng khách chẳng được chăm sóc phủ đầy bụi và lá khô. Có tiếng thờ dài vang lên sau lưng. "Nơi này như cái nhà mồ." Tôi bực dọc đứng lên đóng cánh cửa sổ thông ra vườn. Chiếc bóng đen vừa để lại những vết chân mờ trên con đường phủ

tuyệt dẫn ra đầm lầy.

"Thoạt đầu mọi thứ cứ rối nùi lên và rồi lẫn lộn vào nhau. Sau đấy thì trôi tuột đi, không sao cưỡng lại được." Wei Wi tiếp tục viết bằng nét chữ Comic Sans rất bé và nguệch ngoạc.

Wei Wi vừa công bố tập xã luận dài thậm thụt về cái gọi là "sự hủy diệt và tự hủy diệt trong văn chương". Bài đăng nhiều kỳ trên diễn đàn của bọn tôi và báo Kulturelle Identität, nhưng chẳng gây được sự chú ý nào. Tôi chẳng có thời gian để đọc những thứ tràng giang đại hải mà hân xở ra trong cơn tuyệt vọng. Những người khác chắc cũng thế.

"Đừng kể với tôi là anh cũng đang trôi tuột đi, không cưỡng lại được." Tôi hồi âm bằng lời nguỵên rủa.

"Nó tự tìm tới chúng ta, đòi món nợ cũ. Dù có trốn ở chân trời góc bể nào đi nữa. "

Món nợ nào chứ. Vớ vẩn. Ở đây ai biết tôi là ai. Wei Wi biến mất. Trang web vắng chủ đìu hiu, loang lổ dấu virus. Tấm hình tác giả ở góc trái, đội mũ tai bèo thêu hàng chữ đỏ vàng. Nụ cười nhếch mép đang dờ và buồn tẻ. Tôi xóa đường link ra khỏi máy, cho nó biến luôn vào cái cỏi gì gì của Wei Wi. Một vài kẻ trong diễn đàn đột nhiên gọi điện thoại đến, thậm thụt hỏi xa gần về Wei Wi. Lại cứ cái giọng sợ hãi dấm dớ. Tôi đâm bực, một thằng dờ hơi biến mất thì cũng còn khối thằng dờ hơi khác quấy rối mình.

"Này nhé, tôi còn khối việc phải làm." Tuần này tôi phải lọc nước bể bơi, dọn sạch lá, theo như hợp đồng ký kết. Thật ra không làm cũng chẳng có ai kiểm tra, nhưng lương tâm nó cứ vờ vĩnh bảo thế.

Những mẩu chuyện về Wei Wi chấm dứt khi điện thoại di

động của tôi biến mất. Tôi không rõ đã đánh rơi nó khi nào. Bây giờ nó nằm đen đui dưới bề bơi, trong đám lá mục. Đàng nào thì cái iphone cũ xì đấy cũng hỏng rồi, có lặn xuống tận đáy để lấy cũng chẳng ích lợi gì, lại khoảng hết bùn lên. Bùn đọng cả tắc dưới đáy, nhưng cứ phải lờ đi thôi. Tôi phải đi làm kiếm tiền mua cái iphone mới. Bọn phục vụ nhà hàng chỗ tôi đều có iphone 6, màn hình 5 inch.

Ánh đèn bên nhà Fred vừa tắt trên bãi cỏ đen. Gã kết thúc một ngày làm việc đầy đặn chữ nghĩa của mình và sẽ chìm trong giấc ngủ đưa gã vào thế giới khác. Tôi ngồi trước màn hình trống rỗng với một mớ ý tưởng đầy ắp trong đầu, rạo rức chờ tiếng tra chìa khóa vào ô cửa.

*

Răng tôi cắn ngập vào thân thể ướt đầm vừa lồi từ dưới hồ lên. Khuôn mặt Sophia hiện ra nhờ nhờ trong bóng đêm. Đoạn tiểu thuyết ban chiều của Fred làm tôi hoá điên. Nhân vật tôi chỉ còn một đêm loạn cuồng trước khi nhận cái chết. Kết cuộc bất ngờ đấy làm tôi đâm hốt hoảng. Cả hai đứa không có đủ thời gian để bày chuyện trên sofa. Ngay bên bậc cửa, tôi túm lấy mái tóc vàng ướt, vật ngược cái đầu dài ngoẵng ra phía sau. Đôi môi đầy dề lộ hàm răng trắng nhọn, từ đấy thoát ra một tiếng trầm đục đầy khoái lạc. Tiếng kêu như thúc hối, làm thời gian càng ngăn tịt lại. Tôi vội vã cấm phập cây cọc xuống lòng giếng khô. Những tiếng chửi thề tục tĩu tuôn ra thành dòng giải thoát. Khi bàn tay ba ngón của Sophia cào trên lưng tôi từng đường nhục cảm, tôi đổ gục xuống như tàu lá héo.

Tiếng tra chìa khóa vang lên lanh canh ngay bên ngoài bậc cửa. Con chốt bật lên khô khốc như bị cắt ngang ỏ. Tôi rợn người cổ vùng dậy. Cái chìa ba xấn ngang thất lung, cắm tôi xuống sàn nhà. Tôi vùng vẫy trên vùng da thịt tan rữa mùi cải chua.

Bàn chân trắng nhợt thò qua khe cửa, xiêu vẹo bước lên những bậc thang của tầng lầu.

*

Tôi thường về nhà rất muộn, vào giờ tiệm ăn thôi nhận khách và đám nhân viên bắt đầu thanh toán hóa đơn. Những khi lỡ chuyến tàu đêm, tôi phải cuốc bộ qua phố, mất hơn một giờ đồng hồ mới về đến cổng nhà. Bao giờ bộ quần áo làm việc cũng bốc mùi dầu mỡ kinh khủng khi tôi bước vào nhà, cởi tằm áo dạ bên ngoài ra. Đây lại là mùi sự sống duy nhất tồn tại trong thế giới ma quỷ này. Đôi lúc tôi mệt mỏi đến độ chỉ đủ sức cởi bộ quần áo bầy hầy ném vào góc nhà rồi ngã vật ra giường. Sophia luôn rên rĩ tìm kiếm mùi vị trên thân thể tôi. Con quỷ cái ngấu nghiến nuốt lấy cái mà nó thèm khát gọi là mùi vị của sự sống. Bộ mặt trắng bệch ửng màu trong giây lát rồi chìm vào màn đêm. Tôi lả đi trong hoan lạc, khi tỉnh giấc, thấy mình nằm chơ vơ bên mép bể bơi. Nước lạnh thấm qua đám tóc dày gây tê liệt khoảng đầu phía sau. Cảm giác đỡ dần kéo dài rất lâu cho đến khi tôi đủ sức lặn mình ra xa khỏi mép hồ. Bộ đồ dầu mỡ trên người cũng đắm nước, bây giờ nó sặc mùi clo.

Bên kia tường rào Fred vẫn miệt mài làm việc, ánh đèn màu xanh lục hắt lên tàn mạn đỏ. Tôi há miệng muốn gào thét to nguyên rửa gã, nhưng chỉ đủ sức bật ra những tiếng kêu ú ớ vô nghĩa. Gã vẫn để thẳng tôi tiếp tục sống. Cuốn tiểu thuyết câu khách dài thêm ra.

*

Con đường mùa đông phủ đầy băng tuyết. Chuyến tàu điện cuối cùng rời khỏi trạm để lại vệt sáng đỏ nơi góc đường. Tôi thờ dốc trong tiếng chửi thề giận dữ. Hơi lạnh đang thấm qua lớp áo bông dày, chui vào từng bắp thịt khớp xương. Tôi theo đoạn đường tắt băng qua đầm lầy. Từ đây

lộ mọ băng bừa về nhà khoảng ba mươi phút. Nhưng nếu lạc lối lại đi rất xa vào vùng đất hoang của trại nuôi ngựa, loay hoay mất cả giờ. Trong đêm tối, đồng lau vón cục lại, chẳng có đường ra đường vào. Con dao chặt cá đập từng nhát lên hông theo mỗi bước chân. Tôi dầm đôi ủng mòn đế lên bãi đất nhấp nhô, vạch lau cỏ dẫm về phía chòm sao bắc đẩu. Hàng cây đoạn hiện trên trời xám như bức tường đen báo hiệu ranh giới trại nuôi ngựa. Fred bảo, phía sau hàng cây đây từng xảy ra một vụ án mạng trò giết thầy rất là ngẫu nhiên. Tôi ngạc nhiên hỏi:

"Giết thế nào mà ngẫu nhiên?"

"Thằng kia trượt chân ngã xuống nước, đầu vỡ làm đôi."

"Thật là ngẫu nhiên. Thế còn nhân chứng?"

"Nhân chứng đều chết ngẫu nhiên như thế cả."

Từ đây trang trại đã bỏ hoang, đã từ mấy mươi năm hay mấy trăm năm nay, nhưng trong đêm vắng người ta vẫn nghe tiếng ngựa sải vó trên bãi tập. Gió từ đầm lầy thổi sang, lao xao hàng lá đoạn. Tôi rút con dao chặt cá ra cố nắm chặt giữa lòng bàn tay lạnh cóng. Quanh tôi, bọn đồng đảng cũng lăm lăm dao chặt cá. Chúng tôi đi chung một con đường tối đen mịt mù lau sậy. Chân dẫm lên máu mà ngỡ dẫm lên bùn.

Tôi về đến nhà đã quá nửa đêm. Tám hình thằng bé sau cửa tủ nhìn ra đầy oán giận, nó không muốn bị giam cầm quá lâu trong khoảng không gian tù đọng của cái chết. Cánh cửa thông ra bể bơi tôi đóng chiều hôm trước, giờ lại mở ra. Tôi tức giận nghĩ đến chuyện mang tám hình quái ác lên tầng trên. Nó thuộc về thế giới ở trên đây. Phòng khách và nhà hầm là phần đất của tôi, theo đúng như thỏa thuận với chủ nhà. Chưa bao giờ tôi bước qua khỏi những bậc cầu thang bằng gỗ phủ bụi để đi vào dãy phòng trẻ.

Đám cây chết khô trên lan can lòng thòng rũ xuống như quả trách. Vớ vẩn. Trong hợp đồng làm việc làm gì có chuyện tưới cây cảnh trong nhà. Ủ, thì có chữ "tưới cây", nhưng không ghi rõ là cây trong nhà hay cây ngoài vườn.

Tôi ném đồng áo quần hôi rình vào góc nhà tắm. Đêm nay Sophia sẽ không sang tìm tôi. Cô ấy sẽ chẳng bao giờ còn có dịp sang đây. Ngày mai tôi có cuộc hẹn thăm vấn ở phòng điều tra. Người hàng xóm ở sát vách gia đình Ferdinand lẽ đương nhiên là sẽ bị cảnh sát sờ gáy, nhưng chẳng có ai nghi ngờ mối quan hệ chòm xóm qua hàng rào. Một thằng nấu bếp thì chẳng có lý do gì để giết thằng nhà văn. Đêm ấy tôi lại tan ca muộn, lỡ chuyến tàu đêm, phải cuộc bộ qua phố hơn một giờ mới về đến nhà. Đôi ủng đã rửa sạch bùn. Tài liệu trong ipad cũng đã xóa trắng rồi.

Làn nước ấm phun ra đều đặn từ vòi hoa sen bỗng đột ngột lạnh cóng. Tôi rú lên kinh hãi. Tiếng rú chạy lên những bậc cầu thang vọng xuống thành tiếng cười khổ não. Gió đêm len qua cánh cửa vườn sau vừa hé mở, thổi lên mặt kính ẩm lớp bụi mù.

*

Những cơn đau đầu liên miên làm tôi lẫn lộn tiền hóa đơn. Chủ nhà hàng lại đẩy tôi vào chỗ rửa chén trong bếp sau hai tuần thử việc chạy bàn. Tôi bảo với cảnh sát, tôi đang cần tiền mua ô tô, chuyện mỗi ngày phải mất hơn hai giờ đổi tàu và đổi xe buýt làm tôi mệt mỏi. Một chiếc Audi màu xám tro sẽ nằm chễm chệ trong garage. Mà nhất thiết phải có ghế đệm bằng da, không thì xoàng xĩnh lắm. Bếp lò ngùn ngụt lửa ga tỏa hơi nóng sắc mùi mỡ cá cháy khét. Nhà hàng này đặc biệt có món cá chép chiên giòn sốt măng tây. Hôm trước bà chủ đã nổi cơn điên. Bao cá đông đá không được rã đông kịp thời để chiên cho buổi tối. Bà ấy bảo thằng Chan Pay làm việc đấy nhưng sao lại cứ quay sang trách mắng tôi. Cả buổi trưa tôi phải lo việc dọn dẹp

sắp xếp lại đám thùng carton trong hầm đá.

Bây giờ tôi rất sợ đi xuống những nơi lạnh lẽo như tầng hầm đông lạnh của nhà hàng. Thật thế, khi rơi vào nước, thằng đầy đã bị nhiễm lạnh.

*

Lẽ ra, nếu nó biết điều một chút thì tôi đã không mang nó lên tầng trên. Hợp đồng làm việc không cho sắp xếp lại đồ đạc trong nhà, nhưng tôi mặc kệ. Hôm qua nó mở cửa đi ra ngoài để gió thổi lá mận bay vào đây nhà. Lá được gom lại thành đồng giữa phòng khách, giống như một nắm mộ con. Tôi lan man nghĩ, bên dưới lòng đất lạnh lẽo lắm.

"Khi rơi vào nước cũng lạnh như thế."

Ai đẩy thì thảo vào tai tôi. Nhưng bây giờ tôi đã quen. Bên tai lúc nào cũng có những lời tâm sự vớ vẩn. Mở thùng mail ra cũng thế, rất những thứ tí tẹo, nhẩn gửi. Cứ lờ đi thôi, bây giờ mang tấm hình thằng bé lên lầu cho khuất mắt đã.

Bạc cầu thang gỗ rải rác những vết bầm chém dữ dằn. Một thằng bé hỉ mũi chưa sạch làm cách nào và bằng thứ gì có thể bầm nát mặt gỗ sồi. Cái miệng nó trên tường nhòe nhoẹt nước đỏ, không rõ là nước anh đào hay nước dâu tây. Đây là một mùa hè thật nóng, cây cỏ héo rũ và vàng hoe. Mồ hôi đổ ra lấm tẩm trên khuôn mặt đầy tàn nhang.

Tôi theo con đường dài đầy vệt bầm xé dẫn qua dãy tường đồ nát. Mấy bụi cỏ gai nằm xen giữa kẽ đá khô quắt queo. Nơi này dễ thường cả năm không có lấy giọt mưa. Vài con én đôi đậu vắt vẻo trên nhánh cây trơ lá chẳng còn hứng thú bay lên. Đoạn đường dài phía trước nghỉ ngút khói hương. Tôi ghen ngào nhận ra, trong đồ vỡ hoa mai vàng vẫn nở.

Bình hương nứt mẻ nằm chắn ngang lối đi. Cánh cửa đột ngột hiện ra cứ như nó tự tìm đến tôi. Một nửa đã bị mối ăn từng dọc rệu rã, nửa kia sương gió tro ra thớ gỗ bạc màu. Cửa chỉ khép hờ. Bên trong, căn phòng khô mốc vắng hơi người chìm trong lớp bụi gỗ vừa bay lên. Thằng hàng xóm đứng lù lù trước tấm gương ố vàng, gã đàn ông còi cọc, râu tóc lởm chởm, ánh mắt gian dối. Hắn không hề ngạc nhiên, chỉ lộ vẻ thù hận. Hắn biết tôi sẽ tìm đến, vì món nợ cũ. Tôi nghiêm khắc nhìn đứa môn đồ đã cố thay hình đổi dạng thành một người khác. Nhưng tôi vẫn nhận ra hắn. Thiên hạ cũng sẽ nhận ra hắn, trong bộ quần áo lao động, hiền lành dầu mỡ và thân thiện tương xỉ dầu.

Tôi biết, hắn sẽ chối loanh quanh cho tới giờ phút cuối cùng. Dù rằng, trong những lúc phấn khích ngu loạn hắn đã để tuột ra những câu sơ hở. Đôi ủng đã rửa sạch bùn.

"Anh đã có mặt ở nơi đây."

Hắn lăm lét nhìn xuống đôi bàn chân.

"Tôi lỡ chuyến tàu đêm, phải cuốc bộ vòng qua phố."

"Không, chuyện xảy ra vào buổi trưa."

"Buổi trưa nhà hàng có món cá chiên sốt măng tây."

"Nhưng anh không xuống hầm đá mà theo đường tắt chạy về nhà. Chạy đi chạy về, băng qua đầm lau, chỉ khoảng hơn hai mươi phút."

Tôi để mặc thằng bại hoại sư môn đứng trước gương, cho hắn tự soi nhân dạng mình. Ngay từ đầu câu chuyện đã là trò bịp bợm, một vài mảnh sự thật phủ lên cái hồ tội ác to tướng. Tôi lòi cái hòm gỗ từ trong góc nhà ra. Cái hòm cũng rệu rã vì bị mối mọt. Bộ sưu tập ô tô nặn từ đất sét tô màu nước nằm ngay bên trên. Màu sắc tàn phai cả, nhưng

vẫn nhận ra chút xanh đỏ của ngày xưa cũ. Cái ná gỗ sù sì có cột sợi dây thun bằng sấm bánh xe, có miếng vải ka ki được cắt từ ba-lô đường trường. Người đàn bà đã phải hét lên kinh khiếp khi phát hiện ra món kỷ vật bị thằng con khoét thủng một lỗ. Đây là một mùa hè đỏ lửa, ngọt ngào hương khói. Tôi bối trong đám mùn gỗ tìm được con cào cào thất bằng lá cau. Đôi dép râu mòn vẹt gót. Lưỡi cuốc cong vằm. Băng cát-xét mang lời hiệu triệu. Chùng này là chùng này thôi, có là gì không nhỉ. Nhưng còn cái mũ tai bèo đôi khi về thành nữa. Cái mũ tai bèo có mảnh vải đỏ thêu hàng chữ vàng "Cối lang lang" bị nhòe đi vì ngâm lâu trong nước thời gian.

Tên đồ tể trong bộ áo quần dầu mỡ đứng sau lưng tôi sợ hãi kêu lên: "Cái mũ tai bèo!" Hắn ôm đầu ngồi bệt xuống nền đất. Con đau làm miệng hắn méo xệch đi. "Cái mũ của Wei Wi."

"Và con dao chặt cá này nữa." Tôi ném con dao sắc xuống nền nhà. Nó nhảy nhồm trên nền gỗ, để lại một vết chém thô kệch. "Không thể dùng dao chặt cá để băm vằm quá khứ, cái giá phải trả rất khủng khiếp".

Khuôn mặt kẻ mắt trí hóa ra mờ dần. "Cái giá cho tội phản bội." Hắn loạng choạng đi xuống cầu thang, lần từng bước ra cửa.

*

Nước trong leo lẻo và tĩnh lặng. Gã đàn ông đứng bên mép hồ nhìn xuống mấy cái ngón chân đã bắt đầu trắng bệch. Tôi ngồi lên ghế xe lăn, thông thả ngắm lá mạn bay trong thế giới xa mù. Trên tay tôi, cánh én thương tật bay lên từ những cội mai vàng đỏ ngả. Thời gian vô thường trôi đi. Dâm dục, giết chóc, tục tằn, ma quỷ, lừa mị rồi tan như sương khói. Khoảng sân chơi trẻ em của thằng bé cũng phải trả lại cho nó. Tôi bấm nút khởi động màn hình ipad.

Tín hiệu kết nối màu xanh nhấp nháy. Gã đàn ông kêu lên tuyệt vọng:

"Khoan đã. Anh không thể nhảy xổ qua hàng rào để đảo lộn mọi thứ như thế. Một chút không gian còn lại này, ít ra, là của tôi."

Thằng người bé nhỏ mang vác một đồng tham vọng điên cuồng. Hắn cứ khăng khăng, bằng mọi giá, đòi cho mình một đoạn kết. Đoạn kết của bên thắng cuộc. Niềm tự hào của những tên đồ tể. Gió từ phía sau vẫn thổi đến, mang mùi nắng lửa. Những vấn đề từng được thảo luận trên diễn đàn đã không mang lại một suy nghĩ nào khác, cho những kẻ lăm lăm dao chặt cá. Văn chương chẳng phải vì kết cuộc, văn chương chỉ đặt ra vấn đề.

"Khi đội kỵ binh thúc ngựa rời khỏi đầm lầy, hắn vẫn ghì cương nán lại, nhìn lần cuối mặt nước calm lặng. Sứ mệnh thanh trừng trước khi rút quân đã không để lại một tên nhân chứng sống sót nào. Anh mắt hắn đột nhiên dừng lại trên cánh tay đeo chiếc vòng đúc hình cánh én. Bọn tội nhân đã bị cột dính chùm vào nhau trước khi đẩy xuống đầm. Giờ đây, không biết bằng cách nào, cánh tay đẩy lại ló lên khỏi mặt nước, vùng vẫy như muốn bay lên. Hắn phi ngựa đến, lạnh lùng vung dao lên lần cuối. Chiếc vòng bạc rơi tõm xuống vùng nước đỏ ối. Đây là bàn tay hắn đã từng kính cẩn cầm lấy, gọi người là môn sư."

Nắng chiều nhuộm tím ngàn lau. Giữa đầm nước mảnh vải đỏ thêu hàng chữ vàng chìm dần trong vùng không chứng cứ.

Berlin, tháng 8 - 2014

Lưu Thủy Hương

THƠ TUYẾT LINH

LTS: Trong số những độc giả thường xuyên của Thư Quán Bản Thảo có hai người tôi đặc biệt chú ý. Một người tên là Bùi Cao Hoàng, và một người tên là Tuyết Linh. Tôi nghi Bùi Cao Hoàng chính là nhà thơ Cao Hoàng Nhân vì nhà thơ CHN có tên thật là Bùi Cao Hoàng. Tôi cũng hơi nghi Tuyết Linh là nhà thơ mà tôi đã đọc trong cuốn Thi Ca Việt Nam hiện đại của Trần Tuấn Kiệt. Tôi viết thư hỏi chị TL. Chị thú thật chính là chị. Chị là một trong những nhà thơ nữ hiếm hoi được Bùi Giáng giới thiệu khi Trần Tuấn Kiệt hỏi ý BG về những nhà thơ cần phải chọn. Tôi dục chị làm thơ trở lại. Từ đây trên tạp chí TQBT thường đăng thơ chị. Mừng là chị vẫn tiếp tục như chị đã làm cách đây gần nửa thế kỷ...

Riêng bạn đọc Bùi Cao Hoàng cả năm nay không còn liên lạc được nữa. Địa chỉ ngưng nhận. Câu hỏi của tôi vẫn chưa được giải đáp.

Dưới đây là những bài thơ mới nhất của nhà thơ Tuyết Linh. Xin trân trọng giới thiệu đến bạn đọc.

(THT)

TƯỢNG

Xin đừng đập đá tượng đau
Trần gian bỏ lại non cao tượng ngồi
Bâng khuâng ngắm biển nhìn trời
Để quên tiền kiếp ngậm ngùi chiếc thân
Để quên mộng tưởng xa gần
Lời thương lời nhớ ân cần sớm mai.
Ru ta có chén trà phai
Ru người có ánh trăng soi mái lòng
Quên đi áo mỏng phiêu bồng
Cuộc tình đã nhuốm bụi phong sương rồi
Non cao tượng đứng tượng ngồi
Rong rêu ngày tháng khóc cười chiêm bao!

Xin đừng đập đá tượng đau
Vết thương bén lửa thuở nào đã tro!

2014

ĐƯỜNG XUA ĐÁ MỎI

Con chim giờ đã mù khơi
Trả cảnh bạc mệnh cho trời đất vui
Trả ta về với ngậm ngùi
Trả năm tháng lại cho người viễn du
Con chim giờ đã xa mù
Chiều theo mấy trắng tà từ héo hon
Xe đời ngựa nắn chân bon
Đường xưa đá mỏi lạnh hồn tà huy
Thôi về và để người đi
Thiên thu quanh giấc nằm nghe giọt buồn!

6/2014

CHÊNH VÊNH

Bây giờ người đã xa tôi
Ý nhi khăn cổ gọi ời bóng chiều
Đường dài mỗi cánh cô liêu
Hiên xưa trọ nỗi đìu hiu nắng tà

Người đi có nhớ thương xa
Những con đường cũ với tà huy xưa
Ta về khép áo mây khuya
Khép vòng tay lạnh những mùa tuyết băng

Ừ thôi sóng vỗ đất băng
Ý nhi rũ cánh bên rừng cỏ hoa

Ta về khép cửa mây qua
Khép ngày hờ hững chiều nhòa nhạt đêm.

7/2014

LÙNG LƠ

Lùng lơ lơ lùng giữa đời
Gió ở đâu thổi kiếp người buồn tênh
Sao không là sóng bập bênh
Bờ xa bãi cạn dễ dành đời nhau!?

HẮT HIU

Biết đâu chớp bể mưa nguồn
Mà phai sắc phượng lạnh hồn tà huy
Lối về cả lối ta đi
Bâng khuâng màu nắng gọi thê thiết chiều
Còn gì trong nỗi hắt hiu
Chiều ơi, phố cũ hồn phiêu bồng người!

■■■■■

Dấu Chân Cha Đạo

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh



tranh Thân Trọng Minh

LTS: Nhà văn Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh là một cây bút thường xuyên của tạp chí TQBT. Chị viết nhiều, có sở trường ở thể truyện ngắn. Văn của chị rất được giới trẻ trên Net ngưỡng mộ. Chất liệu giúp chị viết là chính mình và những điều xảy ra trong đời sống.

Để tìm hiểu thêm về các tác phẩm của Cam Li xin mời quý vị vào trang <http://camlinguyenthimythanh.com/>

1

Làng Bò Câu Trắng. My chỉ biết rằng đó là một ngôi làng do một vị linh mục từ Quảng Trị vào Bình Tuy lập nên để làm nơi trú ngụ cho các giáo dân của Người. Người mang một cô nhi viện và một trường học từ Quảng Trị vào. Do đó tất cả cư dân của Người đều là người Quảng Trị. Như em Phương vậy.

Ngày gặp em Phương lần đầu, My thấy yêu mến ngay đôi mắt đen láy của em. Em Phương chớp nhanh đôi mắt ấy, nói với My:

“Em vui quá, em đã gặp được chị.”

My chưa hết bồi hồi, lí nhí đáp:

“Chị cũng rất vui.”

Những câu đầu tiên họ nói với nhau là thế.

Ngày đầu. Phương tự mình ngồi xuống ghế, không cho My đỡ. My cố nén không cho vẻ cảm động lộ ra. My sợ một cử chỉ vụng về của mình sẽ khiến Phương mặc cảm. My quay mặt vào tường như để nhìn vào một tấm gương vô hình. My bắt gặp trong tấm gương ấy nét mặt đầy cảm xúc của mình, nét mặt muốn khóc.

Làng Bò Câu Trắng. Dòng chữ rất quen thuộc mà khi gửi thư cho em Phương, My thường ghi lên bì thư. Nghe như tên một ngôi trường hay một công sở. Đơn giản. My chưa một lần đến đó. Nhưng My nghĩ mình sẽ đến đó. My vẫn tưởng tượng ra cảnh những đoàn người từ Quảng Trị chạy về nơi ấy trong “Mùa Hè Đỏ Lửa”, tìm thấy một vùng đất mới có thể dung thân. Và vị linh mục đã từng gắn bó với họ khi mọi người ở vùng địa đầu, cùng chạy trong đoàn người ấy, đã tiếp tục chôn đất, dạy dỗ đàn chiên hiền lành. Một tấm lòng từ ái. Cái tên “Bò Câu Trắng” đã nói lên hết ước nguyện của Người.

My có một cái quán tính đáng ghét – My tự cho là như vậy – đó là cái gì trở thành thân quen rồi thì My không tìm hiểu gì thêm. Làng Bò Câu Trắng đã như một cái tên quá quen.

Em Phương chỉ ở Sài Gòn một tháng. My đi học về, thỉnh thoảng ghé thăm em tại nhà của vị bác sĩ đỡ đầu cho em. Hai chị em thơ thẩn trong sân, ngồi bên nhau trò chuyện.

“Chị, mai mốt em về lại Bình Tuy, sẽ ít khi vào Sài Gòn, vì bác sĩ nói chân em không có gì để lo lắng nữa. Em sẽ tiếp tục đi học.”

“Chị sẽ nhớ em nhiều lắm. Chị sẽ có dịp lên thăm em.”

“Hai chị em mình lại viết thư cho nhau nhé chị!”

“Phải, lại viết thư, em hờ!”

“Chị nhớ ghi địa chỉ là...”

“...Làng Bồ Câu Trắng.”

2

Thương em Phương quá, em gái nhỏ mới bảy tuổi đã mang mệnh điều linh với vận nước. Em đã kể nhiều về em cho My biết qua những bức thư từ lúc “làm quen”, vậy mà đến khi gặp em My đã không nén được nổi bàng hoàng. Quê em ở ngoài vùng hỏa tuyến. Em đi lễ nhà thờ vào một buổi sáng Chủ nhật. Năm đó em mới bảy tuổi. VC pháo kích nhà thờ. Giáo dân người chết kẻ bị thương. Một mảnh đạn pháo cắt đứt đôi chân của em. Người ta tưởng em đã chết, nhưng em không chết, em cố gắng kêu lên: “Cứu con với!” Em được cứu, rồi được đưa lên tàu bệnh viện của Mỹ. Họ chữa lành vết thương cho em. Nhưng từ đó em gắn liền với đôi chân giả và một cặp nặng.

Em nhắc nhiều về gia đình, có bà ngoại, mẹ em và các em của em, kể cả người cha của em đã tử trận. Và không quên nhắc về một người cha chung, vị linh mục đã cùng dãi nắng dầm sương với giáo dân của mình. Thương em quá! Và thương cả vị linh mục nhân từ. Thương cả Làng Bồ Câu Trắng.

My chưa đi thăm được em Phương như đã muốn. Nhưng My đem hình ảnh “người cha” vào một câu chuyện. Truyện dài đã hình thành. Ngôi làng cũng ẩn hiện hình bóng thân thương của “Bồ Câu Trắng”. Khi đọc xong truyện dài của My, bác Chủ bút đã giao liền bản thảo cho người thư ký đánh máy. Bác khích lệ:

“Bác hài lòng truyện này lắm. Cháu đã gom góp, chắt lọc những con người thực tế để thành nhân vật.”

“Cháu cảm ơn bác.”

Giống như những tác phẩm trước, mỗi khi bác Chủ bút “gật đầu” là chỉ độ một, hai tháng sau truyện đã xuất hiện trên kệ các nhà sách. Trình tự không thay đổi: tác giả viết tay trên giấy thường, nhà xuất bản cho người đánh máy ra làm vài bản đề nộp xin giấy phép và đưa cho nhà in để sắp chữ. Đương nhiên là bản thảo viết tay được trả về tác giả

để “giữ làm kỷ niệm”. Sau đó là chờ in. My thường xin phép bác Chủ bút để vào nhà in xem người ta sắp chữ. My cảm động lắm. Từng con chữ bằng kim loại nhỏ xíu được chọn sắp trên khung như trẻ em chơi “đồ hàng”. Vậy mà bao nhiêu sách báo đã được chào đời từ những món “đồ hàng” ấy.

“Còn dấu chân người”, tên của truyện dài đang chờ in.

Và... không bao giờ được in.

3

My ôm đồng sách cũ đi cất. Ba má anh chị nhìn My ái ngại. Ai cũng muốn nói lời an ủi. Nhưng không có lời nào được thốt ra. My lên gác, ngồi xuống bên đồng sách, giờ ra xem lại từng cuốn sách đã xuất bản. Rồi còn một lô bản thảo nữa. Cũng may mình còn giữ được cả đây. May mà truyện nào họ cũng đánh máy rồi trả “bản gốc” về cho mình. May mà...

A, cuốn bản thảo mới nhất! Nó không có bản sách in. Nó như em bé trong bào thai chưa ra đời. My giờ tập bản thảo ra. Có hình ảnh em Phương trong này. Nhưng là một em gái toàn vẹn, chạy như bay trên đồi nương rừng rẫy. Ai đó đã nói rằng người viết văn như là phù thủy, biến hóa cuộc đời theo ý muốn của mình. My mong muốn gì? My mong muốn ai cũng được nguyên vẹn, vui tươi và hạnh phúc. Vì thế em Phương tha hồ chạy nhảy, tha hồ làm việc với đôi chân thoăn thoắt của em. “Phù thủy” còn dựng nên cho em một người lính bị rút máy bay và lạc vào rừng rẫy của em, để em yêu, để em hạnh phúc, để em buồn... Người lính đó là phiên bản tích tụ từ nhiều người lính mà My đã gặp. Chưa hết, “phù thủy” còn mang cả vị linh mục vào, để Người luôn là điểm tựa, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc vô tận cho đàn bé thiên thần trong truyện. Phải đặt cho Người một cái tên. My quên chưa hỏi tên thật của vị linh mục Làng Bò Câu Trắng. Thôi thì không cần phải tên thật, truyện mà! Cha Đạo! Ô, Cha Đạo! Sao mình lại tìm được một cái tên có ý nghĩa như vậy nhỉ! Vậy thì, vâng, Cha Đạo...

My ôm tập bản thảo trước ngực, tưởng như mình đang ngồi viết say sưa, thả những dòng chữ xuống trang giấy. Rồi My nhớ ra rằng My phải tìm chỗ để cất đồng sách in và bản thảo này thôi. Đã hết rồi! Nhà xuất bản đã bị đóng cửa. Bác Chủ bút đã đi đâu rồi. Không còn tòa soạn, không còn báo, không còn sách. Tất cả đều bị cấm lưu hành.

4

Cha Đạo! Cha đã mang vết thương giùm người lính, mang giùm em Phương sự tật nguyên. Vì “Cha” ngoài đời chắc sẽ phì cười khi thấy mình hiện ra trong truyện. Nhưng... để xem thử nhân vật giống mình được bao nhiêu phần trăm.

Trích truyện:

“Trên khung cửa, một tấm áo đen xuất hiện. Một người tầm thước, tóc bạc hết phân nửa mái đầu, mang một đôi giày màu đen – chỉ chừng ấy, bộ áo, dáng người, mái tóc, nét mặt – đủ cho Trúc đoán người là vị cha chung của Cát Tường và bày trẻ nhỏ.”

Ở một chương khác:

“Bây giờ Trúc mới nhận thấy rõ dáng đi của Cha có vẻ hơi khập khiễng. Vì Cha đã già chăng? Có lẽ đúng. Ngay lúc đầu gặp Cha, Trúc đã thấy mái tóc của Cha bạc hết phân nửa. Không biết cuộc đời đạo hạnh của Cha bắt đầu từ khi nào. Nhưng chắc chắn Cha sẽ tiếp tục cuộc đời ấy cho đến chết. Vì Cha đã chọn làm người cha chung cho một đàn con nhỏ nơi đây rồi.”

Trong một đêm đầy sự sợ hãi:

“Cha đang cởi nốt chiếc giày còn lại. Cát Tường se sẽ quỳ xuống bên chiếc chân gỗ của Cha. Tự nhiên, nước mắt rơi xuống. Cát Tường khóc ngon lành...”

Rồi thì:

“Cái bóng áo đen của Cha Đạo quỵen đầy khói, trắng mờ như mái tóc.”

Đây nữa:

“Cát Tường run run bước tới, qua từng hàng ghế. Trước mặt Thập Tự Giá, cái hình hài thân quen đang lặng im như

một chiếc bóng. Tấm áo đen cũng bạc màu như đất. Mái tóc trắng là hình ảnh cô quạnh nhất đời. Và đôi mắt, khi người quay lại, không phải là hai giếng khô hạn, mà đang rom róm lệ.”

“Cát Tường bàng hoàng ngược nhìn Cha Đạo. Ôi, trong đôi mắt già nua đang rom róm lệ kia, có phải đã chứa đựng cả tình thương bát ngát của Chúa? Cha đâu có bắt chúng con học thuộc lòng kinh sách, hay phải sống như các nhà tu. Vì Cha còn muốn có một ngày Cha gửi chúng con về đời. Nhưng Cha ơi, con đã thấy, cái hạnh phúc cá nhân, tuy hân hoan lắm nhưng dễ tan vỡ lắm! Cha không ép con sống đời đạo hạnh, nhưng khi con rời bỏ nơi này, không làm một cánh tay của Cha nữa, chắc Cha cũng buồn lắm. Chính đôi mắt của Cha, bao năm khô khan, hôm nay long lanh lệ, đã nói với con đầy đủ.”

“Cát Tường nhìn thấy Cha Đạo đang bước nhanh qua khoảng sân đất mềm. Phía trước Cha là bé Ngoan. Bước chân của Cha khập khiễng vội vã nhưng không đi mau bằng đôi chân của đứa trẻ. Cái chân của Cha! Cái chân gỗ! Cái chân của một thời trả giá cho cuộc đời vị tha, đạo hạnh, trả giá cho một con tim bác ái. Cái chân nhắc nhở cho một đêm ở làng cô nhi này, cái chân cứu người thương binh, đêm đã trở thành một kỷ niệm se lòng...”

My gấp tập bản thảo lại, khe khẽ thốt lên: “Cha Đạo ơi! Con thương Cha quá!”

Như đang thương tác phẩm chưa ra đời của mình.

5

My cố ý tìm kiếm em Phương. Ôi đã bao nhiêu năm không liên lạc với em. My vẫn chưa bao giờ đặt chân đến Làng Bò Câu Trắng. Một sự thiếu sót quá lớn phải không? Và chắc là phải tìm bằng internet vậy. Internet, từ ngữ mà vào cái thuở chị em mình quen nhau chưa hề nghe nói đến. Cái thuở mà người ta muốn liên lạc với nhau thì gửi thư qua bưu điện là thông dụng nhất. Khẩn cấp lắm thì đánh điện tín hay còn gọi là “đánh dây thép”. Sang nhất là nói điện

thoại. Nhưng bây giờ người ta khá quen với cái máy computer, vào internet, viết email... chưa kể những phương tiện khác. Thật là tiện lợi! Vậy sao mình không thử nhỉ? My gõ “Làng Bò Câu Trắng”. Không có gì. Người ta không biết nên không có thông tin về nơi đó chẳng? Phải rồi! Có lẽ sau cái ngày “Ba Mươi Tháng Tư” ấy Làng Bò Câu Trắng cũng không còn. My thất vọng. Mà Trời xui, em Phương lại tìm được My qua một trang “báo mạng”, do em đọc bài của My và xin địa chỉ email từ “chủ web”. Cảm ơn internet!

Cha Đạo còn ở lại trong nước, em Phương chỉ biết đến đó, vì em cũng đã sang Mỹ. Bây giờ thì hai chị em có thể gặp nhau, nói chuyện điện thoại, email thăm nhau. My tiếp tục làm “phù thủy”, chắt lọc từ những nhân chứng sống để làm nên các nhân vật của mình.

Có lúc My nghe các bạn “méc” My rằng truyện dài “Còn Dấu Chân Người” đã “được xuất bản” ở trong nước. Mà My không biết. Ô thôi thì mình đã ra đi rồi, coi như không còn sống. Nhà xuất bản có tìm cách liên lạc với My để “xin phép” – My nghe kể như vậy. Nhưng thôi. My không liên lạc, nhưng cũng ngầm cảm ơn họ. Dù sao thì độc giả cũng đã có cơ hội đón nhận tác phẩm này.

Cái bóng áo đen mờ bụi, mái tóc trắng, nụ cười nhân từ của Cha Đạo vẫn luôn ẩn hiện trong tâm. Mà, ôi, Cha ơi, con chưa nhìn thấy Cha bao giờ!

6

Người bạn từ Việt Nam gửi cho My vài dòng tiểu sử của một người:

“Cha được thụ phong linh mục vào một ngày cuối tháng tư 1965, chỉ mười năm trước ngày Sài Gòn thất thủ. Ngay sau đó vị tân linh mục được điều đến vùng sát vĩ tuyến 17 làm phó xứ Đông Hà, Quảng Trị. Hai năm sau Cha lập cô nhi viện và trường Trung học Tư thực Đắc Lộ. Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, Cha gồng gánh trường Đắc Lộ và cô nhi viện vào Bình Tuy, lập nên xứ Đông Hà, lập làng Thiểu nhi Bò Câu Trắng. Tiểu sử của Cha không phải là tiểu sử của một

người khoa bảng với nhiều bằng cấp, học vị, chức tước, nhưng là tiêu sử của một người khai phá. Khai phá vùng rừng núi hoang vu cần cỗi thành vườn tược trồng trọt và chăn nuôi trù phú. Khai phá những tâm hồn, những phận đời nghèo khổ vì chiến tranh, gieo vào đó những hạt mầm nhân ái bằng cuộc sống tận tụy, hy sinh, phục vụ.”

My thấy mình hóa thành Cát Tường của “Còn Dấu Chân Người”, chơi cút bắt với đàn bé ngây thơ, chạy băng qua nương rẫy, gặp lại “Cha Đạo” ở đỉnh đồi. Bóng áo đen của Cha bay nhẹ trong gió. Nỗi ao ước gặp Cha để nói câu “Cha ơi, con thương Cha” - như Cát Tường nói - được thỏa.

Và người bạn đã làm giúp My một việc. Bạn thuật lại:

“Cổ quan tài đơn sơ được đặt gần sát nền nhà thể hiện sự khiêm nhường vâng phục của Cha lúc sinh thời, cuộc đời ấy vì người nghèo và mở ra cho người nghèo, như cuốn Kinh Thánh đặt trên nắp quan tài Cha đang lật đến những trang cuối, như khẩu hiệu Cha chọn khi được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám Mục phó địa phận Phan Thiết vào năm 2001: Tin Mừng cho người nghèo khó.”

Vào lúc 0 giờ ngày 18/08/2014, Đức Cha Phaolô Nguyễn Thanh Hoan, nguyên Giám mục Giáo phận Phan Thiết, Bề trên sáng lập Tu đoàn Bác Ái Xã Hội, đã được Chúa thương gọi về, hưởng thọ 82 tuổi.

Tháng 9, 2014

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Nguyễn Lệ Uyên

Mộ Địa

Truyện

Tàn tro và khói nhang cuộn cơn gió cắt đầu, nhấc bổng hắt lên và ném phịch ngoài nghĩa trang ngoại ô thành phố.

Thoạt tiên, hắt mở mắt và nhìn. Chỉ có màn đêm mịt mùng đen hắc ín. Hắt dỏng tai nghe ngóng. Chỉ có gió vi vút rên rì ngân nga và tiếng côn trùng hòa khúc ai ca vô tận.

Chưa bao giờ hắt cảm thấy cô đơn hơn lúc này. Ngon gió cắt đầu hiu hắt lướt qua. Bầu trời đen vùi vùi. Chỗ hắt vừa rơi xuống, lộ nhô những mái nhà địa phủ, một thành phố ma rục rở giữa ban ngày và âm u heo hắt về đêm. Những hàng cây sần lè, lè liễu, những ụ mái vòm cắt tia hàng dương lù lù mộ địa đội những chiếc nón khổng lồ. Những chiếc nón có chở che cho những người bước qua thế giới bên kia và còn lại bên này? Hắt không biết và không ai biết. Nhưng những gù nón nhấp nhôm chạy hút xa chắc là có chở che hạnh phúc và đau khổ, lương thiện và lừa đảo... trộn lại như những nốt mụn đỏ li ti trên bộ ngực căng tròn của cô gái thanh tân. Tiếng ê a tụng niệm chẳng thanh tẩy dục vọng. Kim Cang, Bát Nhã Ba La Mật Đa, Chú Đại Bi... không đủ sức dẫn cơn thiếu dục thêm muốn đại dục; chân trí bị khóa lấp mù u. Các kinh các chú bị bọn trọc đầu phát xít hồ đồi đẩy ra xa tận cùng rìa mép, vón thành cục những dục lạc; thành một thói nam châm hút cóc rượu ngon, hút miếng thớt cá thịt đậm đà mùi vị trần gian, hút da thịt nõn nà ca ve ca sĩ ô rơm tình tự trên mái ngói uốn cong. Bọn trọc đầu lao vào và hùng hục phàm trần xác thịt cong queo bày rần quần lầy nhau. Mái ngói cong vĩnh và bọn chúng cong vĩnh. Thật đáng buồn. "It's

so sad, it's so sad!” – Hấn rên rầm.

Hấn nằm trên mái vòm ngôi mộ cao nhất. Hấn tự quần lấy hấn. Hấn nằm đây và lắng nghe. Hấn nằm đây và căng mắt soi xé màn đêm dày đặc, soi vào vô úy vô ưu mệnh mộng chi địa. Nhưng chỉ có đàn đồng ca giun đẻ ni non, chỉ có màn đen trùm kín, mặt đất thì tối tăm hun hút cõi ta bà. Trên cao kia, những vì sao li ti đan khít ôm choàng bầu trời trong một cái vớ tay với hoài không tới.

Ta đã lạc vào mộ địa, ta đã lạc vào xứ sở hoang vu – hấn tiếp tục rên lên nho nhỏ. Người đang ở đâu, hồi chàng hoàng tử bé nhỏ tội nghiệp Xanh Tét?

Sau khi ăn hết mấy chén không khí no nê cho bữa tối, hấn thiếp đi trong cảm giác hoang lạc phiêu bồng. Hấn thiếp đi trong tiếng nhạc của đàn đồng ca hoang vu cung bậc, sáng rõ màu sắc vô thanh vô khí, một thứ sắc màu bênh bồng dải lụa ngọc ở một xứ sở không có tiếng động, không cả điên cuồng, phẫn nộ, lên cơn động cơn. Nó trải dài, phẳng phiu như lớp cát mịn, vô tận vô cùng tít tắp chân trời xa, lúc khởi đầu buổi bình minh mặt trời chưa dọi xuống.

Hấn như người không trọng lực, ngược nhìn về phía vô cùng vô tận kia và buột miệng kêu lên:

-Hoàng tử bé Xanh Tét ơi, nhà người ở đâu?

Từ cõi xa xăm có tiếng đồng vọng:

-... à... người ở đâu?

-Cả xã hội rách rưới méo mó vô cùng này ép ta điên thân diệu đế. Nhưng thật ra, chính thị ta không hề điên để diệu chân thân. Điên là một khái niệm lộng ngôn hoang vu, hoang tưởng vô thời, vô xã của những kẻ phạm tội gán ép cho ta, đè bẹp ta ra, lột tròng và nhét vào hậu môn ta nhồn nhột. Cái thứ lộng ngôn hoang vu đó ta đã ỉa ra, đái ra tất cả. Thân thể ta vẫn nguyên vẹn trong sạch như khối khí trời trong suốt hồn nhiên như nhiên. Hàng triệu lỗ chân lông đã thanh tẩy ta luôn luôn và mãi mãi chạy quanh ta như chiếc kim đồng hồ. Ta nguyên vẹn sạch sẽ. Ta nguyên vẹn trong đến tận cùng. Ồ, ta chính thị là khối khí trời trong suốt đó em Xanh Tét.

-Ông là ai, đang nói cái chi vậy? – Có tiếng vọng từ rất xa, nhưng thánh thót như tiếng chuông ngân.

Hắn mở mắt và nhìn vào đôi mắt hắn:

-Có phải em cháu đó không, hồi chàng hoàng tử nhỏ bé yêu thương yêu quý của ta? Hãy đến với ta, chàng hoàng tử bé. Em đừng bỏ ta một mình giữa chốn bụi cát trần ai nạn khổ, nạn đói, nạn thềm thường hơi hám đồng vàng, kim cương và các em các thứ.

-Ta không thể đến được xứ sở hồn mang của ông?

-Vì sao?

-Vì xứ sở ông là xứ bàn chải xương rồng, lục cục sỏi đá nhọn hoắt, trọc lóc thầy tu, nhẵn nhụi râu ria, bánh bao áo quần! Xứ của ông quần tụ một dúm người với thông lọng, dao phay, dùi cui, song sắt, song cùm, búa tạ và câu liêm các thứ ghê rợn hàng triệu lỗ chân lông.

-Sao vậy, bộ nơi người ở đều trần truồng, tà phẳng như mặt bàn đá hoa cương?

-Ta đâu ở truồng. Quần áo ta may từ tơ trời. Xứ sở ta muôn hồng ngàn tía những hạt sương long lanh, hoa thơm cỏ lạ. Nơi ta chẳng hề tìm đâu ra thứ búa tạ câu liêm góm ghiếc đầm đìa máu me rên rỉ.

-Đâu nào, xứ sở của ta cũng đầy hoa thơm cỏ lạ, cây cối um tùm, suối khe róc rách hai hàng cỏ mọc mượt như tơ như lông.

-Thảm thương thay sự phạm tội từ hai mắt ông. Nó có đó, nhưng là hàng trăm hàng ngàn năm trước. Nay đã là cổ tích. Ông đang bước một chân rưỡi vào thế giới cổ tích trần truồng trên xứ sở ông đó.

-Không, ta có đủ hai chân. Ta vẫn bước trên hai chân vệt mòn nứt nẻ thời gian bụi cát số phận.

-Một sự lầm lẫn vĩ đại khủng khiếp hơn cả những Toàn tập dày cộp như khối đá nặng hàng tỉ tấn đang đè lên đầu con dân khốn khổ khốn nạn trên xứ sở ông đó. Ngay như khi ông nói, kêu la, phản kháng hay hoan hô đã đảo là ông nói đã đảo hoan hô với chính bản thân ông chứ không với người khác, vì miệng ông bị khóa chặt bởi trăm ngàn thứ ống khóa, dây xích các thứ.

-Ta ia đái vào Toàn tập các thứ, nhưng ta không làm, không bao giờ làm lần một điều chi. Ta đâu bị Alzheimer hay Parkinson mà làm với chả lần? Ta còn căm ghét luôn bọn left-wing paranoia đang lúp xúp cúi rạp tung hô. Ai khóa ta được kia chứ?

-Nhưng xứ sở ta không thể hòa hợp hòa giải với cái xứ sở diu hiu của ông được.

-Lạ chưa, hoàng tử bé tội nghiệp của ta...

-Tội nghiệp ông và nhân dân xứ ông thì có!

-Hoàng tử yêu quý của ta ơi, tội nghiệp chú em bé bỏng quá đi thôi. Em không có mắt rồi, hoặc bị chốt, hoặc bị đui. Làm sao mà diu hiu hoang vu được kia chứ? Những tòa nhà cao tầng ngất ngưỡng chọc thủng trời cao không với nổi, những biệt thự lộng lẫy sang trọng còn hơn cung điện các vua Ba Tư. Những khu sinh thái rợp bóng cây. Những vườn bách thảo bách thú nhốt trồng nhiều loài quý hiếm chỉ có tên trong sách cực đỏ trên thế giới...

-Ấy ấy là cái làm như nhiên từ khi thiết lập nền văn hóa Diêu bông khủng long khủng bố, từ những hàm hồ, mơ mộng đầu óc trẻ thơ, ước ao thèm muốn được nàng Bạch Tuyết cho ăn trái lê, đắp chăn ấm... qua sự lý giải mông muội của bảy người nguyên thủy khua chiêng gõ mõ dạng háng làm cách mạng đại nhảy vọt, từ con vật bốn chân thành hai chân ngay tắp lự; thậm chí con vật không có chân khi đớp Toàn tập cũng mọc ra chân... sắp hàng dài bước một hai đều bước tới thiên đường, một hai đều bước, bước hoài không tới. Hàng hàng lớp lớp đã nằm im ở dưới tấm lưng ông đang nằm đó, vẫn chưa thấy nó đang ở chốn nào?

-Em ơi! Ai nhồi nhét vào đầu óc non tơ búp nồn những lời nhọc nhằn nặng trĩu đá treo? Em đâu phải thân dân Xương Rồng Bàn Chải nên đâu thấy được tiền vàng biển bạc trên đất nước cong queo co rúm khốn nạn khốn khổ mà luôn anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân anh dũng đánh thắng tên sen đầm to khỏe như tay đấm bốc Mike Tyson Voi rừng quốc tế.

-Chính đầu óc ông mới là nặng trĩu đá đeo vì bị

dẫn dụ vào mê cung Toàn tập. Chính cái đầu óc ông mới bị đui mù sứt sẹo, bởi ông cũng có mắt có đầu mà không thấy không hay biết gì cả cái như nhiên Toàn tập gieo rắc sự khủng khiếp, êm đềm lần lượt chảy vào thân thể từng người, chảy đi như vệt nước từ một khe nứt nhỏ, chảy mãi, trôi mãi và rồi đọng lại thành vũng lớn, che lấp tất thấy, nhấn chìm tất thấy. Nhân dân ông đang bơi trong hầm dội, đang lội trong cầu cá thời nguyên thủy đó.

-Che lấp?

-Đích thị. Che lấp tất thấy và lồ lộ trần trụi những u mê ám chướng ra ngoài. Những tòa nhà chọc trời? Những biệt thự lộng lẫy? Đó chẳng qua không từ những vật liệu bền vững của đá hoa cương, không rỉ sét như vàng ròng 24K. Không từ sự ngay thẳng trong veo.

-Nhưng thời gian thì bào mòn chúng.

-Đúng. Ta đang nói về cái chất liệu xây dựng lên chúng. Ông biết đó là những thứ gì không?

-Để ồm, con nít còn biết hưởng chi ta, đã từng làm vua một xứ Bồ Đề, Ô liêu: Gạch ngói vôi vữa các thứ?

-Là ông nhìn vậy, thấy vậy, chứ thật ra những vật liệu đó là sự kết dính mờ hôi, là nước mắt, là máu, là xương cốt hàng triệu triệu sinh linh đang còn thở và đã tắt thở, đang còn nhí nhố oe oe la hét rùng mớ sầu muộn và đã im lìm chui lặn vào thời gian lãng quên dưới tầng sâu cát bụi. Nó đang có đó, sừng sững chọc trời, sừng sững lộng lẫy nhưng rồi sẽ tan chảy thật nhanh chóng, ngã khuỵu nhanh chóng... Những khái niệm hay sự sắp xếp chữ nghĩa để ru ngủ con người, rồi trước sau gì cũng bị méo mó dị dạng. Cái chân lý gọi là sẽ thành cái vô lý phi lý thậm tệ khi áp dụng chỉ danh cho các đường đi vào cụt xứ ông các thứ đó.

-Vậy thì, hồi em bé đáng yêu của ta, hãy bước tới đây và cứu vớt mọi người ra khỏi cái cầu cá đó. Không thì sớm muộn gì ta cũng bị nuốt vào bụng mất.

Tiếng cười trong trẻo vang lên, đến nổi tóc tai râu ria lông lá các thứ đều dựng đứng cả lên, dựng đứng và thật đã ngứa. Ước chi tiếng cười kia cứ cất lên như hết

ngày rồi lại đêm để đã thèm ngứa ngáy con khát khô khan.

Lâu sau, không biết mấy canh mấy khắc giờ ngày đêm, tiếng nói của hoàng tử bé Xanh Tét cất lên:

-Trời đất không cứu nổi huống chi ta!

-Sao vậy cậu em bé bông?

-Vì cái tính tự hào rỗng rùng vàng biển bạc các ông. Vì con đường đi ông chọn chỉ toàn rắn rết, bò cạp, hùm beo, lang sói nhe răng há mõm.

-Có thật đấy, vàng và bạc.

-Sic! Rùng rợn lóc còn hơn đầu thầy tu. Dân cạo, quan cạo thậm chí các quan thượng thư còn rủ rê anh Khựa vĩ đại tặng không biếu không cho nó năm chục, trăm năm để trồng tre Thánh Gióng, để treo những trái bom nước khổng lồ trên đầu nhân dân các ông. Những thứ đó các thứ sẽ hóa kiếp cho nhân dân các ông sớm lên thiên đường Xã Chủ đó. Tới đó thì gọi là cái Hội thiên đường!

Nghe ba chữ Hội thiên đường, hấn sượng như điên, nhảy cẫng lên, chút xíu nữa là rớt vào cái lỗ đen ngòm.

Cơn phản kích lắng xuống, quanh hấn mọi thứ đều trở lặng như tờ. Không gian nở ra lòng bông thứ cháo lú. Hấn hoảng hốt la lên:

-Hoàng tử Xanh Tét, ngươi ở đâu, chớ bỏ ta.

Tiếng đồng vọng

-...ở ở... bỏ ta – cái thứ âm thanh nghe rền rĩ, thê lương thậm tệ.

Âm thanh rền rĩ kia khiến hấn cảm thấy như đang rơi tự do vào hang lỗ đen ngòm.

Hấn mỗi mệt và thiếp đi, sau khi ăn tiếp một chén khí trời và uống những hạt sương đọng trên ria mép qua vụn tranh luận tranh hùng gay cấn.

Hấn không rõ mình đang thức hay ngủ và có còn trong khu mộ địa nữa không, hay lạc đến xứ sở của hoàng tử bé, hay bơi ra biển cầu cá mệnh mong nước đen ngòm số phận người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp?

Bỗng dưng hấn nghe tiếng rầm rập bước chân điều hành. Đoàn quân trùng điệp thẳng bước, trùng điệp tựa khu

rừng cỏ lau ngút ngàn.

Những người diễu hành thấy đều cụt đầu, gãy tay, què chân. Trên đầu đội thứ mũ gì đó không phân biệt là mũ cối, tai bèo hay nón sắt; chân đi dép rọ xỏ quai lốp xe hay giày botte de saut? Cũng không phân biệt súng mang vai sản xuất từ Nga Tàu Tây Mỹ, là AK hay M.16? Dẫn đầu là cờ phướn rách te tua, là loại cờ màu đỏ bầm nhuộm máu từ những chiếc đầu cụt, tay đứt, chân què. Tất cả đều lẫm lũi mà rầm rập bước đều bước một hai. Hết đoàn quân này tới đoàn quân khác một hai đều bước lướt qua, rầm rập mà nhẹ hơn cơn gió thoảng. Những chiếc đầu cụt hiên ngang ưỡn ngực về phía trước, banh lồng ngực, để trần ruột gan phèo phổi ngũ tạng lục phủ, phun ra phèo phèo những hành khúc quái gở.

Hắn động tai nghe và mở tròn mắt nhìn. Nghe và nhìn và rung lên mỗi hoài cảm chứa chan nỗi ngậm ngùi thời cha anh xẻ dọc núi Trọc Đầu cứu nạn cứu khổ nhân dân động cõn bơ sữa ngoại bang hung hãn. Hắn muốn gương dậy nhập theo đoàn quân diễu hành, nhập vào cái hào khí phùng phùng lửa đỏ cháy rực nhà cửa ruộng vườn, lâu đài phố xá; thui đen những cây đuốc sống, thấp sáng quê hương cho khắp năm châu bốn biển nhìn thấy sự anh hùng rất chi ba trợn, ba rọi chính nghĩa tà gian dao phay câu liêm búa đe các thứ. Nhưng hình như, phải hình như là như thế bông cả tám lưng hắn dán chặt trên nóc nhà mồ, chỉ có thể nghiêng trái, nghiêng phải, hoặc quá lắm là ngòai nhồm dậy, mông vẫn bám chặt trên lớp xi măng ốp đá granite láng tung thường có ở các lăng tẩm lãnh chúa xương máu.

Cuối cùng đoàn quân trùng điệp tan vào màn đen đặc lớp nhóp, tan như vệt mây trắng trôi ngang đầu, trôi về phía nào đâu đó phiêu diêu miền địa phủ. Hắn thần thờ đưa tay rờ vào tay và chân và đầu. Đầu vẫn nguyên vẹn chưa bay mất; tay chưa cụt, chân chưa què. Hắn là người lành lặn giữa chốn toàn bóng đen đặc sệt này. Hắn bị đẩy ra mép rìa ước muốn. Không biết nên khóc oe oe hay cười vỡ mặt xanh vàng đỏ tím?

Một đốm sáng từ ngôi mộ gần đó bước ra. Một đốm nữa từ cách đó không xa bước lại và mọc lên hai hình nhân, một không đầu, một mất hẳn phần mặt, chỉ có hai hốc mắt. Cả hai đều không chân tay, ruột kéo lòng thông như sợi dây xích sắt khua rộn ràng vào các mộ đá. Hai hình nhân bước tới và ngồi xuống sát ngôi mộ hẳn đang dán lưng. Những vết sáng nhảy nhót như hai đứa trẻ chạy nhảy dưới bóng trăng khuya. Dễ thương quá chừng thảm thương. Hẳn muốn chạy tới ôm vào lòng và cùng nhảy nhót, nhưng cái móng đít đã bám chặt vào quá khứ tong teo có dấu hiệu đang chảy lỏng tỏng, son sồn.

Hắn hỏi trong đầu hắn: Có sự chi mà cả hai đều lộng lẫy tang thương ngẫu lục anh hùng đến thế? Có sự chi mà hai người ôm chặt nhau và khóc và than, rầm rì to nhỏ, sùi sụt hạnh phúc và khổ đau? Ai xô đẩy hai người tới bờ vực cheo leo thảm thương trần trỗng gan ruột? Kẻ nào đã moi mắt, chặt đầu, bẻ tay chân hai người? Hắn lăm nhăm tung ra những trận phun phèo phèo những cú song phi, xuống tấn của chú râu ria điệu bộ đánh lừa cái đối cái khổ hoành hành dữ dội tem phiếu hộ khẩu nhân dân.

Hắn nằm im trên nóc, căng mắt ra tìm kiếm, vênh ngược hai tai nghe ngóng trần gian chết đứng bóng đen như hũ nút nhét thật chặt, kín bung kín mít mịt mù.

Có lúc, chỉ thỉnh thoảng tà dương u ám, hắn nghe những tiếng nấc nghẹn bị nén lại, vỡ bung xì ra khói hơi thum thum. Rồi lại tiếng cười trong veo trẻ thơ trăm năm vọng lại mơ hồ hết mực đà điệu cất lên rụt rè như kẻ phạm tội.

Hắn muốn biết hai con người kia là ai, từ nơi chốn nào quá vắng? Hắn không sao biết được. Chớ chi em bé Xanh Tét thân thương còn bên cạnh giờ này. Em sẽ thổ lộ nguồn cơn tâm cảnh tâm can cho ta rõ ngọn nguồn. Em đã bỏ ta đi. Ta một mình nhìn mà không thấy, nghe mà không trọn!

Phải rồi – Hắn kêu to và nhảy căng lên. Cú nhảy tên lửa đất đối không khiến cả mảng đất quân phát ra một tiếng gọn tron: “tẹt” như cú bấm nút và nín hẩn lại.

Với tư thế không ra ngồi, không ra nằm, chỉ trong một sát na nhỏ nhút bóng cầu, hấn nhớ ra đoàn diễu binh. À, thì ra vậy. Rất có thể rất ư chi là thân thiện tình cảm đồng bào ngàn năm lên rừng xuống biển, hai anh đi dép lốp xỏ quai và anh đi giày botte de saut đã nhận ra nhau. Nhận ra và ôm nhau khóc, ôm nhau cười thỏn thức trần càn khôn chi địa. Mà sao đến có sự đó mới nhận ra. Sao ngày xưa còn bé trần gian không nhận ra, ôm nhau nhảy múa? Ai, kẻ nào lừa phỉnh các người. Những tên hung tàn bạo liệt bạo dân tà ma ác quỷ nào đã xô đẩy các người tới chốn ruột đoạn xương lia, óc tim méo mó hồ hởi quang vinh?

Hấn đột ngột đứt hơi hoài cảm ngậm ngùi.

Hấn tự ngó vào cái bản mặt bản lai diện mục của mình.

Mình y chang không khác chi là. Và chợt nhớ mình là con của thằng anh em vĩ nhân vĩ đại và kêu lên: Ôi trời, hai trăm năm chục mạng người thành bột ở dưới kia có gặp cha hấn, cha hấn có ôm lũ họ và khóc và cười, và nhỏ to tâm sự đầm đìa máu me nước mắt?

Nhưng hấn không mong gì cha hấn đổi lòng và khóc và cười với lũ người tai bèo nón sắt. Cha hấn đã tôi luyện trong Toàn tập toàn Thư đích thị soi sáng mắt thế gian. Cha hấn không dễ gì phản bội cái trật tự chấp vá lung liu toòng teeng kiên định kiên trì tiến lên.

Hấn bài hoài châu thân, co rúm lại khi nghĩ rằng ông ta đang quàng vai bá cổ, đàn đúm rượu chè gái gú các thứ với lão Diêm Vương thổ tả!

Cả hai đang ngập lụt miền khoái dục, đâu còn thời gian tẩy rửa bộ não rong rêu phủ kín.

Diêm Vương và cha hấn mắc thò tay vào bên trong những chiếc xú cheng xì líp các em các nường ca ve ruộng rẫy với niềm phấn kích của những thằng già mất nét đang cưa sừng làm nghé cho bú tí.

Nguyễn Lệ Uyên

(Trích chương 3 tiểu thuyết: Nhật ký thằng điên)

Mây Trắng Hỏi Đường Qua

Vấn lộ bạch vân đầu (H.T.Bồ Đại)

Mai Quang

*Trong mạch cây, mầm cỏ,
Thấy chim rộn ràng ca
Trong im lìm mây trắng
Nghe lời hỏi đường qua.*

*Rung rung sân nắng sớm,
Thấy “thảo thượng đầu sương”
Nghe càn khôn ngát ngát
Hề! Âm lưu cung Thương.*

*Ai đi đâu, về đâu...
Ta về nơi ta đến
Hỡi Người xưa lướt bến
Nhẹ băng băng càn lau!*

*Bụi phong trần giữ sạch,
Hề! Ai nhục, ai vinh
“Xử thế nhược đại mộng
Hỗ vi lao kỳ sinh”.*

*Xếp “Guom đàn nửa gánh”,
Trả lại khách biên đình
Một lần quay đầu lại:
Lấp ló thẳng Vô-Sinh.*

Tùng

*Lá tùng bấy nhiêu xanh,
Ai hiểu lòng tuyết trắng?*

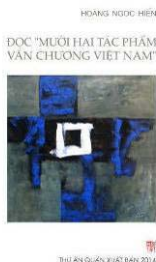
*Gió co mình chết lặng
Sóng ai vỗ từng reo?*

*Lắm lúc trăng ghé qua,
Xô bóng từng xuống vực
Vách đá dựng ngàn thước
Sừng sững và cheo leo!*

*Bầy hạc nội rong chơi,
Chở đất trời về cội
Chập chòn rung cánh mỗi
Vỗ bắt động như như.*

Mai Quang

Mời đọc tác phẩm mới nhất của nhà văn Hoàng Ngọc Hiến: **Độc mười hai tác phẩm văn chương Việt Nam** do Thư Án Quán xuất bản tháng 7-2014. Sách dày 200 trang. Giá ủng hộ: tùy tâm .
(Tiền thu sẽ được dùng để nuôi dưỡng tạp chí TQBT cùng thực hiện dự án về Di Sản văn chương miền Nam)



LÊ VĂN TRUNG

MƯỜI NĂM

Tặng anh Nguyễn Hữu Khanh

Mười năm ta sống mà như chết
Trong cõi mù sương của kiếp người
Ma quỷ lọc lừa bao nguy thuyết
Máu xương tàn tạ chảy khôn nguôi

Mười năm ta sống như loài thú
Sáng đuổi ra nường chiều lừa về
Vết loét trong hồn ung vỡ mủ
Những phận đời què quặt u mê

Mười năm ta sống như rơm cỏ
Suối khe khô tẩm vũng trâu đầm
Dạ dày đau khoai sùng sần hăm
Áo rách bầm giá rét căm căm

Mười năm ta sống quên tên tuổi
Quên tiếng cười tiếng khóc, lệ khô
Giá biến thịt xương thành gỗ đá
Chẳng xót đời ta tận đáy mồ

Mười năm ngày cũng như đêm tối
Mất vô hồn một cõi trống không
Giá như em có còn đầu đó
Đâu dễ vì nhau một tấm lòng

Mười năm với muỗi rừng sên vắt
Âm khí Trường Sơn lạnh rợn người
Những lũ ma thù không huyết mọ
Chập chờn bên những mảnh xương rơi

Ở đây ta sống? mà như chết!

Hồn chẳng ra ma, xác vật vờ
Từng ngày tận thế, đêm vong diệt
Lửa hận thiêu tàn cả giấc mơ

Mù mịt tương lai không ngày về
Tình người đành mưa phủ mây che
Mặt trời chết rụng tan thành máu
Chảy bầm lên những lối ta đi

Giá phải vì ta em nhỏ lệ
Cũng chẳng còn nhau giữa kiếp này
Chúa khuất chìm trong màu dâu bể
Ta cũng tan mù như mây bay.

NGÀY ĐI MÙ MỊT

Chiều rơi
Lá rụng
Tôi về
Chợt nghe tiếng gọi
Ngày đi mù mịt.

NHỚ

Tôi rơi theo chiếc bóng chiều
Lòng nhung nhớ những cánh diều tuổi thơ
Nhớ dòng sông, nhớ đôi bờ
Những con thuyền nhỏ vật vờ hoàng hôn
Nhớ triền dâu nhớ bãi cồn
Tắm lòng tơ lụa rập rờn vàng bay
Nhớ màu sương lạnh đôi vai
Nhớ màu năm tháng bạc phai áo đời
Nhớ mệnh mang nhớ đất trời
Hồn tôi rồi cả tóc người chiều xanh.

MÙA CÁ BẸ

Truyện ngắn Nguyễn Âu Hồng



phác thảo của Thân Trọng Minh

Vào mùa cá bẹ ông Minh Le ngồi nhà không yên. Mới đầu tháng Năm, ông đã xuôi dòng ra tận cầu tàu cảng Astoria bên cửa sông Columbia để câu thăm dò. Rồi cá vào tới đâu, ông theo tới đó, hết Longview đến Woodland, Washougal, qua khỏi Bonneville Dam lên đến Cascade Locks mới chịu dừng lại. Ông Minh đam mê câu cá, thích sống hòa mình với thiên nhiên. Trong các ngành câu phổ biến trên sông hồ vùng Tây Bắc từ cá loại nhỏ như cá đường, cá rô, cá trout; cá loại trung như cá chép, cá bẹ, cá bass, cá catfish, đến big game như salmon steelhead, salmon chinook, sturgeon... ngành câu nào ông cũng mê nhưng mê nhất là câu cá bẹ. Nó dễ câu, tiểu bang Washington không hạn chế số lượng và nhất là nó dễ nấu dễ ăn, ăn cá bẹ dễ đỡ nhớ cá mòi. - Mùi cá mòi của quê nhà Việt Nam mãi mãi làm ông ghiền ông nhớ.

Ông Minh Le gặp cô Kyong-bin lần đầu tại cầu tàu của Washougal. Đang Mùa Cá Bẹ, dọc trên cầu tàu có đến hàng chục người câu, Kyong-bin không chào hỏi bắt chuyện với ai, lại nhè hời trúng ông Minh. Quên giới thiệu ông Minh Le còn có biệt danh là Minh Tàng.

- Chào anh. Tôi tên Kyong-bin. Hôm nay anh câu có được nhiều không?

- Chào cô. Tôi tên Minh. Hôm nay cũng như mọi hôm.

- Có nghĩa là...

- Có nghĩa là cứ đều đều không nhiều cũng không ít.

- Anh câu cá có vui không, có được thỏa thích hobby của anh không?

- Có. Chắc chắn có. Xin lỗi cô về việc hơi lảm lòi, nhưng câu hỏi của cô thật đáng đồng tiền bát gạo. Vào Mùa Cá Bẹ chiều nào đi làm về tôi cũng lên đây câu vài ba tiếng và luôn được thỏa thích, đê mê xuất thần liên miên.

- Anh là người Nhật, người Hàn Quốc hay người Lào?

- Sao cô hỏi vậy?

- Người Nhật và người Hàn Quốc coi các món ăn chế biến từ cá bẹ là “quốc hồn quốc túy”, chạm tới cá bẹ là chạm tới niềm thương nỗi nhớ của họ; còn người Lào thì giỏi mưu sinh.

- Ra vậy. Tôi người Việt Nam. Tôi chạm tới cá bẹ là để đỡ nhớ cá mòi. Mùi thơm của cá mòi nướng đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người Việt Nam chúng tôi. Mùi vị của cá bẹ thua xa cá mòi dù chúng cùng một gia đình. Nhưng có còn hơn không.

- Anh đã đụng chạm được bao nhiêu loại cá bẹ?

- Mỗi một thứ American shad của sông Columbia này thôi.

- Thảo nào. Nếu anh chỉ một lần ăn cá bẹ gizzard nướng của Hàn Quốc thì không biết anh sẽ phát biểu cảm tưởng như thế nào? Tôi quên giới thiệu tên họ đầy đủ của tôi là Choe Kyong-bin, nói theo kiểu Mỹ là Kyong-bin Choe.

Tôi người Hàn Quốc.

- Tên họ đầy đủ của tôi là Lê Văn Minh, nói theo kiểu Mỹ là Minh Le, đem họ ra sau. Họ Le Việt Nam viết một nguyên âm e đơn không viết đôi như họ Lee Hàn Quốc.

Dù đang trò chuyện với Kyong-bin Choe nhưng khi đầu cần nhíp đúng kiểu cá cần câu, ông Minh vẫn chụp lấy cần thao tác kịp lúc. Thông thường, khi ta quay ống cước kéo con cá vào sát dock thì một bạn câu gần nhất sẽ dùng vợt giúp xúc đưa lên. (Đầu cần có dẹt thì mới nhay bén, mà dẹt quá thì bị quẩn không thể hất cá lên cao). Lần này cũng vậy, con cá được vớt lên, vung vẩy trên mặt dock. Một con American Shad cái dài cỡ 14 in, nặng cỡ 3 pounds bụng trứng cương phồng lên. Đang lúc ông Minh bỏ con cá phía mặt sau dock, quỳ xuống loay hoay mở sợi dây để xỏ râu, thì Kyong-bin cúi xuống đưa tay vuốt nhẹ lên mình cá. Con cá không vùng vẩy nữa, chỉ nằm im thờ phập phồng. Cái cách cô Kyong-bin chạm tay vào lớp vẩy màu bạc trơn nhót có cái gì đó hơi khác thường, -thận trọng và nhẹ nhàng như người ta chạm vào một vật dễ vỡ hoặc như chạm vào một vật kỷ niệm đã bị thất lạc lâu ngày.

Đến khi ông Minh kéo râu cá đang rộng [1] chìm sâu dưới sông lên sát mặt nước, thì Kyong-bin nhìn đến sừng người. Ông Minh nói đúng lắm, chỉ vài ba tiếng sau giờ làm việc buổi chiều mà câu được ngần ấy cá, hỏi sao không thỏa thích, không đề mê xuất thần. Một sợi dây dài râu những con cá bẹ to mập, có đến cả chục con, lũ lũ. Tuy bị một sợi dây luôn xuyên từ mang ra miệng nhưng không gây thương tích nên đám cá vẫn cố bơi lượn trong sự gò bó. Câu được cả chục con cá bẹ mà không phải lặn lội, thậm chí tay không dính đến con trùn con dế, sướng thật. Nhưng sao lại không dính đến con trùn con dế, vậy chớ câu bằng mồi gì? Xin thưa, người ta câu cá bẹ bằng mồi giả. Chuôi lưỡi câu có kèm một miếng kim loại mỏng cỡ bằng móng tay của ngón út và có ba màu: màu bạc cho trời râm mát, màu xanh cho trời nắng gắt, màu vàng cho trời nắng dịu . (Trương đối thôi). Cái miếng kim loại lấp lánh này là mồi

giả nhưng chưa có loại mồi thật nào hiệu quả hơn. Buồng câu với mồi giả rồi ngồi dựa ngửa ra ghế, hai chân gác lên thanh gỗ 2x8 nép ở bìa dock, hé mắt nhìn trời mây non nước, hít thở không khí tươi mát trong lành, bơ lơ bằng lòng đợi khi đầu cần nhấp đúng kiểu cá cắn câu thì giật nhẹ, quay vào cũng nhẹ nhẹ, uyển chuyển “điều” cá vào sát dock, không thỏa thích, không đề mê ngắt ngư, cũng uống.

Tay vẫn không ngừng vuốt nhẹ lên mình con cá đang thở phập phồng, Kyong-bin nhìn ông Minh Le chăm chăm rồi cô bất chợt có cảm giác như đã từng gặp người đàn ông này ở đâu đó, thậm chí đã từng có mối thâm tình. Cô mạnh dạn đặt một tay lên vai ông Minh, nói :

- Anh bán cho tôi con cá này và thêm vài con nữa trong cái xâu kia, được không?

- Chắc chắn được. Nhưng xin hỏi, cô làm gì với chỉ vài ba con cá? Ý tôi muốn nói cô sẽ nấu nướng hay chế biến như thế nào ?

- Tôi cũng không rõ. Theo anh thì cá American shad mùa này chế biến cách nào là đạt nhất, ăn cá cách nào là ngon nhất?

- Cái này cũng hơi khó nói, vì còn tùy vào sở thích của từng người và từng dân tộc.

- Anh cho biết sở thích của anh, sở thích của người Việt Nam.

- Được thôi. Cách dễ làm dễ ăn là hầm rục (còn gọi là kho rục) với cà chua và gia vị. Ăn với cơm hoặc bánh mì, đảm chắc ngon hơn cá mồi sardine đóng hộp của Philippines. Cách thứ hai là ướp gia vị rồi bọc giấy bạc nướng lửa than. Ăn cá cách này thường thức mùi thơm trước khi nếm vị ngọt. Trong gia vị của hai cách này luôn có sả tươi. Cách thứ ba, tốn hơi nhiều công là bào lấy thịt quết chả. Chả cá bẹ chiên hoặc hấp đều ngon. Không cần bỏ hóa chất miếng chả vẫn dai săn sật và thơm ngon đến không chịu nổi.

- Rồi ra mùi thơm của cá nướng và sự thơm ngon của chả cá American Shad sẽ đi vào tiềm thức của người thưởng ngoạn, phải vậy không?

- Chắc vậy. Cô nói chuyện có duyên lắm. Nhưng chỉ với mấy con cá leo heo thì cô làm được món gì?

Hỏi thì hỏi vậy nhưng cô gái chưa kịp trả lời ông đã sốt sắng nói tiếp:

- Tôi có ý kiến thế này, nếu cô không cho là đường đột thì ngoài mấy con cá hồi mua, tôi biếu thêm cho đủ một chục, coi như món quà làm quen. Phải đủ một chục thì mới đủ nguyên liệu để chế biến một số món. Cô thấy thế nào?

- Cung kính không bằng vâng lời. Tôi còn biết nói gì hơn là cảm ơn.

Ông Minh Le lẳng xăng gỡ cá bỏ vào xô rồi xách lên tận bãi đậu xe cho cô gái. Ông cho rằng với vẻ đẹp cộng với tuổi trẻ và sự thân thiện trong giao tiếp, Kyong-bin xứng đáng được đáp trả ân cần. Dù vậy, ông không hề có ý định sẽ gặp lại cô gái Hàn Quốc tươi tắn đáng yêu này, nên vừa đặt gọn xô cá vào cốp xe ông nói “bye” rồi quay lưng đi xuống bến sông. Nhưng Kyong-bin đã kịp chạy theo giữ ông lại. Cô không nắm giữ ở tay hay vai mà hồn nhiên đu lên cổ. Hành động quá bất ngờ của cô gái làm ông Minh điếng người đứng chết trân như trời trồng. Và ông muốn cứ được đứng như vậy mãi để cảm nhận mùi hương của da thịt tuổi trẻ ngấm vào từng tế bào, để hơi thở nồng ấm thơm tho của con gái Đại Hàn thấm vào từng chân tóc, để ngất ngư với hai quả đào tiên cứ cồm cộm hai bên lưng với sức truyền động không cách gì chịu nổi. Trong giây phút tuyệt diệu ấy ông Minh như thấy những chuỗi ngày sống âm thầm trên nước Mỹ bao la quá rộng và quá lạnh lùng này bỗng như đã đi vào dĩ vãng xa vời. Chẳng những thế, ông còn linh cảm kể từ nay, với sự huyền nhiệm này, ơn mưa móc và bổng lộc của đất trời sẽ chuyển hóa những năm tháng cô đơn buồn khổ trên bước đường lưu lạc xứ người thành những năm tháng nồng ấm tươi vui, từ giây phút này và mãi mãi.

Ở thành phố biển Seocheon, quê của Kyong-bin Choe, Mùa Cá Bẹ đồng nghĩa với mùa lễ hội văn hóa ẩm thực. Seocheon Gizzard Festival thu hút du khách trong nước và

nước ngoài, nhất là khách Nhật.

Gizzard Shad Festival là dịp cư dân địa phương vừa được ăn đồ biển phủ phê vừa là dịp hái ra tiền từ các dịch vụ du lịch. Lễ hội được tổ chức tại cảng Hongwon thành phố Seocheon vào mùa thu hàng năm - từ Sept. 29 đến Oct.12 - là lúc cá bẹ nở trứng hồi đầu mùa xuân vừa kịp lớn mập qua một mùa hè và đang chuẩn bị họp đàn để thực hiện chuyến viễn du đầu tiên ra biển tìm chỗ ngủ đông. Lúc này cá Gizzard Shad nhiều thịt mà xương lại mềm.

- Ngủ đông hay trú đông?

- Ngủ đông ở vùng biển phía Nam có độ sâu trên 30m. Chúng sẽ sông ở biển Nam từ ba đến sáu năm tới khi phát dục lại bơi ngược lên biển Bắc, tìm về dòng sông quê mẹ, tìm lại đúng bến nước xưa nơi mình nở trứng để đẻ trứng, hoàn tất một vòng đời.

- Trứng cá bẹ nhỏ nhoi bé xíu như hạt phiêu sinh mà mang trong mình nó một ký ức di truyền nhận biết được mùi nước của dòng sông quê mẹ, bến nước quê cha để lớn lên biết đường mà tìm về cội nguồn. Thiên nhiên thật kỳ diệu.

- Cá bẹ và cá salmon nhờ mùi nước mà tìm về cội nguồn. Còn chúng ta nhờ mùi cá mà nhớ về quê cũ.

- Mà tìm đến nhau.

Qua một Mùa Cá Bẹ ông Minh Le và cô Kyong-bin Choe đã đủ tình thân để nói chuyện kể tung người hứng kiểu như trên. Cô Kyong-bin đang nhớ về quê cũ, đang nói về lễ hội cá Gizzard:

- Có nhiều hoạt động mang tính phong hóa qua nửa tháng lễ hội, nhưng hoạt động chính là ẩm thực - ăn cá Gizzard và uống rượu gạo Hàn Quốc. Nếu bạn là người thực sự thích ăn đồ biển thì nên ăn cá Gizzard trong tình trạng tươi sống. Cá vừa được đánh bắt từ sông Chungcheong đang được rọng [1] trong những bồn nhỏ có bơm dưỡng khí, khi lên thớt còn quẫy đạp. Đây là món Gizzard Sashimi. Chấm cá sâu vào sốt cay đậu nành Hàn Quốc rồi ăn với rong biển khô và kim chi. Có thể đi trước có thể theo sau là một

chung nhỏ rượu gạo. Cách ăn này giúp thực khách tận hưởng trọn vẹn cái vị ngọt đích thực của cá bẹ Gizzard, một vị ngọt độc đáo từng đi vào ca dao tục ngữ xứ Hàn. Cách thứ hai là...

- Xin lỗi cô, ông Minh lên tiếng, thật không lịch sự chút nào khi ngắt lời cô, nhưng cô nên đi từ từ. “Nói có sách, mách có chứng”, vậy cô có thể đưa ra vài dẫn chứng cho biết cá bẹ Gizzard đã đi vào ca dao, tục ngữ như thế nào, được không?

- Anh bắt đúng điểm yếu của em rồi. Hồi còn bên nhà, em dự tuyển hướng dẫn viên du lịch, ngoại hình đạt điểm A, kiến thức phong hóa cũng đạt điểm A, nhưng khả năng diễn đạt bằng Anh Ngữ bị điểm D, rớt quách. Cá bẹ Gizzard đi vào ca dao tục ngữ tiếng Hàn thì nhiều, nhưng thú thật, bản dịch tiếng Anh em không thuộc. Để bù vào thiếu sót, em xin kể về một tập tục, ngày nay vẫn còn phổ biến ở khắp các vùng nông thôn. Đó là việc người ta dùng cá bẹ như một loại bùa may mắn cho việc sinh sản. Như anh đã biết, cá bẹ đẻ trứng vừa nhiều vừa nhanh, từ một trăm đến bốn trăm ngàn trứng trong bốn đến mười ngày, đẻ xong còn đủ sức quay lui bơi ra biển. Trứng cá và cá con không cần ai bảo bọc chăm sóc, tự hấp thụ tinh dịch, tự nở, tự lớn. Mà lớn cù cùi, mập núc, đàn lũ lúc nhúc. Như vậy so ra còn hơn cả “mẹ tròn con vuông” rất nhiều, nên cá bẹ Gizzard được xem là biểu tượng của sinh sản con đàn cháu đống. Ngoài công dụng là bùa may, cá bẹ Gizzard chôn trong vườn còn bảo vệ sản phụ khỏi những cơn đau bụng đẻ.

Cô Kyong-bin Choe ngừng nói, cười hồn nhiên: - Mẹ em kể cho chúng em nghe, lúc mang bầu chị cả và hai anh tiếp sau, gia đình còn sống ở vùng nông thôn quê nội, bà nội chôn cá trong vườn nên thai nhi khỏe mạnh mà đẻ lại nhanh, “đẻ như gà”. Đến lượt em, gia đình dời về thành phố không có vườn để chôn cá bẹ, nên tuy là con rạ mà mẹ em đau bụng suốt cả buổi chiều. “Những cơn đau như muốn xé ruột”, em còn nhớ như in lời mẹ kể.

- Với câu chuyện này, điểm diễn đạt bằng Anh ngữ của em xứng đáng được nâng từ D lên B. - Ông Minh Le gật gù tán thưởng.

- Em còn thuộc lòng một câu tục ngữ độc đáo , “một đầu cá bẹ bằng năm-bảy lít hột mè” ý nói cá bẹ giàu dinh dưỡng và rất ngon miệng. Lưu ý là năm-bảy chứ không phải năm mươi bảy (57) như bản tiếng Anh trên internet.

Nghe đến đây ông Minh Le lại gật gù. Rồi dần không được, ông hỏi:

- Sao không ba-bốn hay bảy-tám mà là năm-bảy?

- Chúng ta đều ở phía đông lục địa Trung Hoa, anh ở đông-nam em ở đông-bắc, anh dư biết năm-bảy là dễ diễn tả số nhiều, nhưng không phải nhiều vô số mà nhiều vừa đủ.

- Có lý lắm. Chúng ta cùng ăn cơm trắng với cá thịt rau dưa, uống rượu gạo tự nấu, cùng một cội nguồn văn hóa đông phương nên có nhiều điểm tương đồng. “Anh tìm em năm-bảy chín-mười lần, một ngày không gặp tần ngần lá gan”. Năm-bảy là vừa đủ, chín-mười thì hơi nhiều, năm mươi bảy thì quá nhiều, phải vậy không?

- Chúng ta có thể tung hứng “chị hát em vỗ tay” để làm một đoạn quảng cáo về cá bẹ, chắc cũng không đến nổi tệ. Nhưng cho em được tiếp sang cách thứ hai là cá nướng. Món Sashimi dùng cá ở tầm 2-3 in, món cá nướng dùng cá lớn hơn ở tầm 4-5 in. Ướp cá với gia vị hành tiêu ớt tỏi, lá sả rồi nướng lửa than kiểu như anh bày em nướng cá bẹ Mỹ. Cá Gizzard Shad nướng có biệt danh là Jeoneo vì trông nó giống tấm thẻ bài Trung Hoa. Jeoneo nướng giúp thực khách thấm đẫm mùi thơm trước khi thưởng thức vị ngọt, cái mùi thơm kỳ diệu đã từng đi vào truyền thuyết dân gian. Truyện cổ Hàn Quốc kể rằng mùi thơm của cá bẹ Gizzard Shad nướng lửa than hấp dẫn đến mức đã kéo được cô dâu bỏ trốn quay trở về.

(Ông Minh thăm nghĩ, người ở đông-nam kẻ ở đông-bắc

hai nước xa nhau tí tắp, sao lại có sự trùng hợp đáng yêu quá thế này. Đây là sự trùng hợp trong tiềm thức văn hóa ẩm thực của hai dân tộc, với Hàn Quốc là cá Gizzard Shad với Việt Nam là Cá Mòi.

Tiếng đồn con gái Phú Yên

Đồng Nai đi cưới một thiên cá mòi

Không tin mở quả ra coi

Rau răm ở dưới cá mòi ở trên. [2]

Xem ra cá mòi không phải là loại cá tầm thường. Tầm thường sao được khi nó là sinh lễ đi cưới vợ, hơn nữa vợ là con gái Phú Yên. Vậy chứ con gái Phú Yên quý giá lắm sao? Con gái Phú Yên quý giá ra sao, viên chi đỏ thế nào, chỉ có những chàng rể Phú Yên mới tận tường - con đường ngắn nhất để thâm thấu một nền văn hóa là thông qua người con gái của nền văn hóa đó. Nhưng chẳng lẽ bạn không biết đến câu thơ của thi sĩ Tản Đà: “Đa tình con mắt Phú Yên”).

- Cách thứ ba là hầm rục hay kho rim làm món Jeotgal, cô Kyong-bin Choe đang tiếp tục. Cá bẹ quá lúra, từ 7-8 in trở lên dùng làm Jeotgal. Cơm trắng cá kho ăn no làm khỏe là món này đây. Một pound cá bẹ 7-8 in dùng làm Jeotgal chỉ bằng giá một pound ghẹ xanh tức 10.000 Won, trong khi đó cá bẹ 2-3 in dùng làm Sashimi giá tới 30.000 Won. Có lẽ vì vậy mà xưa kia món Jeotgal được xem là món ăn của người nghèo. Tuy nhiên, với mùi vị thơm ngon đặc biệt, món Jeotgal đã từ bếp nghèo bước lên bàn ăn của đại gia. Ngày nay ở một số nhà hàng món Jeotgal chỉ phục vụ bữa ăn gia đình (đông người) và phải đặt trước.

(Kyong-bin Choe ơi, em đâu biết lời em nói về Gizzard Shad từ món Sashimi tươi sống đến món Jeoneo nướng và cả món cá kho Jeotgal, món nào cũng thơm ngon, cũng hấp dẫn; em nói về Hàn Quốc mà chạm vào niềm thương nỗi nhớ Việt Nam. Việt Nam quê anh biển ẩm không có Gizzard shad mà có Cá Mòi. Cá Mòi quê anh cũng được kho được nướng trong bếp nghèo, nhưng mùi thơm của nó,

nhất là cá mòi dầu, có sức quyến rũ đến mê hồn. Mùi thơm của cá mòi đất Việt đủ hấp lực để kìm giữ người vợ có tính đua đòi bằng lòng ở lại quê nghèo cùng “nuôi phụ mẫu” đã đành, mà nó còn truyền lưu từ thế kỷ trước sang thế kỷ sau và theo bước chân lưu lạc của người Việt Nam lan tỏa khắp thế giới. Có thể nói không có mùi vị của món ăn nào thấm sâu và được lưu giữ lâu dài trong tâm hồn người Việt Nam như mùi và vị của Cá Mòi.)

Sông Columbia là quê hương bản quán của cá Salmon và Steelhead, cá bẹ là dân nhập cư. Đây là cuộc di cư ào ạt, tràn lấn bất chấp luật lệ nên một số nhà nghiên cứu gọi đùa cá American Shad vào sông Columbia là “quân xâm lược”. “Quê cha nước tổ” của loại cá bẹ trắng này [3] là vùng biển ven bờ Đại Tây Dương dọc dài miền đông Hoa Kỳ từ bán đảo Labrador đến vịnh Florida. Cá bẹ khô được ghi nhận là đã cứu quân đội của George Washington khỏi bị đói qua mùa đông khi họ đóng quân dọc Schuylkill River. Cá bẹ là nguồn thức ăn chính cho các loại cá lớn như bluefish và striped bass... và đã từng là cá thương mại có giá trị ở District of Columbia, Maryland, Pennsylvania, và Virginia. Mức thu hoạch năm 1896 là 22.000 tấn (metric ton). Nhưng “đời cha ăn mặn đời con khát nước”, một trăm năm sau, năm 1996 mức thu hoạch chỉ còn vỏn vẹn 100 tấn. Một số tiểu bang sớm nhìn thấy nguy cơ đã áp dụng nhiều biện pháp bảo tồn và phục hồi. Năm 1993 Virginia cấm đánh bắt cá shad trên sông Potomac và ở vịnh Chesapeake. Hệ thống các *fish lifts* mở lối thoát cho cá vượt dòng được mở trên các đập ngăn sông Susquehanna, Rock Creek, Patapsco, James River...

Một sự kiện quan trọng với American shad là cuộc chuyển dịch vĩ đại từ Atlantic Coast sang Pacific Coast do ông Seth Green thực hiện. Ông Seth Green quê ở Rochester, New York, trở thành “cha già” của ngành nuôi trồng thủy sản Hoa Kỳ khi ông đem 10.000 cá shad con từ miền đông sang thả nuôi trên sông Sacramento - năm 1871. Năm năm

sau American shad xuất hiện trên sông Columbia. Đến năm 1889 là năm vùng đất tươi xanh phía bắc sông Columbia trở thành tiểu bang thứ 42 của Hoa Kỳ, tiểu bang Washington, thì “cuộc xâm lược” được các nhà nghiên cứu cho là hoàn toàn thắng lợi với trên 100.000 “quần xâm lược” ồ ạt bơi vào sông mỗi năm. Nhưng như thế nào đã thỏa, một trăm năm sau, tức năm 1989, số lượng cá bẹ vào sông lên đến trên ba triệu con và tiếp mười năm sau (năm 1999) thì số cá lên tận chân đập Bonneville là sáu triệu con. Ngoài ra, để thích nghi với thủy thổ mới, cá shad miền tây trở nên nhỏ con, kích thước và trọng lượng chỉ bằng một nửa cá miền đông. (Từ 28 in – 6 pounds/con xuống còn 14 in – 3 pounds/con, tính trung bình). [4]

Các khảo sát cho biết cá Gizzard shad từ lâu đã xuất hiện ở vùng duyên hải tây-bắc Hoa Kỳ nhưng không nói rõ địa điểm. Người da đỏ bộ tộc Chinook sống hai bên sông Columbia thuộc hai tiểu bang Washington và Oregon thỉnh thoảng có dùng vợt xúc được cá Gizzard nhưng họ nghĩ đó là cá mồi.

Vào một ngày cuối tuần đầu tháng sáu trời trong gió mát, ông Minh Le cao hứng rủ cô Kyong-bin Choe lên Cascade Locks câu cá bẹ. Ông muốn kết hợp giới thiệu với cô bạn trẻ cảnh sắc thiên nhiên tráng lệ của Columbia River Gorge và cảnh người da đỏ dùng vợt để xúc cá. Cascade Locks theo truyền thuyết là Bridge of the Gods, nơi núi chắn sông chỉ chừa lại một dòng chảy hẹp. Đi trên đường I-14 phía Washington, vừa qua khỏi Camas ông đã dừng lại để mời cô Kyong-bin chụp ảnh những đôi cỏ điểm tuyết hoa camas lilies tím chen lẫn với hoa glacier lilies vàng. Camas là thành phố được xây dựng trên vùng đồi núi nằm giữa Vancouver và Washougal, lấy tên một loài hoa dại – hoa camas lily. Lên đỉnh đèo Cape Horn lại dừng để ngắm cảnh non xanh nước biếc từ trên tầm cao. Rồi tới Beacon Rock. Thật may mắn cho hai người hôm đó Beacon Rock mở cửa. Trước khi bước theo bậc cấp gỗ lên núi, ông Minh

muốn Kyong-bin chụp ảnh quang cảnh nhìn từ phía tây. Ở phía này vách đá dựng đứng với những nếp gấp chạy dọc và những đoạn đứt gãy chen ngang hài hòa đến mức có cảm giác như có nhát bay tài hoa của công trình sư chạm vào. Beacon Rock trông từ xa giống như một ngôi tháp sừng sững bên sông, cao 258m (848ft) phía bờ là công viên quốc gia rộng 2.100 ha tiếp giáp với 1.814 ha rừng đầu nguồn. Các hang hốc trên đỉnh núi là nơi chim eagle làm tổ nên Beacon Rock được Washington State Park and Recreation Commission quản lý cẩn thận. [4]

Không ngờ ông Minh lại leo cầu thang nhanh hơn cô Kyong-bin. Ông thường đứng nghỉ để chờ cô. Nhưng khi ông Minh lên đến đoạn cuối thì cô cũng theo liền kịp. Từ trên cao, trong tầm nhìn bird's eye view, Beacon Rock quả đúng với danh xưng "Nothing left but the core". Nếu một cô gái thể hiện nét duyên dáng của mình ở nụ cười và ánh mắt thì Columbia River Gorge bộc lộ hết vẻ đẹp của nó ở Cape Horn và Beacon Rock. Đảo Hamilton bình lặng soi bóng xuống dòng Columbia man mác sương lam, dãy Cascades trùng trùng điệp điệp một màu xanh rộng mở cứ cao lên, cao lên đến ngút tầm mắt. Đôi tình nhân bị choáng ngợp và bị chinh phục ngay từ phút đầu. Hết chìm đắm trong màu xanh thăm thẳm của núi rừng, hai người lại thăng hoa với những đám mây phiêu bạt trên đỉnh Hamilton [5]. Ông Minh ôm sát Kyong-bin Choe vào ngực mình. Trước thiên nhiên ngát xanh rộng mở, tấm thân cô trong vòng tay ông với tóc dài tung bay và da thịt tỏa hương có cảm giác như một tinh thể quý giá được kết tụ sau bao nhiêu vật đổi sao dời... "Nothing left but the core". Ông thì thầm:

-Kyong-bin Choe ơi
Anh muốn tỏ cùng em
Lời tình yêu tươi như ca dao
thơm mùi cá nướng tỏa bếp nghèo
thơm mùi bắp nướng mùa rẫy mới
thơm thịt da người thuở chớm yêu.

Minh Le ngất ngư với mùi thơm của quá khứ đã ăn sâu vào tiềm thức vừa được hương rừng và mùi tóc, mùi mồ hôi của Kyong-bin khơi dậy, ngất ngư với tinh thể nồng ấm trong vòng tay ông rồi khi Kyong-bin xoay người hôn lên môi ông thì hôn vía ông hoàn toàn bay bổng. Nhưng ông không bay một mình, ông ôm Kyong-bin bay ra hướng sông, lượn một vòng quanh đảo Hamilton, mở rộng dần lên đập Bonneville, lên Cascade Locks rồi lao vút lên những đám mây xa mờ ở cuối chân trời của dãy núi Cascades.

Cô Kyong-bin Choe hoàn toàn kinh ngạc khi nhìn hai người da đỏ, một người cầm cán vợt, một người cầm đầu dây kéo dưới dòng nước đang chảy xiết lên một chiếc vợt lớn bằng hai-ba vòng tay nổi lại, trong vợt có cả mớ cá. Cô càng ngạc nhiên hơn khi mớ cá được đổ ra thùng chứa, lẫn lộn trong đám American shad có mấy con Gizzard shad. Chưa kịp xin phép ai, Kyong-bin lao đến mỗi tay chộp một con cá Gizzard shad rồi cứ thế mà nhảy múa. Ông Minh bình tĩnh hơn, hỏi xin rồi chộp đại hai con cá cùng nhảy với Kyong-bin. Hai người da đỏ đứng nhìn mỉm cười, nhưng rồi lối nhảy say sưa chìm đắm như một vũ điệu lễ tục của hai người Á châu khiến họ nhảy theo. Hai người da đỏ khiêng cá xuống bãi xe, khi quay lên thấy vậy một người úp cái xô xuống làm trống, người kia cũng tham gia vào vòng nhảy. Điệu trống lúc đầu còn thăm dò, sau ăn nhịp như được tập luyện từ trước. Những du khách tản bộ quanh đó tụ tập lại xem, tạo thành một vòng bán nguyệt. Cô Kyong-bin Choe đang theo học chứng chỉ Đa dạng văn hóa nên khi sự kích động dịu xuống, cô đã đưa máy ảnh nhờ một du khách chụp giúp mấy tấm ảnh vì đây chính là đa dạng văn hóa trong cuộc sống thường nhật. Cô rất tâm đắc với khái niệm của Larry L. Naylor: “Là quốc gia đa dạng văn hóa bậc nhất thế giới, Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ quan tâm đặc biệt đến việc thực hành (practice) của các

nền văn hóa nhằm thể hiện bản sắc độc đáo không thể thay thế của nó; để rồi cuối cùng sự đa dạng đã quay lại đặt định nên tính cách đặc trưng của nền văn hóa Hoa Kỳ” [6]. Quan điểm này của Larry L. Naylor tạo nhiều tranh cãi nhưng nó mở ra một chân trời mới về nhận thức và sự trân trọng đa dạng văn hóa.

Thực ra lúc đầu cô Kyong-bin Choe ghi danh học là chỉ nhằm gia hạn Visa, nhưng rồi ngành học đã thu hút cô. Choe là du học sinh, cô đã có bằng cử nhân kế toán thương mại, đang làm kế toán cho một công ty do người Hàn Quốc làm chủ. Nhưng cô không thể gia hạn Visa nếu không tiếp tục học một ngành nào đó. Trong suốt sáu năm ở Mỹ ước muốn lớn nhất của cô là tấm thẻ xanh - để được là cư dân thường trú hợp pháp. Nói trắng ra mục đích tối hậu của cô khi đi Mỹ là tấm thẻ xanh, tiếp sau là nhập quốc tịch Hoa Kỳ. Gia đình cô không giàu có gì cho lắm nhưng dám chi những khoảng tiền lớn cho cô đi Mỹ du học cũng chỉ với một hy vọng: tấm thẻ xanh và passport Hoa Kỳ. Vì tấm thẻ xanh mà cô đã hơn một lần bị lừa tình nhưng cô chỉ đau đớn mà không căm hận, vì con đường cô đang đi là do cô tự chọn. Đoạn trường một lần qua cầu cô càng thương chị cả của mình, thương đến xót xa, vì chị Song-kyo là người vô can. Số phận của chị Song-kyo giống với số phận của một nhân vật nữ trong tiểu thuyết, giống đến mức có cảm giác như tác giả đã cúi sát xuống để nắm bắt. Bạn đọc nào có đọc tiểu thuyết “Anh có thích nước Mỹ không?” của nữ văn sĩ Trung Quốc Tân Di Ổ [7], hay xem phim điện ảnh chuyển thể cùng tên do Triệu Vy đóng vai chính, sẽ chia sẻ nỗi đau này của Song-kyo: mỗi tình đầu tràn đầy hoa mộng với luật sư trẻ Sang-un Kim tưởng nếu không nên duyên nợ thì ít ra cũng là vốn liếng tình yêu đi vào đời, đã đổ vỡ tan tành khi chàng nhận Visa đi Mỹ đoàn tụ gia đình. Sang-un Kim bỏ đi mà không một lời từ giã hay hẹn ước sẽ trở về. Hết rồi! Không còn cả chiếc bóng đổ nghiêng nơi đầu ngõ vào những buổi chiều. Không còn cả những ngày thơ ấu cùng nô đùa, tắm mưa cuối hạ hay cùng nhau đắp snowman đầu đông. Không còn gì ngoài sự trống

rỗng, vô nghĩa. Nhân sinh vô nghĩa, cuộc đời vô nghĩa. Vừa khổ đau, tuyệt vọng vừa không còn mặt mũi nào để gặp bà con, bạn bè, Song-kyo xin chuyển đến một trường trung học bất kỳ nào ở nông thôn hoặc miền núi. Nguyên là hoa khôi của trường sư phạm, tốt nghiệp loại ưu, thi tuyển ngạch công chức cũng loại ưu Song-kyo mới có được nhiệm sở ở thành phố, nhưng cũng chính vì sự nổi trội này mà mối tình của cô cũng nổi trội, nhiều người biết nên càng ê mặt. Song-kyo phải bỏ thành phố về dạy ở một trường miền núi heo lánh, vui với học trò và những phụ huynh chất phác, cỏi lòng đã khép, nguyện sẽ làm “bà cô” tới già, nào ngờ năm năm sau, vết thương cũ vừa lành, trái tim lại đào bòng. Ứng viên lần này là một đồng nghiệp tên Chung-un Pak ra trường đi dạy đã chín năm nhưng vì thân cô thế cô, nhà lại nghèo ở nông thôn nên anh bằng lòng dạy ở một trường thị trấn nhỏ gần làng, có thể đi dạy bằng xe đạp, lại không phải tốn tiền thuê nhà trọ. Được cái anh có vóc dáng khỏe mạnh, khá điển trai, hiểu học và hiểu thảo với mẹ già. Nhà đông anh em nhưng ai cũng khó khăn nên mỗi mình anh dành dụm tiền nâng cấp căn nhà cho mẹ. Anh giáo Chung-un Pak chưa có vợ vì nhà nghèo một phần, phần chính là do anh đầu tư hầu hết thời gian đeo đuổi học vấn, không đeo đuổi một bóng hồng nào. Anh không bằng lòng với bằng cử nhân Anh ngữ, vừa dạy vừa học, bốn năm sau anh đoạt bằng cử nhân khoa ngữ văn, hai năm tiếp sau là thạc sĩ ngữ văn Hàn Quốc. Khi cô giáo Song-kyo đã qua năm năm ở miền núi chuyển về nhận nhiệm sở ở trường thị trấn thì cũng là năm anh đoạt thêm bằng thạc sĩ văn chương Anh-Mỹ. Không hiểu định mệnh đẩy đưa thế nào khiến cô mê giọng đọc và lối giảng tiếng Anh cũng như mê những bài giảng ngữ văn Hàn Quốc của anh. Phần anh, nếu được Song-kyo yêu và chấp nhận kết hôn thì chẳng khác nào “mèo mù vớ cá rán”. Chung-un Pak đưa Song-kyo về nhà giới thiệu với mẹ, rồi thề non hẹn biển. Dùng một cái, tạo hóa lại đánh hanh, muốn giết chết đời cô giáo Song-kyo một lần nữa: Anh được một trường đại học ở Mỹ cấp học bổng toàn phần chương trình

tiến sĩ văn chương Anh-Mỹ. (Qua trao đổi-hợp tác giữa hai trường đại học của hai nước, luận văn thạc sĩ của anh đã được chọn). Và anh giáo Chung-un Pak cũng ra đi không một lời từ giã hay hẹn ước sẽ trở về.

Từ đó, dù chưa đầy ba mươi tuổi nhưng cô giáo Song-kyo khép hẳn cõi lòng, tuy thế nỗi ám ảnh về nước Mỹ vẫn không thay đổi. Cô rất muốn có một lần trong đời được hỏi hai người đàn ông đã phụ tình cô: tại sao họ lại thích quốc gia này đến như thế? Và có thể bỏ rơi cô cách gọn gàng đến thế? Song-kyo tự biết ước muốn này không thể thực hiện được nên cô dồn tiền cho cô em út là Kyong-bin đi du học Hoa Kỳ vừa tìm kiếm cơ hội vừa tìm câu trả lời: “Tại sao ai cũng thích nước Mỹ?”. Cô thường dặn dò các học sinh nữ năm cuối trung học là phải cẩn thận trong tình yêu, rằng trước khi đem lòng yêu ai phải hỏi cho rõ ràng - “Anh có thích nước Mỹ không? Có ý định đi qua đó sinh sống không?” [7]

Phản Kyong-bin, qua sáu năm sống trên xứ sở Hoa Kỳ, cô càng thấy rõ lời đáp cho câu hỏi: “Tại sao ai cũng thích nước Mỹ?”, càng bén mùi tự do và những vận hội càng chờ chực thì cơ may để nhận được tấm thẻ xanh càng xa vời. Cho đến buổi chiều hôm ấy, buổi chiều đầu tiên cô gặp ông Minh Le trên dock cầu cá ở Washougal. Mới chào hỏi chuyện trò mấy câu cô đã linh cảm “người đàn ông cùng dân Châu Á với ta đây chính là thần hộ mệnh mà ta đã bỏ công tìm kiếm bấy lâu nay.” Do vậy, khi ông Minh quay đi và cô đã chạy theo đu lên cổ ông trông có vẻ như một phản xạ hoàn toàn hồn nhiên, nhưng đó là một phản xạ có điều kiện: đu bám vào thần hộ mệnh, chớp lấy chiếc chìa khóa vàng. Thêm nữa, sau nhiều năm sống ở Mỹ cô đã dám có những hành động vượt ra ngoài khuôn khổ của nền văn hóa Hàn Quốc.

Phản ông Minh Le, còn có biệt danh Minh Tàng, ông quên bèn một điều: một người nhập cư hợp pháp vào nước Mỹ bất cứ diện nào, có thể xanh trên năm năm, có việc làm và

có mẫu khai thuế 1040 liên tục trong ba năm với income cao gấp đôi mức nghèo khổ (mức nghèo khổ = 9.000 USD/năm/người) thì đó là một cục vàng. Nếu có quốc tịch và thu nhập cao hơn nữa thì là cục vàng có cần hộ xoàn. Ông Minh Tàng thuộc loại thứ hai tức cục vàng có cần hộ xoàn. Vậy mà đã bao năm ông cứ ôm tâm trạng buồn khổ, nhìn nước Mỹ bao la lạnh lùng mà khiếp đảm, chiều đi làm về là cầm cần ra sông, nhờ gió sông và thú vui khi cá cắn câu xoa dịu đi nỗi buồn lưu vong sâu xứ và nỗi buồn riêng của hoàn cảnh gia đình. Hai mỗi buồn cộng lại khiến ông già người đi. Cái đáng về hào hoa phong nhã của một phi công trẻ biển đầu mất, thay vào đó là một người đàn ông trung niên luôn trầm ngâm và có phần lẩm cẩm. Năm bảy lăm ông lái chiếc A37 bay sang Thái Lan, sau đó sang Mỹ. Khi điều kiện cho phép, ông làm thủ tục bảo lãnh vợ con, nhưng vợ ông đã lấy chồng khác và giữ rịt đứa con trai không cho đi Mỹ. Ông chuyển sang bảo lãnh vợ chồng người chị mà ông yêu thương nhất nhà kèm tên con trai, hy vọng khi có thêm tuổi đời nó sẽ quyết định theo cô ruột sang Mỹ gặp ba. Thời gian chờ đợi kéo dài, tới khi gọi phỏng vấn thì con trai ông sắp cưới vợ và không chịu đi Mỹ với cô dượng. Ông ra phi trường đón anh chị mà nhớ mà giận con trai. Ông bận rộn thu xếp nơi ăn ở, làm các thứ giấy tờ cho chị và anh rể, nhưng rồi sự có mặt của hai người thân không làm ông bớt trầm ngâm. Chiều chiều đi làm về ông lại cầm cần câu ra sông đến tối mịt mới về nhà. Cuộc sống cứ âm thầm trôi, cho đến một buổi chiều... Đó là buổi chiều trên bãi đậu xe xuống bến tàu Washougal của Mùa Cá Bẹ năm trước khi cô gái Hàn Quốc tươi tắn như hoa mới nở đã từ phía sau đu lên cổ ông, phả hơi thở thơm tho vào một bên tai ông, áp hai nhũ hoa cộm cộm vào lưng với sức truyền động không cách gì chịu nổi, thì ông Minh bỗng thấy chuỗi ngày lặng lẽ trên đất Mỹ như đã lui vào dĩ vãng xa vời. Chẳng những thế, ông đã linh cảm, khởi từ giây phút huyền nhiệm đó, on mưa móc và bỗng lộc của đất trời sẽ chuyển hóa những năm tháng còn lại của đời ông, để sẽ không còn buồn khổ lạnh lẽo, mà luôn nồng ấm

tươi vui, từ giây phút đó và mãi mãi.

Thật vậy, ông Minh Le thay đổi cả bên trong lẫn bên ngoài. Trông ông tươi vui, yêu đời, ăn mặc đẹp, tóc tai gọn gàng. Ông thường nói với những người Mỹ trẻ làm cùng chỗ, say sưa như đang rao giảng một học thuyết:

- Được làm một người đàn ông có quốc tịch Mỹ là một vinh dự và là một điểm phúc lớn.

Ông cứ rao giảng mãi khiến một đồng nghiệp trẻ phải lên tiếng:

-Tôi là người Mỹ chính gốc hiểu theo nghĩa ông cố ông nội tôi đã được sinh ra trên đất Mỹ, tôi tự hào về quốc tịch của mình, nhưng điểm phúc thì chưa biết mặt mũi lớn nhỏ ra sao! Ông chỉ cho tôi thấy cái điểm phúc lớn đó đi, được không?

-Trong nhiều cái điểm phúc thì điểm phúc lớn nhất là đủ điều kiện và cơ hội để chọn bạn gái, chọn vợ thuộc bất cứ màu da nào, chủng tộc nào, đến từ bất cứ hang hốc nào của thế giới. Ông Minh nói cách say sưa.

- Nhưng nếu tôi chỉ thích mỗi đàn bà da trắng thì sao?

- Đàn bà da trắng cũng đến từ nhiều quốc gia, nhiều vùng lãnh thổ trên thế giới vậy. - Ông Minh trả lời rồi nhanh nhẩu tiếp - Bên cạnh đàn bà da trắng, tôi xin trân trọng giới thiệu với anh phụ nữ Á Đông. Đây là món quà kỳ tuyệt của tạo hóa, một sinh vật mềm mại xinh đẹp, tuy “bé hạt tiêu” nhưng dẻo dai nồng ấm tuyệt vời. Hãy nghe theo tôi, hãy tin lời tôi.

Theo yêu cầu của Kyong-bin Choe, ông Minh Le đã cùng cô về Hàn Quốc ra mắt gia đình nhân mùa Seocheon Gizzard Shad Festival và cũng là mùa cưới của địa phương. Họ lưu lại Hàn Quốc một tháng rồi về Mỹ, cùng đi có cả chị Song-kyo tay cầm Visa nhập Mỹ du lịch.

Ông Minh về Mỹ để đi làm và để rao giảng một “học

thuyết” mới: “Con đường ngắn nhất để thâm thấu một nền văn hóa là thông qua người dân bà của nền văn hóa đó”. Không rõ ông Minh Le, một người dân ông Mỹ gốc Việt đã thâm thấu nền văn hóa Hàn Quốc tới đâu? Ông đã thâm nhàn làn điệu dân ca Arirang mà dân hai miền Hàn Quốc xem như thánh ca chưa? Ông đã nghe hoặc đọc hết thiên anh hùng ca Pansori [8], một thể loại dân ca truyền kể mà giáo sư Trần Văn Khê, chuyên viên dân ca dân nhạc của UNESCO đánh giá là độc đáo vào bậc nhất thế giới chưa? Nhưng một điều rất rõ là ông đã ghiền món cá bẹ, cá Gizzard lẫn American shad, do Kyong-bin Choe nướng hoặc kho ăn với kim chi, chẳng khác nào đã từng ghiền món cá mè nướng ăn với rau răm ngày xưa khi còn thơ ấu ở quê nhà.

Những ngày Tây-Bắc bão tuyết

February 9, 2014

Nguyễn Âu Hồng

(1) Thả cá trong nước giữ cho sống.

(2) Ca dao Phú Yên.

(3) American shad còn được gọi là White shad.

(4) Tự điển bách khoa internet.

(5) Hamilton là tên ngọn núi cao 745m, cũng là tên hòn đảo.

(6) Cultural Diversity In The United States by Larry L.

Naylor, Greenwood Publishing Group -1997.

(7) Nxb Thanh Niên - Tủ sách Văn học nước ngoài.

(8) Pansori, Korean's unique epice narrative vocal form - Amazon.

(trích từ tập truyện *Hoa Daffodin thất bím*, Thư Ân Quán xuất bản tháng 4-2014)

PHẠM CAO HOÀNG

Thương nhớ Ngựa Ô



vậy là mình chia tay đã được một năm
nhớ Ngựa Ô là nhớ những ngày mùa đông rất lạnh
ba giờ sáng tôi và em ra trước nhà cào tuyết
gió tạt tê người lòng vẫn thấy vui
vì em vẫn đi bên cạnh cuộc đời tôi
và trong căn nhà nhỏ kia
có những mặt trời đang mọc
có tiếng dương cầm Giovanni như dòng suối mát
có tiếng hát Thái Thanh và Tinh Hoài Hương
nhớ Ngựa Ô là nhớ con đường
đêm mùa thu tôi cùng em đi về phía hồ Thạch Thảo
tiếng xào xạc của lá vàng
và giọt sương trên vai áo
tôi thương Ngựa Ô và tôi thương em

vậy là mình chia tay đã được một năm
nhớ Ngựa Ô là nhớ những đêm bạn bè hát khúc sầu ca viễn
xứ
nhớ Nguyễn Ngọc Phong và *Gửi Em, Đà Lạt*
nhớ Đinh Cường và *Đoạn Ghi Đêm Centreville*
nhớ Nguyễn Minh Nữ và *Mênh Mông Trời Bất Bạt*
nhớ Nguyễn Trọng Khôi và *Giấc Mơng Trên Đồi Thơm*
nhớ Ngựa Ô là nhớ con đường
in dấu chân bạn bè tôi từ những nơi xa xôi có khi là nửa

vòng trái đất
ngồi bên nhau giọt rượu cay trong mắt
ngồi bên nhau cùng nhớ một quê nhà
quê nhà thì xa mây thì bay qua
đời phiêu bạc như những đám mây trôi giạt
nhớ Ngựa Ô là nhớ những bàn tay ấm áp
tôi thương Ngựa Ô và thương bạn bè tôi

Phạm Cao Hoàng

Virginia, August 1, 2014

(Đề nhớ ngày này, năm trước – August 1, 2013)

████████████████████

TRẦN PHÙ THẾ

LỤC BÁT HAI CÂU

CƯỜI KHINH THỐI ĐỜI

giọt buồn
chảy xiết mộng mênh
xôn xao số phận cười khinh
thối đời

KIỆP NGƯỜI

nửa đêm tỉnh giấc ở trần
nằm yên gió tạt
mộ phân
lạnh run

MỘT MÌNH

đêm muộn màng
ngày vội vàng
lâu bêu chiếc bóng thời gian
cuối mùa

QUÊ HƯƠNG

ta về quê mẹ tối tăm mịt mù
chỉ còn
một bóng
trắng lu



ĐINH THẮNG

ĐEO TUỔI THƠ TRÊN LƯNG NGƯỜI CHỊ

Tôi đeo tuổi thơ trên lưng gầy của chị
Giữa mùa không bình yên
Khi nỗi đau cao ngất
Khi chị tôi hát những lời không cung bậc
Để ru tôi qua những thác ghềnh
Hành trình nào đời tặng chuỗi lênh đênh
Cho đứa bé gái mười hai nuôi thằng em vừa dứt sữa
Mẹ tôi chết, cha tôi ngồi tù, và nhà tôi không còn nữa
Via hè quen đeo mãi tuổi thơ
Tôi tập nói tập ăn giữa đường giữa chợ

Và tập đi tập chạy giữa mênh mông
Có những chiều bên quán xá bờ sông
Tôi tập ngó thể nào là lời ăn xin bằng mắt
Chị chẳng dạy cho tôi chút tài khôn vặt
Nhưng chắc mừng khi có được một bát cơm
Trộn vô cùng mùi vị bi ai
Tuổi thơ của chị thơm mùi con gái
Mười hai tuổi chị không còn nước mắt
Để khóc những điều vật vãnh thiếu nhi
Người ta xô chị, chị đi
Người ta đuổi chị, chị lỳ như hành khất
Mà chị em tôi là hành khất
Khi những người thân từ chối mặn mà
Tôi nhớ có lần theo chị thăm cha
Bằng tiền hát ru ngoài phố
Cha vò đầu tôi và bảo:
Con ráng học hành và nghe lời cô chú nghe con
Tôi định nói, nhưng chị dòn tan lém lỉnh:
Em nó rất ngoan và cô chú rất thương
Chị ơi, trong nỗi đoạn trường
Em học được của chị vô vàn khôn lớn.
1980, ĐT

██████████

Mắt Gốc

đàonhữ

Anh chị có hai cháu trai sinh năm một. Lên sáu tuổi, cháu lớn nhập học và từ đó cháu hay vênh mặt với đứa em, tỏ vẻ ta đây là người có đi học, thường hỏi điều này, khoe chuyện nọ trong buổi cơm chiều.

Hôm ấy, cháu lớn hỏi anh:

“Ba ơi, *the first one*, tiếng Việt mình gọi là gì vậy ba?”

Gia đình anh chị có lệ không được nói tiếng Anh ở nhà nên hai cháu luôn “tra tự điển” như vậy. Anh trả lời:

“Là thứ nhứt hay là đầu tiên. Tùy trường hợp mà mình nói.”

“Còn *president* tiếng Việt mình nói sao hả ba?”

“Là tổng thống. Con hỏi chi vậy?”

Ngồi bên kia bàn, chị trầm nghĩ, nếu cháu hỏi tiếp, “Tại sao gọi là tổng thống” thì khó cắt nghĩa đa. Cũng may, cháu không hỏi vậy mà khoe:

“Con biết tên của ông tổng ... ơ ... tổng thống ... ơ ... ư... thứ nhứt của mình là gì rồi.”

Không chút nghĩ ngợi, anh vội khen con:

“Giỏi, con nói cho ba má và em con biết đi.”

“Tên ông là Washington!”

Cháu nói chữ Washington thiệt to, gương mặt hớn hở chờ đợi lời khen của cha mẹ rồi bỗng ngơ ngác vì thấy cha cháu chau mày, thoáng nét buồn, trong khi mẹ cháu ngồi im lặng. Đứng vậy, anh cảm thấy xót xa khi nghe con nói tên vị tổng thống đầu tiên của “mình” là Washington. Đất nước này đã cưu mang gia đình anh chị gần 10 năm nay, vậy mà anh vẫn xem nó là “đất tạm dung.” Mới đến thế hệ thứ hai mà đã mất gốc rồi sao? Suy nghĩ như vậy, phải

chẳng anh là một kẻ vong ân? Còn ngược lại, anh là một kẻ bội nghĩa với quê hương à?

Bên kia bàn, chị cũng phân vân, chưa biết phải giúp anh thế nào đây, bỗng nghe anh hỏi:

“Hai đứa nói cho ba má biết, con là người Mỹ hay người Việt Nam?”

Cháu nhỏ lanh miệng trả lời trước:

“Việt Nam!”

Cháu lớn lườm thằng em một cái, rồi nói, “Là người Việt Nam như ba má.”

Anh mỉm cười, sung sướng nói:

“Giỏi! Vậy thì ông Washington đâu phải là tổng thống của mình mà là tổng thống đầu tiên của người Mỹ, phải không?”

Nhìn hai thằng con gật gù, đồng ý với cha chúng nó, chị thở phào, lòng khoan khoái.

Cơm nước xong, hai cháu phụ cha mẹ lau bàn ăn rồi ra phòng ngoài xem TV. Trong khi chị dọn dẹp nhà bếp, anh lo rửa đồng chén bát bỗng nghe chị nói:

“Cho anh 20/20 đó nhen!”

Anh cười, nói đùa:

“Rửa chén chưa xong mà đã cho điểm rồi! Tối nay có âm mưu gì đây, người đẹp?”

“Hử! Lúc nào cũng tư tưởng chuyện đó! Em muốn nói anh giải quyết chuyện ông Washington thiệt là hay.”

“A ... chuyện đó anh học từ ông nội của anh.”

“Sao? Ông nội có dính líu gì đến ông Washington?”

“Em biết ông nội làm thầy giáo, phải không?”

“Ừa, thì anh có kể cho em nghe rồi. Ông nội hồi nhỏ đi chăn trâu, rồi bị bắt đi học thể cho con nhà bá hộ trong làng, rồi ông làm thầy giáo ...”

“Ba kể lại hồi thời Tây đô hộ xứ mình, học trò học toàn tiếng Pháp, học luôn Sử Ký của Pháp, câu mở đầu của quyển Sử Ký là ‘*Nos ancêtres sont des Gaulois*’ nghĩa là ‘Tổ tiên của chúng ta là người Gaulois.’ Người Pháp rất hãnh diện về nguồn gốc của họ là người xứ Gaule với nền

văn minh có trước người La Mã nữa ...”

“Ừ, thì cũng như người Việt mình, ai cũng vỗ ngực nói mình là dòng dõi con rồng, cháu tiên vậy mà.”

“Ba cũng kể rằng thời ông nội làm thầy giáo, đa số thầy cô là người Việt, chỉ có ông hiệu trưởng và hai ba thầy cô là người Pháp. Ông nội dạy học trò Sử Ký Pháp, ông tự ý sửa câu ‘*Nos ancêtres sont des Gaulois*’ thành ‘*Les ancêtres des Français sont des Gaulois*’, nghĩa là ‘*Tổ tiên của người Pháp là người Gaulois*.’”

“Trời đất! Sao ông nội gan vậy? Người Pháp thực dân đô hộ xứ mình rất ác nghiệt. Thời đó biết bao người chống Pháp bị bỏ tù ở Côn Đảo.”

“Tùy người chứ em, thời nào, xứ nào cũng có kẻ tốt, người xấu. Điều trớ trêu là một ông thầy người Việt tổ cáo chuyện này với ông hiệu trưởng người Pháp nhưng chẳng những ông ta không rầy mà còn khen ông nội nữa.”

Kể chuyện xưa cho chị nghe đến đó anh ngược mắt nhìn ra cửa sổ. Bóng tối đã bao trùm cảnh vật, chỉ còn lại một đốm màu cam của ánh tà dương ở tận chân trời. Anh thấy nó giống như một tia sáng ở cuối đường hầm, gieo vào lòng anh một thoáng hy vọng. Không, hai đứa con của anh chị sẽ không mất gốc nếu chúng được anh chị dạy dỗ cẩn thận như ngày hôm nay. Khi chúng có thêm chút trí khôn anh sẽ kể cho chúng nghe chuyện ông bà của chúng đã giữ cái gốc của mình như thế nào. Anh chợt nhớ đến câu tục ngữ của người Mỹ, “*Home is where the heart is.*” Đúng rồi, cái gốc của người ly hương không ở đâu xa, nó ở chính trong trái tim của mình. Anh mỉm cười, tràn trề hy vọng.

đàoanhdũng

tháng tư 2014, Minnesota

nhớ tháng tư 1975, Việt Nam.

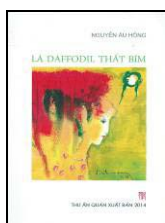
GIỚI THIỆU SÁCH

Phạm văn Nhân phụ trách

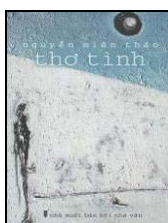
Trong thời gian qua chúng tôi có nhận sách của các nhà văn, nhà thơ trong và ngoài nước gửi đến. Chúng tôi xin giới thiệu đến các bạn đọc TQBT những sách của các tác giả gửi đến cho chúng tôi. TQBT thành thật cảm ơn những tác giả đã gửi sách. Và xin giới thiệu đến độc giả. (PVN)



(1)



(2)



(3)



(4)



(5)



(6)



(7)



(8)

(1) KẺ LẠ Ở THIÊN ĐƯỜNG: của SIMONE WEIL do PHÙNG THẮNG dịch. An Tiem xuất bản lần thứ nhất năm 1973

Đề có tài liệu cho chủ đề PHÙNG THẮNG (TQBT số 59), nhà văn Trần Hoài Thư có nhờ nhà thơ Viêm Tịnh (trong nước) đi tìm tác phẩm này được lưu trữ tại Thư Viện Tổng Hợp Thừa Thiên Huế. Nhưng ở đây chỉ cho phép copy bìa sách mà thôi; vì đây là loại sách tư liệu trước 1975.

Trong lần về Việt Nam tháng tư 2014, tôi với Viêm Tịnh đến Thư Viện Tổng Hợp Thừa Thiên Huế 2 lần, đề xin in lại tác phẩm này để nghiên cứu. Cũng là một cơ duyên cho chúng tôi, chỉ quản thủ thư viện đã đồng ý nhưng chỉ in một tập mà thôi. Thế là *Kẻ Lạ Ở Thiên Đường* đã được toại nguyện theo ý mong muốn của người bạn THT. Hôm nay TQBT xin giới thiệu tác phẩm KLOTĐ của Simone Weil mà bà Phùng Thắng dịch. Một tác phẩm hay, có thể là một duyên lành đã đến với anh em chủ trương TQBT sau bao lâu tìm kiếm mới tìm ra nó tại thư viện địa phương tỉnh Thừa Thiên trong khi những thư viện lớn như Cornell, Yale, hay thư viện chánh ở Saigon và Hà Nội cũng không có. Xin giới thiệu.

(2) LÁ DAFFODIL THẮT BÍM của NGUYỄN ÂU HỒNG do Thư Án Quán xuất bản năm 2014. Không thấy ghi giá bán. Lời mở Đinh Cường. Tập truyện gồm 5 truyện ngắn. Có lẽ đây là tập tuyển đầu tiên của anh sau khi đến định cư tại Hoa Kỳ gần 10 năm? Nguyễn Âu Hồng không lạ gì với độc giả trong nước trước 1975. Nhưng với : Lá Daffodill Thắt Bím, dù thực địa là những địa danh ở nước ngoài, có thể nơi anh sinh sống, nhưng vẫn là nỗi ray rức của mỗi nhân vật trong 5 truyện ngắn mà tác giả muốn gợi gấm khi còn ở quê nhà. Liên lạc với tác giả: nguyenaiahong@yahoo.com

(3) THƠ TÌNH của NGUYỄN MIÊN THẢO. Sách dày 143 trang. Tựa: Cao Huy Khanh. Do Hội nhà văn xuất bản, giá 100.000\$. Theo Cao Huy Khanh: “...cho nên, trong thơ anh, trước hết, đời hầu như là những chuyển rong chơi thú vị, những chuyển đi và về cười ha hả...Về rồi lại đi miên man bất tận trên nền của những mối tình, những

người tình có thể vĩnh cửu, có thể chỉ thoáng qua...”
Trong Thơ Tình của Nguyễn Miên Thảo, chất Thiên như dự một phần trong suốt những trang thơ. Nguyễn Miên Thảo tên thật Nguyễn Văn Tụng.

(4) PHỤC HƯNG TÔI VÀ EM của TỪ HOÀI TẤN. Sách dày 194 trang, do Hội nhà văn xuất bản, giá 100.000\$. Phụ bản: tranh của Thân Trọng Minh và Lê Ký Thương. Gồm những bài thơ anh sáng tác trước năm 1975. Tập thơ chia làm ba phần: 1/ Bão Vọng. 2/ Hầy Lay Tình Thức Dậy. 3/ Ngợi Ca Mây Trắng. Trước 1975, anh đã có thơ đi trên Văn, Nghệ Thuật, Văn Đề, Ý Thức...và sau 1975 anh vẫn tiếp tục làm thơ.

(5) NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG ĐÊM DẠ LAN Tập thơ của NGUYỄN THỊ LIÊN TÂM. Sách dày 87 trang do Hội nhà văn xuất bản. Giá 30.000\$. Liên Tâm cùng làng với Chu Trầm Nguyên Minh. Người đầu xóm kẻ cuối xóm. Tập thơ mỏng nhưng có những câu thơ rất dễ thương của một cô giáo: ...”Người đi. Hoa tàn. Vẫn cứ mãi đi/ Đêm, chỉ có ánh trăng khi mờ khi tỏ/ Người đàn bà thả hồn theo ánh trăng về nơi cuối phố/ Nơi có một người. Ngày xưa...”
Rất dễ thương: Nơi có một người, ngày xưa.

(6) NHỮNG DÒNG SÔNG ĐÊM của bốn tác giả: LÊ NGỌC THUẬN, NGUYỄN MIÊN THẢO, TỪ HOÀI TẤN, VIÊM TỊNH. Do Thuận Hóa xuất bản. Giá 29.000\$. Bốn nhà thơ xứ Huế, góp lại mỗi người 12 bài để hình thành tập thơ.

(7) TÌNH NGƯỜI của ĐỖ NGHÊ. Tác giả tự trình bày. Bìa Lữ Kiều. Không bán. Sài Gòn 1967. Gồm những bài thơ anh làm vào những năm 1964, 1965. Năm mà cuộc chiến VN khốc liệt nhất. Nhưng chỉ vồn vện 20 bài thơ ngắn, dài. Đỗ Nghê đã đưa con người đến gần nhau trong “Tình Người, cho dù đạn có xé nát bầu trời. Thật tuyệt vời. Không bán. Chỉ tặng cho bàn bè và thân hữu.

(8) CÀO LÁ NGOÀI SÂN ĐÊM thơ ĐÌNH CƯỜNG.
Sách dày 156 trang. Do Thư Ấn Quán xuất Bản năm 2014.
In trên giấy lán. Đẹp. Đình Cường, không chỉ là một họa sĩ
tên tuổi, anh còn làm thơ trước 1975. Thơ anh như một
nhân chứng ghi lại những sự việc xảy ra cho anh, cho
người và cho mọi người dưới “hình thức của thơ” mà khó
có ai làm thơ như anh từ năm 1960 cho đến bây giờ.
TQBT xin giới thiệu tập thơ Cào Lá Ngoài Sân Đêm của
họa sĩ Đình Cường. Anh hiện sống tại Virginia, Hoa Kỳ.

PHỤ LỤC

*LTS: Trong dòng văn chương nữ giới của miền Nam trước 1975, ít ai nhắc đến vai trò đóng góp rất quan trọng cho nền văn học thời chiến của Phùng Khánh và Phùng Thăng qua những dịch phẩm như **Bắt Trẻ Đồng Xanh**, **Câu Chuyện Một Dòng Sông** mà một thời là hai cuốn sách gối đầu giường của thế hệ chiến tranh chúng tôi.*

Bài viết của tác giả Thái Kim Lan chúng tôi vừa nhận là niềm mong mỏi lớn lao của chúng tôi cho chủ đề này. Xin được thành thật cảm ơn tác giả đã bỏ ra rất nhiều thì giờ và công sức để giữ lời hứa. (THT)

Thái Kim Lan

Phùng Khánh và Phùng Thăng: Lộ trình suy tư triết học - Phác họa hiện tượng luận tình yêu.

Bài viết ngắn này chỉ là một phác thảo gợi ý về sự nghiệp và ảnh hưởng của hai nhà nữ trí thức miền Nam trong những thập niên 60, 70, nằm trong dự án TQBT soạn thảo về các nữ văn sĩ miền Nam trước 1975. Phùng Thăng tạ thế cuối thập niên 70. Phùng Khánh đã là Ni sư giữa thập niên 60 và trở nên một Ni Sư Trưởng lỗi lạc trong giáo hội Phật giáo Việt Nam trước và sau 1975, liêu sinh 2003.

Sẽ là một thiếu sót lớn nếu không đề cập và tìm hiểu tư tưởng của hai vị, bởi vì ảnh hưởng của hai vị đối với thanh niên trí thức miền Nam thời ấy thật lớn lao, như chính người viết bài này từng là một trong những đương sự đã có lần thú nhận:

"Tôi đã gặp chị Phùng Khánh lần đầu tiên như thế, không bằng hình hài, mà qua "Câu chuyện dòng sông" hay "Siddharta" của H. Hesse, qua ngọn bút dịch thuật tài hoa của chị (và Phùng Thăng, chủ thích của người viết). Như một kẻ đầu đàn trong giới nữ lưu tiếp cận với văn hóa Tây phương, Phùng Khánh đã khám phá "Siddharta" như một của báu và trao lại cho chúng tôi. Từ đó không thể nào quên những giây phút lạ lùng giữa những cuốn hút của dòng văn, con mắt của chính mình đã hơn một lần choàng tỉnh nhận ra "của báu trong nhà tìm kiếm mãi" đang được một người ngoại cuộc nâng niu, rồi có một người trong cuộc trang trọng trao lại cho mình. Bỗng như một liên cảm, tuy chỉ văn kỳ thanh mà đã thấy tri ân chị Phùng Khánh xa lạ chưa quen." (Thái Kim Lan, Tuồng niệm Ni sư Trí Hải).

Không những tác phẩm đã dẫn trên mà về sau, bản dịch tác phẩm "Triết học Phật giáo" của Phùng Khánh đã là sách gối đầu giường.

Thao thức bản khoán của anh Trần Hoài Thư thật đúng: "Người ta nhắc nhiều đến Nguyễn Thị Thụy Vũ, Túy Hồng, Trùng Dương, ngay cả Nguyễn Thị Hoàng, Nhã Ca, nhưng họ quên sự đóng góp lớn lao cho một thế hệ băng hoại, mất niềm tin" của Phùng Khánh và Phùng Thăng.

Quả thật tư tưởng và tác phẩm cũng như hành trạng của họ không những mang lại vẻ cảm tú trên văn đàn miền Nam thời đó mà còn soi sáng trí tuệ và tâm thức của thế hệ đồng thời. Bù trừ sự lãng quên ấy trở nên cần thiết trong dự án nhận định tổng quan về mảng văn học miền Nam, nữ giới nói riêng và cho nền văn học VN nói chung, không những

là điều kiện cần mà còn phải là điều kiện đủ, bởi tính cách đóng góp vào gia sản tinh thần Việt Nam mà Phùng Khánh và Phùng Thăng đã thực hiện khác với những tác phẩm văn chương thời bấy giờ, nhấn mạnh sự khai ngộ một con đường mới nhằm thay đổi tâm thức con người đang bị khủng hoảng về mọi phương diện. Sự khai ngộ ấy nhằm chuẩn bị hành trang cho thế hệ mới trong mọi thời, không chỉ cho miền Nam thời ấy mà cho thế hệ tương lai, trên toàn thể Việt nam ngay cả bây giờ. Đóng góp văn học của PK & PT còn khác biệt hơn nữa so với những tác giả nữ đương thời ở miền Nam cũng như miền Bắc sau 75, ở điểm, công trình của họ không bao giờ phảng phất tính làm dáng giới tính nhằm gây sốc cho độc giả mà ngược lại chính trí tuệ và tài hoa của những nữ lưu trí thức này đã tỏa sáng sức thuyết phục, có sức mạnh chuyển hóa người đọc.

Trong bài viết này, xin mạn phép không dùng danh hiệu Phật giáo của cố Ni Sư trưởng Trí Hải mà chỉ dùng tên ngoài đời "Phùng Khánh" khi đề cập đến tư tưởng của người. Và chẳng, đối với sự nghiệp văn, triết, giáo lý Phật giáo của chị Phùng Khánh hay cố Ni Sư trưởng Trí Hải, bài viết này thật chưa đủ khả năng để trình bày một cách bao quát, mà chỉ chú trọng đến tương quan tư tưởng triết học của Phùng Thăng với sự nghiệp độ sanh qua văn chương và hành thâm bát nhã của Phùng Khánh.

Về dữ liệu tham khảo, ngoài những công trình dịch thuật nổi tiếng của hai vị như "Câu chuyện dòng sông", "Sói đồng hoang" của H. Hesse, "Bắt trẻ đồng xanh" của Salinger... sự nghiệp văn học, tôn giáo, đạo đức của Phùng Khánh rộng lớn so với số liệu các tác phẩm triết học của Phùng Thăng hiếm hoi, tuy nhiên bài viết này lại đưa ra một tương quan tỉ lệ ngược: chính tư tưởng triết học của Phùng Thăng đã chuẩn bị tri thức cho tự ngã khai phóng, vẽ nên sơ đồ hành động mà đồng thời và về sau Phùng Khánh đã thực hiện (Chính tác giả PK đã có lần tâm sự tiếc đã không theo môn triết học, phải chăng lúc ấy Ni sư đang nhớ người em gái của mình?). Sơ đồ ấy phác thảo

một con đường mới: con đường trở về nội tâm, tự khai phóng trong tự do và tình thương. Phác thảo ấy căn cứ trên nền tảng triết lý truyền thống Đông phương (chủ yếu là Phật học và Thiền học) được giải trình trong ánh sáng của những thành tựu tri thức triết học Tây phương (hiện tượng luận của Husserl và triết học hiện sinh của Sartre và Heidegger).

Có thể nói PT và PK thuộc những người tiên phong thực hiện cuộc đối thoại liên văn hóa trong bối cảnh lịch sử của xã hội miền Nam đang bị khủng hoảng vì chiến tranh, mâu thuẫn văn hóa đông tây đang xâu xé thế hệ trẻ, ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa Tây phương chế ngự cuộc sống, sự băng hoại và mất niềm tin của con người càng ngày càng trầm trọng. Một cuộc đối thoại bình đẳng trong trí tuệ và nhất là trong tình thương mà chính họ đã khai lập giữa ba đào thời thượng. Trong cuộc đối thoại này, trước hết mọi thứ nhân danh đã trở nên xơ cứng giáo điều tước đoạt tính tự chủ của mỗi con người cần được giải thể bằng một phương pháp luận triết đề, phương pháp của Thiền học trong quy chiếu hiện tượng luận như một khoa học về khả năng trí tuệ của con người. Tôi tạm gọi con đường mà hai vị nữ thức giả đã đi "Hiện tượng luận tình yêu", có thể trong tiến trình suy tư về con đường ấy trên trang giấy này, tên gọi của phác thảo được thay đổi.

"Hiện tượng luận tình yêu" như là con đường tư tưởng PK & PT thoát tiên có thể gây ấn tượng vượt khỏi giới hạn tư liệu mà chúng ta có được về tác giả Phùng Thăng, như đã biết qua việc sưu tầm của TQBT (hiện nay tôi sử dụng nguồn tư liệu ấy cho bài viết), luận án triết học của chị ("Chinh lý triết học Tây phương") đã bị thất lạc, chỉ còn những tác phẩm dịch và lời giới thiệu của chị, một vài tiểu luận đăng trong tạp chí Tư Tưởng Vạn Hạnh. Xem ra ít ỏi so với đề tài đưa ra. Nhưng nếu đọc kỹ các lời giới thiệu, và đọc sâu những tiểu luận, nhất là tiểu luận "Vang Bóng Nguyễn Du", và có lẽ chỉ cần tiểu luận độc sáng ấy thôi,

cũng đủ cho ta hiểu được yếu tính của tư tưởng văn-triết học PT và PK, mà trong những dòng kế tiếp sẽ đề cập đến.

Khi hạ bút viết cụm từ "Hiện tượng luận tình yêu", đã thấy nhiều đôi mắt từ nhiều góc độ dồn đến hai chữ "tình yêu" theo thói quen "nhân danh tình yêu" như Phùng Thăng đã có lần đề cập: **"Người ta chỉ nhân danh tình yêu để nói mà không để chính tình yêu được nói"**. Trong con mắt của người Phật tử chẳng hạn, hai chữ "tình yêu" e không thích hợp cho một ni sư hay không đúng theo giáo lý diệt tham ái, có lẽ nên dùng "tình thương" chẳng. Nói như thế là đã "nhân danh".

Vậy Tình Yêu tự nó lên tiếng như thế nào? Có một tiếng nói "tình yêu"? Nếu có một tiếng thì nguy cơ tiếng ấy lại là nhân danh chứ không là tình yêu. Tiếng nói của tình yêu là gì nếu không chính là "YÊU", là hành động yêu thương? Thể theo dòng biện luận của PT, có thể hiểu YÊU là một hiện tượng của hiện hữu, của giống "hữu tình", thuộc thể giới hữu tình và đa tình đa đoan, nó bao trùm tình thương, trong nhịp đập của trái tim.

Yêu là hiện tượng đang xảy ra, như tôi yêu tổ quốc, quê hương tôi, tôi yêu anh, yêu em, trong thuần chất của tình yêu, chứ không phải là thứ tuyên truyền nhân danh chủ nghĩa yêu nước của một đảng buộc mọi người phải yêu, cũng không phải là một mệnh lệnh của cha mẹ hay lời kêu gọi "hãy yêu nhau đi, cho rừng xanh lá".

Tiếng nói của tình yêu là hiện tượng yêu, không biện minh, không lên tiếng, nó là một trực giác trực tiếp cho ta cảm nhận "yêu". Hiện tượng luận của Husserl nói về "cái nhìn yếu tính" (Wesensschau) chính ở điểm khi hiện tượng "yêu đồng nghĩa với yêu" trong cảm nhận trực quan của chủ thể, sau khi tất cả những hiện tượng "nhân danh" bị tróc hết vỏ ảo danh. Tróc hết mọi ảo ảnh của hiện tượng, YÊU là một hành động hiện sinh, một sự xảy ra như cú nhảy của con

éch vào nước ao trong thơ Bashô. Phùng Thăng cho rằng những người khác, - tha nhân đối với chủ thể, - khi nhân danh tình yêu mà nói về tình yêu - đồng nghĩa họ không yêu đích thực. Trong YÊU cũng như khi "TÔI LÀ", khi tôi hiện hữu, thì mọi ngôn ngữ ngay cả tư duy, ý tưởng, nguyên lý nhị nguyên không còn lý do tồn tại, chỉ có trực quan TÌNH YÊU hiện hữu trong đồng nhất thể tính của hành động YÊU THƯƠNG. Chỉ trong tình yêu đích thực, con người bình đẳng, không phân biệt, chỉ khi tình yêu nói tiếng yêu thương, quê hương tâm linh mới hiện hữu thật sự cho con người. Tìm được tình yêu đích thực, cánh cửa quê hương tâm linh mới mở rộng cho con người trần thế.

Nhưng con người vẫn sống trong dọa dẫm vì sân hận và vô minh, vì bị búa vây và gậy mê trong vũng lầy của những nhân danh tình yêu. Chọn Simone Weil mà không chọn Simone de Beauvoir, bạn đồng song với S. W. trong phân khoa triết thời ấy, lại là bạn đời của J.P. Sartre (trong khi chọn dịch Sartre), và chọn dịch cuộc đối thoại của Simone Weil với linh mục Perrin đều không phải là sự tình cờ, - (có thể đã nằm trong luận án triết học "Chính lý tư tưởng triết học Tây phương"?) - chính vì mong ước tiếng nói đích thực của tình yêu đang nghẹn tắt trên trần thế được khơi nguồn trở lại, chính vì muốn có người đồng điệu BIẾT YÊU. BIẾT- YÊU cần có sự soi rọi của trí tuệ, soi sáng hiện tượng yêu thương đã bị những lớp nhân danh xóa lấp. Vượt lên trên những xóa lấp biến con người thành những đàn cừu, những vệ binh không hồn hay tín hữu được ân sủng, Weil đã lựa chọn ở lại trần thế. PT gọi Simone Weil là kẻ lạ mặt ở Thiên đường, chốn dành cho những kẻ được ân sủng hạnh phúc. Chọn lựa làm kẻ cô đơn, chối bỏ ân sủng, để cùng chung với những người trần, bởi vì chính trí tuệ của S. W chưa tìm được câu trả lời thỏa đáng cho những nghịch lý giữa ân sủng Thượng đế và khổ đau của loài người, của phi lý giữa Thiên đường và hỏa ngục vô biên. Và nhất là trái tim của S.W. không thể ngưng đập cho con người. Simone de Beauvoir có lần đã

nói bà ganh tị với S. Weil, chính vì "con tim của Weil luôn có thể đập tròn trái đất".

Giới thiệu tư tưởng của S. Weil, đồng thời chính PT như đã nội tại hóa (Verinnerlichung) cho mình TÌNH YÊU đầy trí tuệ của Weil:

"...Qua toàn thể văn phẩm, tâm hồn Simone Weil vẫn là một tâm hồn quần quai cô đơn nhưng rất sáng suốt trong công cuộc đi tìm một Quê Hương tâm linh đích thực cho mình. Chính sự sáng suốt ấy đã đưa Simone Weil đến chỗ khước từ thiên đường hữu hạn để chọn hỏa ngục vô biên vì quá xót thương và muốn chia sẻ những lầm than của trần thế. Trong nguyện ước của nàng, như có vọng âm những lời phát nguyện của các vị bồ tát Phật giáo từ muôn nghìn thế kỷ. Trên thiên đường hữu hạn ấy, nếu được chọn, Simone Weil sẽ vẫn mãi mãi là một kẻ xa lạ lạc loài, vì nàng không ước muốn. Nàng chỉ ước muốn Thiên Đường chính thực, Quê Hương tâm linh bình đẳng cho tất cả Loài Người."

Weil đã trần tình điều kiện cho tình yêu đích thực "được nói":

"Dù thế nào, khi con hình dung một cách cụ thể hành động gia nhập Giáo hội của con như một điều sắp sửa xảy ra, thì không có ý tưởng nào làm con khổ sở hơn ý tưởng tự tách mình ra khỏi đám người lương rộng lớn đang khốn khổ. Nhu cầu khẩn thiết của con, có thể gọi thiên mệnh của con, là sống giữa những con người và những môi trường khác biệt bằng cách hòa lẫn vào đời sống của họ, cùng mang với họ một sắc màu, ít nhất là trong mức độ mà ý thức không chống đối, tan biến giữa họ, để được thấy họ trong những thực thể không giấu giếm, che đậy, giả trang. Con muốn biết con người như vậy để yêu thương họ tự bản chất của họ. Bởi nếu con không thương yêu họ trong nguyên thể, thì con chưa thương yêu chính họ, và tình yêu của con không

có thực." (S. Weil, thư gửi Linh mục Perrin)

Trong lúc khước từ tình yêu cá nhân, chỉ dành trái tim cùng trí tuệ cho tình yêu chân lý, tình yêu đích thực, S. Weil đã xây dựng một triết lý theo đó để hành động một cách triệt để và sẵn sàng chết để "hòa lẫn" với con người, để "tan biến" với con người. "Yêu thương con người tự bản chất", trong nguyên thể, hiện tượng luận tình yêu của Weil ẩn hiện hình ảnh các vị Bồ Tát Phật Giáo, như PT nêu ra. Hình như S. Weil là hiện thân ngắn ngủi của một vị Quán Thế Âm, muốn lắng nghe "chất người" trung thật nhất trên thế gian để cùng chia xẻ cho đến chết. Một liên tưởng không phải tình cờ mà chính là một chất tố quan trọng trên con đường tìm về nội tâm, xây dựng hiện tượng luận tình yêu mà PT mơ ước.

Khác với Weil triệt để với quan điểm của mình đến héo khô, PT đã ném trái tố chất của tình yêu, yêu chồng, yêu con, yêu văn chương, yêu người và sau đó khởi đầu hành trình cô đơn của một Bồ Tát trở lại trần, chứng nghiệm mọi nghịch lý cay đắng của cuộc đời.

Simone Weil là một, Nguyễn Du là hai, chỉ hai người thôi trong diễn đàn văn học đã được PT nhận ra bóng dáng của những vị Phật hữu tình nơi điểm chung của họ là tình thương vô hạn.

"Và Nguyễn Du thoát xác thành Đại sĩ, để đi vào tận thế giới không tên của trăm nghìn kiếp sống. Lòng xót thương của người không chỉ hạn cuộc trong cõi người ta, dù đó là loài chúng sinh đa tình nhất. Lòng xót thương đã khiến người nhận ra tính đồng thể mà chỉ có các Bồ Tát, kẻ giác ngộ trong loài hữu tình, mới thấy rõ để từ đây, phát nguyện độ tận chúng sinh. Một tình thương bao la như thể biết dung vào đâu trong sanh tử..."

Lòng xót thương của Nguyễn Du đến thập loại chúng sinh đang quần quai trong địa ngục trần gian, bởi khổ cũng

chính là yếu tính của hiện sinh – đã khiến người nhận ra tính đồng thể của mọi loài hữu tình - trong tình yêu cũng như trong khổ não mọi người đều bình đẳng như là con người nguyên thể, cho nên Weil mới tan hòa với họ và Nguyễn Du đau đớn với họ. Không chỉ kêu lên tiếng đứt ruột với Kiều, tình yêu của Nguyễn Du lên tiếng vào tận thể giới không tên của trăm nghìn kiếp sống, "một tình thương bao la như thể biết dung vào đâu trong sanh tử...?" nếu không phải là luôn lên đường lên đường vạn nẻo?

Cho nên hành trạng chủ thể "hiện tượng luận tình yêu" chính là hành trạng của vị Bồ Tát nguyện trở lại trần thế đi hết cõi trần của người sống, hết 10 tầng địa ngục, đau nỗi đau của thế gian, độ tận chúng sinh. Có thể nói hình ảnh hay ý niệm Bồ Tát giữa loài hữu tình do PT đưa ra trong cuộc chuyện trò Đông Tây thật đặc song song với những khái niệm chủ đạo của triết lý Simone Weil, và chủ nghĩa hiện sinh của Sartre đến từ hiện tượng luận Husserl với những cặp phạm trù hiện sinh: phi lý – tự do – trách nhiệm.

Cái sinh thể đã liễu tri chân lý, đã giác ngộ tính vô thường của cõi trần gọi là Bồ Tát ấy trước tiên là một CON NGƯỜI như mọi người, chỉ duy đã thấu suốt chân lý của cuộc đời. Sự thấu suốt này không do khả năng siêu nhiên mà qua trải nghiệm tận cùng khổ ải, qua nhiều tầng địa ngục, tri kiến tận cùng định luật vô thường vô ngã để phá vỡ xích xiềng của thập nhị nhân duyên cho đến khi nhận ra tính không của mọi pháp và giác ngộ giải thoát.

Trong tiến trình luân hồi, Bồ Tát trực nghiệm tự do giải thoát khỏi mọi ràng buộc thế gian. Nhưng có lẽ chúng nghiệm tự do tuyệt đối nhất chính là lúc Bồ tát từ chối bước vào ngưỡng cửa Niết Bàn, thệ nguyện trở lại trần gian một lần và có lẽ vạn lần nữa, để đi từng bước khổ cùng với sinh linh, đi và cứu độ chúng sanh thoát khỏi mọi ràng buộc luân hồi. Bồ Tát khi thành tựu giác ngộ giải

thoát, có nghĩa đã đạt được mục đích cao nhất của thân phận làm người: tự do. Nhưng tự do nhất mà cũng phi lý nhất chính là lúc từ chối tự do của mình để trở lại cõi trần, nhận lãnh trách nhiệm sống tù đày trong cõi thế, cũng chỉ vì một lý do duy nhất chứ không vì một ràng buộc ngoại lai nào: xảy ra như một trực kiến trong tâm: TÌNH THƯỜNG NGUYÊN ỦY đối loài người. Tình ấy chỉ xảy ra trong tự do, không nhân danh một đẳng siêu việt nào.

Cũng như Simone Weil từ chối bước vào Giáo hội, ngưỡng cửa của Thiên đường hữu hạn, mặc dù mang trong mình khả thể bước vào, để ở lại thực hiện tình yêu đích thực trong hỏa ngục vô biên, tình yêu trong tự do yêu thương, không nhân danh một tình yêu nào dù là tình yêu Thượng đế: "Không phải vì Thượng đế yêu ta mà ta yêu TĐ mà vì Thượng đế yêu chúng ta nên chúng ta yêu chúng ta" như Weil đã khẳng định tính tại thế của tình yêu, bao lâu con người ở cõi trần ai.

"Dù bị đau đớn quằn quại, tôi vẫn tha thiết yêu thương trần gian điên dại này" như Phùng Thăng đã dẫn lời của tác giả "Câu chuyện của dòng sông" H. Hesse, bản dịch văn chương tuyệt tác của Hesse dưới ngọn bút tài hoa của Phùng Khánh & Phùng Thăng.

Trên bình diện hiện tượng học, cái nhìn trực quan "Yêu" vẫn còn nằm trong phạm vi nội hàm yếu tính (Wesen), không thuộc vào thể tính (Sein), nhưng nó lại là một yếu tính hầu như làm nên thể tính, đồ đầy hiện hữu của con người. Tình yêu (tha thiết yêu thương trần gian điên dại này) làm nên ý nghĩa của hiện sinh con người trên trần thế trong phận người không có quyền định đoạt trước sự hiện hữu của chính nó trên thể gian. Biết "yêu" tha thiết là lên tiếng trả lời với định mệnh đang trói buộc tôi rằng tôi hiện hữu. Ý chí yêu cuộc sống trả lại quyền tự do tự chủ của con người và với tự do, con người từ đó có thể mang trách nhiệm biến đổi đời người.

Lộ trình tư duy của Phùng Thăng bao gồm cuộc đối thoại đông tây đã được chính PT điều khiển với ngọn bút của một trí tuệ tự chủ, sung mãn trực giác thiên tài. Trả lời những vấn nạn ngay chính trên quê hương về truyền thống triết lý Á đông đang bị lung lay bởi ảnh hưởng trào lưu phương Tây, nhất là với triết lý hiện sinh đang ồn ào trỗi dậy, những vấn nạn về triết lý đạo Phật trong tương quan với Thiền học hay khuynh hướng thời thượng chối bỏ truyền thống, rập mẫu chạy theo Tây phương, thêm vào đó sự vô vọng mất niềm tin trong chiến tranh của nhiều thế hệ, Phùng Thăng mẫn cảm và tinh tế chọn món ăn tinh thần từ chính phương Tây khi nói về Thiền học. Alan Watt, Hesse, Sailinger, Weil đều là những nhà tư tưởng, văn hào lỗi lạc có ảnh hưởng lớn trên văn đàn thế giới. Muốn biết mình là ai có lẽ một trong những bước đầu là nên biết người khác nói về mình như thế nào để đừng vội vàng chối bỏ mình, đồng thời từ góc nhìn khác ấy, có được nhận thức đúng đắn về mình và từ đó sửa mình. Ý thức rõ mọi tri kiến cần có nền tảng triết lý như là điều kiện khách quan khoa học, Phùng Thăng chọn giới thiệu những tác phẩm văn chương tiêu biểu liên quan đến triết học hiện sinh của J. P. Sartre, trong đó PT nhấn mạnh tương quan nền tảng của hiện tượng luận, thật rất đặc:

"Với phương pháp mô tả theo hiện tượng học, nền văn nghệ thời mới đã thực hiện được cuộc hôn phối toàn bích với khoa triết lý. Trong số những triết gia ở trên đỉnh cao của thời hiện đại, Sartre là hình ảnh biểu trưng toàn vẹn lối quả quyết trên, nhờ vào thiên tài văn nghệ và sức sáng tác phong phú của ông..." (PT, Lời giới thiệu dịch phẩm Buồn Nôn của J. P. Sartre)

"Thật rất đặc" ở chỗ qua sự giới thiệu tác phẩm này, một cuộc gặp gỡ lương duyên khác hầu như đã xảy ra trên lộ trình tư tưởng của người giới thiệu: cuộc gặp gỡ Đông – Tây giữa hiện tượng luận và phương pháp quán tưởng của Phật học, đặc biệt của phái Yogacara và Thiền môn. Nếu

"Epoche" là phương pháp giải lược (Reduktion) hiện tượng của hiện tượng học, đóng ngoặc các hiện tượng ngẫu nhiên, để hướng đến trực quan ý thức nhìn thẳng vào sự vật, khai ngộ được yếu tính của sự vật, thì Sartre còn đi xa hơn nữa, mô tả hiện tượng luận của ông "nhằm xoáy sâu cái nhìn xuyên thủng qua những lần vỏ ngoài bao bọc, để đạt đến tri kiến đích thực về bản chất của thực tại. Tri kiến ấy là tri kiến của hiện tính (existence). Sự vật hiện hữu." (PT, Buồn Nôn, đã dẫn) như Phùng Thăng nhận định:

Với Buồn Nôn, Sartre "muốn đưa ta chạm mặt thực sự với một trực giác nguyên ủy, làm trung tâm điểm cho nền hiện sinh vô thần của ông: trực giác về sự hiện hữu của sự vật." (Phùng Thăng, Buồn Nôn, giới thiệu).

Từ trình bày hiện tượng luận của Sartre về trực giác hiện hữu sự vật, từ phương pháp giải lược hiện tượng của Husserl, vẫn trên lộ trình tư tưởng của Phùng Thăng, chúng ta có thể hiểu rõ hơn phương pháp quán tưởng của Phật giáo và Thiền học trong nỗ lực từng bước giải thể ảo tưởng mê mờ, đạt được chánh tri kiến về bản chất của sự vật "như sự vật là". Còn xa hơn Husserl, Sartre, Heidegger trong thiết lập trực giác hiện hữu, nhấn mạnh vai trò của ý thức con người trong tương quan với thể tính (Être), Phật học và Thiền học giúp ta khai ngộ "tính không", "vô ngã", để phá vỡ mọi nhị nguyên mà ngôn ngữ hiện tượng luận hay chủ nghĩa hiện sinh vẫn còn ràng buộc, che giấu hoặc tái tạo lại ở ngõ sau.

"Wesensschau" của Husserl, hay tri kiến trực quan vẫn còn ở bên bờ của "Wesen", của yếu tính chứ chưa qua bờ bên kia của "hiện sinh" (Être) và Kant vẫn có lý khi cho rằng giữa yếu tính và thể tính là hố thẳm khó vượt qua. Bởi lẽ cái nhìn trực quan vẫn dừng lại ở "Wesen" nội tại trong lúc siêu việt vẫn không lộ dạng. Cần một cú nhảy để qua bờ bên kia. Thiền sư Huệ Năng đã thực hiện cú nhảy ấy: "Bản lai vô nhất vật"...đó là điều Lục tổ Huệ Năng giác ngộ...

“vật là những hạn từ chứ không phải những thực thể. Chúng hiện hữu trong thế giới trừu tượng của tư tưởng, chứ không phải trong thế giới cụ thể của thiên nhiên. Bởi vậy, người nào đã liễu ngộ thật sự điều ấy thì sẽ không còn tự quan niệm mình như một Ego (ngã), ngã của người đó là cái "nhân vật" xã hội của họ, một toàn bộ khá độc đoán của kinh nghiệm và những cảm giác mà người ta đã dạy họ tự đồng hóa với nó. Đã hiểu được thế, người ấy vẫn giữ vai trò xã hội của mình nhưng không còn là tù nhân của vai trò mới, hay đóng giữ vai trò của một người không có vai trò nào cả.” (Alan Watts, Thiền Beat, Thiền square và Thiền hay Thiền nổi loạn và Thiền bảo thủ, Phùng Thăng dịch)

Đây không còn là lý thuyết suông hay nhân danh nguy tạo, bởi vì trực quan về vô ngã và tính không của mọi hiện tượng đến từ trải nghiệm khổ mà con người muốn kiếp trải qua trong vòng sinh tử. Phật giáo cho rằng Khổ hay Tính Không (có nghĩa vô thường, vô ngã) như kinh nghiệm sống trong dòng biến đổi hé mở cho ta thấy được chân trời siêu việt, khả thể của thế giới nhân loại đồng thể. Chính nơi chân trời của khổ đế, tình thương mới được cảm nhận thực sự.

Cũng như giữa những người khốn cùng, S. Weil chứng thực rằng, chính trong khô tận, con người cảm nhận được hiện diện của tình yêu. Trong một ghi chú về những kinh nghiệm siêu nhiên đã trải qua, S. Weil thú nhận đã chứng ngộ Hư Vô như trung tâm điểm của vũ trụ, trong sự trống rỗng vắng bóng tất cả mọi yếu tính nội hàm, tình yêu được cảm nhận như sự có mặt của đáng siêu nhiên hay Thượng đế... “Thượng đế nằm chính trong hư vô toàn hảo” và “yêu chân lý có nghĩa chịu đựng sự trống vắng của hư vô và sau đó chấp nhận cái chết”.

Sự khủng hoảng của triết học Tây phương, duy vật hay duy lý, trong đó có cả hiện tượng luận của Husserl, triết học hiện sinh của Heidegger, nằm ở sự trống vắng nền tảng

TÌNH YÊU đích thực như một hệ luận của giác ngộ về thể tính của vạn vật, cho nên hành trình tư duy Tây phương vẫn còn mãi lặn dạt trong hư danh, ảo tưởng, không tìm thấy được sự bình an cho tâm hồn. Một Trần Đức Thảo giỏi giang có thể đọc suốt nghìn thiên hiện tượng luận của Husserl, có thể phê phán cả hệ thống triết học hiện sinh, thấu triệt biện chứng duy vật, nhưng lại rơi vào cạm bẫy của chủ nghĩa nhân danh tình yêu, suốt đời khắc khoải.

Có lẽ vì ông quên trở về với Nguyễn Du như Phùng Thăng đã về và đã hiểu. Hiểu Nguyễn Du có nghĩa: "Ai đã từng sống vô biên trong khổ đau cũng như trong hoan lạc; từng trải qua những ngày lạnh và những đêm hoang vu? Đừng khóc Tố Như vì người sẽ cười trên nước mắt "khéo dư" ấy. Nhưng hãy đọc một nghìn lần kinh Kim Cang rồi đọc lại Nguyễn Du và khi ấy nếu thấy lệ trào lên mi, hãy để cho nó thâm lặng chảy."

Giọt lệ thâm lặng ấy khóc mà thanh thoi, tự do khóc vì yêu thương chân thực, không còn đắng cay độc địa của hận ghét, khi thấu suốt kinh Kim Cang mà chính Nguyễn Du đã nghìn lần đọc.

Cho nên Phùng Thăng cùng với Phùng Khánh đứng về phía TÌNH YÊU trong ánh sáng của kinh Kim Cang và nếu ai có cười tôi thô lậu vì chữ "tình yêu" ấy thì cứ cười "khéo dư" với những nhân danh tình yêu. Bởi vì đã có một nhà thơ khác, sau 200 năm, Bùi Giáng đã khóc cười với Phùng Khánh và Phùng Thăng:

*Mẹ về bảo nhỏ con thôi
Đừng đeo đai nghiệp suốt đời làm than*
(Thơ Bùi Giáng, Thích Phùng Khánh ca)

MẸ TỪ BI có thể là một chữ khác cho TÌNH YÊU ĐƯỢC NÓI, bao la vô cùng. Lộ trình tự tưởng TÌNH YÊU của Phùng Thăng, dù cuộc đời chệch ngăn ngại, nhưng dài vô tận

và rộng vô cùng, cuộc đi như một hành trình tiếp sức, Phùng Khánh đã lên đường từ đó thực hiện hạnh nguyện Bồ Tát độ tận chúng sinh. Nụ cười trong suốt của Ni sư Trí Hải là thực chứng của những "giọt nước mắt thầm lặng rơi" trong tình thương vô hạn, nối tiếp Nguyễn Du, Phùng Thăng, Bùi Giáng cùng vô lượng chúng sinh. Các vị có chết đâu mà vẫn hiện diện trong tâm tư của con người:

"Chúng ta cũng chỉ là những làn sóng trên đại dương và vũ trụ. Hơi thở vào của mỗi người là hơi thở ra của người khác và của cây cối, mọi sinh vật khác. Trong ta có toàn thể mọi người, mọi sự." (Thích nữ Trí Hải, Cảm hứng từ những pháp thoại Osho)

Thái Kim Lan

Chú thích:

1. *Vẽ đẹp văn chương của những tác phẩm dịch của Phùng Khánh và Phùng Thăng không ai là không ca ngợi, cho đến bây giờ, 50 năm sau, "Câu chuyện dòng sông", "Bắt trẻ đồng xanh" vẫn cuốn hút người đọc không những vì nội dung câu chuyện, mà chính vì vẽ đẹp văn chương Việt mà hai chị chuyển tải. Trí tuệ và tài hoa đã dành, nhưng vẽ sáng của đức hạnh từ bi – một chữ khác của "tình yêu"?- vẫn không ngừng rọi soi cho kẻ đi sau. Nếu ta biết đương thời, phong trào giải phóng phụ nữ, phong trào nữ phái rộ khắp nơi trên Âu châu, nữ giới đòi truy nhận bình đẳng nam nữ, tuy không đề cập tới những vấn đề ấy trực tiếp, không cần dùng đến giới tính để gây chú ý ồn ào như François Sagan hay như Simone de Beauvoir, sự nghiệp văn chương của hai chị chứng tỏ sự trưởng thành về tư tưởng và tự do trí tuệ chính là sức mạnh đích thực của nữ giới. Hai chị đúng là "femmes de lettres" của Việt Nam.*

2. *"Phác thảo hiện tượng luận tình yêu" như đã nói trên có thể được gọi là "Phác thảo hiện tượng luận đại bi". Dùng chữ "tình yêu" như một dẫn chứng ngôn ngữ của*

Phùng Thăng.

3. *Bài của Thái Kim Lan về cố Ni sư Thích nữ Trí Hải tức Phùng Khánh: Tưởng niệm Ni sư Thích Nữ Trí Hải và Câu chuyện dòng sông và dịch giả Phùng Khánh.*

GIỮA TQBT VÀ THÂN HỮU

■ Trong lần về thăm quê vào tháng tư năm 2014, đi đâu, ở đâu chúng tôi cũng đã nhận được những lời ngợi khen từ các bạn bè thân hữu và một số độc giả ở trong nước về tạp chí văn học TQBT đặc biệt là số 59 chủ đề Phùng Thăng. Rất tiếc vì chúng tôi không thể mang nhiều về để tặng, dẫn đến việc “phỏng tay trên lấy hết”, khiến chúng tôi phải thất hứa với một số bạn. Mong quý bạn thông cảm dùm. Thay mặt nhóm chủ trương TQBT, xin thành thật cảm ơn quý bạn (PVN).

■ Tác giả nào muốn có sách giới thiệu trên TQBT xin vui lòng gửi tác phẩm về địa chỉ: *Mr. Nhan Pham 13535 Laurel River Houston, TX 77083.*

♦ Nhà thơ Viêm Tịnh (Huế)

Anh em TQBT rất vui khi được biết Thơ Viêm Tịnh do Thư Án Quán xb đã được đón nhận tốt tại quê nhà. Chúng tôi sẽ in thêm và sẽ gửi khi có dịp thuận tiện. Còn việc muốn dùng cái file để in lại trong nước, xin được miễn. Bởi lẽ đây là một sự đóng góp chung của một số người chứ không có tính cách cá nhân của chúng tôi. Nếu nhà xuất bản nào đó muốn in thì cứ chịu khó làm từ A-Z như chúng tôi đã làm.

Mong thông cảm. Thân mến (THT & PVN)

♦ Nhà văn Hoàng Ngọc Hiến:

Bài điểm sách “LĐQCTP” dự định đi trong số này nhưng đành phải dời lại số sau vì số trang dành cho chủ đề chiếm quá nhiều. Nếu anh muốn đi bài này trên các báo khác (đất hay mạng), xin vui lòng cho chúng tôi biết để chúng tôi rút bài ra. Cảm ơn và chúc lành. (THT)

